Rạng Đông

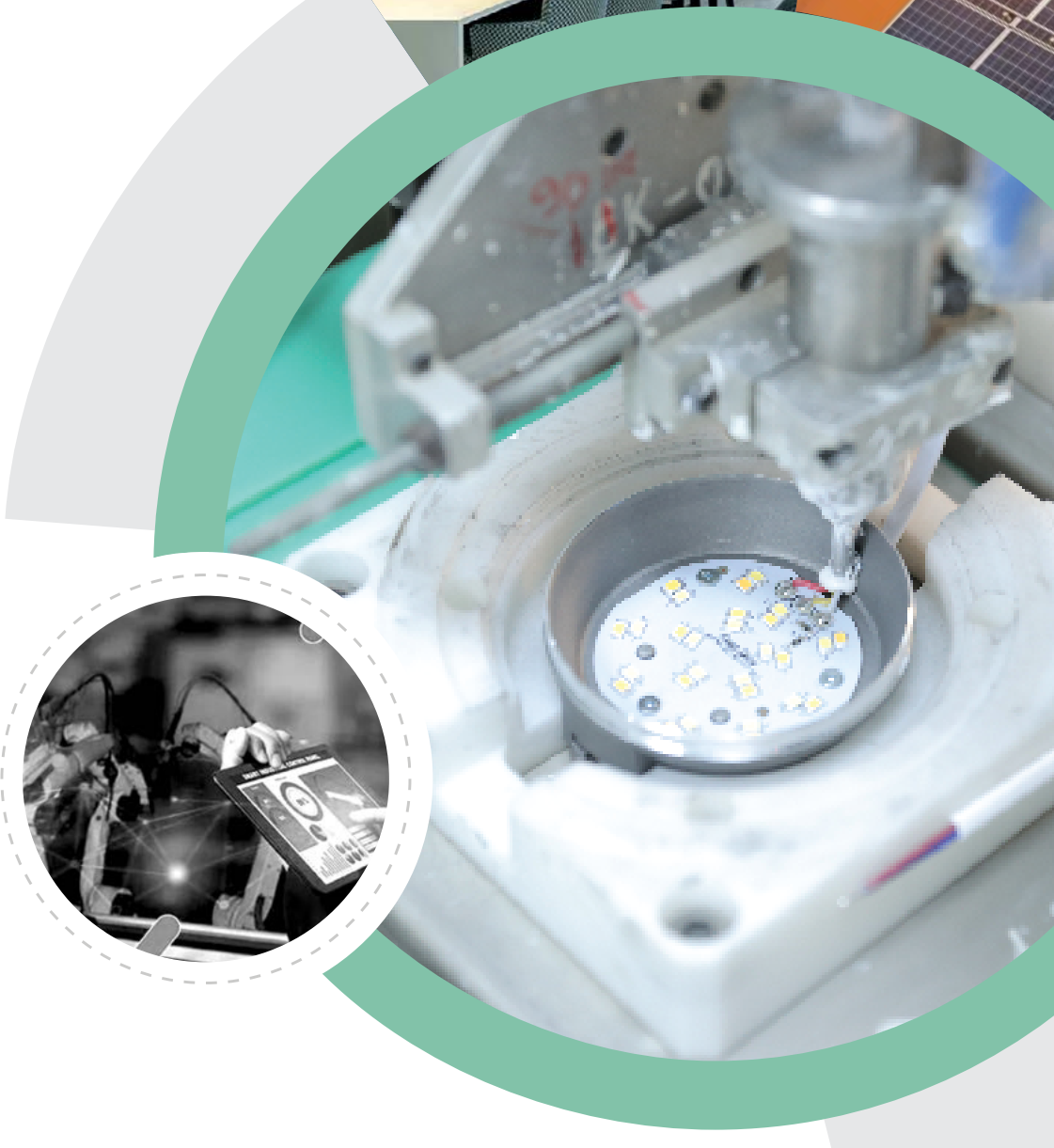

CATALOGUE
LED 2024

NHÀ THÔNG MINH RẠNG ĐÔNG - RALLISMART
SMART LIGHTING SMART HOME - SMART STREET - SMART FARM

MỤC LỤC

NHÓM SẢN PHẨM SMART BLUETOOTH

ĐÈN LED PANEL TRÒN TUNABLE WHITE 6
ĐÈN LED PANEL KHỔ LỚN TUNABLE WHITE..... 7
ĐÈN LED ỐP TRẦN TUNABLE WHITE 8
ĐÈN LED DOWNLIGHT TUNABLE WHITE 10
ĐÈN LED DOWNLIGHT XOAY GÓC TUNABLE WHITE 12
ĐÈN LED BULB TUNABLE WHITE..... 16
ĐÈN LED TRACKLIGHT TUNABLE WHITE..... 16
ĐÈN LED THẢ TRẦN TUNABLE WHITE 16
ĐÈN LED DÂY TUNABLE WHITE 18
THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN..... 19
THIẾT BỊ CẢM BIẾN..... 20
CÔNG TẮC CẢM BIẾN 23
CÔNG TẮC CHUYỂN MẠCH..... 23
CÔNG TẮC CẢM ỨNG 24

NHÓM SẢN PHẨM WIFI

CÔNG TẮC CẢM BIẾN 29
CÔNG TẮC CƠ 34
Ổ CẮMI, BỘ ĐIỀU KHIỂN HỒNG NGOẠI..... 35

NHÓM COMBO SENCE

COMBO SENCE ĐIỀU KHIỂN REMOTE AT16..... 36
COMBO SENCE ĐIỀU KHIỂN REMOTE AT20..... 38

NHÓM SẢN PHẨM CẢM BIẾN

ĐÈN LED BULB..... 41
ĐÈN LED ỐP TRẦN..... 42
ĐÈN LED ĐÈN NGỦ , DOWNLIGHT..... 43
BỘ ĐÈN LED..... 44
ĐÈN GẮN TƯỜNG..... 45
ĐUI ĐÈN, CÔNG TẮC, ĐÈN LED GƯƠNG 46

NHÓM SẢN PHẨM ĐỔI MÀU

BÓNG ĐÈN LED BULB..... 48
ĐÈN LED ỐP TRẦN..... 48
BỘ ĐÈN M26,M36 52
ĐÈN LED PANEL TRÒN..... 53
ĐÈN LED DOWNLIGHT 56
ĐÈN LED DOWNLIGH COB 59
ĐÈN LED ỐP TƯỜNG..... 60
ĐÈN LED PHA..... 60

NHÓM SẢN PHẨM DỰ PHÒNG

ĐÈN LED PANEL 61
ĐÈN LED DOWNLIGHT, ỐP TRẦN 62
ĐÈN LED CHỈ DẪN, KHẨN CẤP 63

NHÓM SẢN PHẨM PHỔ THÔNG

BÓNG ĐÈN LED BULB 65
BÓNG ĐÈN LED TUBE 76
BỘ ĐÈN LED TUBE 78
BỘ ĐÈN LED T5 LIỀN THÂN 81
ĐÈN LED DOWNLIGHT 82
ĐÈN LED ỐP TRẦN 91
ĐÈN LED PANEL 101
ĐÈN LED DÂY 115
ĐÈN LED GẮN TƯỜNG 120
ĐÈN LED ỐP TƯỜNG 123
BỘ ĐÈN LED M15 124
BỘ ĐÈN LED 107
BỘ ĐÈN LED CHỐNG NỔ 130
BỘ ĐÈN LED TUBE CHỐNG ẨM 131
BỘ ĐÈN LED M18 132
BỘ ĐÈN LED LINEAR 134
ĐÈN LED HIGHBAY 136
ĐÈN LED LOW BAY 140
ĐÈN LED CHIẾU PHA 141
ĐÈN LED TRACKLIGHT 145
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 149
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG GƯƠNG 161
ĐÈN PIN ĐỘI ĐẦU 163
ĐÈN BẮT MUỖI 163
Ổ CẮM KÉO DÀI 164
CÔNG TẮC CẢM ỨNG 166

NHÓM SẢN PHẨM LED CHUYÊN DỤNG NNCNC

BÓNG ĐÈN LED BULB CHO HOA CÚC 168
BÓNG ĐÈN LED BULB CHO THANH LONG 169
BỘ ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU 170
ĐÈN LED CHUYÊN DỤNG CHO CÂY TRỒNG 173
BÓNG ĐÈN LED BULB CHO TÀU CÁ 176
ĐÈN THẢ CHÌM 177
ĐÈN LED ĐÁNH CÁ 178
ĐÈN LED BÈ 179
ĐÈN LED CÂU MỰC 180
ĐÈN LED CHIẾU BOONG 181

NHÓM SẢN PHẨM LED CHIẾU SÁNG HỌC ĐƯỜNG

BỘ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC 183
BỘ ĐÈN LED CHIẾU SÁNG BẢNG 184
BỘ ĐÈN LED TUBE HỌC ĐƯỜNG 185

NHÓM SẢN PHẨM LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

ĐÈN LED CHIẾU PHA 187
ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 190
BỘ LƯU ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI 193

NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC

ĐÈN BÀN LED CẢM ỨNG BẢO VỆ THỊ LỰC 195
ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC 196
CHỨNG CHỈ - CHỨNG NHẬN 199

Chiếu sáng nhà ở

Chiếu sáng văn phòng công sở

Chiếu sáng trường học

Chiếu sáng bệnh viện

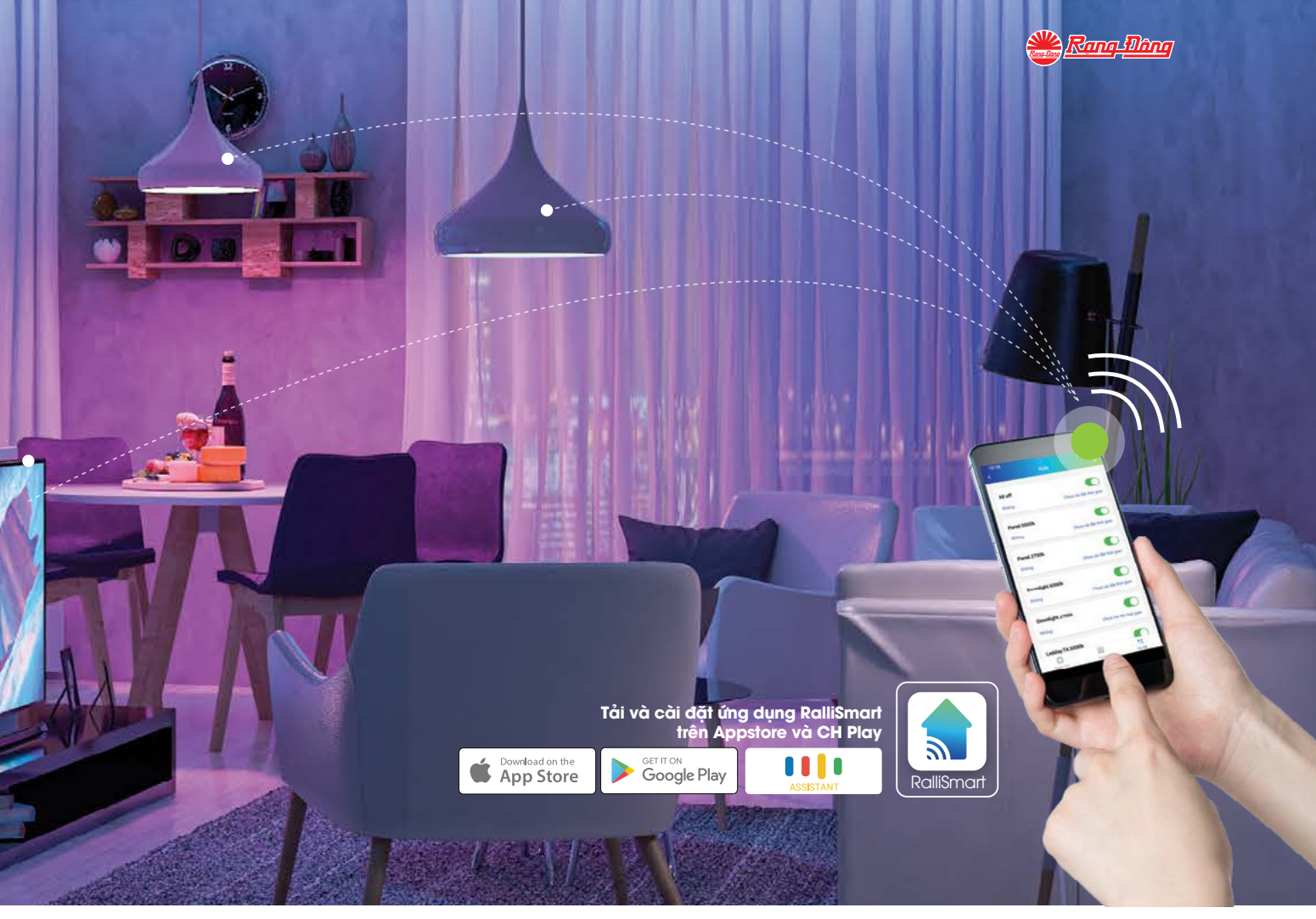

GIẢI PHÁP CHIẾU SÁNG **RALLISMART**

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- **Sử dụng chuẩn không dây Mesh:** Các thiết bị kết nối trực tiếp với nhau ổn định với số lượng lên đến 200.
- **Cài đặt và hoạt động:** Chỉ cần Internet khi cài đặt hệ thống. Sau đó, nếu mất Internet, hệ thống đèn vẫn hoạt động bình thường.
- **Kết nối không giới hạn:** Chủ nhà có thể điều khiển, giám sát hệ thống đèn ở bất cứ đâu chỉ với Smartphone trong tay có kết nối 3G/4G.
- **Phương thức điều khiển:** Có thể điều khiển bằng Smartphone, giọng nói hay điều khiển local.
- **Khả năng tương thích:** Có thể mở rộng và tương thích với nhiều giải pháp nhà thông minh khác.
- **Phù hợp với mọi lứa tuổi:** Có thể điều khiển trên ứng dụng RalliSmart hay đơn giản bằng bảng điều khiển cảnh treo tường, bảng điều khiển cầm tay hoặc thậm chí bằng giọng nói.

TÍNH NĂNG

- Thay đổi cường độ, màu ánh sáng, phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của con người.
- Đặt lịch, hẹn giờ, thiết lập các kịch bản theo yêu cầu và sở thích cá nhân.
- Tích hợp cảm biến ánh sáng và/hoặc cảm biến chuyển động, giúp tiết kiệm điện, góp phần đảm bảo an ninh, an toàn cho người sử dụng.
- Có thể điều khiển bằng Smartphone, giọng nói hay điều khiển local.

LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

- Tăng cường sức khỏe tinh thần và thể chất của con người thông qua đảm bảo duy trì nhịp sinh học phù hợp.
- Đảm bảo an ninh, an toàn nhờ hệ thống các cảm biến và tín hiệu cảnh báo.
- Tiết kiệm chi phí tiền điện nhờ tính năng cảm biến và hẹn giờ.

ĐÈN LED PANEL TRÒN **TUNABLE WHITE**

PT04.BLE 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

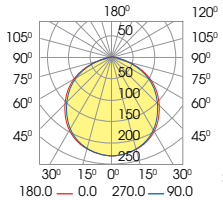

LƯỚI ĐỘ RỌI

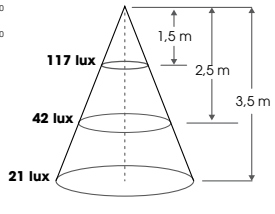

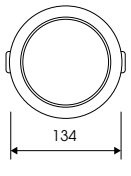

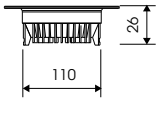

PT04.BLE 135/9W

PHÂN BỐ QUANG

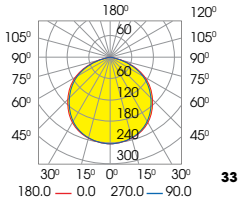

LƯỚI ĐỘ RỌI

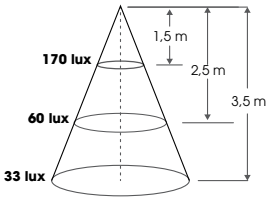

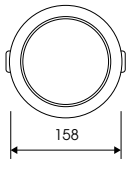

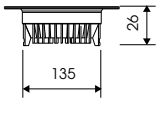

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm	mm
PT04.BLE 110/9W	9	150÷250	50/60	580	3000÷ 6500	80	25000	134 x 26	110
PT04.BLE 135/9W	9	150÷250	50/60	600	3000÷ 6500	80	25000	158 x 26	135

ĐÈN LED PANEL KHỔ LỚN **TUNABLE WHITE**

P07.BLE 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG

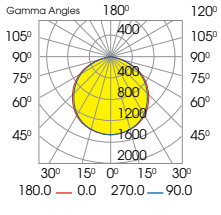

LƯỚI ĐỘ RỌI

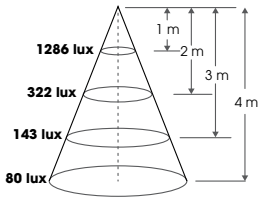

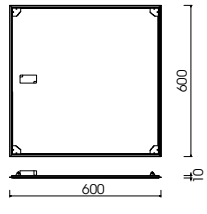

P07.BLE 300x1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

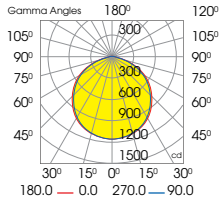

LƯỚI ĐỘ RỌI

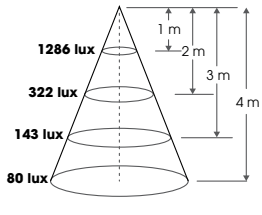

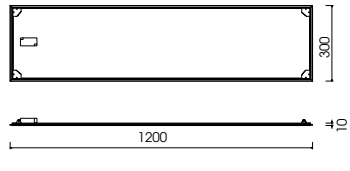

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
P07.BLE 600x600/40W	40	150÷250	50/60	3600	3000÷ 6500	80	25000	600x600x10
P07.BLE 300x1200/40W	40	150÷250	50/60	3600	3000÷ 6500	80	25000	300x1200x10

ĐÈN LED ỐP TRẦN **TUNABLE WHITE**

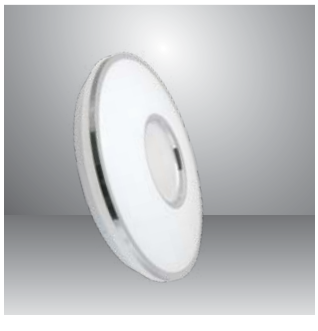

LN19.BLE 490/40W

PHÂN BỐ QUANG

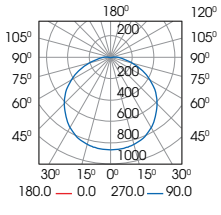

LƯỚI ĐỘ RỌI

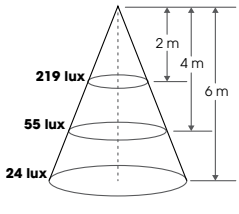

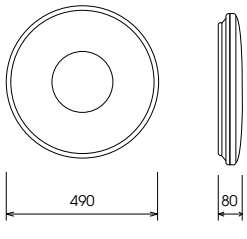

LN20.BLE 500/40W

PHÂN BỐ QUANG

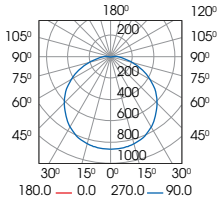

LƯỚI ĐỘ RỌI

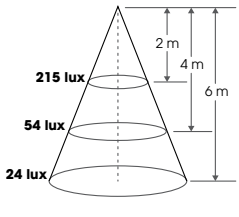

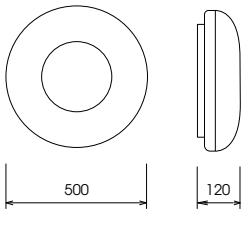

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN19.BLE 490/40W	40	150÷250	50/60	2800	3000÷ 6500	80	25000	490 x 80
LN20.BLE 500/40W	40	150÷250	50/60	2800	3000÷ 6500	80	25000	500 x 120

LN21.BLE 500/40W

PHÂN BỐ QUANG

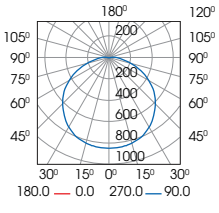

LƯỚI ĐỘ RỌI

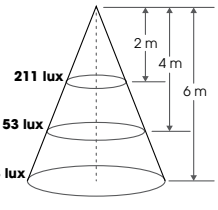

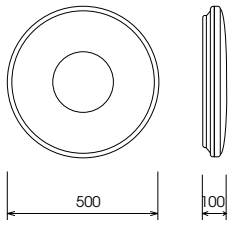

LN22.BLE 500/40W

PHÂN BỐ QUANG

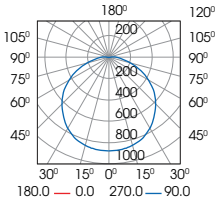

LƯỚI ĐỘ RỌI

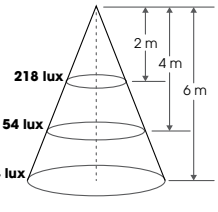

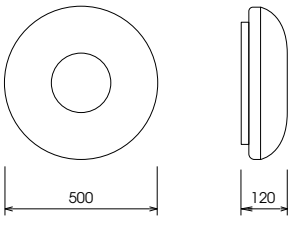

LN23.BLE.RGBCW 550/40W

PHÂN BỐ QUANG

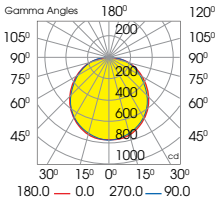

LƯỚI ĐỘ RỌI

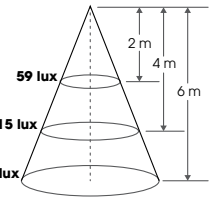

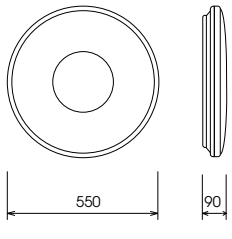

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN21.BLE 500/40W	40	150÷250	50/60	2800	3000÷ 6500	80	25000	500 x 100
LN22.BLE 500/40W	40	150÷250	50/60	2800	3000÷ 6500	80	25000	500 x 120
LN23.BLE.RGBCW 550/40W	40	150÷250	50/60	2800	(3000÷ 6500)+RGB	80	25000	550 x 90

ĐÈN LED DOWNLIGHT **TUNABLE WHITE**

AT14.BLE 90/9W

PHÂN BỐ QUANG

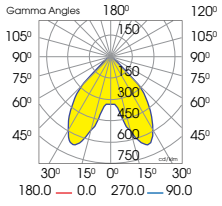

LƯỚI ĐỘ RỌI

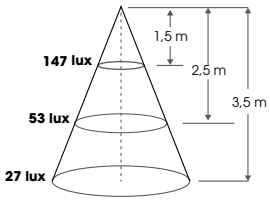

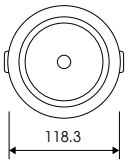

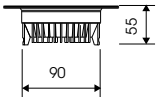

AT14.BLE 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

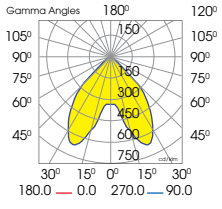

LƯỚI ĐỘ RỌI

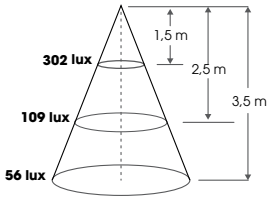

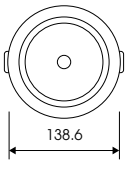

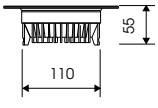

AT16.BLE 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

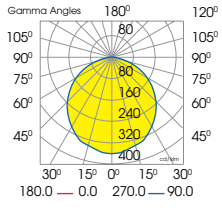

LƯỚI ĐỘ RỌI

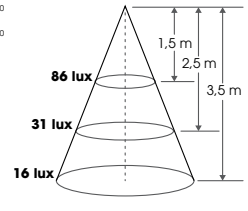

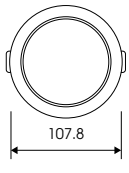

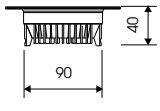

AT16.BLE 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

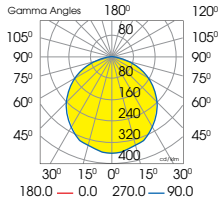

LƯỚI ĐỘ RỌI

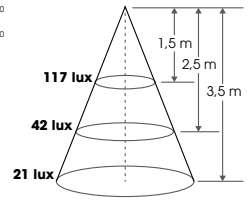

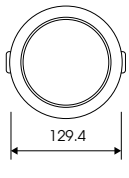

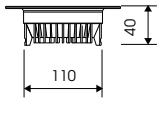

AT16.BLE 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

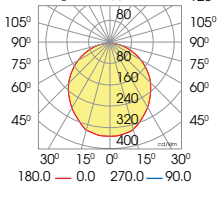

LƯỚI ĐỘ RỌI

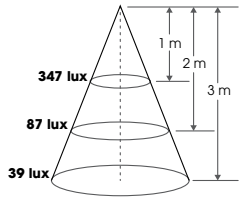

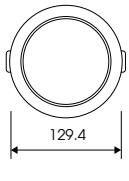

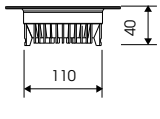

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm	mm
AT14.BLE 90/9W	9	150÷250	50/60	780	2700÷ 6500	80	25000	118,3x55	90
AT14.BLE 110/12W	12	150÷250	50/60	950	2700÷ 6500	80	25000	138,6x55	110
AT16.BLE 90/7W	7	150÷250	50/60	700	3000÷ 6500	80	25000	107,8x40	90
AT16.BLE 110/9W	9	150÷250	50/60	900	3000÷ 6500	80	25000	129,4x40	110
AT16.BLE 110/12W	12	150÷250	50/60	1200	3000÷ 6500	80	25000	129,4x40	110

Đèn LED Downlight đổi màu AT20.BLE 90/7W

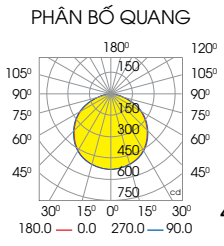

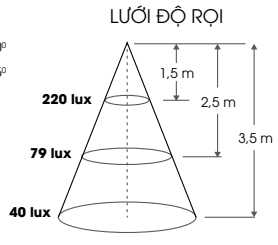

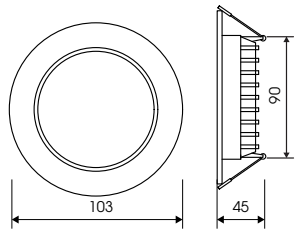

Đèn LED Downlight đổi màu AT20.BLE 90/9W

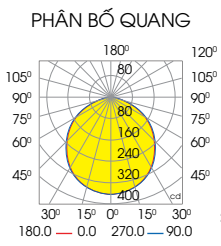

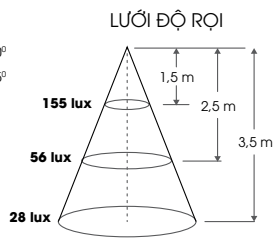

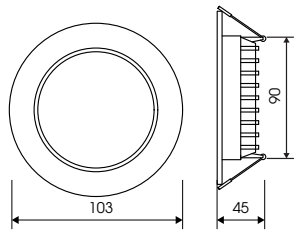

Đèn LED Downlight đổi màu AT20.BLE 110/9W

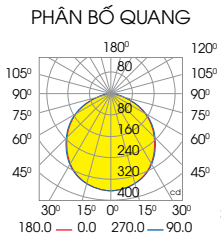

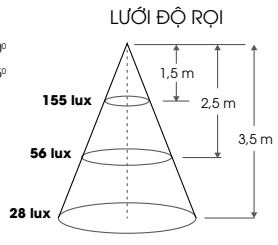

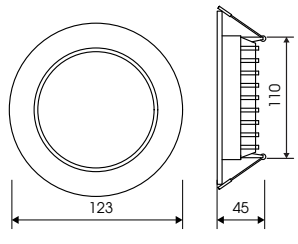

Đèn LED Downlight đổi màu AT20.BLE.RGBCW 90/7W

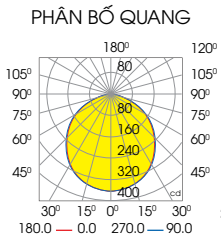

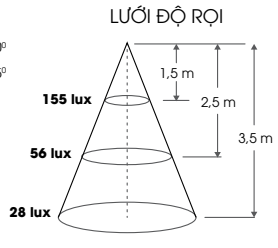

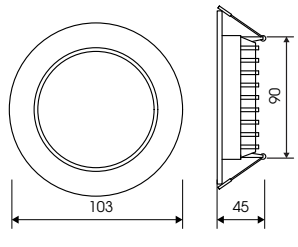

Đèn LED Downlight đổi màu AT20.BLE.RGBCW 110/9W

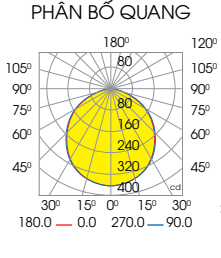

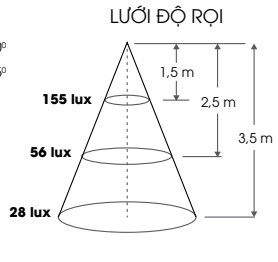

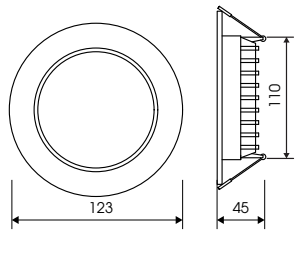

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm	mm
AT20.BLE 90/7W	7	150÷250	50/60	700	3000÷ 6500	80	25000	107,8x40	90
AT20.BLE 90/9W	9	150÷250	50/60	900	3000÷ 6500	80	25000	129,4x40	110
AT20.BLE 110/9W	9	150÷250	50/60	1200	3000÷ 6500	80	25000	129,4x40	110
AT20.BLE.RGBCW 90/7W	7	150÷250	50/60	650	RGB	80	30000	103x45	90
AT20.BLE.RGBCW 110/9W	9	150÷250	50/60	820	RGB	80	30000	123x45	110

ĐÈN LED DOWNLIGHT XOAY GÓC **TUNABLE WHITE**

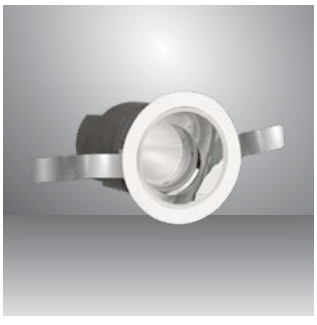

AT18.BLE 60/7W

PHÂN BỐ QUANG

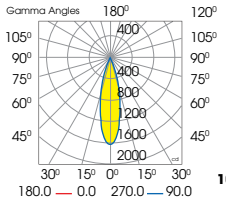

LƯỚI ĐỘ RỌI

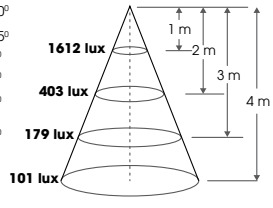

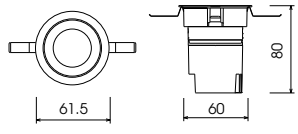

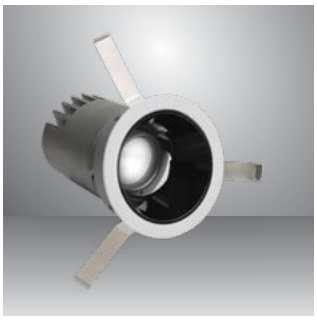

AT18.BLE 60/7W (F18)

PHÂN BỐ QUANG

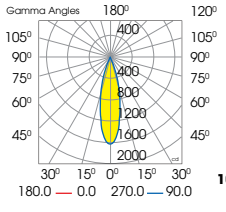

LƯỚI ĐỘ RỌI

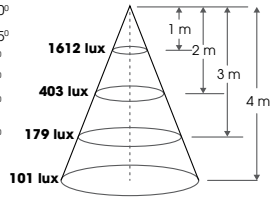

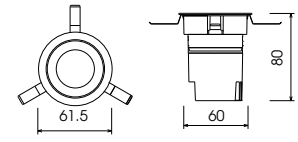

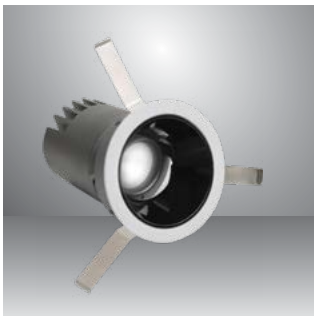

AT18.BLE 60/7W (F24)

PHÂN BỐ QUANG

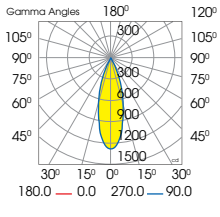

LƯỚI ĐỘ RỌI

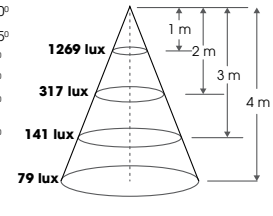

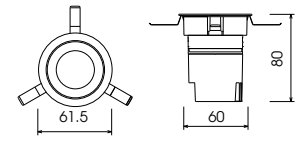

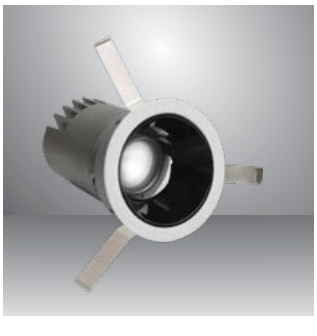

AT18.BLE 80/12W (F36)

PHÂN BỐ QUANG

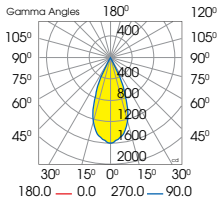

LƯỚI ĐỘ RỌI

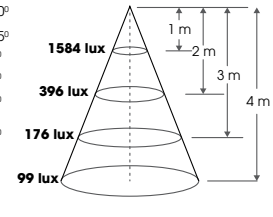

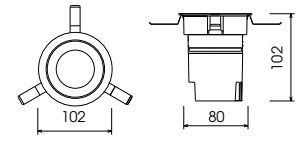

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K	độ		giờ	mm	mm
AT18.BLE 60/7W	7	150÷250	50/60	390	2700÷ 6500	24	80	25000	61.5x80	60
AT18.BLE 60/7W (F18)	7	150÷250	50/60	350	2700÷ 6500	18	80	25000	61.5x80	60
AT18.BLE 60/7W (F24)	7	150÷250	50/60	350	2700÷ 6500	24	80	25000	61.5x80	60
AT18.BLE 80/12W (F36)	12	150÷250	50/60	750	2700÷ 6500	36	80	25000	102x102	80

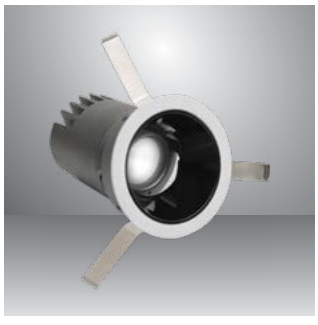

AT18.BLE 80/12W (A36)

PHÂN BỐ QUANG

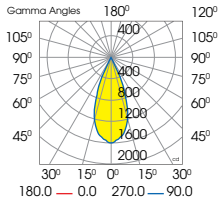

LƯỚI ĐỘ RỌI

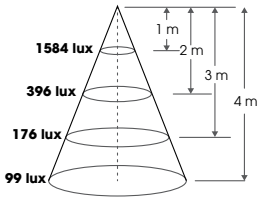

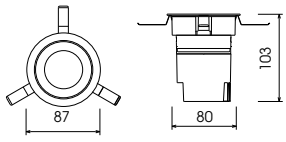

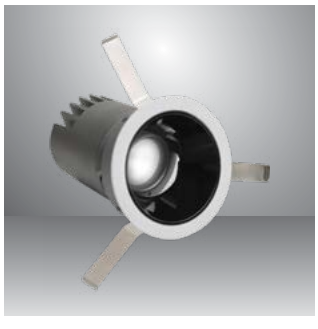

AT18.BLE 80/12W (A24)

PHÂN BỐ QUANG

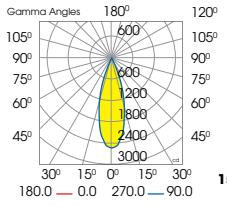

LƯỚI ĐỘ RỌI

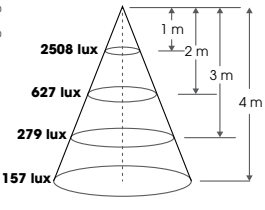

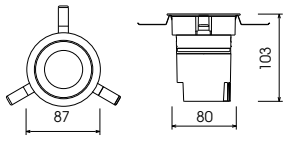

AT18.BLE 80/12W (FW)

PHÂN BỐ QUANG

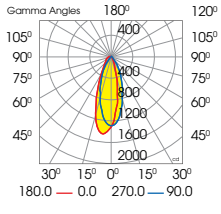

LƯỚI ĐỘ RỌI

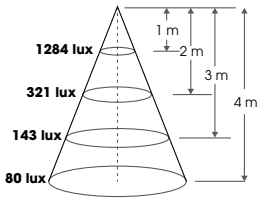

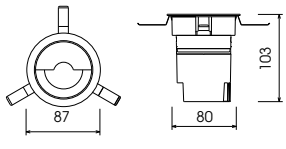

AT18.BLE 100/9W

Kết nối không dây: Bluetooth Mesh

Điều khiển từ xa thông qua Internet

Điều khiển đèn thông qua mạng Local không cần Internet

Thay đổi độ sáng từ 10 - 100%, thay đổi nhiệt độ màu từ 2700 - 6500

Điều khiển theo kịch bản và theo thời gian thực

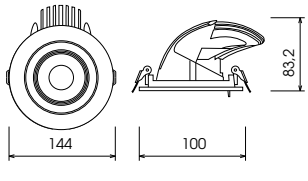

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K	độ		giờ	mm	mm
AT18.BLE 80/12W (A36)	12	150÷250	50/60	750	2700÷ 6500	36	80	25000	87x103	80
AT18.BLE 80/12W (A24)	12	150÷250	50/60	750	2700÷ 6500	24	80	25000	87x103	80
AT18.BLE 80/12W (FW)	12	150÷250	50/60	410	2700÷ 6500	24	80	25000	87x103	80
AT18.BLE 100/9W	9	150÷250	50/60	700	2700÷ 6500		80	25000	144x83,2	100

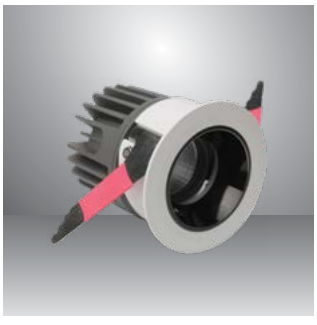

AT19.BLE 65/7W (A18)

PHÂN BỐ QUANG

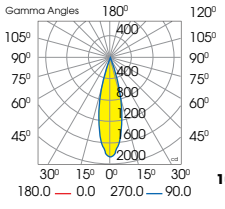

LƯỚI ĐỘ RỌI

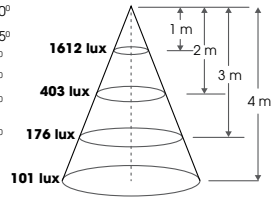

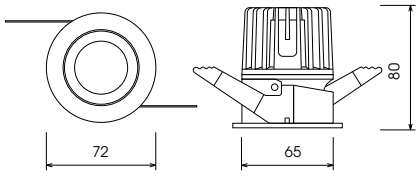

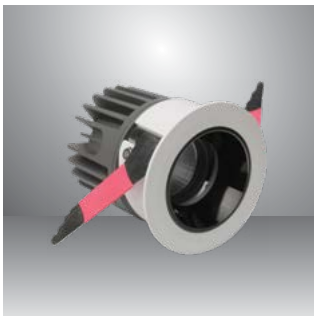

AT19.BLE 65/7W (A24)

PHÂN BỐ QUANG

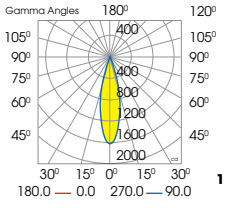

LƯỚI ĐỘ RỌI

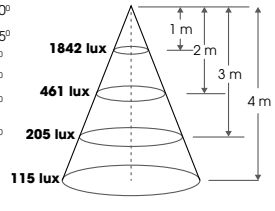

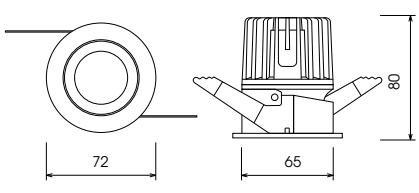

AT19.BLE 80/12W (A24)

PHÂN BỐ QUANG

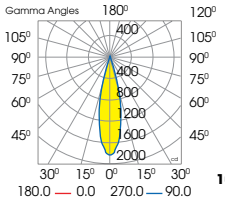

LƯỚI ĐỘ RỌI

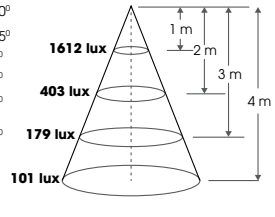

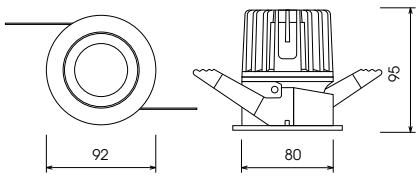

AT19.BLE 80/12W (A18)

PHÂN BỐ QUANG

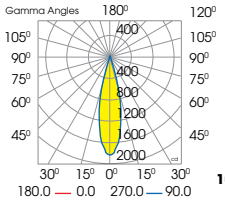

LƯỚI ĐỘ RỌI

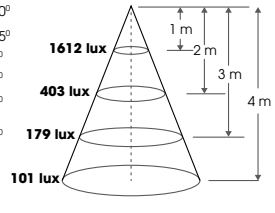

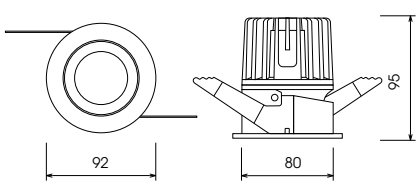

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K	độ		giờ	mm	mm
AT19.BLE 65/7W (A18)	7	150÷250	50/60	350	2700÷ 6500	18	80	25000	72x80	65
AT19.BLE 65/7W (A24)	7	150÷250	50/60	350	2700÷ 6500	24	80	25000	72x80	65
AT19.BLE 80/12W (A24)	12	150÷250	50/60	700	2700÷ 6500	24	80	25000	92x95	80
AT19.BLE 80/12W (A18)	12	150÷250	50/60	700	2700÷ 6500	18	80	25000	92x95	80

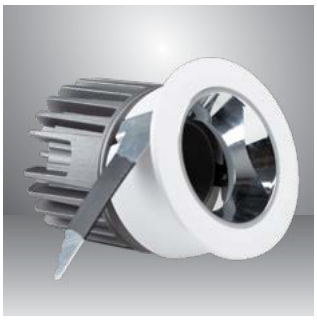

AT22.BLE 60/12W

PHÂN BỐ QUANG

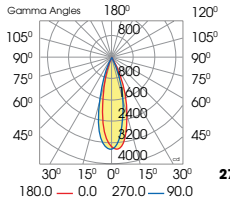

LƯỚI ĐỘ RỌI

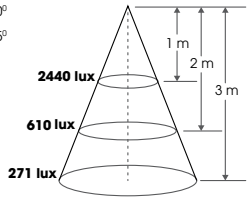

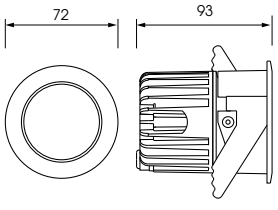

AT39 76/12W 4000K

PHÂN BỐ QUANG

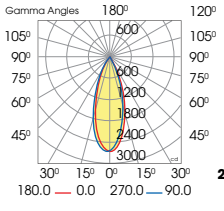

LƯỚI ĐỘ RỌI

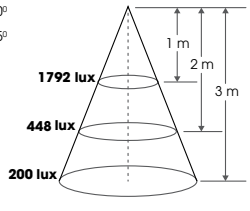

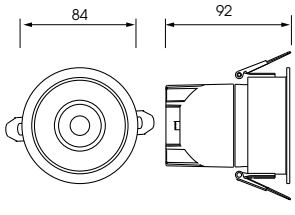

AT40.BLE 95/12W

PHÂN BỐ QUANG

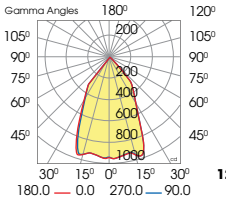

LƯỚI ĐỘ RỌI

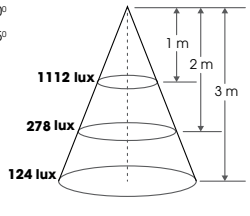

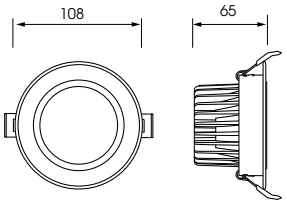

AT41.BLE 86/12W

PHÂN BỐ QUANG

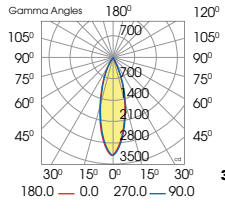

LƯỚI ĐỘ RỌI

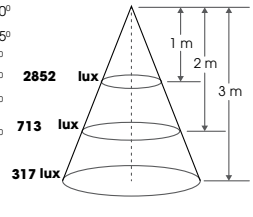

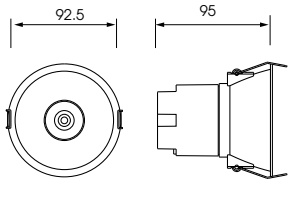

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT22.BLE 60/12W	7	150÷250	0.5	38/45	450/540	3000÷6500	90	30000	60	72x93
AT39.BLE 76/12W	12	150÷250	0.5	38/45	450/600	2700÷6500	90	30000	76	84x92
AT40.BLE 95/12W	12	150÷250	0.5	65/85	750/1000	2700÷6500	80	30000	95	108x65
AT41.BLE 86/12W	12	150÷250	0.5	45/60	550/750	2700÷6500	80	30000	86	92.5x95

ĐÈN LED BULB **TUNABLE WHITE**

A60.BLE.RGBCW/9W

PHÂN BỐ QUANG

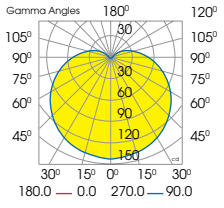

LƯỚI ĐỘ RỌI

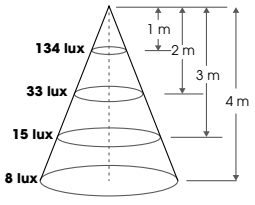

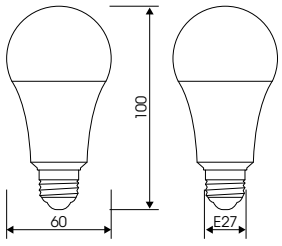

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
A60.BLE.RGB-CW/9W	9	150÷250	50	810	(3000÷6500) +RGB	80	20000	60x100

ĐÈN LED TRACKLIGHT **TUNABLE WHITE**

TRL04.BLE 20W

PHÂN BỐ QUANG

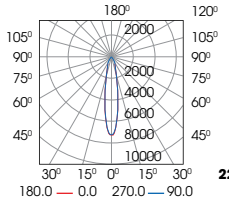

LƯỚI ĐỘ RỌI

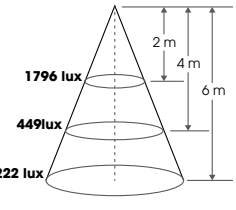

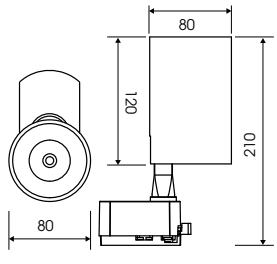

TRL04.BLE 25W

PHÂN BỐ QUANG

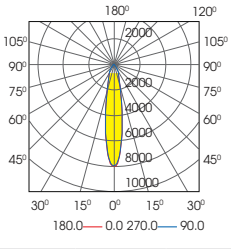

LƯỚI ĐỘ RỌI

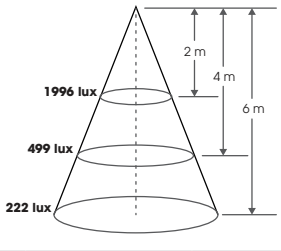

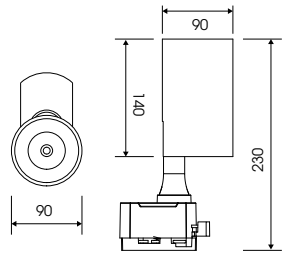

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K	độ		giờ	mm
TRL04.BLE 20W	20	150÷250	50/60	1540	2700÷ 6500	24	80	25000	80x120x210
TRL04.BLE 25W	25	150÷250	50/60	1800	2700÷ 6500	24	80	25000	90x140x230

ĐÈN LED THẢ TRẦN **TUNABLE WHITE**

TTR01.BLE 12W

Kết nối không dây: Bluetooth Mesh
Điều khiển từ xa thông qua Internet
Điều khiển đèn thông qua mạng Local không cần Internet
Thay đổi độ sáng từ 10 - 100%, thay đổi nhiệt độ màu từ 2700 - 6500
Điều khiển theo kịch bản và theo thời gian thực
Phần mềm điều khiển cài đặt trên Smartphone tương thích với hệ điều hành Android và IOS
Điều khiển bằng giọng nói tương thích với Google Assistant

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K	độ		giờ	mm
TTR01.BLE 12W	12	150÷250	50	650	2700÷ 6500	24	80	25000	60x300

ĐÈN LED DÂY **TUNABLE WHITE**

LD01.RF.BLE 1000/7W

Model	Công suất	Điện áp đầu vào	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Cấp bảo vệ	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	VDC	Hz	lm	K			giờ	mm
LD01.RF.BLE 1000/7W	36/5m	24	50	3000/5m	3000÷ 6500	IP65	80	20000	5000x14.5x6.2

RD-LD01.RF.BLE 1000/7W

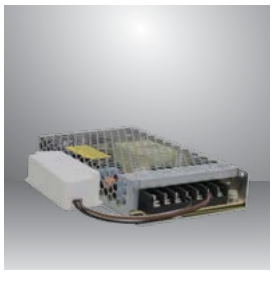

Model	Điện áp vào	Điện áp ra	Dòng điện đầu ra max	Kích thước	Ghi chú
	V	V	A	mm	
DR-LD01.RF.BLE 1000/7W	150÷250	24 VDC	6.5	195x9,7x29,8	Bộ nguồn cho LED dây LD01.RF.BLE 1000/7W

LD01.BLE.RGBCW 1000/3W

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Cấp bảo vệ	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K			giờ	mm
LD01.BLE. RGB-CW 1000/3W	15/5m	150÷250	50/60	400/5m	(2700 ÷ 6500)+RGB	IP20	80	20000	5000

LD01.BLE.RGB 1000/7W

Model	Công suất	Điện áp nguồn	Nhiệt độ màu	Cấp bảo vệ	Cuộn (m)	Tuổi thọ	Chiều dài nhỏ nhất có thể cắt
	W	VDC	K			giờ	m
LD01.BLE.RGB 1000/7W	7	200	RGB	IP65	100	25000	1

LD01.BLE 1000/9W

Model	Công suất	Điện áp đầu vào	Quang thông	Nhiệt độ màu	Cấp bảo vệ	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Chiều dài nhỏ nhất có thể cắt	Kích thước (DxRxC)
	W	VDC	lm	K			giờ	m	cuộn (m)
LD01.BLE 1000/9W	9	200	600	3000÷ 6500	IP65	80	25000	1	100

DR-LD01.BLE

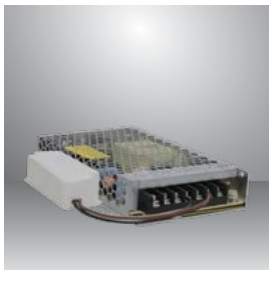

Model	Điện áp nguồn	Dải điện áp hoạt động	Dòng điện max	Công suất danh định	Công suất tối đa	Điện áp đầu ra	Tuổi thọ
	V/Hz	V	A	W/m	W	VDC	giờ
DR-LD01.BLE.RGB 1000/7W	220/50	170÷250	1,6	7/1	150/nguồn	200	25000
DR-LD01.BLE 1000/9W	220/50	170÷250	1,6	9/1	150/nguồn	200	25000

THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN **BLUETOOTH**

Bộ điều khiển trung tâm RD-HC01

Điện áp nguồn danh định:	12VDC / 1.7A
Nhiệt độ làm việc:	(-10 - 50) độ C
Chuẩn kết nối:	Bluetooth Mesh, Ether-net - Wifi
Kích thước:	(120x91x28) mm

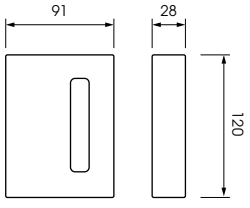

Bộ điều khiển trung tâm mini RD-HC02

Điện áp nguồn danh định:	220Vac / 50-60Hz
Nhiệt độ làm việc:	(-10 - 45) độ C
Chuẩn kết nối:	Bluetooth Mesh 5.0, Wifi 2.4 GH
Kích thước:	(Ø54.5x32) mm

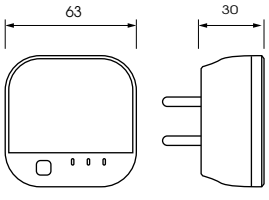

Bảng điều khiển cảnh âm tường: RD-SC03

Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Công suất tiêu thụ:	<1 W
Số cảnh:	18
Kích thước:	(120x80x30) mm
Khoảng cách kết nối:	≤ 50 m

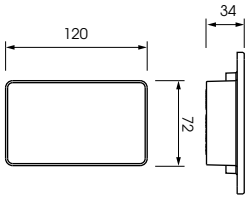

Bảng điều khiển cảnh âm tường: RD-SC04

Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Công suất tiêu thụ:	<1 W
Số cảnh:	18
Kích thước:	(91x91x30) mm
Khoảng cách kết nối:	≤ 50 m

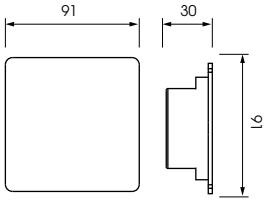

Bảng điều khiển cảnh: RD-SC.M2

Nguồn cấp:	Pin RCR2450 / 3V-620 mAh
Nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Số cảnh:	18
Kích thước:	(86x86x10) mm
Khoảng cách kết nối:	≤ 50 m

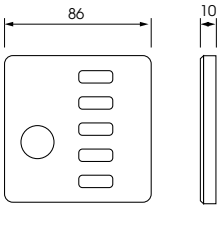

Bảng điều khiển cảnh RD-SC.M3 V2 (DC)

Chuẩn kết nối:	Bluetooth Mesh
Khoảng cách kết nối:	≤ 50m
Số cảnh cài đặt:	6
Kích thước (DxRxC):	(86x86x17)mm
Pin sử dụng:	Pin CR2450 3V-600mAh

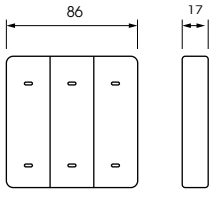

Điều khiển cảnh : RD-SC.M3

Nguồn cấp	Pin CR 2330/3V
Nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Chuẩn kết nối:	Bluetooth mesh
Khoảng cách kết nối:	≤ 50 m
Số cảnh cài đặt tối đa:	12
Kích thước:	(86x86x15) mm

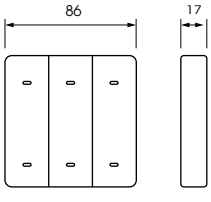

Điều khiển cảnh đa năng BLE: ĐK02.TP.BLE

Công suất max (W):	3
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Tần số (Hz):	50
Độ phân giải (Pixel):	720x720
Dải nhiệt độ hoạt động (K):	-10÷50
Tính năng điều khiển:	Cảm ứng touch
Kích thước (mm):	(100x100x40) mm
Khối lượng (gr)	250

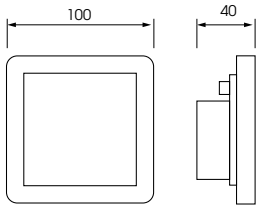

THIẾT BỊ CẢM BIẾN **BLUETOOTH**

Cảm biến bụi mịn BLE: CB05.PM2.5.BLE

Công suất tiêu thụ (W)	≤ 2
Nguồn cung cấp (V/A)	5 V/1 A
Phạm vi đo nồng độ bụi mịn trong không khí (µg/m3):	0÷999
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷50
Dải độ ẩm hoạt động (%):	0÷95 (không đọng sương)
Khối lượng (gr):	250
Kích thước (mm):	80x80x68.5

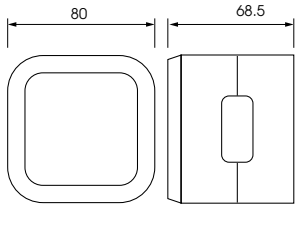

Cảm biến khói BLE: CB06.SM.BLE

Nguồn cung cấp:	Pin CR123A
Dải nhiệt độ đo:	-10÷ 50
Dải độ ẩm hoạt động:	0÷ 95
Khối lượng (gr):	150
Kích thước (mm):	ø90x37

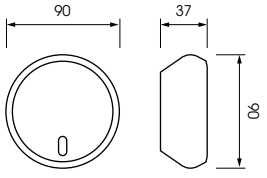

Cảm biến nhiệt độ, độ ẩm BLE: CB07.TE.BLE

Nguồn cung cấp:	Pin 2xAAA (3VDC)
Dải nhiệt độ đo:	-10÷55
Độ chính xác nhiệt độ:	+3
Dải độ ẩm hoạt động:	0÷99.9
Độ chính xác độ ẩm:	+3
Khối lượng (gr):	60
Kích thước (mm):	ø61x23.5

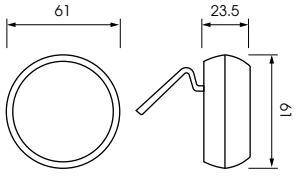

Cảm biến cửa BLE: CB08.DO.BLE

Nguồn cung cấp:	Pin CR2032
Dải nhiệt độ đo:	-10÷55
Kích thước cảm biến (mm)	52.4 x 26.4 x 14.2
Kích thước nam châm (mm)	25.5 x 12.5 x 14
Khối lượng (gr):	10

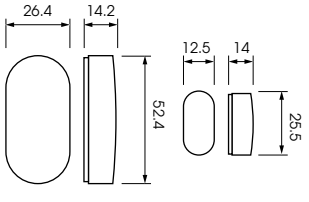

Cảm biến chuyển động: CB02.MS.BLE (DC)

Nguồn cấp:	Dùng 2 Pin AAA/ 1.5V
Góc phát hiện chuyển động	(90/ 360) °
Nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Khoảng cách kết nối	≤ 50 m
Khoảng cách phát hiện chuyển động:	< 7 m
Kích thước:	(64x64x32) mm

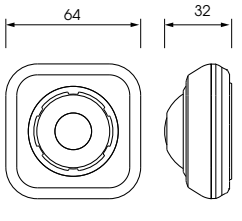

Cảm biến ánh sáng: CB03.LS.BLE (DC)

Nguồn cấp:	Dùng 2 Pin AAA / 1.5V
Dải đo ánh sáng:	0÷1000 lux
Nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Góc nhận diện	110 °
Khoảng cách kết nối	≤ 50 m
Kích thước:	(64x64x26.5) mm

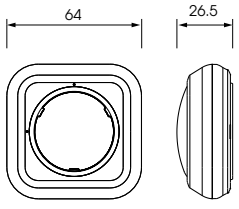

Cảm biến chuyển động CB09.PIR.BLE (AC)

Điện áp nguồn danh định:	150÷250 V
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)0C
Chuẩn kết nối:	Bluetooth Mesh
Khoảng cách kết nối:	≤ 50m
Khoảng cách phát hiện chuyển động:	≤7m
Góc phát hiện chuyển động:	90/ 360 độ
Kích thước lỗ khoét trần:	90 mm

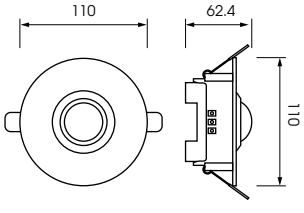

Cảm biến chuyển động CB09.PIR.BLE (DC)

Nguồn cung cấp:	Pin CR123A
Điện áp Pin:	3V
Dung lượng Pin:	1400 mAh
Chuẩn kết nối:	Bluetooth Mesh
Phạm vi kết nối:	≤ 50m
Khoảng cách phát hiện chuyển động nhỏ nhất (min):	2-3m
Khoảng cách phát hiện chuyển động nhỏ nhất (max):	5-6m
Góc phát hiện chuyển động:	90 độ
Kích thước lỗ khoét trần:	90 mm

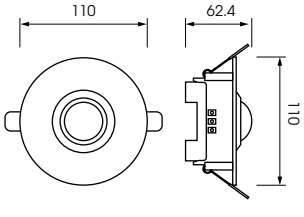

Cảm biến chuyển động CB10.PIR.BLE (DC)

Nguồn cung cấp:	Pin CR123A
Điện áp Pin:	3V
Chuẩn kết nối:	Bluetooth Mesh
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)0C
Khoảng cách kết nối:	≤ 50m
Khoảng cách phát hiện chuyển động:	≤6m
Góc phát hiện chuyển động:	90 độ

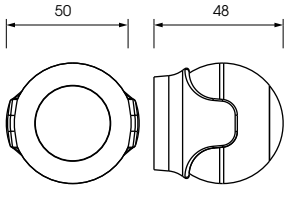

Công tắc cảm biến ánh sáng BLE: CT02.LS.BLE

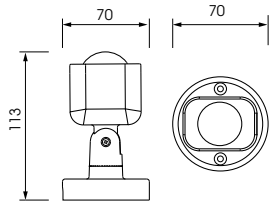

Điện áp (V):	220V
Dải điện áp hoạt động (V):	(150 ÷250)V 50/60Hz
Chuẩn kết nối:	Bluetooth Mesh
Khoảng cách điều khiển thẳng (m):	≤ 50m
Dải nhiệt độ hoạt động (độ C):	(-10 ÷ 40) °C
Dải đo ánh sáng (lux):	0-10,000 lux
Kích thước (mm):	113 x 70 x 70
Tính năng:	• Sản phẩm kết hợp cảm biến ánh sáng và điều khiển thiết bị bằng sóng Bluetooth không phải nối dây trực tiếp tới đèn. • Đo độ sáng và điều chỉnh công suất các đèn đảm bảo ánh sáng trong khu vực hoạt động luôn luôn được giữ ở 1 mức cố định. • Lựa chọn mức ánh sáng của đèn theo phần trăm công suất khi không sử dụng cảm biến ánh sáng. • Điều chỉnh được hướng của cảm biến xoay theo các hướng khác nhau

Công tắc cảm biến chuyển động BLE: CT02.PIR.BLE

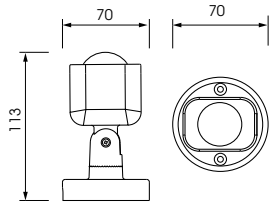

Điện áp (V):	220V
Dải điện áp hoạt động (V):	(150 ÷250)V 50/60Hz
Chuẩn kết nối:	Bluetooth Mesh
Khoảng cách phát hiện (m)	≤ 50m
Tính năng:	• Sản phẩm kết hợp cảm biến ánh sáng và điều khiển thiết bị bằng sóng Bluetooth không phải nối dây trực tiếp tới đèn. • Đo độ sáng và điều chỉnh công suất các đèn đảm bảo ánh sáng trong khu vực hoạt động luôn luôn được giữ ở 1 mức cố định. • Lựa chọn mức ánh sáng của đèn theo phần trăm công suất khi không sử dụng cảm biến ánh sáng. • Điều chỉnh được hướng của cảm biến xoay theo các hướng khác nhau.

Công tắc chuyển mạch: CT.BLE.ON/OFF

Công suất không tải max:	1 W
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Tần số:	50/60 Hz
Nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Công suất:	Đèn sợi đốt: 700 W Đèn Led: 150 W
Khoảng cách kết nối:	≤ 50 m
Kích thước:	(87,8x37,5x22,8) mm

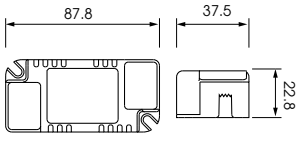

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.BLE CN.01T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

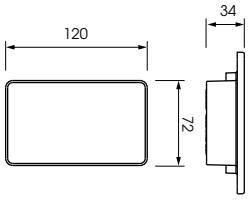

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.BLE CN.02T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

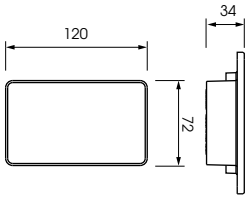

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.BLE CN.03T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

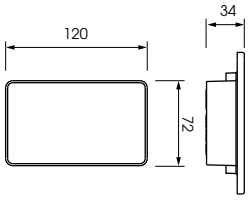

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.BLE CN.04T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

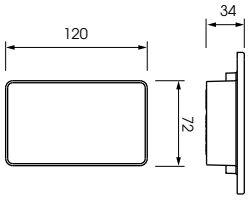

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.BLE CN.DOT (cửa cuốn)

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

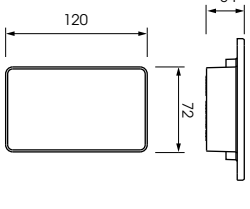

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.BLE CN.REMT

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

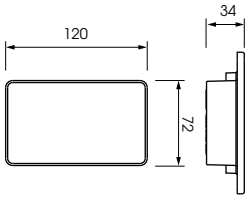

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.01T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x34) mm

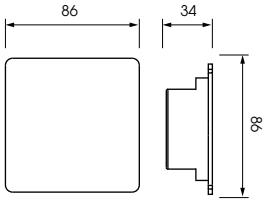

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.01T MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

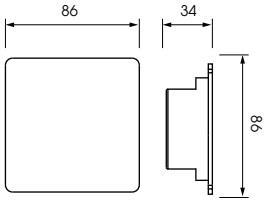

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.02T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x34) mm

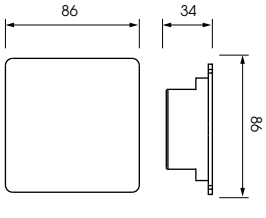

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.02T MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

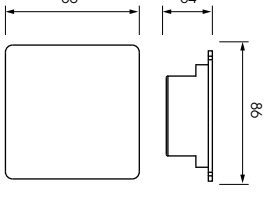

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.03T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x34) mm

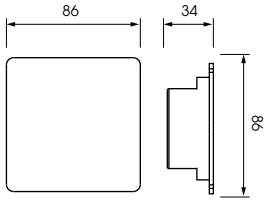

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.03T MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

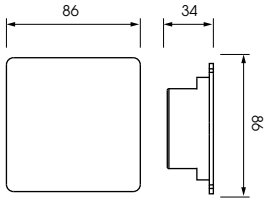

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.04T

Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Điện áp danh định:	220 V / 50 Hz
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Số lần tắt / bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Tiêu chuẩn chống bụi, chống nước:	IP44
Dải nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) oC

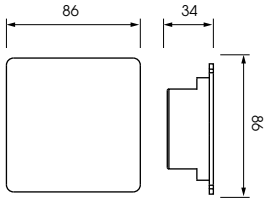

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.04T MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

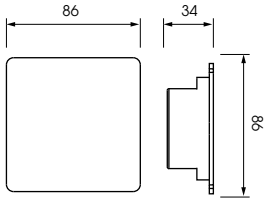

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.DOT

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

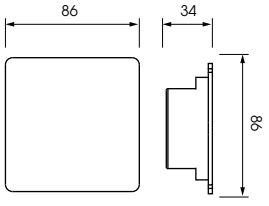

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.DOT MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

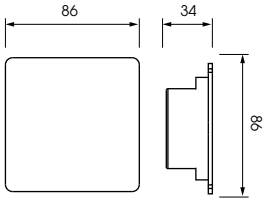

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.REMT

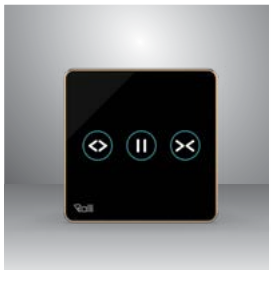

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(86x86x34) mm

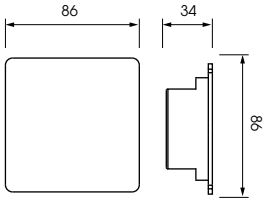

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.BLE V.REMT MN

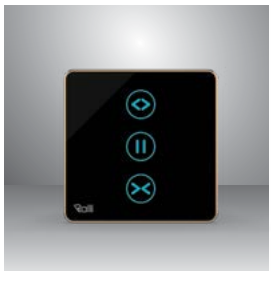

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(86x86x34) mm

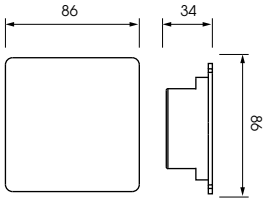

Công tắc cơ điện tử CTC.BLE V1.01

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

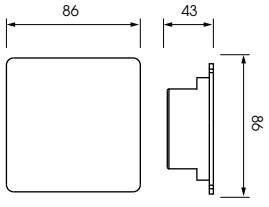

Công tắc cơ điện tử CTC.BLE V1.02

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

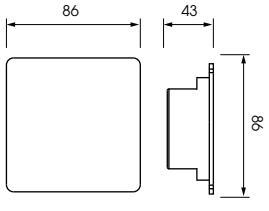

Công tắc cơ điện tử CTC.BLE V1.03

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	BLE
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

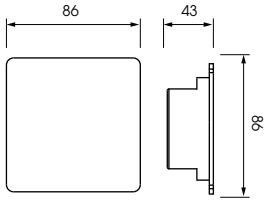

NHÓM SẢN PHẨM
ĐIỀU KHIỂN BẰNG WIFI

ĐIỀU KHIỂN BẰNG GIỌNG NÓI

ĐẶT LỊCH & HẸN GIỜ

ĐIỀU KHIỂN THAY ĐỔI MÀU ÁNH SÁNG

ĐIỀU KHIỂN THEO KỊCH BẢN

SỬ DỤNG CHUẨN KHÔNG DÂY WIFI

CÔNG TẮC **CẢM ỨNG WIFI**

RD-CT.01.WF

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

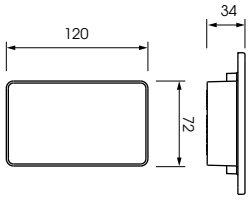

RD-CT.04.WF

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

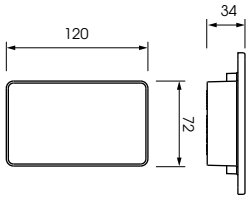

RD-CT.01.WF.NL

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	2500 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

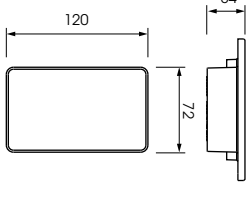

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.01T.2W.SP

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x32) mm

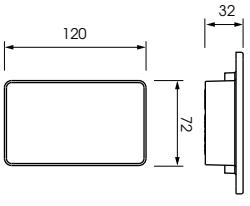

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.02T.2W.SP

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x32) mm

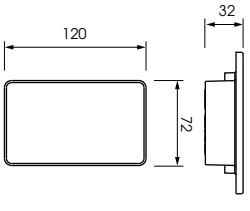

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.03T.2W.SP

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x32) mm

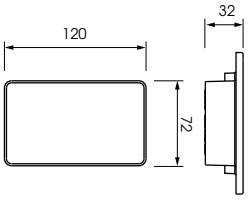

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.04T.2W.SP

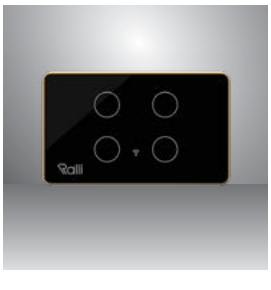

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x32) mm

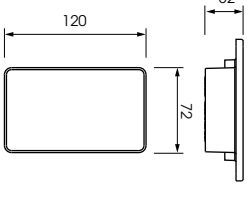

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.01T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

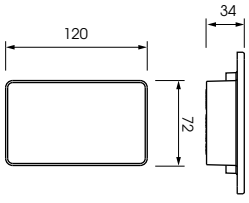

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.02T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

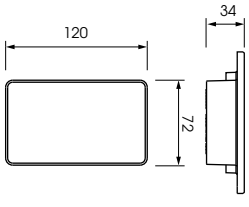

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.03T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

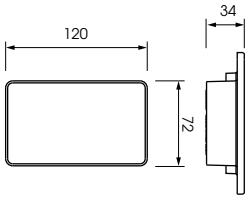

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.04T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

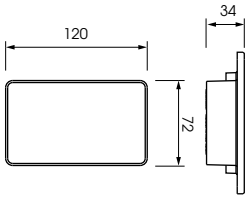

Công tắc cảm ứng chữ nhật CTCU.WF CN.REMT

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật tối đa trên nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Kích thước (DxRxC):	(120x72x34) mm

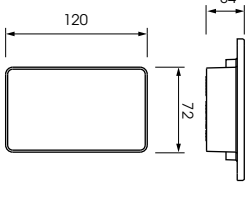

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.01T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

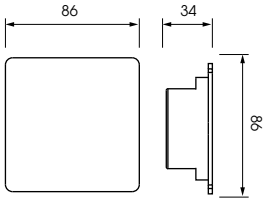

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.02T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

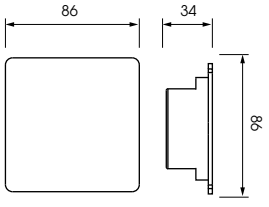

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.03T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

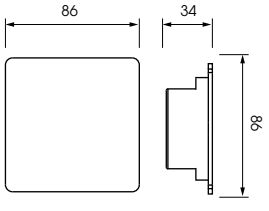

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.04T

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

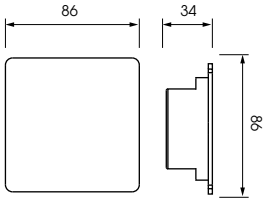

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.REMT

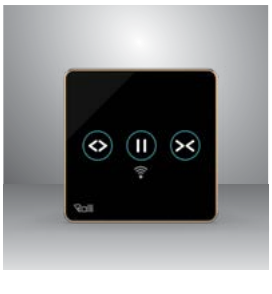

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

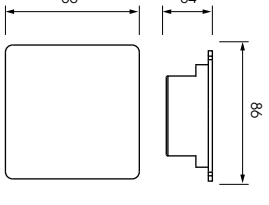

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.01T MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

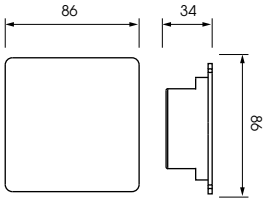

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.02T MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

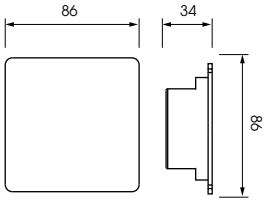

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.03T MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

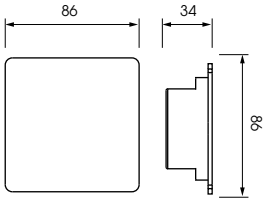

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.04T MN

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

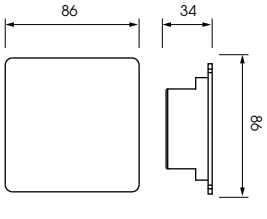

Công tắc cảm ứng vuông CTCU.WF V.REMT MN

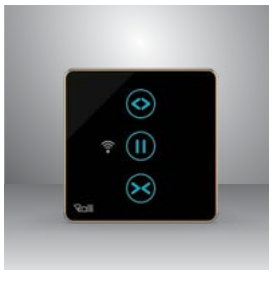

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Số lần tắt bật trên mỗi nút:	100.000 lần
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40) °C
Tiêu chuẩn chống bụi, nước:	IP44
Kích thước (DxRxC):	(86x86x32) mm

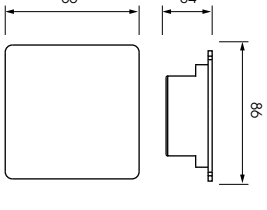

Công tắc cơ điện tử CTC.WF V1.01

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

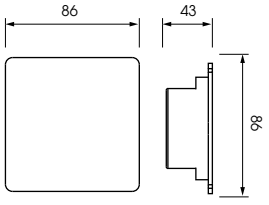

Công tắc cơ điện tử CTC.WF V1.02

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

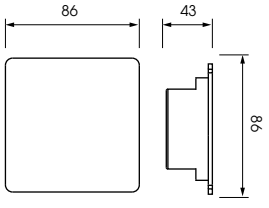

Công tắc cơ điện tử CTC.WF V1.03

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

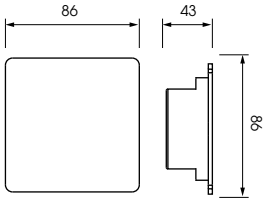

Công tắc cơ điện tử 2 chiều CTC2C.WF V1.01

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	3000 W
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

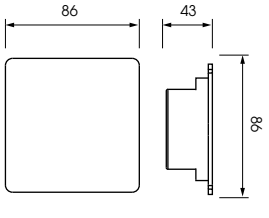

Công tắc cơ điện tử 2 chiều CTC2C.WF V1.02

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

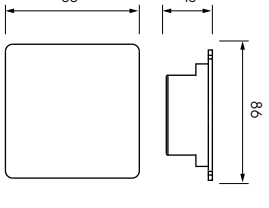

Công tắc cơ điện tử 2 chiều CTC2C.WF V1.03

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa trên nút:	300 W / nút
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(86x86x43) mm

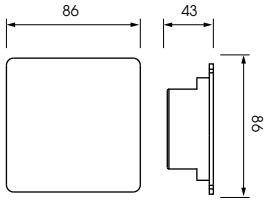

Ổ cắm Wifi đơn OC.01.WF 16A

Điện áp nguồn danh định:	220 V / 50 Hz
Dải điện áp hoạt động:	(150÷250) V
Công suất tối đa:	3000 W
Dòng điện tối đa:	16 A
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Số lần bật tắt trên mỗi nút:	100.000 lần
Kích thước (DxRxC):	(44x63x32) mm

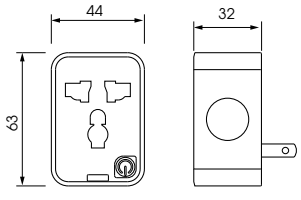

OC02.WF 3C/3M/10A

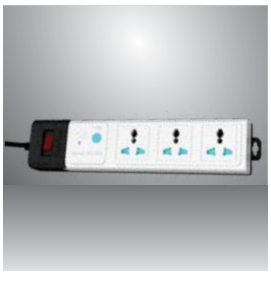

Công suất:	2500 W
Dòng điện Max:	10 A
Dải điện áp hoạt động Max:	(150÷250) V
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Chiều dài dây:	3m
Kích thước (DxRxC):	(270x60x35) mm

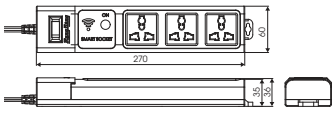

OC02.WF 3C/5M/10A

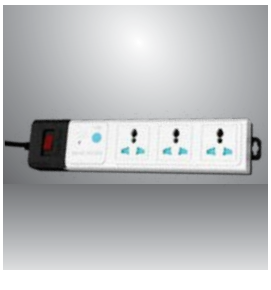

Công suất:	2500 W
Dòng điện Max:	10 A
Dải điện áp hoạt động Max:	(150÷250) V
Chuẩn kết nối, điều khiển:	WIFI
Nhiệt độ làm việc:	(-10÷40)°C
Chiều dài dây:	5m
Kích thước (DxRxC):	(270x60x35) mm

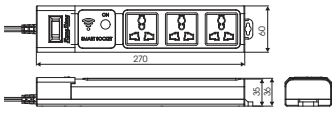

BỘ ĐIỀU KHIỂN **HỒNG NGOẠI WIFI**

RD IR/WF

Dải điện áp hoạt động (V)	5V / 1A
Hướng điều khiển	Đa hướng
Khoảng cách điều khiển thiết bị (m)	4 ÷ 8
Dải nhiệt độ hoạt động	0 ÷ 50
Kích thước (mm)	68x68x27
Khối lượng (gr)	60

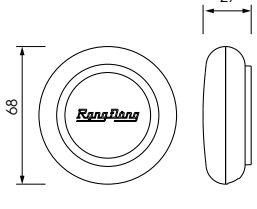

COMBO SENSE ĐIỀU KHIỂN REMOTE AT16

AT16.RM 90/7W C4

AT16.RM 110/9W C4

AT16.RM 90/7W C6

AT16.RM 110/9W C6

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT16.RM 90/7W C4	7	150÷250	0.5	100	700	3000÷6500	80	25000	90	107.8x40
AT16.RM 110/9W C4	9	150÷250	0.5	100	900	3000÷6500	80	25000	110	129.4x40
AT16.RM 90/7W C6	7	150÷250	0.5	100	700	3000÷6500	80	25000	90	107.8x40
AT16.RM 110/9W C6	9	150÷250	0.5	100	900	3000÷6500	80	25000	110	129.4x40

AT16.RM 90/7W C8

AT16.RM 110/9W C8

AT16.RM 90/7W C10

AT16.RM 110/9W C10

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT16.RM 90/7W C8	7	150÷250	0.5	100	700	3000÷6500	80	25000	90	107.8x40
AT16.RM 110/9W C8	9	150÷250	0.5	100	900	3000÷6500	80	25000	110	129.4x40
AT16.RM 90/7W C10	7	150÷250	0.5	100	700	3000÷6500	80	25000	90	107.8x40
AT16.RM 110/9W C10	9	150÷250	0.5	100	900	3000÷6500	80	25000	110	129.4x40

COMBO SENSE ĐIỀU KHIỂN REMOTE AT20

AT20.RM 90/7W C4

AT20.RM 110/9W C4

AT20.RM 90/7W C6

AT20.RM 110/9W C6

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT20.RM 90/7W C4	7	150÷250	0.5	92	650	3000÷6500	80	30000	90	103x45
AT20.RM 110/9W C4	9	150÷250	0.5	91	820	3000÷6500	80	30000	110	123x45
AT20.RM 90/7W C6	7	150÷250	0.5	92	650	3000÷6500	80	30000	90	103x45
AT20.RM 110/9W C6	9	150÷250	0.5	91	820	3000÷6500	80	30000	110	123x45

AT20.RM 90/7W C8

AT20.RM 110/9W C8

AT20.RM 90/7W C10

AT20.RM 110/9W C10

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT20.RM 90/7W C8	7	150÷250	0.5	92	650	3000÷6500	80	30000	90	103x45
AT20.RM 110/9W C8	9	150÷250	0.5	91	820	3000÷6500	80	30000	110	123x45
AT20.RM 90/7W C10	7	150÷250	0.5	92	650	3000÷6500	80	30000	90	103x45
AT20.RM 110/9W C10	9	150÷250	0.5	91	820	3000÷6500	80	30000	110	123x45

NHÓM SẢN PHẨM
CẢM BIẾN

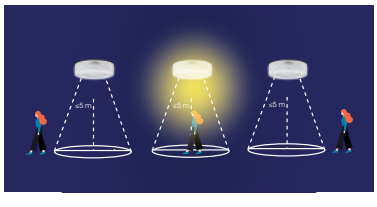

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài.
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt thời tiết đới gió mùa.

TÍNH NĂNG

- Tích hợp cảm biến RADAR và/hoặc cảm biến PIR và/hoặc cảm biến ánh sáng đèn sẽ tự động bật sáng khi có người và tắt khi người rời đi.

LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

- Tiện nghi: Sử dụng đèn cảm biến là giải pháp hợp lý khi bạn không rảnh tay để bật đèn.
- An ninh: Lắp đèn cảm biến tại cửa, cổng, hiên nhà giúp đảm bảo an ninh cho người và tải sản.
- An toàn: Sử dụng đèn cảm biến sẽ đảm bảo an toàn cho các gia đình các người già và trẻ nhỏ.
- Tiết kiệm điện: Lắp đèn cảm biến tại khu vực không thường xuyên có người qua lại là giải pháp không thể tối ưu hơn.

ĐÈN LED BULB **CẢM BIẾN**

A60.RAD/7W

PHÂN BỐ QUANG

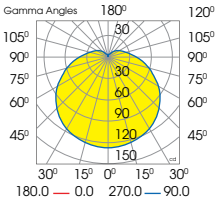

LƯỚI ĐỘ RỌI

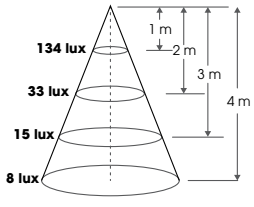

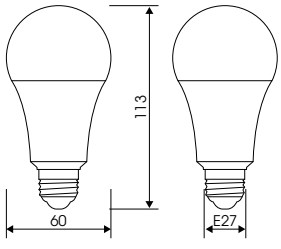

A60.RAD/9W

PHÂN BỐ QUANG

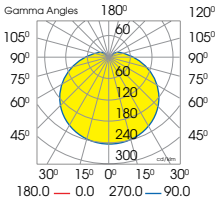

LƯỚI ĐỘ RỌI

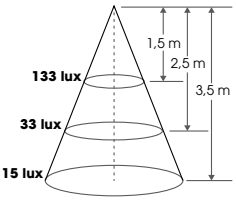

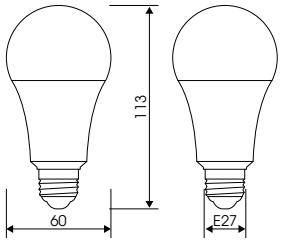

TR70.RAD/15W

PHÂN BỐ QUANG

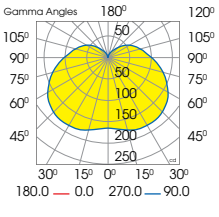

LƯỚI ĐỘ RỌI

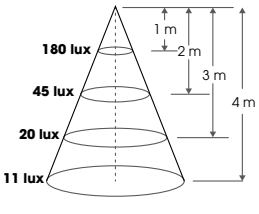

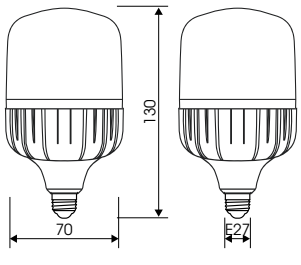

A60.PIR/9W

PHÂN BỐ QUANG

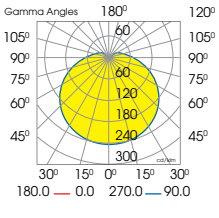

LƯỚI ĐỘ RỌI

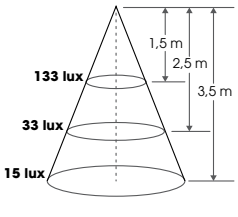

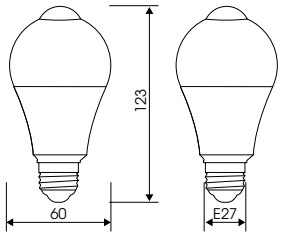

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	KC/BK phát hiện	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Thời gian đèn tự động tắt	Kích thước
	W	V	Hz		lm	K	m	độ		giờ	giây	mm
A60.RAD/7W	7	170÷250	50-60	0.5	600	6500	Gắn tường: 2-8 m Gắn trần: 4-6 m	120x360	83	20000	20	Ø60x113
A60.RAD/9W	9	170÷250	50-60	0.5	810	6500		120x360	85	20000	20	Ø60x113
TR70.RAD/15W	15	170÷250	50-60	0.5	1350	6500		120x360	85	20000	20	Ø70x130
A60.PIR/9W	9	150÷250	50-60	0.5	720/750	3000/6500	Gắn trần: 2-3 m Gắn tường: 3-4 m	90x360	80	20000	60±10	Ø60x123

ĐÈN LED ỐP TRẦN **CẢM BIẾN**

LN12.RAD 220/18W (WC)

PHÂN BỐ QUANG

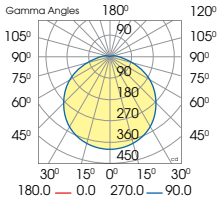

LƯỚI ĐỘ RỌI

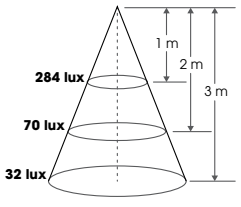

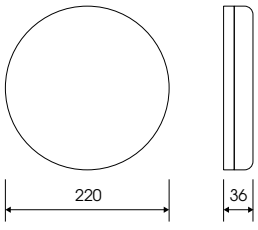

LN12.RAD 220x220/18W (WC)

PHÂN BỐ QUANG

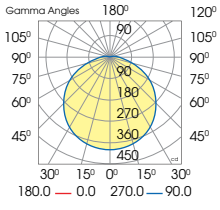

LƯỚI ĐỘ RỌI

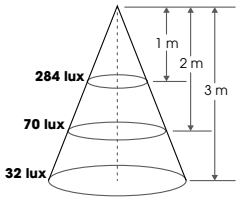

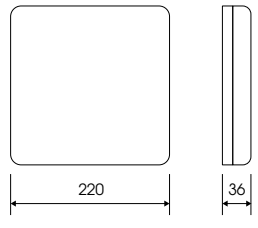

LN12.RAD 220/18W (HL)

PHÂN BỐ QUANG

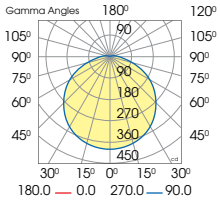

LƯỚI ĐỘ RỌI

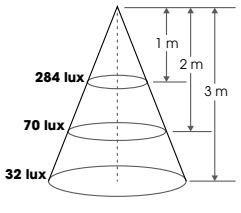

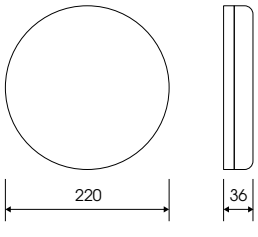

LN12.RAD 220x220/18W (HL)

PHÂN BỐ QUANG

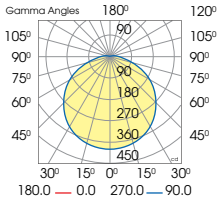

LƯỚI ĐỘ RỌI

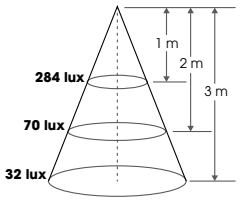

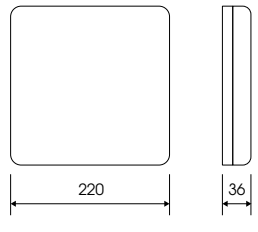

LN28.BLE 400/40W

PHÂN BỐ QUANG

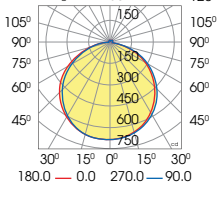

LƯỚI ĐỘ RỌI

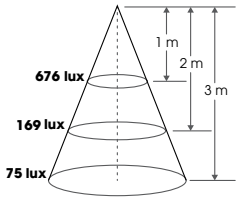

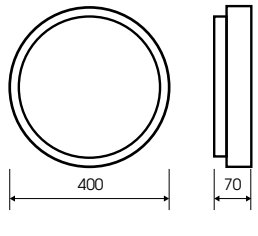

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	lm	K	độ		giờ	mm
LN12.RAD 220/18W (WC)	18	150÷250	1260/1400	3000/6500	90x360	80	25000	220x36
LN12.RAD 220x220/18W (WC)	18	150÷250	1400	3000/6500	90x360	80	25000	220x220x36
LN12.RAD 220/18W (HL)	18	150÷250	1260/1400	3000/6500	120x360	80	25000	220x36
LN12.RAD 220x220/18W (HL)	18	150÷250	1400	3000/6500	120x360	80	25000	220x220x36
LN28.BLE 400/40W	40	150÷250	2800	3000/6500		80	25000	400x400x70

ĐÈN NGỦ **CẢM BIẾN**

ĐN01.PIR 65x65/0.3W

- Tích hợp tính năng cảm biến ánh sáng và cảm biến chuyển động
- Có 2 chế độ hoạt động được điều khiển bằng công tắc gạt:
  - + Chế độ On: Đèn sáng liên tục khi ánh sáng môi trường < 15lux.
  - + Chế độ Auto (Chế độ phát hiện chuyển động): Khi ánh sáng môi trường <15 lux và có chuyển động thì đèn bật sáng. Sau 120s nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.

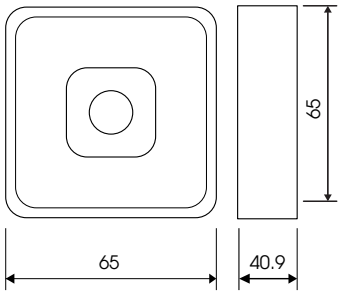

ĐN02.LS 65x65/0.3W

- Tích hợp tính năng cảm biến ánh sáng
- Có 2 chế độ hoạt động được điều khiển bằng công tắc gạt:
  - + Chế độ On: Đèn luôn sáng sau khi cấp nguồn.
  - + Chế độ Auto: Đèn chỉ sáng khi cấp nguồn và ánh sáng môi trường và cường độ ánh sáng <15 lux.

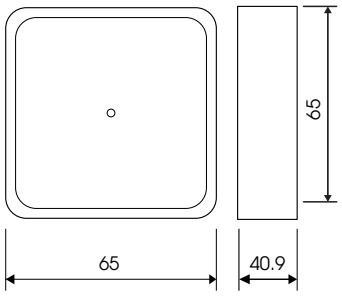

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Mức cảm biến ánh sáng	KC phát hiện chuyển động	Thời gian đèn tắt khi không phát hiện chuyển động	Tuổi thọ	Nhiệt độ màu	Dải nhiệt độ hoạt động	Kích thước
	W	V	lux	m	giây	giờ	K	độ	mm
ĐN01.PIR 65x65/0.3W	0.3	150÷250	< 15	3-4	120-150	30,000	3000	-10÷40	(65x65x40.9)
ĐN02.LS 65x65/0.3W	0.3	150÷250	< 15	-	-	30,000	3000	-10÷40	(65x65x40.9)

ĐÈN LED DOWNLIGHT **CẢM BIẾN**

AT04.PIR 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

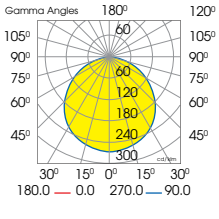

LƯỚI ĐỘ RỌI

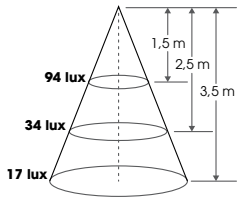

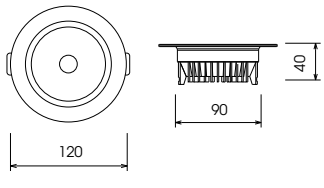

AT04.PIR 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

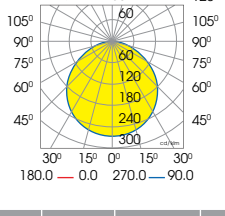

LƯỚI ĐỘ RỌI

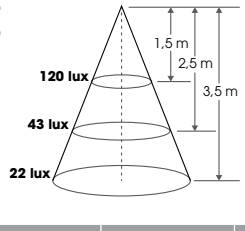

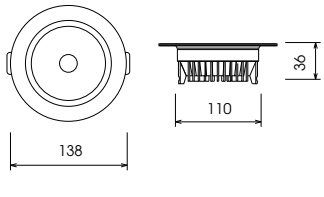

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	KC / BK phát hiện	Góc phát hiện	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Thời gian đèn tự động tắt	Kích thước	Kích thước khoét trần
	W	V	Hz		lm	K	m	độ		giờ	giây	mm	mm
AT04.PIR 90/7W	7	150÷250	50-60	0.5	500	3000/6500	3-5	90x360	80	20000	120±10	120x40	90
AT04.PIR 110/9W	9	150÷250	50-60	0.5	650	3000/6500	3-5	90x360	80	20000	120±10	138x36	110

BỘ ĐÈN LED **CẢM BIẾN**

M18.RAD 1200/36W

PHÂN BỐ QUANG

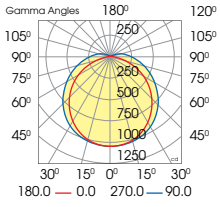

LƯỚI ĐỘ RỌI

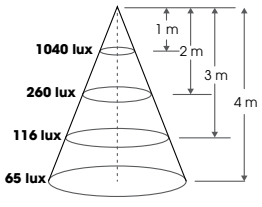

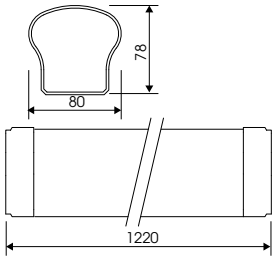

M28.RAD.BLE 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

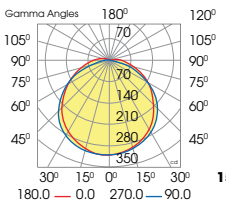

LƯỚI ĐỘ RỌI

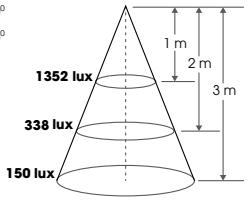

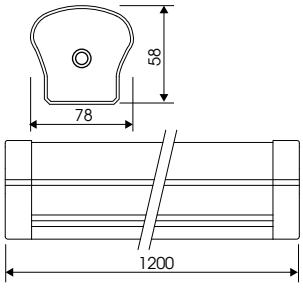

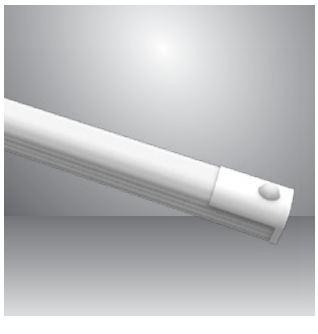

PKL.PIR.BLE 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

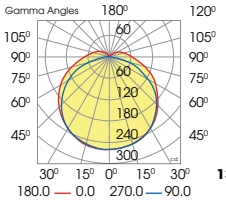

LƯỚI ĐỘ RỌI

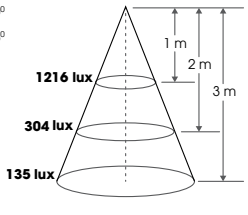

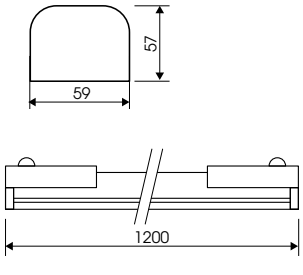

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz		lm	K		giờ	mm
M18.RAD 120/36W	36	150÷250	50	0.5	3200	6500	80	20000	1220x80x78
M28.RAD.BLE 1200/40W	40	150÷250	50/60	0.9	4000-4400	3000-6500	80	25000	1200x78x58
PKL.PIR.BLE 1200/40W	40	150÷250	50/60	0.9	4000-4400	3000-6500	80	25000	1200x59x57

ĐÈN GẮN TƯỜNG **CẢM BIẾN**

GT16.PIR 180/15W

Đèn tích hợp cảm biến hồng ngoại PIR và cảm biến ánh sáng:

- Khi ánh sáng môi trường < 80 lux và phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn tự động bật sáng, sau 60 ±10 giây nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.
- Khi ánh sáng môi trường > 80 lux, đèn sẽ không tự động bật sáng khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến

Khoảng cách phát hiện m:

- Gắn tường cao 2-3 m: (2-5) m

Thời gian giữ sáng khi không phát hiện chuyển động: 60±10 s

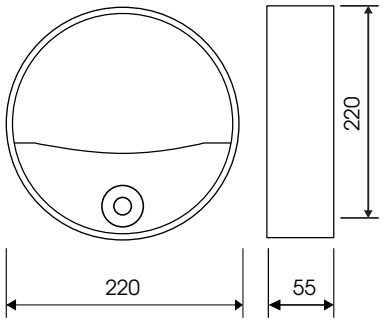

GT16.PIR 220x100/15W

Đèn tích hợp cảm biến hồng ngoại PIR và cảm biến ánh sáng:

- Khi ánh sáng môi trường < 80 lux và phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến, đèn tự động bật sáng, sau 60 ±10 giây nếu không phát hiện chuyển động đèn tự động tắt.
- Khi ánh sáng môi trường > 80 lux, đèn sẽ không tự động bật sáng khi phát hiện có chuyển động trong vùng hoạt động của cảm biến

Khoảng cách phát hiện m:

- Gắn tường cao 2-3 m: (2-5) m

Thời gian giữ sáng khi không phát hiện chuyển động: 60±10 s

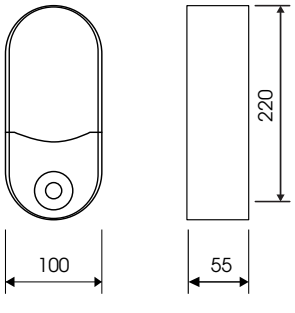

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
GT16.PIR 180/15W	15	150÷250	0.5	65/60	950/900	3000/6500	80	25000	220x55
GT16.PIR 220x100/15W	15	150÷250	0.5	65/60	950/900	3000/6500	80	25000	220x100x55

ĐUI ĐÈN **CẢM BIẾN**

ĐCB01.PIR E27/300W

Công suất	≤ 300 W
Dải điện áp hoạt động	(180÷250) V
Tần số	50 Hz
Kiểu đầu đèn	E27
KL đèn lắp trên đui (Max)	300 g
Thời gian ngắt mạch khi không phát hiện chuyển động	(3-900) giây
Phạm vi cảm biến	(3-6) m
Mức cảm biến ánh sáng	(30-2000) lux
Tuổi thọ	30,000 giờ
Vật liệu thân	Nhựa ABS
Dải nhiệt độ hoạt động:	(-10÷40) °C
Kích thước	(100x73x64) mm
Tính năng	Điều khiển 1 đèn hoặc 1 đèn kèm 1 thiết bị điện (chuông báo, quạt gió) công suất max 300w

CÔNG TẮC **CẢM BIẾN**

CT01.PIR 300W

Công suất	≤ 300 W
Dải điện áp hoạt động	(180÷250) V
Tần số	50 Hz
Thời gian ngắt mạch khi không phát hiện chuyển động	(3-900) giây
Phạm vi cảm biến	(3-6) m
Mức cảm biến ánh sáng	(30-2000) lux
Tuổi thọ	30,000 giờ
Vật liệu thân	Nhựa ABS
Dải nhiệt độ hoạt động	(-10÷40) °C
Kích thước	(113x70x70) mm
Tính năng	Điều khiển 1 đèn hoặc 1 dãy đèn hoặc thiết bị khác (Chuông báo) có công suất max 300W

ĐÈN LED GƯƠNG **CẢM BIẾN**

G04.PIR 8W

Công suất	8 W
Dải điện áp hoạt động	(150÷250) V
Tần số	50 Hz
Nhiệt độ màu	6500 K / 3000 K
Quang thông	400 lm
Tuổi thọ	25.000 giờ
Khoảng cách phát hiện	(1-2) m
Kích thước	(600x125x60) mm
Tính năng	Đèn hoạt động ở 2 chế độ: - Chế độ On (Đèn thường) - Đèn luôn sáng sau khi được cấp nguồn - Chế độ Auto (Đèn cảm biến) - Đèn tự động bật sáng khi phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến. Sau 180s kể từ khi không phát hiện có người chuyển động trong phạm vi hoạt động của cảm biến, đèn sẽ tự động tắt.

NHÓM SẢN PHẨM
ĐỔI MÀU

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất cao, chất lượng ánh sáng tốt và tuổi thọ dài
- Dải điện áp hoạt động rộng (150÷250)V, đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80), ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (flicker free), không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ mắt người dùng.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao, bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt thời tiết nhiệt đới gió mùa.

ĐÈN LED BULB **ĐỔI MÀU**

A60.BLE.RGBCW/9W

PHÂN BỐ QUANG

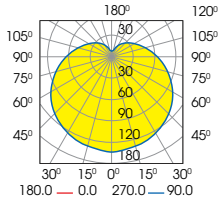

LƯỚI ĐỘ RỌI

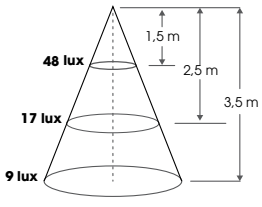

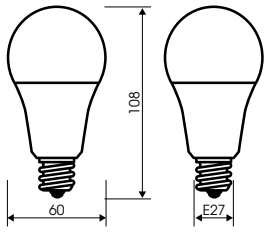

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A60.BLE.RGBCW/9W	9	150 ÷ 250	0.5	80-90	720/810	6500/3000/4000	83	20000	60x108

ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐẾ NHÔM **ĐỔI MÀU**

LN12 ĐM 170/15W

PHÂN BỐ QUANG

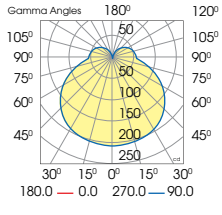

LƯỚI ĐỘ RỌI

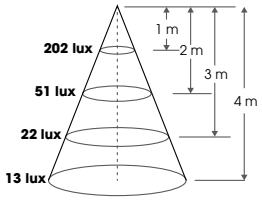

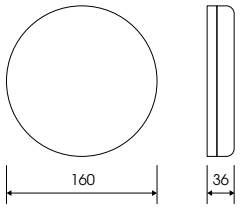

LN12 ĐM 170x170/15W

PHÂN BỐ QUANG

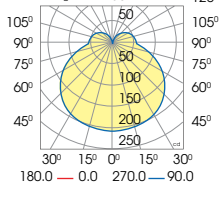

LƯỚI ĐỘ RỌI

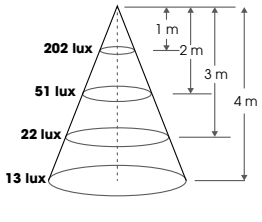

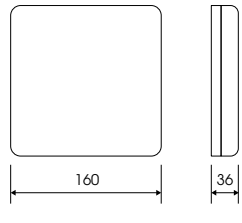

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12 ĐM 170/15W	15	150÷250	50	1100/990/1100	6500/3000/4000	80	30000	160x36
LN12 ĐM 170x170/15W	15	150÷250	50	1100/990/1100	6500/3000/4000	80	30000	160x160x36

LN12 ĐM 220/22W

PHÂN BỐ QUANG

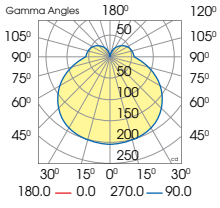

LƯỚI ĐỘ RỌI

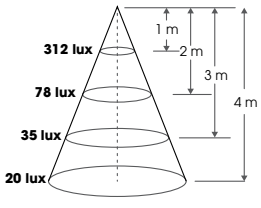

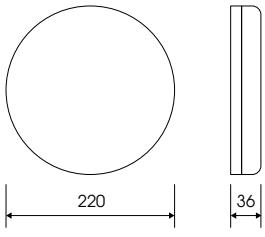

LN12 ĐM 220x220/22W

PHÂN BỐ QUANG

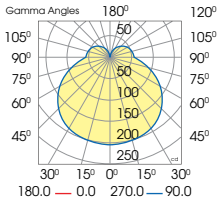

LƯỚI ĐỘ RỌI

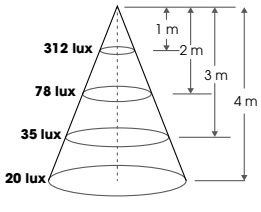

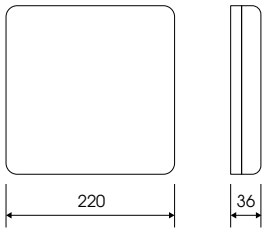

LN12 ĐM 300/30W

PHÂN BỐ QUANG

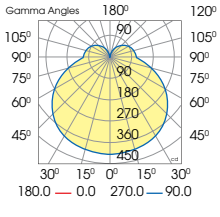

LƯỚI ĐỘ RỌI

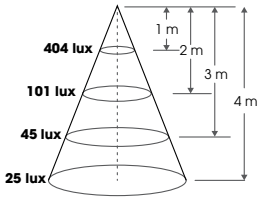

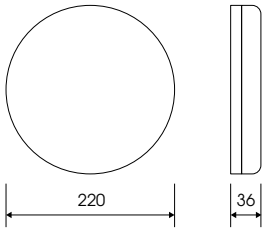

LN12 ĐM 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG

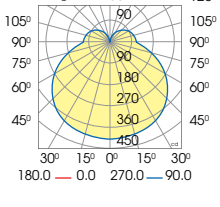

LƯỚI ĐỘ RỌI

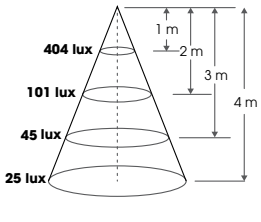

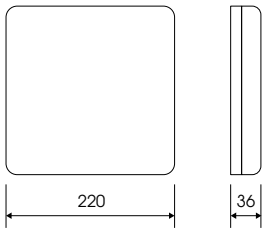

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12 ĐM 220/22W	22	150÷250	50	1700/1530/1700	6500/3000/4000	80	30000	220x36
LN12 ĐM 220x220/22W	22	150÷250	50	1700/1530/1700	6500/3000/4000	80	30000	220x220x36
LN12 ĐM 300x300/30W	30	150÷250	50	2200/1980/2200	6500/3000/4000	80	30000	280x36
LN12 ĐM 300/30W	30	150÷250	50	2200/1980/2200	6500/3000/4000	80	30000	280x280x36

ĐÈN LED ỐP TRẦN KHỔ LỚN **ĐỔI MÀU**

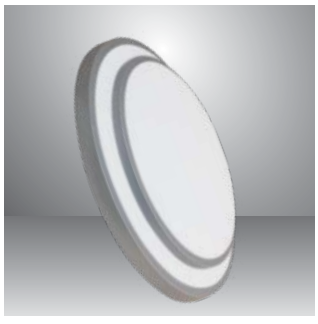

LN16 ĐM 480/40W

PHÂN BỐ QUANG

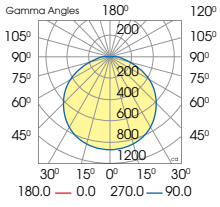

LƯỚI ĐỘ RỌI

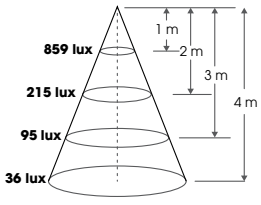

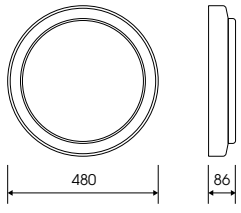

ĐÈN LED ỐP TRẦN **ĐỔI MÀU**

LN24 ĐM 247/24W

PHÂN BỐ QUANG

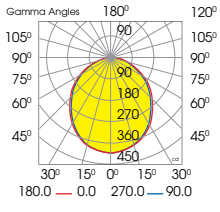

LƯỚI ĐỘ RỌI

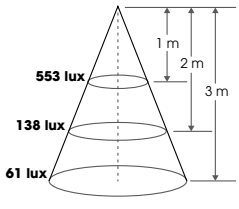

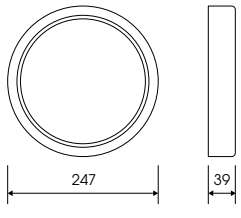

LN24 ĐM 247x247/24W

PHÂN BỐ QUANG

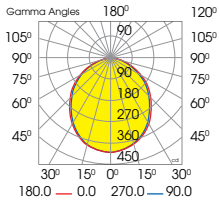

LƯỚI ĐỘ RỌI

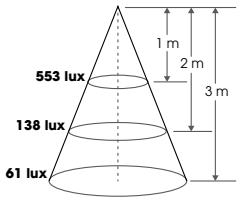

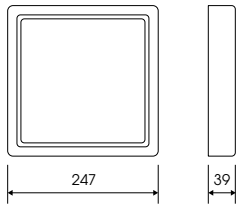

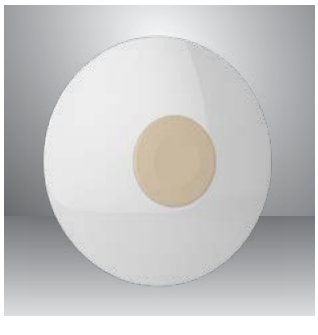

LN26 ĐM 360/36W

PHÂN BỐ QUANG

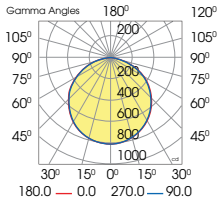

LƯỚI ĐỘ RỌI

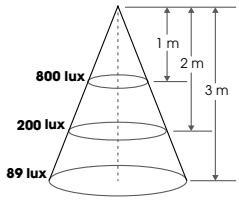

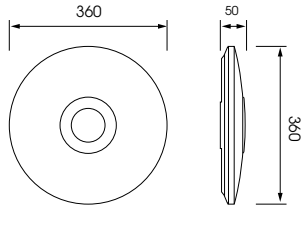

LN28 ĐM 400/40W

PHÂN BỐ QUANG

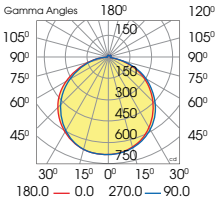

LƯỚI ĐỘ RỌI

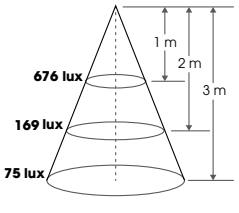

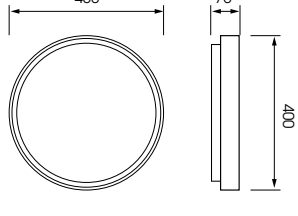

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN16 ĐM 480/40W	40	150÷250	50	2800/2520/2800	6500/3000/4000	80	25000	480x86
LN24 ĐM 247/24W	24	150÷250	50	1800/1300/1800	6500/3000/4000	80	25000	247x39
LN24 ĐM 247x247/24W	24	150÷250	50	1800/1300/1800	6500/3000/4000	80	25000	247x247x39
LN26 360/36W	36	150÷250	50	2660/2380	6500/3000	80	25000	360x50
LN28 ĐM 400/40W	40	150÷250	50	2800	6500/3000	80	25000	400x400x70

ĐÈN LED ỐP TRẦN ĐẾ NHỰA **ĐỔI MÀU**

LN12N ĐM 220/18W

PHÂN BỐ QUANG

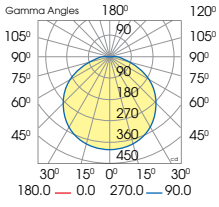

LƯỚI ĐỘ RỌI

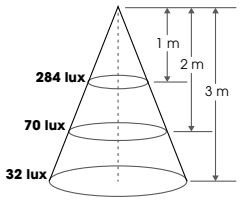

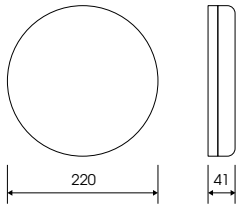

LN12N ĐM 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG

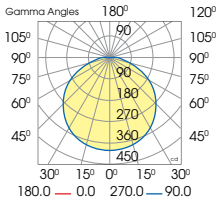

LƯỚI ĐỘ RỌI

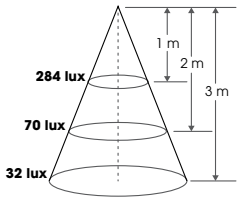

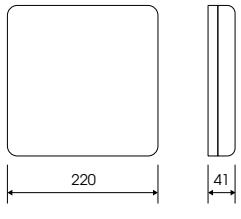

LN12N ĐM 300/24W

PHÂN BỐ QUANG

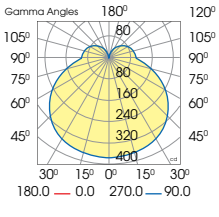

LƯỚI ĐỘ RỌI

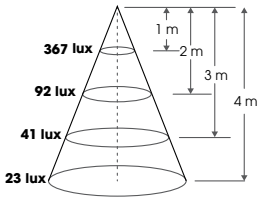

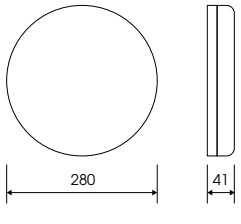

LN12N ĐM 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG

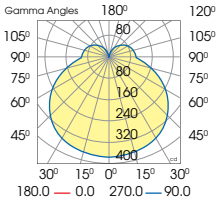

LƯỚI ĐỘ RỌI

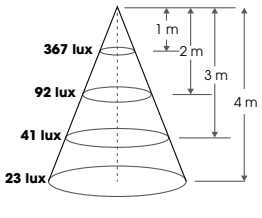

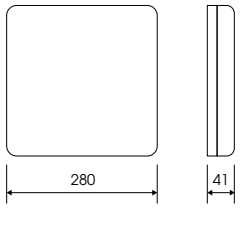

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12N ĐM 220/18W	18	150÷250	50	1250/1125/1250	6500/3000/4000	80	25000	220x41
LN12N ĐM 220x220/18W	18	150÷250	50	1250/1125/1250	6500/3000/4000	80	25000	220x220x41
LN12N ĐM 300/24W	24	150÷250	50	2000/1800/2000	6500/3000/4000	80	25000	280x41
LN12N ĐM 300x300/24W	24	150÷250	50	2000/1800/2000	6500/3000/4000	80	25000	280x280x41

LN12N ĐM 170/12W

PHÂN BỐ QUANG

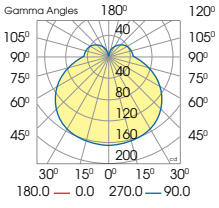

LƯỚI ĐỘ RỌI

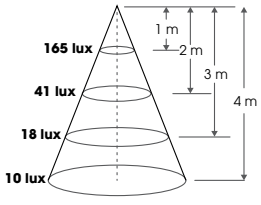

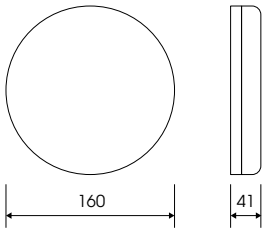

LN12N ĐM 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG

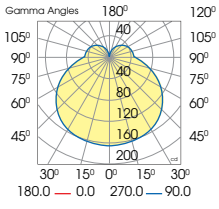

LƯỚI ĐỘ RỌI

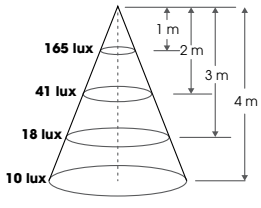

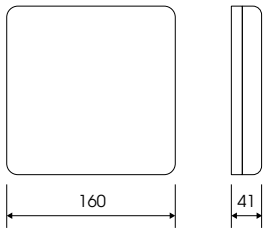

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm
LN12N ĐM 170/12W	12	150÷250	50	900/810/900	6500/3000/4000	80	25,000	160x41
LN12N ĐM 170x170/12W	12	150÷250	50	900/810/900	6500/3000/4000	80	25,000	160x160x41

BỘ ĐÈN M26 **ĐỔI MÀU**

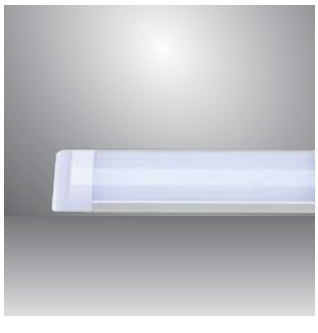

M26 ĐM 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

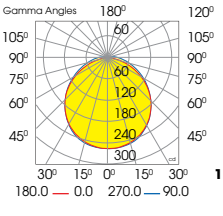

LƯỚI ĐỘ RỌI

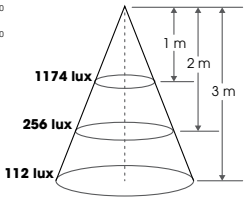

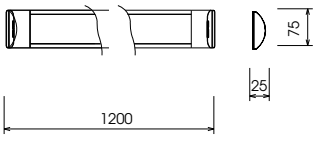

BỘ ĐÈN M36 **ĐỔI MÀU**

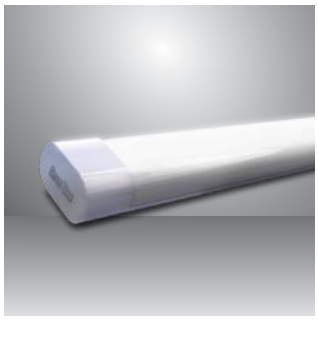

M36 ĐM 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

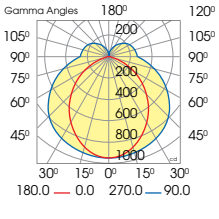

LƯỚI ĐỘ RỌI

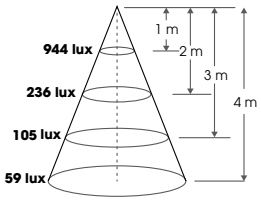

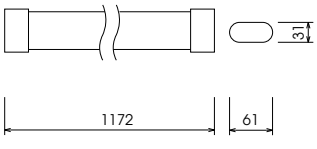

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	Hz		lm/W	lm			giờ	mm
M26 ĐM 1200/40W	40	150÷250	50	0.5	117/130	4400/3960/4400	6500/3000/4000	80	25000	1200x75x25
M36 ĐM 1200/40W	40	150÷250	50	0.5	100/110	4400/4000/4400	6500/3000/4000	80	30000	1.172x61x31

ĐÈN LED PANEL TRÒN **ĐỔI MÀU**

PT04 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

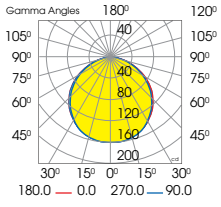

LƯỚI ĐỘ RỌI

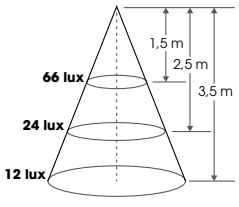

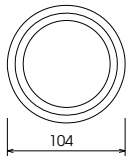

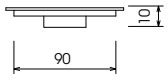

PT04 ĐM 110/7W

PHÂN BỐ QUANG

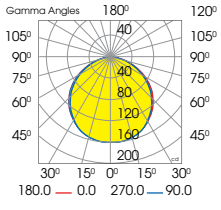

LƯỚI ĐỘ RỌI

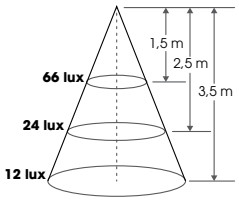

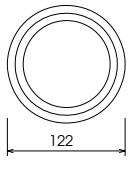

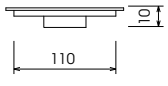

PT04 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

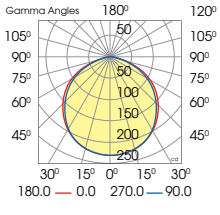

LƯỚI ĐỘ RỌI

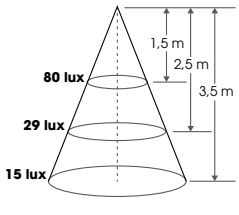

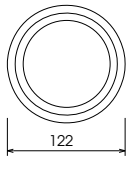

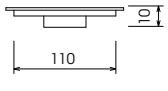

PT04 ĐM 135/9W

PHÂN BỐ QUANG

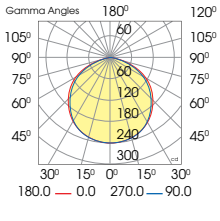

LƯỚI ĐỘ RỌI

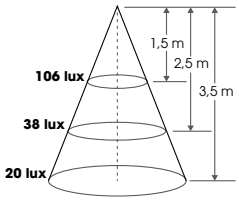

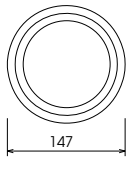

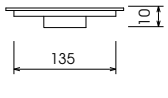

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm	mm
PT04 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	520/470/570	6500/4000/5000	80	20000	104x10	90
PT04 ĐM 110/7W	7	150÷250	50	540/520/610	6500/4000/5000	80	20000	122x10	110
PT04 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	600/580/680	6500/4000/5000	80	20000	122x10	110
PT04 ĐM 135/9W	9	150÷250	50	640/600/680	6500/4000/5000	80	20000	147x10	135

ĐÈN LED PANEL TRÒN **ĐỔI MÀU**

PT04.V2 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

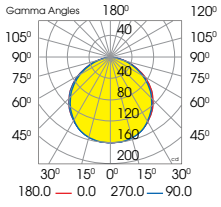

LƯỚI ĐỘ RỌI

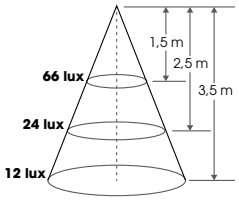

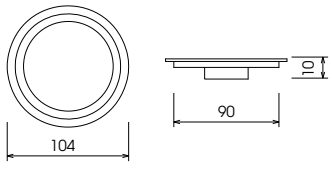

PT04.V2 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

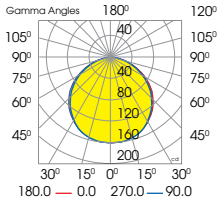

LƯỚI ĐỘ RỌI

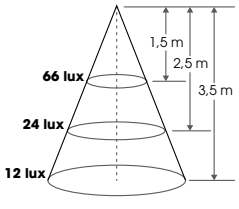

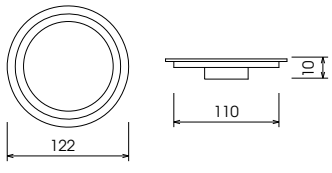

PT04.V2 ĐM 135/9W

PHÂN BỐ QUANG

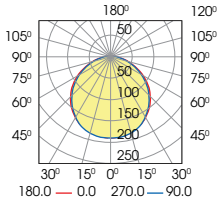

LƯỚI ĐỘ RỌI

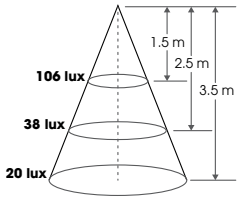

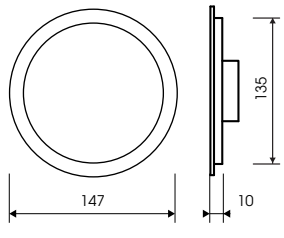

PT04.V2 ĐM 135/12W

PHÂN BỐ QUANG

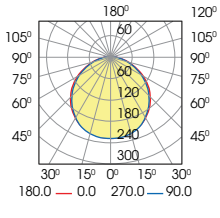

LƯỚI ĐỘ RỌI

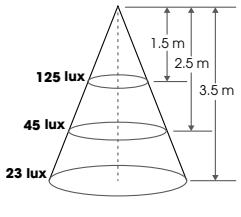

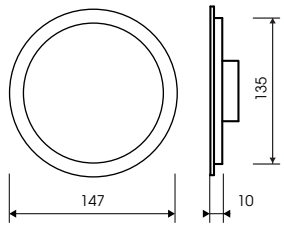

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
PT04.V2 ĐM 90/7W	7	150÷250	0.5	67/71/64	470/500/450	4000/5000/6500	80	25000	90	104x10
PT04.V2 ĐM 110/9W	9	150÷250	0.5	64/75/66	580/680/600	4000/5000/6500	80	25000	110	122x10
PT04.V2 ĐM 135/9W	9	150÷250	0.5	66/75/71	600/680/640	4000/5000/6500	80	25000	110	122x10
PT04.V2 ĐM 135/12W	12	150÷250	0.5	62/71/66	750/850/800	4000/5000/6500	80	25000	135	147x10

PT05 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

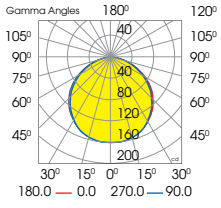

LƯỚI ĐỘ RỌI

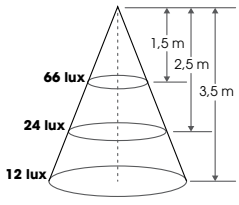

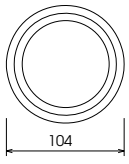

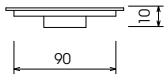

PT05 ĐM 110/7W

PHÂN BỐ QUANG

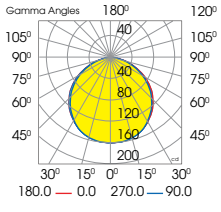

LƯỚI ĐỘ RỌI

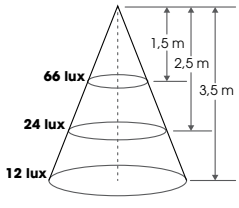

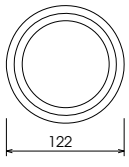

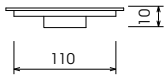

PT05 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

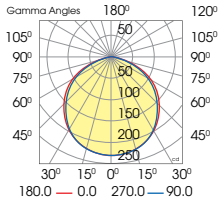

LƯỚI ĐỘ RỌI

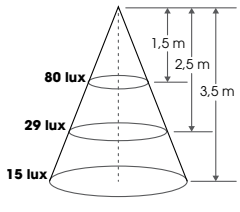

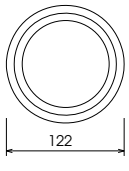

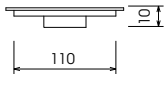

PT05 ĐM 135/9W

PHÂN BỐ QUANG

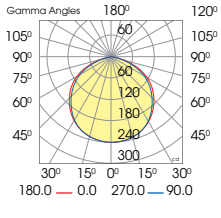

LƯỚI ĐỘ RỌI

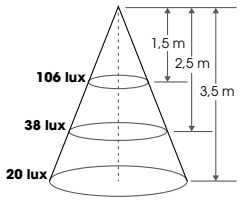

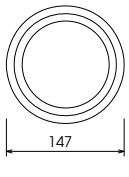

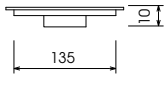

PT05 ĐM 135/12W

PHÂN BỐ QUANG

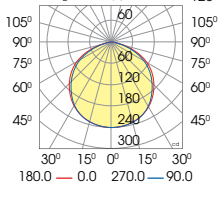

LƯỚI ĐỘ RỌI

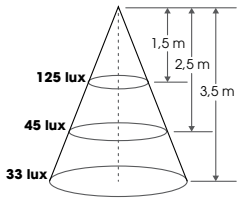

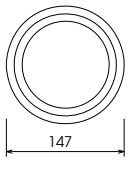

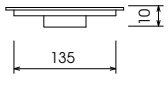

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm	K		giờ	mm	mm
PT05 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	570/470/ 570	6500/3000/5000	80	20000	104x10	90
PT05 ĐM 110/7W	7	150÷250	50	540/520/ 610	6500/3000/5000	80	20000	122x10	110
PT05 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	680/580/ 680	6500/3000/5000	80	20000	122x10	110
PT05 ĐM 135/9W	9	150÷250	50	650/600/650	6500/3000/5000	80	20000	147x10	135
PT05 ĐM 135/12W	12	150÷250	50	850/750/850	6500/3000/5000	80	20000	147x10	135

ĐÈN LED DOWNLIGHT **ĐỔI MÀU**

AT02 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

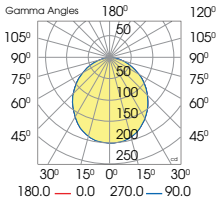

LƯỚI ĐỘ RỌI

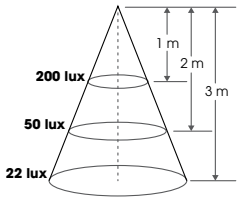

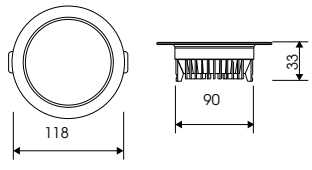

AT02 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

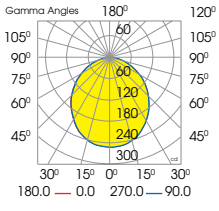

LƯỚI ĐỘ RỌI

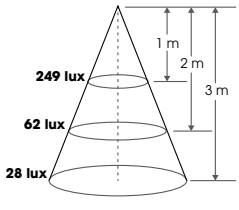

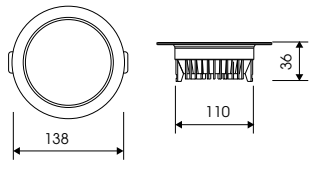

AT10 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

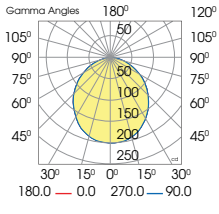

LƯỚI ĐỘ RỌI

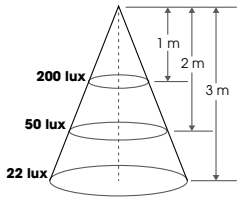

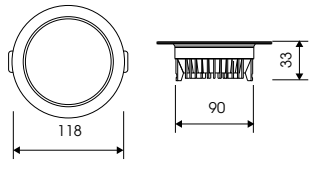

AT10 ĐM 90/9W

PHÂN BỐ QUANG

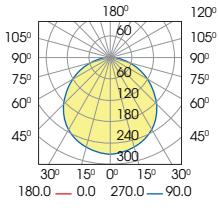

LƯỚI ĐỘ RỌI

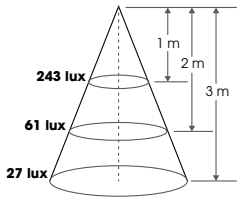

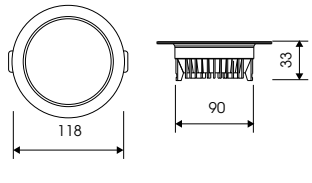

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT02 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	100	700	6500/4000/3000	80	30000	118x33	90
AT02 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/3000/3000	80	30000	138x36	110
AT10 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	100	700	6500/3000/3000	80	30000	118x33	90
AT10 ĐM 90/9W	9	150÷250	0.5	100	900	3000/3000/6500	80	30000	118x33	90

AT10 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

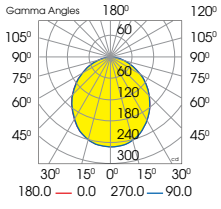

LƯỚI ĐỘ RỌI

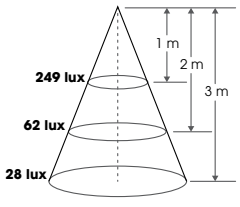

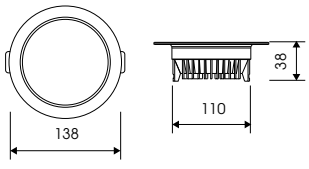

AT10 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

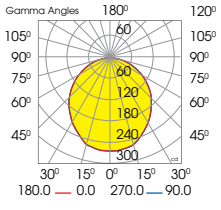

LƯỚI ĐỘ RỌI

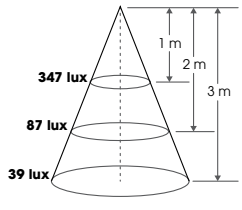

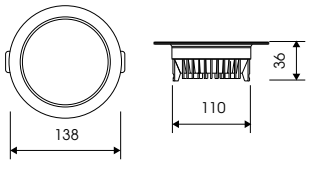

AT26 90/8W

PHÂN BỐ QUANG

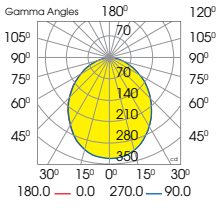

LƯỚI ĐỘ RỌI

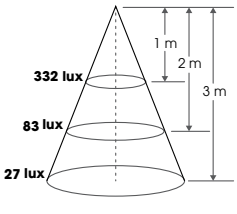

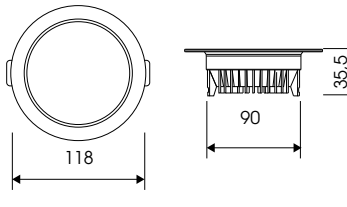

AT26 90/8W (G)

PHÂN BỐ QUANG

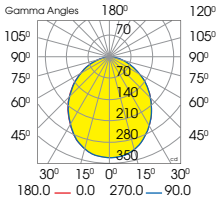

LƯỚI ĐỘ RỌI

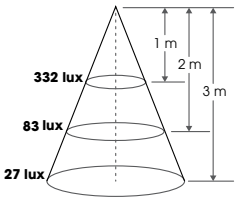

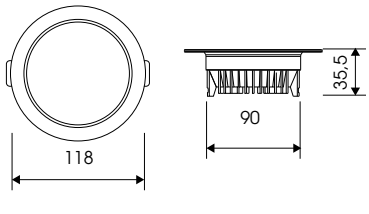

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT10 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	100	900	6500/4000/3000	80	25000	138x36	110
AT10 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	100	1200	6500/4000/3000	80	25000	138x36	110
AT26 90/8W	8	220	50	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x35,5	90
AT26 90/8W (G)	8	220	50	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x35,5	90

AT26 90/10W

PHÂN BỐ QUANG

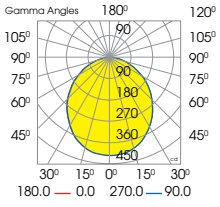

LƯỚI ĐỘ RỌI

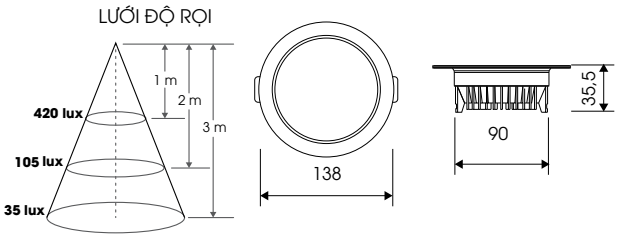

AT26 90/10W (G)

PHÂN BỐ QUANG

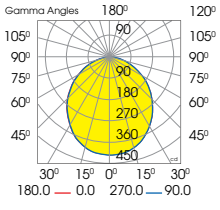

LƯỚI ĐỘ RỌI

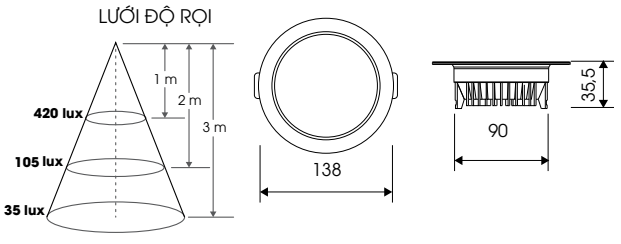

AT28 90/8W

PHÂN BỐ QUANG

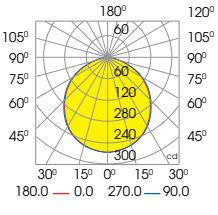

LƯỚI ĐỘ RỌI

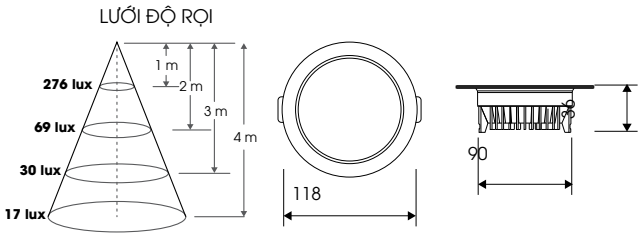

AT28 110/10W

PHÂN BỐ QUANG

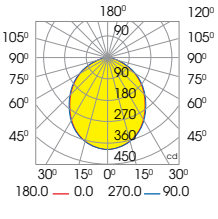

LƯỚI ĐỘ RỌI

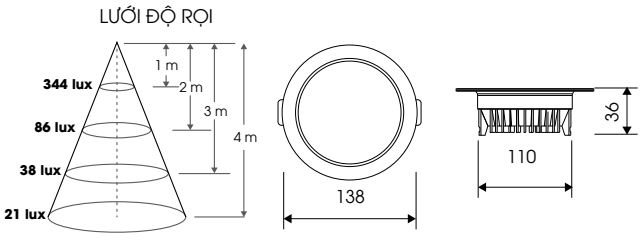

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT26 90/10W	10	220	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x35,5	90
AT26 90/10W (G)	10	220	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x35,5	90
AT28 90/8W	8	220	50	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x36	90
AT28 110/10W	10	220	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110

AT28 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

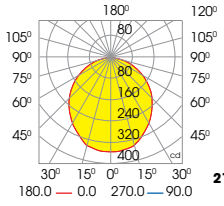

LƯỚI ĐỘ RỌI

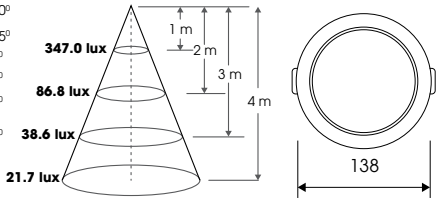

ĐÈN LED DOWNLIGH COB **ĐỔI MÀU**

AT17 ĐM 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

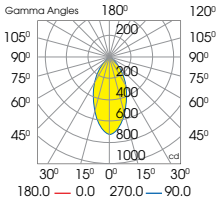

LƯỚI ĐỘ RỌI

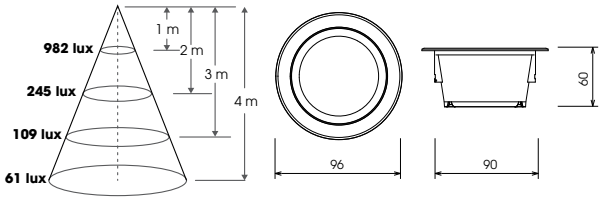

AT17 ĐM 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

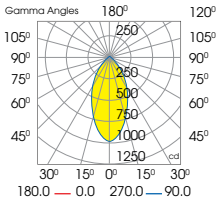

LƯỚI ĐỘ RỌI

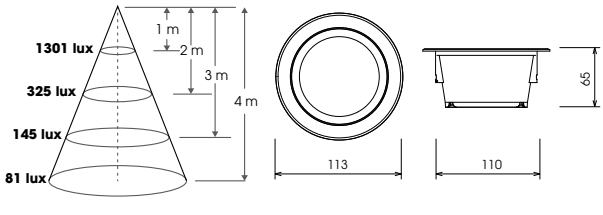

AT17 ĐM 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

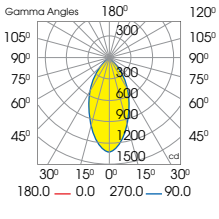

LƯỚI ĐỘ RỌI

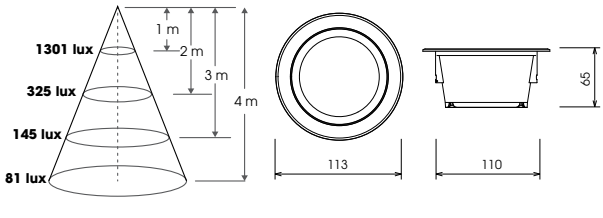

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước	ĐK khoét trần
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		giờ	mm	mm
AT28 110/12W	12	220	50	100	1200	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110
AT17 ĐM 90/7W	7	150÷250	50	90	630/580/560	6500/3000/4000	80	20000	96x60	90
AT17 ĐM 110/9W	9	150÷250	50	95	860/800/770	6500/3000/4000	80	20000	113x65	110
AT17 ĐM 110/12W	12	150÷250	50	95	1140/1050/1020	6500/3000/4000	80	20000	113x65	110

ĐÈN LED PHA **ĐỔI MÀU**

CP09.RGB 20W

PHÂN BỐ QUANG

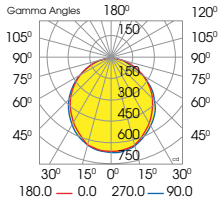

LƯỚI ĐỘ RỌI

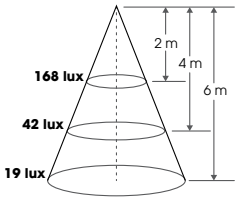

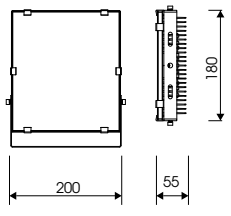

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào	Màu ánh sáng	Số cảnh chiếu sáng cài sẵn	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		A				giờ	mm
CP09.RGB 20W	20	150÷250	0,5	0.25	RGB	10	IP66	30000	200x180x55

• Có thể kết hợp với bộ Timer để tự động đổi màu ánh sáng.

ĐÈN LED ỐP TƯỜNG **ĐỔI MÀU**

LN18 ĐM 83x60/6W

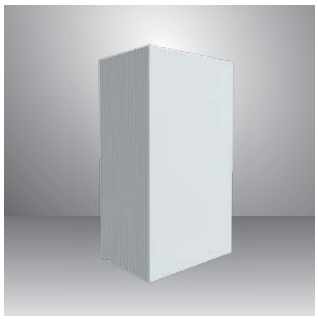

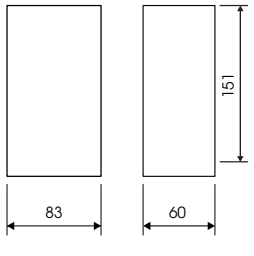

LN18.V2 ĐM 110x75/6W

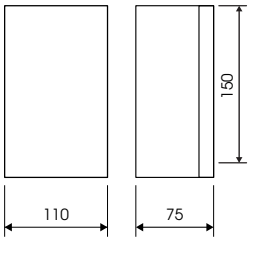

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm	K		giờ	mm
LN18 ĐM 83x60/6W	6	150÷250	0,5	350	6500/3000/4000	85	20000	83x60x151
LN18.V2 ĐM 110x75/6W	6	150÷250	0,5	200	6500/3000/4000	85	20000	110x75x150

NHÓM SẢN PHẨM LED
DỰ PHÒNG, KHẨN CẤP, EXIT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED chất lượng cao, hiệu suất cao và tuổi thọ dài.
- Bộ lưu điện dung lượng Pin Ni-Cd 400mAh/800mAh, thời gian nạp đầy 20 giờ.
- Thời gian chiếu sáng dự phòng 3 giờ.
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷45)°C, phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/ IEC 60598-1

TÍNH NĂNG

- Đèn tự động bật sáng khi có sự cố mất điện.

LỢI ÍCH KHI SỬ DỤNG

- Tiết kiệm đến 60-75% điện năng thay thế đèn chỉ dẫn dùng bóng huỳnh quang. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện.
- Tuổi thọ cao 15.000 giờ (L70), cao gấp 2-3 lần đèn bóng huỳnh quang, không hạn chế số lần tắt bật.

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng chỉ dẫn thoát hiểm trong tòa nhà, bệnh viện, chung cư, học đường, trung tâm thương mại, khu vực hầm,...

ĐÈN LED PANEL **DỰ PHÒNG**

P08.DP 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG

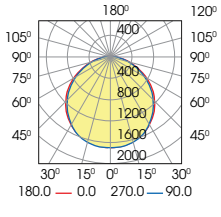

LƯỚI ĐỘ RỌI

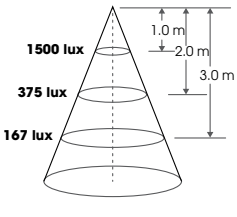

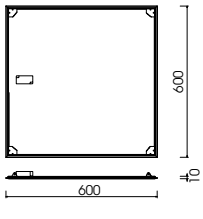

P08.DP 300x1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

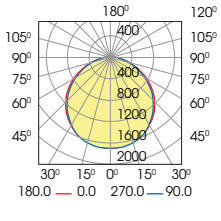

LƯỚI ĐỘ RỌI

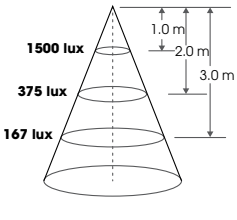

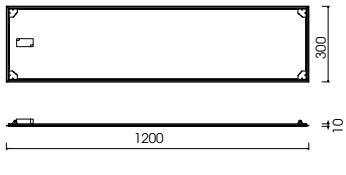

Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	giờ	giờ	K	lm	lm		giờ	mm
P08.DP 600x600/40W	40	220/50-60	2	12-15	6500	4000	1,300	Lithium	25000	600x600x12
P08.DP 300x1200/40W	40	220/50-60	2	12-15	6500	4000	1,300	Lithium	25000	1200x300x12

ĐÈN LED DOWNLIGHT **DỰ PHÒNG**

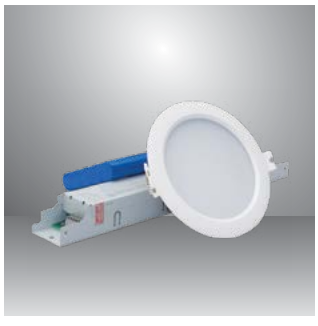

AT04.DP 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

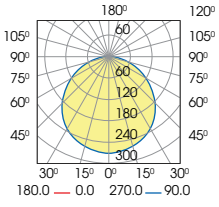

LƯỚI ĐỘ RỌI

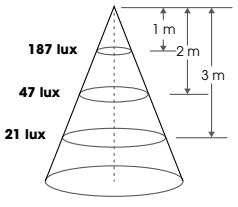

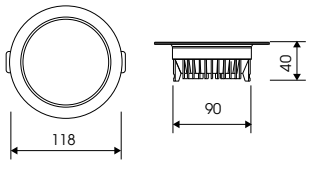

AT04.DP 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

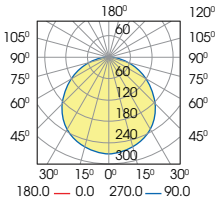

LƯỚI ĐỘ RỌI

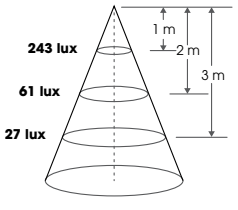

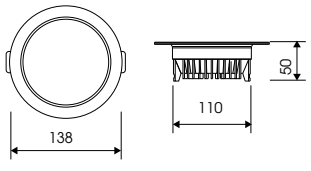

AT04.DP 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

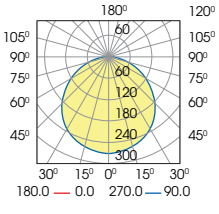

LƯỚI ĐỘ RỌI

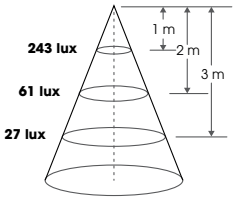

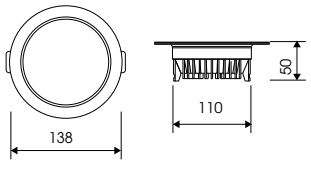

ĐÈN LED ỐP TRẦN **DỰ PHÒNG**

LN09.DP 300/24W

PHÂN BỐ QUANG

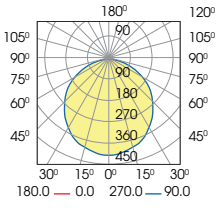

LƯỚI ĐỘ RỌI

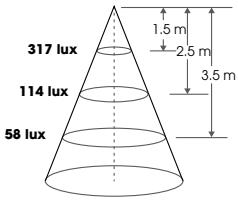

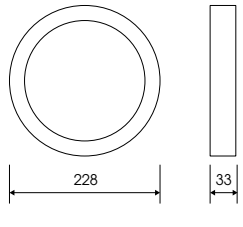

Model	Công suất	Điện áp danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Thời gian nạp đầy pin	Nhiệt độ màu	Quang thông Power on	Quang thông Power off	Pin	Tuổi thọ	Kích thước
	W	V	giờ	giờ	K	lm	lm		giờ	mm
AT04.DP 90/7W	7	220/50-60	2	12÷15	6500	500	440	Lithium	20000	118x40
AT04.DP 110/9W	9	220/50-60	2	12÷15	6500	700	440	Lithium	20000	138x50
AT04.DP 110/12W	12	220/50-60	2	12÷15	6500	930	550	Lithium	20000	138x50
LN09.DP 300/24W	24	220V/50Hz	2	12÷15	6500	900	480	-	15000	288x33

ĐÈN LED **CHỈ DẪN**

CD01 40x20/2.2 W (1 mặt/2 mặt)

ĐÈN LED **KHẨN CẤP**

AT07.KC 90/5W

KC01 2W

KC02 10W

KC04 6W, KC03 8W

Model	Công suất	Nguồn điện danh định	Thời gian chiếu sáng dự phòng	Quang thông max	Pin	Thời gian nạp đầy pin	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Đường kính khoét lỗ
	W	V/Hz	giờ	lm		giờ	giờ	mm	mm
CD01 40x20/2.2W (1 mặt/2 mặt)	2.2	220/50	3	-	3.7VDC - 1.2Ah	20	15000	395x25x202	
AT07.KC 90/5W	5	220/50	≥2	310	3.7VDC - 1.2Ah	24	15000	Ø118x40	90
KC01 2W	2	220/50						258x265x50	
KC04 6W	6	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	500	3.7VDC - 1.2Ah	24	15000	223x195x55	
KC03 8W	8	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	1200	3.7VDC - 1.2Ah	24	15000	265x60x260	
KC02 10W	10	220/50	6 (1 bóng) 3 (2 bóng)	1000	3.7VDC - 1.2Ah	24	15000	-	

NHÓM SẢN PHẨM
LED BULB

Chiếu sáng Indoor

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc có độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật, ánh sáng trung thực tự nhiên.
- Dải điện áp rộng 150 - 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Có khả năng chịu nhiệt, tản nhiệt nhanh, chịu áp suất...

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, bếp, ban công,...
- Chiếu sáng trang trí tại các cửa hàng, nhà hàng, khu vui chơi, ...

Chiếu sáng nông nghiệp

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Phổ ánh sáng phù hợp điều khiển ra hoa cây hoa cúc/thanh long thương phẩm và nhân giống
- Chất lượng cây hoa tốt, đồng đều, giá trị kinh tế cao
- Chỉ số IP 54 (hoa cúc), IP 65 (thanh long)
- Tuổi thọ đèn cao, tiết kiệm điện năng

ỨNG DỤNG

- Sử dụng chiếu sáng cây thanh long, hoa cúc, nâng cao hiệu quả kinh tế cho bà con nông dân.

BÓNG ĐÈN **LED BULB**

A45N1/3W.H

PHÂN BỐ QUANG

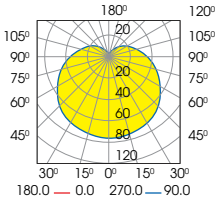

LƯỚI ĐỘ RỌI

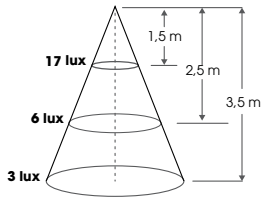

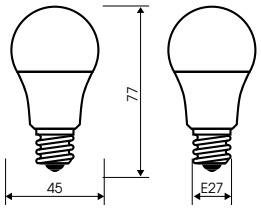

A55N4/5W.H

PHÂN BỐ QUANG

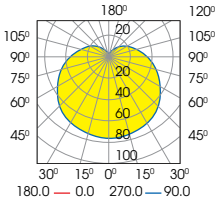

LƯỚI ĐỘ RỌI

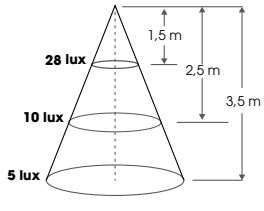

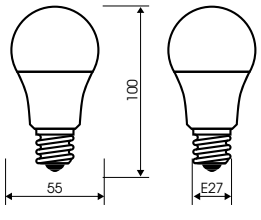

A60N3/7W.H

PHÂN BỐ QUANG

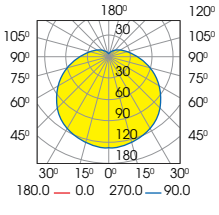

LƯỚI ĐỘ RỌI

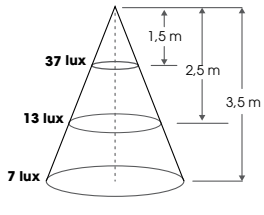

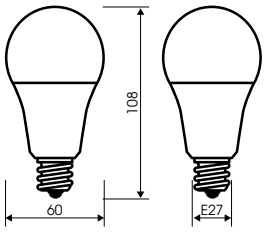

A60N1/9W.H

PHÂN BỐ QUANG

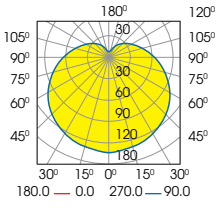

LƯỚI ĐỘ RỌI

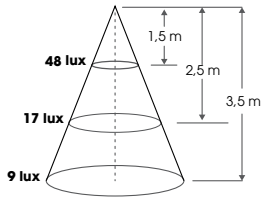

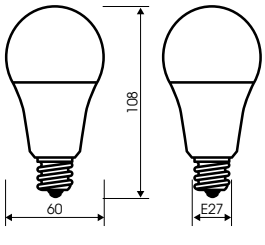

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A45N1/3W.H	3	150 ÷ 250	0.5	90-95	270/285	3000/4000/6500	83	20000	45x77
A55N4/5W.H	5	150 ÷ 250	0.5	90-95	450/475	3000/4000/6500	83	20000	55x100
A60N3/7W.H	7	150 ÷ 250	0.5	80-90	560/630	3000/4000/6500	83	20000	60x108
A60N1/9W.H	9	150 ÷ 250	0.5	80-90	720/810	3000/4000/6500	83	20000	60x108
A60N1 7W	7	150 ÷ 250	0.5	80	580	4000/6500	80	15000	60x90
A60N1 9W	9	150 ÷ 250	0.5	80	720	4000/6500	80	15000	60x90

A70N1/12W.H

PHÂN BỐ QUANG

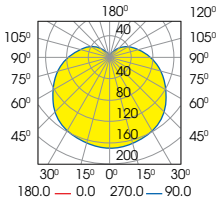

LƯỚI ĐỘ RỌI

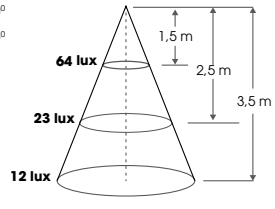

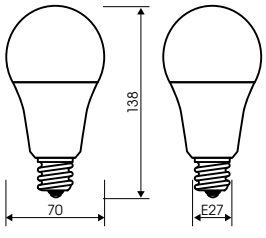

A80N1/15W.H

PHÂN BỐ QUANG

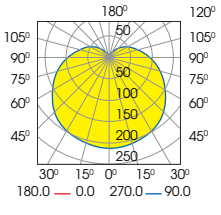

LƯỚI ĐỘ RỌI

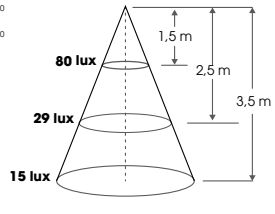

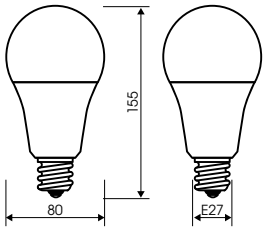

A95N1/20W.H

PHÂN BỐ QUANG

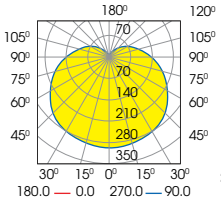

LƯỚI ĐỘ RỌI

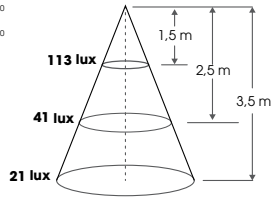

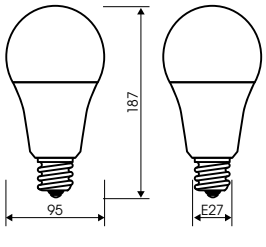

A120N1/30W.H

PHÂN BỐ QUANG

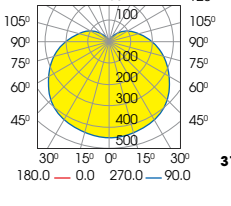

LƯỚI ĐỘ RỌI

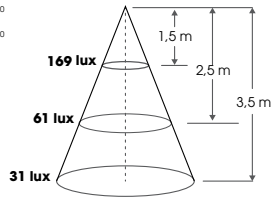

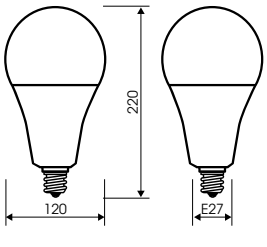

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A70N1/12W.H	12	150 ÷ 250	0.5	85-90	1020-1080	3000/4000/6500	83	20000	70x138
A80N1/15W.H	15	150 ÷ 250	0.5	85-90	1270-1350	3000/4000/6500	83	20000	80x155
A95N1/20W.H	20	150 ÷ 250	0.5	90-95	1800-1900	3000/4000/6500	83	20000	95x187
A120N1/30W.H	30	150 ÷ 250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	20000	120x220

BÓNG ĐÈN **LED BULB TRỤ NHÔM ĐÚC**

TR80NĐ2/20W.H

PHÂN BỐ QUANG

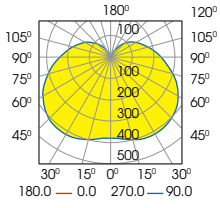

LƯỚI ĐỘ RỌI

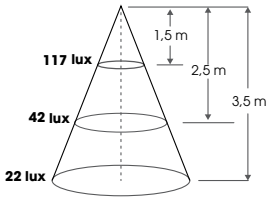

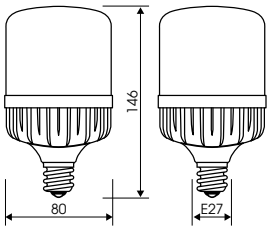

TR100NĐ2/30W.H

PHÂN BỐ QUANG

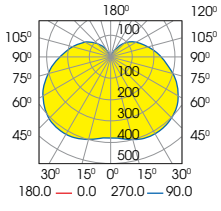

LƯỚI ĐỘ RỌI

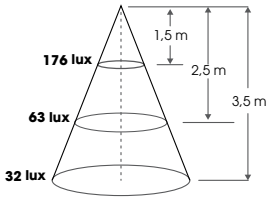

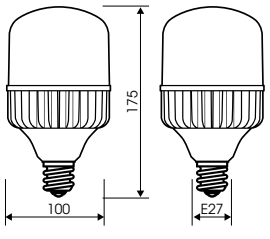

TR135NĐ1/60W.H

PHÂN BỐ QUANG

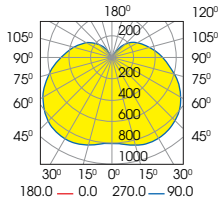

LƯỚI ĐỘ RỌI

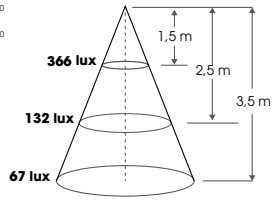

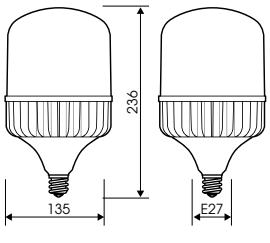

TR135NĐ/80W.H

PHÂN BỐ QUANG

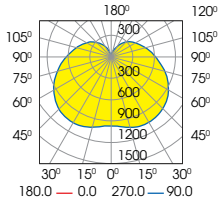

LƯỚI ĐỘ RỌI

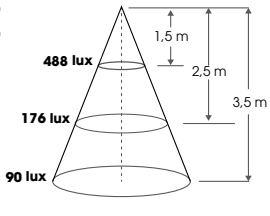

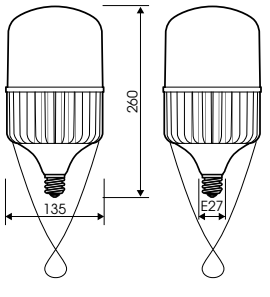

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR80NĐ2/20W.H	20	150 ÷ 250	0.5	85-95	1700-1900	3000/4000/6500	83	20000	80x146
TR100NĐ2/30W.H	30	150 ÷ 250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	30000	100x175
TR135NĐ1/60W.H	60	150 ÷ 250	0.5	85-95	4590-5130	3000/4000/6500	83	20000	135x236
TR135NĐ/80W.H	80	150 ÷ 250	0.5	100/92	8000/7200	3000/4000/6500	83	25000	140x250
TR 140NĐ/60W	60	150 ÷ 250	0.5	92 - 100	5500-6000	3000/4000/6500	80	25000	140X231
TR 135/80W	80	150 ÷ 250	0.5	92 - 95	7400-7600	3000/4000/6500	83	30000	135X236

BÓNG ĐÈN **LED BULB TRỤ NHÔM NHỰA**

TR60N2/10W.H

PHÂN BỐ QUANG

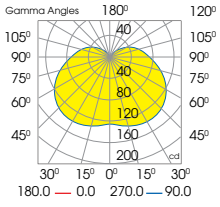

LƯỚI ĐỘ RỌI

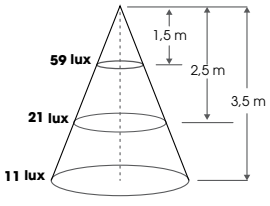

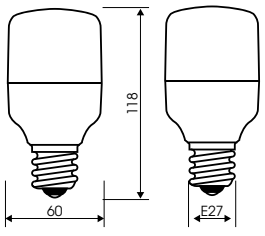

TR70N2/12W.H

PHÂN BỐ QUANG

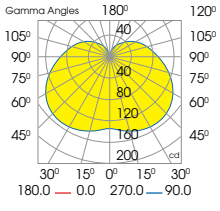

LƯỚI ĐỘ RỌI

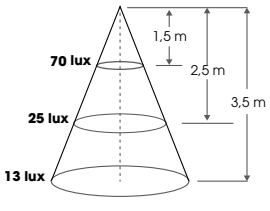

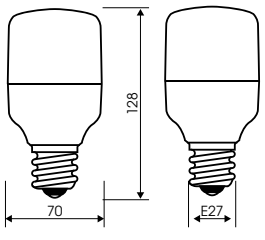

TR70N1/14W.H

PHÂN BỐ QUANG

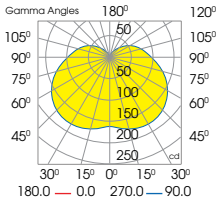

LƯỚI ĐỘ RỌI

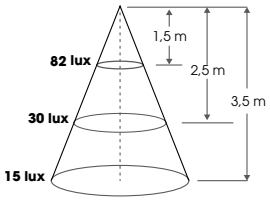

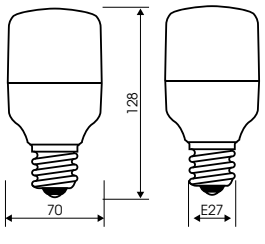

TR80N1/20W.H

PHÂN BỐ QUANG

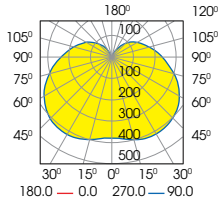

LƯỚI ĐỘ RỌI

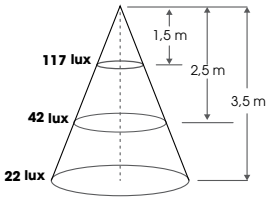

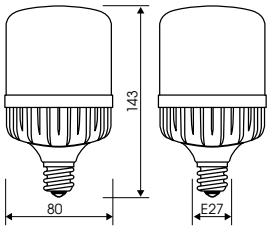

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR60N2/10W.H	10	150 ÷ 250	0.5	80-95	800-950	3000/4000/6500	83	20000	60x118
TR70N2/12W.H	12	150 ÷ 250	0.5	90-95	1080-1140	3000/4000/6500	83	20000	70x128
TR70N1/14W.H	14	150 ÷ 250	0.5	85-95	1190-1330	3000/4000/6500	83	20000	70x128
TR80N1/20W.H	20	150 ÷ 250	0.5	93-95	1860-1900	3000/4000/6500	83	20000	80x143

TR100N1/30W.H

PHÂN BỐ QUANG

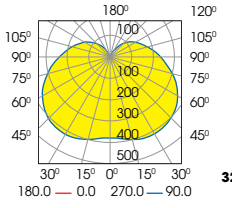

LƯỚI ĐỘ RỌI

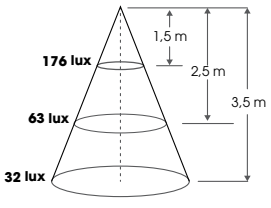

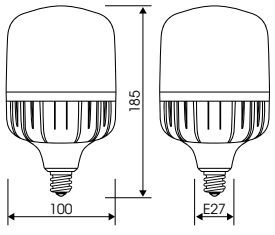

TR120N1/40W.H

PHÂN BỐ QUANG

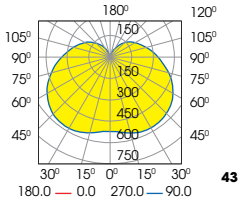

LƯỚI ĐỘ RỌI

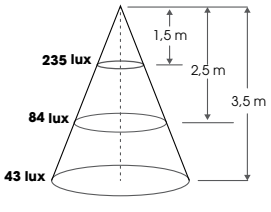

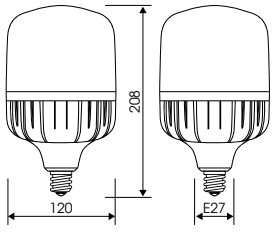

TR140N1/50W.H

PHÂN BỐ QUANG

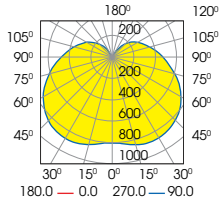

LƯỚI ĐỘ RỌI

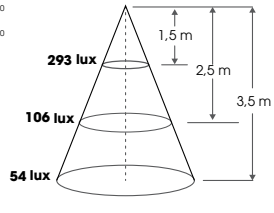

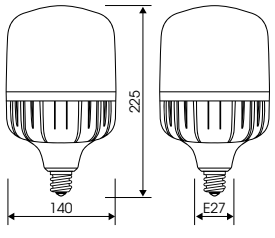

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR100N1/30W.H	30	150 ÷ 250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	20000	100x185
TR120N1/40W.H	40	150 ÷ 250	0.5	85-95	3400-3800	3000/4000/6500	83	20000	120x208
TR140N1/50W.H	50	150 ÷ 250	0.5	85-95	3400-4750	3000/4000/6500	83	20000	140x225

A70N1/12W

PHÂN BỐ QUANG

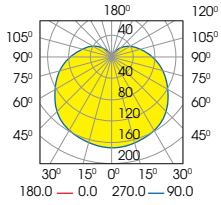

LƯỚI ĐỘ RỌI

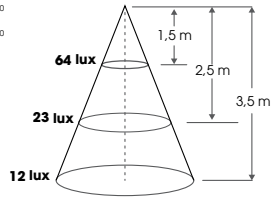

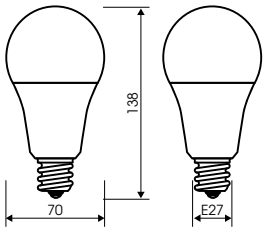

A80N1/15W

PHÂN BỐ QUANG

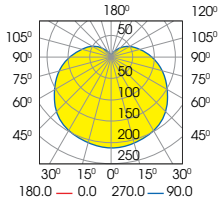

LƯỚI ĐỘ RỌI

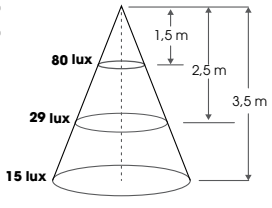

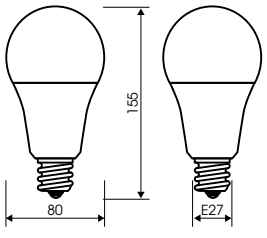

A95N1/20W

PHÂN BỐ QUANG

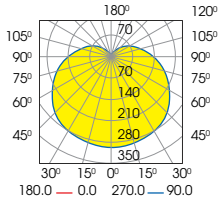

LƯỚI ĐỘ RỌI

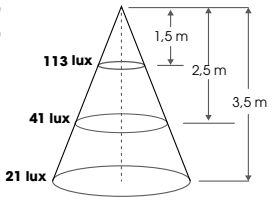

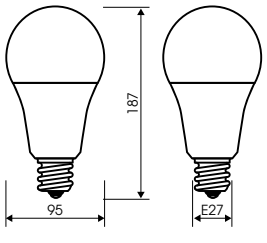

A120N1/30W

PHÂN BỐ QUANG

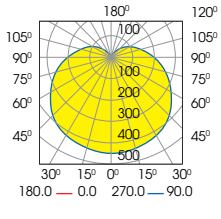

LƯỚI ĐỘ RỌI

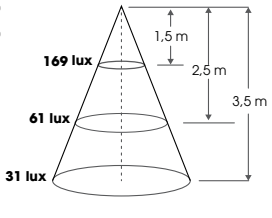

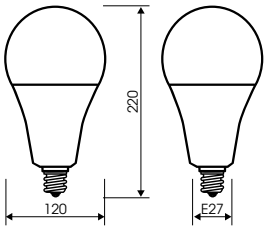

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
A70N1/12W	12	150 ÷ 250	0.5	85-90	1020-1080	3000/4000/6500	83	20000	70x138
A80N1/15W	15	150 ÷ 250	0.5	85-90	1270-1350	3000/4000/6500	83	20000	80x155
A95N1/20W	20	150 ÷ 250	0.5	90-95	1800-1900	3000/4000/6500	83	20000	95x187
A120N1/30W	30	150 ÷ 250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	20000	120x220

TR70N2/12W

PHÂN BỐ QUANG

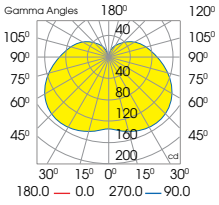

LƯỚI ĐỘ RỌI

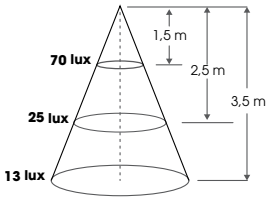

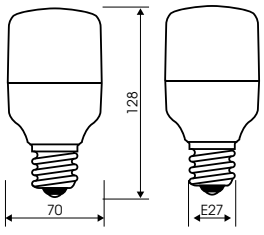

TR70N1/14W

PHÂN BỐ QUANG

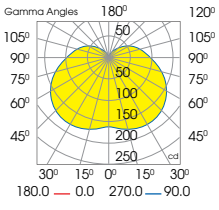

LƯỚI ĐỘ RỌI

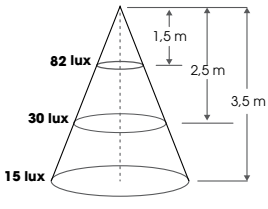

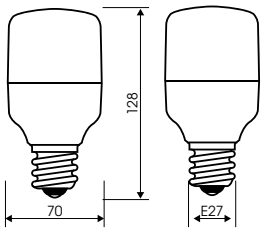

TR80N1/20W

PHÂN BỐ QUANG

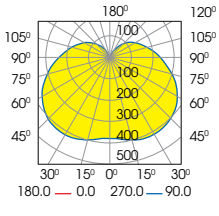

LƯỚI ĐỘ RỌI

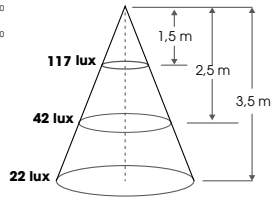

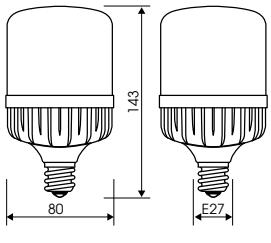

TR100N1/30W

PHÂN BỐ QUANG

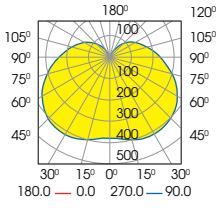

LƯỚI ĐỘ RỌI

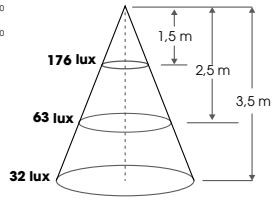

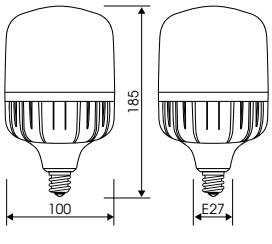

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR70N2/12W	12	150 ÷ 250	0.5	90-95	1080-1140	3000/4000/6500	83	20000	70x128
TR70N1/14W	14	150 ÷ 250	0.5	85-95	1190-1330	3000/4000/6500	83	20000	70x128
TR80N1/20W	20	150 ÷ 250	0.5	93-95	1860-1900	3000/4000/6500	83	20000	80x143
TR100N1/30W	30	150 ÷ 250	0.5	85-95	2550-2850	3000/4000/6500	83	20000	100x185

TR120N1/40W

PHÂN BỐ QUANG

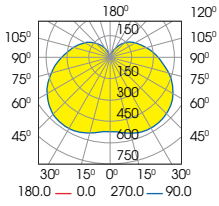

LƯỚI ĐỘ RỌI

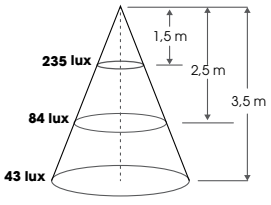

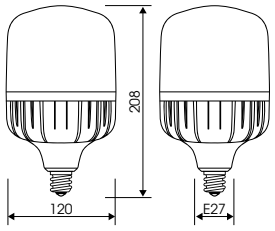

TR140N1/50W

PHÂN BỐ QUANG

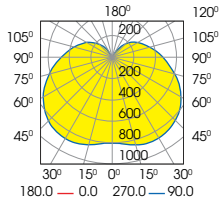

LƯỚI ĐỘ RỌI

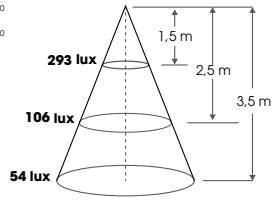

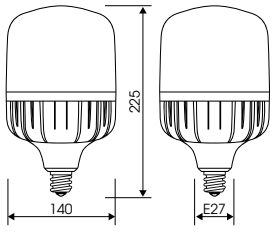

TR135NĐ1/60W

PHÂN BỐ QUANG

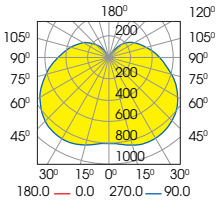

LƯỚI ĐỘ RỌI

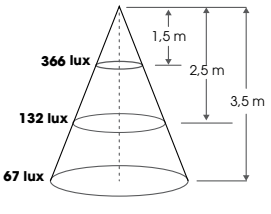

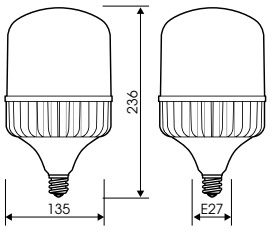

TR160N1/60W

PHÂN BỐ QUANG

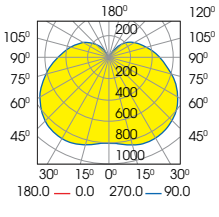

LƯỚI ĐỘ RỌI

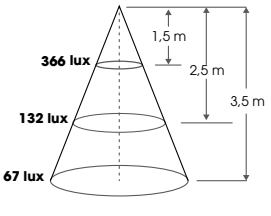

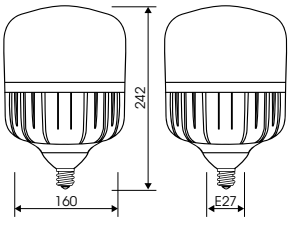

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
TR120N1/40W	40	150 ÷ 250	0.5	85-95	3400-3800	3000/4000/6500	83	20000	120x208
TR140N1/50W	50	150 ÷ 250	0.5	85-95	3400-4750	3000/4000/6500	83	20000	140x225
TR135NĐ1/60W	60	150 ÷ 250	0.5	92-100	5500-6000	3000/4000/6500	83	25000	135x236
TR160N1/60W	60	150 ÷ 250	0.5	85-95	5100-5700	3000/4000/6500	83	20000	160x242

BÓNG ĐÈN **LED BULB 12-24 VDC**

A60N1/9W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG

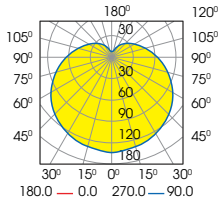

LƯỚI ĐỘ RỌI

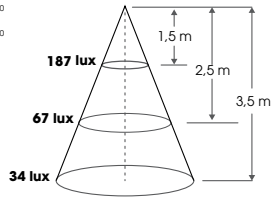

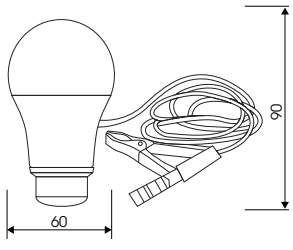

TR70N1/12W.DCV2

PHÂN BỐ QUANG

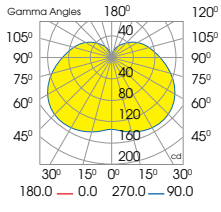

LƯỚI ĐỘ RỌI

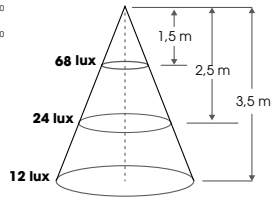

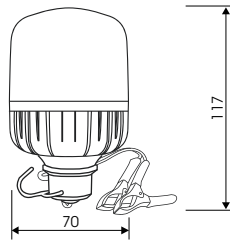

Model	Công suất	Điện áp nguồn	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W		VDC	lm/W	lm	K		Giờ	mm
A60N1/9W.DCV2	9	12	11÷12,7	80	720	3000/6500	80	15000	60x90
TR70N1/12W.DCV2	12	12	11÷12,7	80	980	3000/6500	80	15000	70x117

BÓNG ĐÈN LED **BULB NẾN DÂY TÓC**

C35/2.5W

PHÂN BỐ QUANG

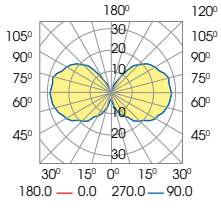

LƯỚI ĐỘ RỌI

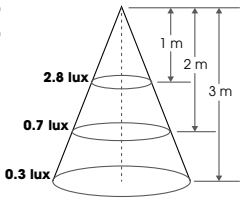

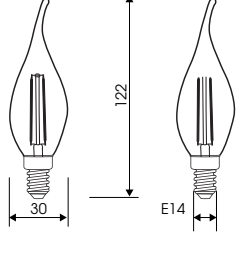

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
C35/2.5W	2.5	170 -250	0.5	112	280	2700	80	20000	30x122

BÓNG ĐÈN **LED BULB TRANG TRÍ**

A45R/1W

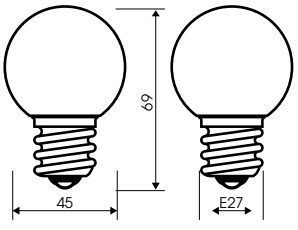

A45Y/1W

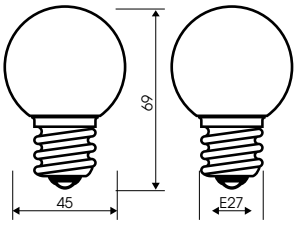

A45G/1W

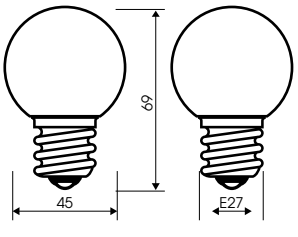

A45B/1W

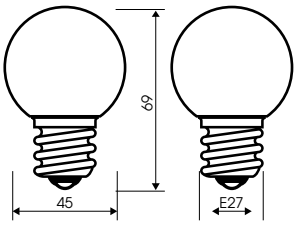

A45W/1W

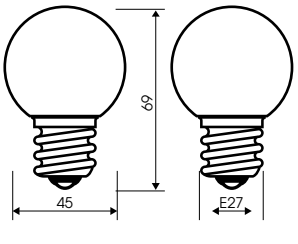

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm		Giờ	mm
A45R/1W	1	170 ÷250	0,5	30	30	đỏ	15000	45x69
A45Y/1W	1	170 ÷250	0,5	75	75	vàng	15000	45x69
A45G/1W	1	170 ÷250	0,5	65	65	xanh lá	15000	45x69
A45B/1W	1	170 ÷250	0,5	8	8	xanh lam	15000	45x69
A45W/1W	1	170 ÷250	0,5	70	70	trắng	15000	45x69

NHÓM SẢN PHẨM
BÓNG - BỘ ĐÈN LED TUBE

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 170 - 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng hộ gia đình, căn hộ: phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, bếp, ban công,...
- Chiếu sáng trang trí: hắt khe trần, kệ trưng bày,..

BÓNG ĐÈN **LED TUBE NHÔM NHỰA**

T8 600/10W

PHÂN BỐ QUANG

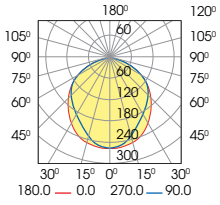

LƯỚI ĐỘ RỌI

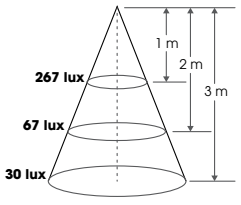

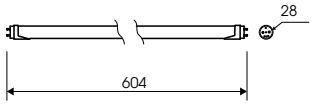

T8 1200/20W

PHÂN BỐ QUANG

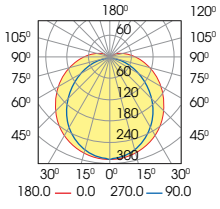

LƯỚI ĐỘ RỌI

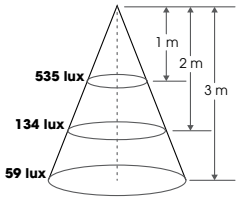

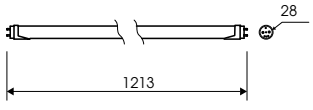

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 600/10W	10	150 ÷ 250	0.5	100	1000	3000/6500	82	30000	28x604
T8 1200/20W	20	150 ÷ 250	0.5	115	2300	3000/6500	82	30000	28x1213

BÓNG ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA**

T8 N02 600/10W

PHÂN BỐ QUANG

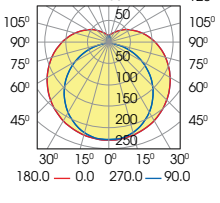

LƯỚI ĐỘ RỌI

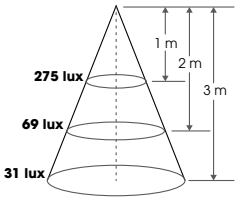

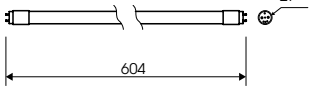

T8 N02 1200/20W

PHÂN BỐ QUANG

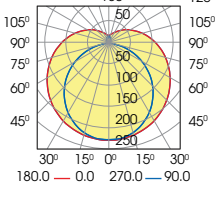

LƯỚI ĐỘ RỌI

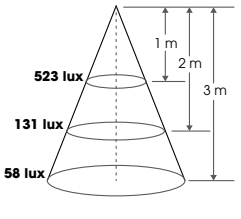

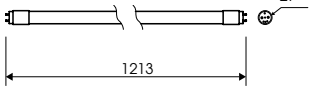

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 N02 600/10W	10	170 ÷ 250	0.5	100/110	1000/1100	3000/6500	82	30000	27x604
T8 N02 1200/20W	20	170 ÷ 250	0.5	110/130	2400/2600	3000/6500	82	30000	27x1213

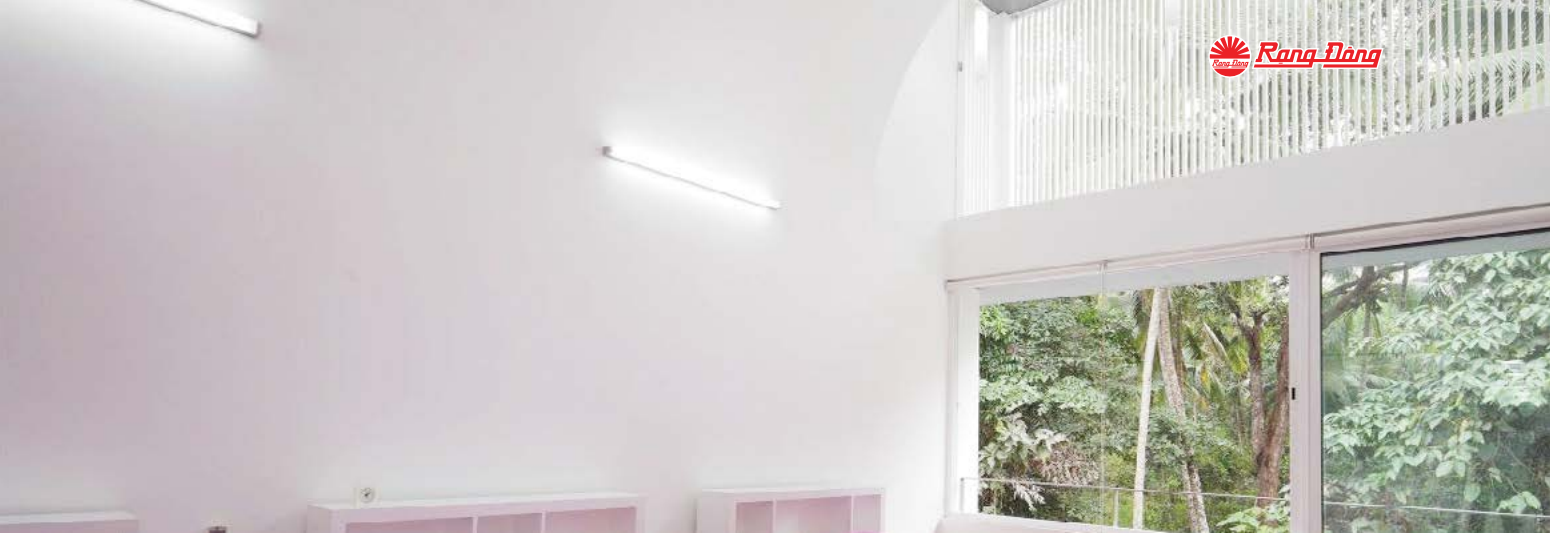

BÓNG ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH**

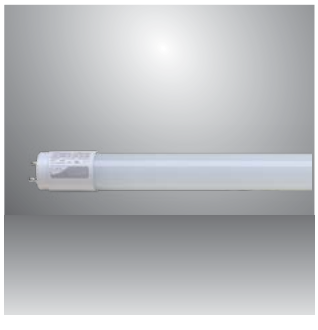

T8 TT01 600/10W

PHÂN BỐ QUANG

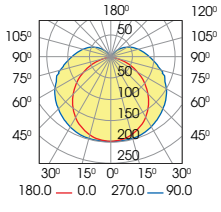

LƯỚI ĐỘ RỌI

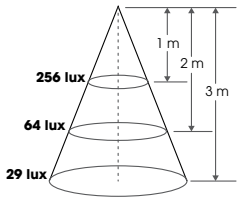

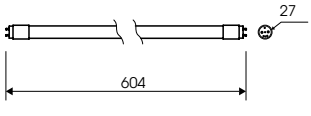

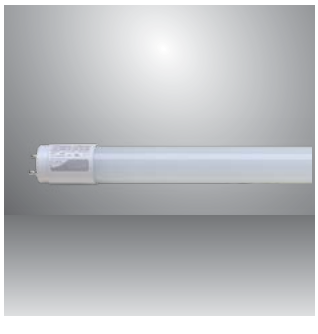

T8 TT01 1200/20W

PHÂN BỐ QUANG

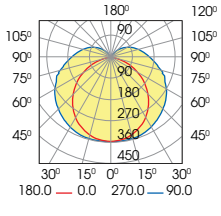

LƯỚI ĐỘ RỌI

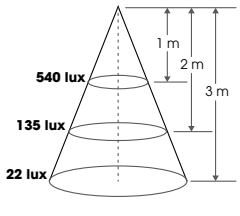

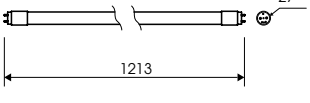

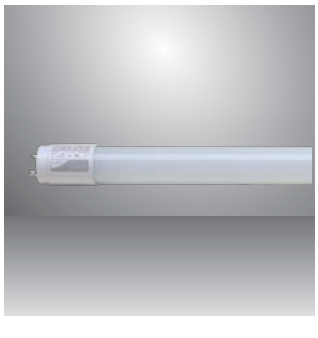

T8 TT01 1200/20W.H

PHÂN BỐ QUANG

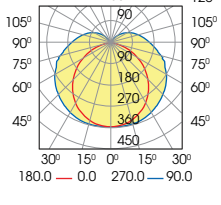

LƯỚI ĐỘ RỌI

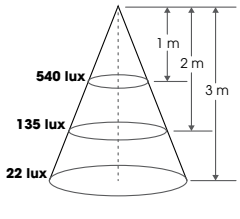

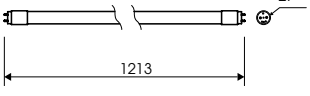

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 TT01 600/10W	10	150÷250	0.5	100/110	1000/1100	3000/6500	82	30000	27x604
T8 TT01 1200/20W	20	170÷250	0.5	110/130	2400/2600	3000/6500	82	30000	27x1213
T8 TT01 1200/20W.H	20	170÷250	0.5	140/150	2800/3000	3000/6500	82	30000	27x1213

BỘ ĐÈN **LED TUBE NHÔM NHỰA**

T8 M11/10Wx1

PHÂN BỐ QUANG

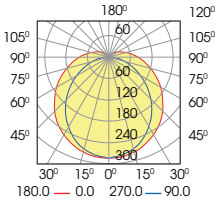

LƯỚI ĐỘ RỌI

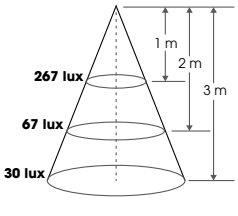

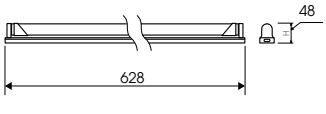

T8 M11/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

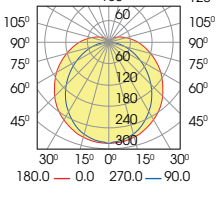

LƯỚI ĐỘ RỌI

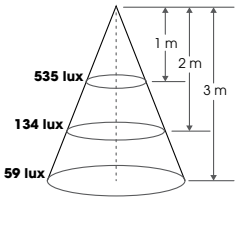

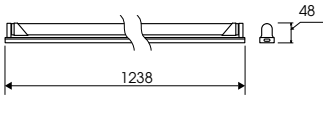

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 M11/10Wx1	10	150 ÷ 250	0.5	100	1000	Trắng/Vàng	82	30000	48x628
T8 M11/20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	115	2300	Trắng/Vàng	82	30000	48x1238

BỘ ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH BỌC NHỰA**

T8 N02 M11/10Wx1

PHÂN BỐ QUANG

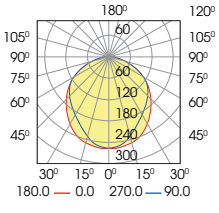

LƯỚI ĐỘ RỌI

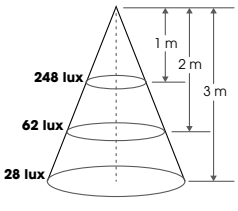

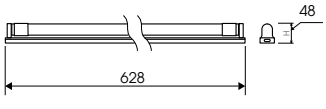

T8 N02 M11/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

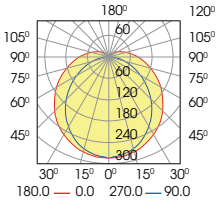

LƯỚI ĐỘ RỌI

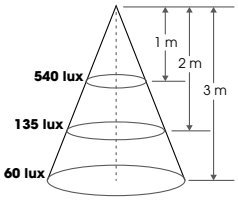

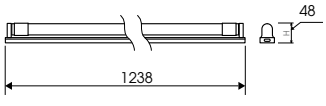

T8 N02 M21.1/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

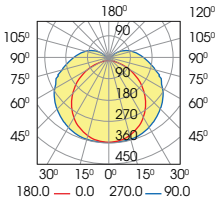

LƯỚI ĐỘ RỌI

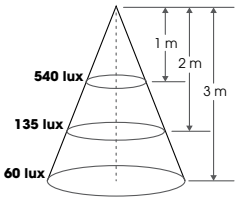

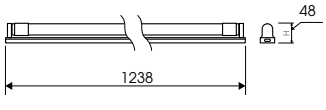

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 N02 M11/10Wx1	10	150 ÷ 250	0.5	110 (6500K) 100 (4000-3000K)	1100 (6500K) 1000 (4000-3000K)	3000/4000/6500	82	30000	48x628
T8 N02 M11/18Wx1	18	150 ÷ 250	0.9	90	1800	4000/6500	80	30000	1237x48x63
T8 N02 M11/20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	120	2600	3000/4000/6500	82	30000	48x1238
T8 N02 M21.1/20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	110	2000	3000/4000/6500	82	20000	48x1238

BỘ ĐÈN **LED TUBE THỦY TINH**

T8 TT01 M21.1/10Wx1

PHÂN BỐ QUANG

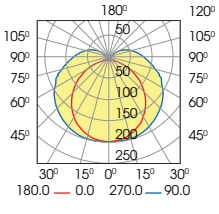

LƯỚI ĐỘ RỌI

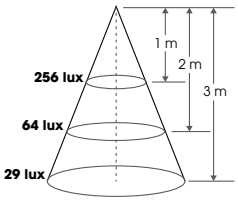

T8 TT01 M11/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

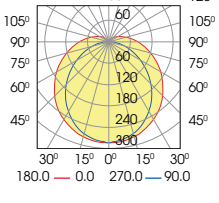

LƯỚI ĐỘ RỌI

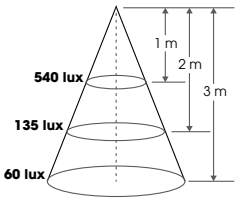

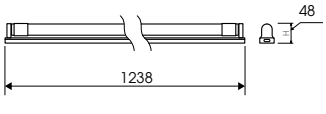

T8 TT01 M21.1/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

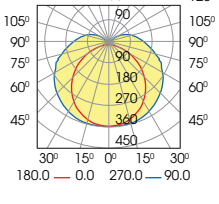

LƯỚI ĐỘ RỌI

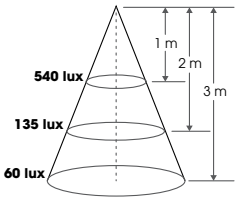

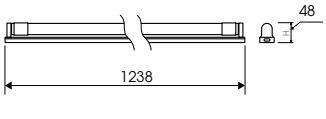

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T8 TT01 M21.1/10Wx1	10	170 ÷ 250	0.5	110 (6500-5000K) 100 (4000-3000K)	1100 (6500-5000K) 1000 (4000-3000K)	3000/4000/5000/6500	82	30000	48x628
T8 TT01 M11/20Wx1	20	170 ÷ 250	0.5	110/120	2400/2600	3000/4000/5000/6500	82	30000	48x1238
T8 TT01 M21.1/20Wx1	20	170 ÷ 250	0.5	120/130	2400/2600	3000/4000/5000/6500	82	30000	48x1238
T8 TT01 M11/10Wx1	10	170 ÷ 250	0.5	120-130	2400-2600	3000/4000/6500	82	30000	628x49x63
T8 TT01 M21.1/18x1	20	170 ÷ 250	0.9	90	1800	4000/6500	80	30000	1222x35x51

BỘ ĐÈN **LED T5 LIỀN THÂN**

T5 LT03 300/4W

PHÂN BỐ QUANG

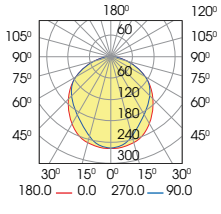

LƯỚI ĐỘ RỌI

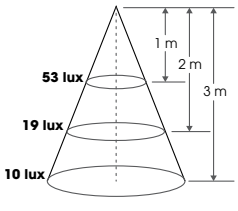

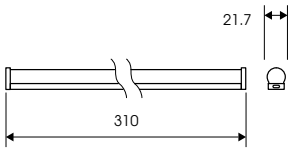

T5 LT03 600/8W

PHÂN BỐ QUANG

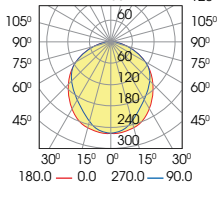

LƯỚI ĐỘ RỌI

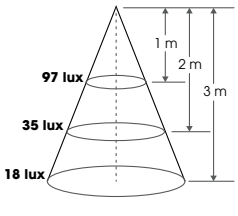

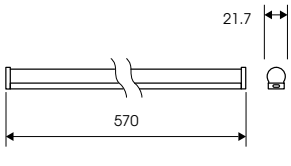

T5 LT03 1200/16W

PHÂN BỐ QUANG

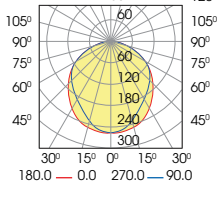

LƯỚI ĐỘ RỌI

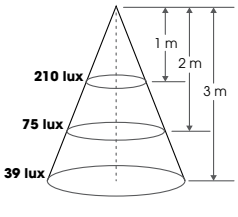

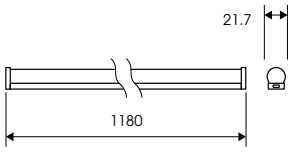

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
T5 LT03 300/4W	4	150 ÷ 250	0.5	90	360	3000/6500	80	15000	21,7x310
T5 LT03 600/8W	8	150 ÷ 250	0.5	87	700	3000/6500	80	15000	21,7x570
T5 LT03 1200/16W	16	150 ÷ 250	0.5	87	1300	3000/6500	80	15000	21,7x1180
T8 LT01 1200/18W	18	150 ÷ 250	0.5	88	1600	3000/4000/6500	80	20000	1198x30x38

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED DOWNLIGHT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác
- Đa dạng công suất, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT04**

AT04 90/5W

PHÂN BỐ QUANG

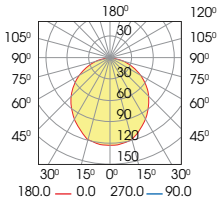

LƯỚI ĐỘ RỌI

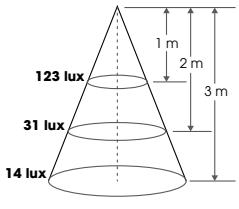

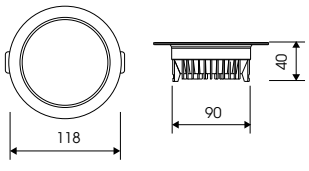

AT04 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

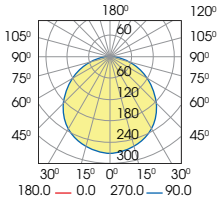

LƯỚI ĐỘ RỌI

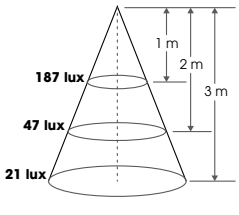

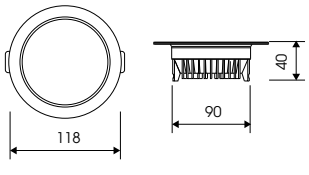

AT04 110/7W

PHÂN BỐ QUANG

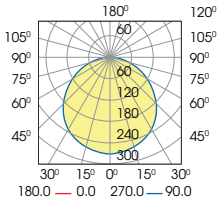

LƯỚI ĐỘ RỌI

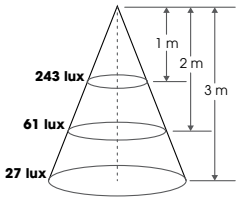

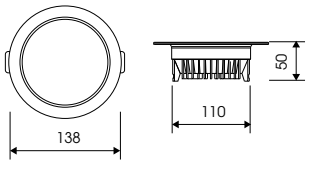

AT04 90/9W

PHÂN BỐ QUANG

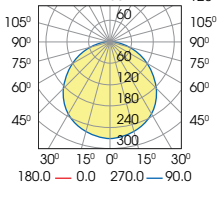

LƯỚI ĐỘ RỌI

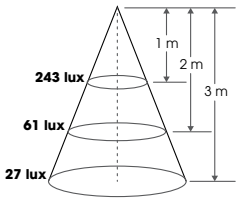

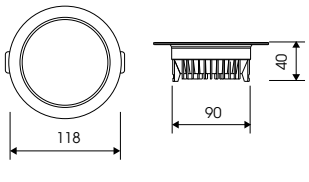

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT04 90/5W	5	150 ÷ 250	0.5	65/60	330/300	3000/5000/6500	80	30000	118x40	90
AT04 90/7W	7	150 ÷ 250	0.5	100	700	3000/5000/6500	80	30000	118x40	90
AT04 110/7W	7	150 ÷ 250	0.5	100	700	3000/5000/6500	80	30000	138x50	110
AT04 90/9W	9	150 ÷ 250	0.5	100	900	3000/5000/6500	80	30000	118x40	90

AT04 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

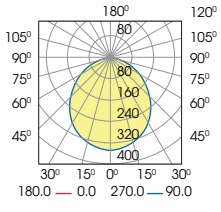

LƯỚI ĐỘ RỌI

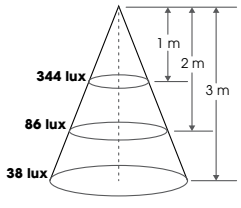

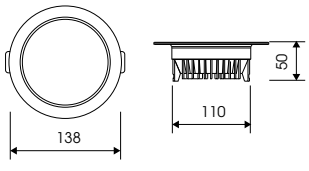

AT04 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

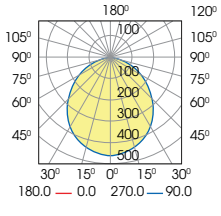

LƯỚI ĐỘ RỌI

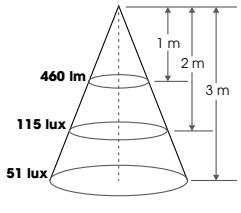

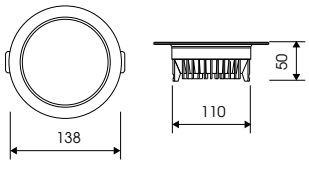

AT04 155/16W

PHÂN BỐ QUANG

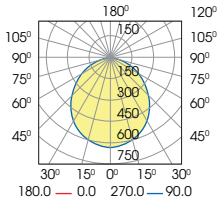

LƯỚI ĐỘ RỌI

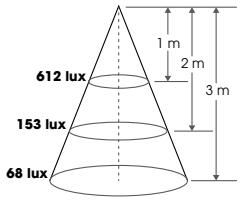

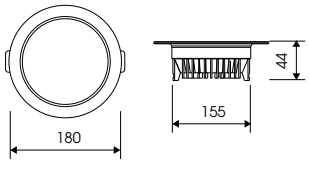

AT04 155/25W

PHÂN BỐ QUANG

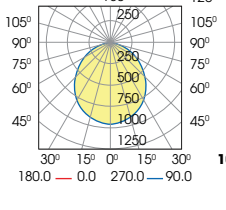

LƯỚI ĐỘ RỌI

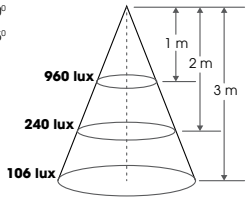

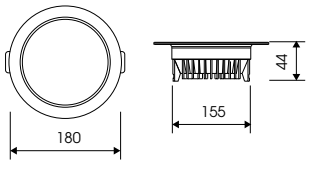

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT04 110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	100	900	3000/5000/6500	80	30000	138x50	110
AT04 110/12W	12	150 ÷ 250	0.5	100	1200	3000/5000/6500	80	30000	138x50	110
AT04 155/16W	16	150 ÷ 250	0.5	100	1600	3000/5000/6500	80	30000	180x44	155
AT04 155/25W	25	150 ÷ 250	0.5	100	2500	3000/5000/6500	80	30000	180x44	155

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT06**

AT06 76/3W

PHÂN BỐ QUANG

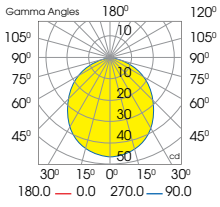

LƯỚI ĐỘ RỌI

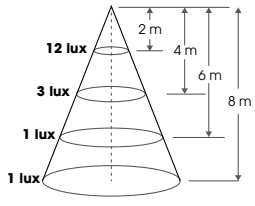

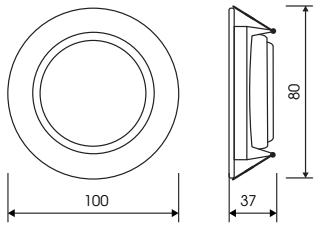

AT06 90/5W

PHÂN BỐ QUANG

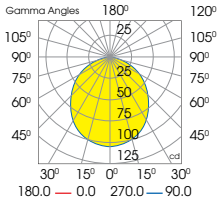

LƯỚI ĐỘ RỌI

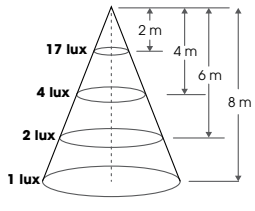

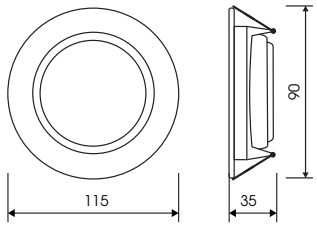

AT06 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

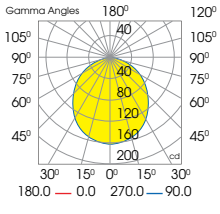

LƯỚI ĐỘ RỌI

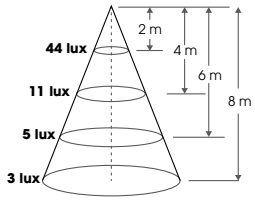

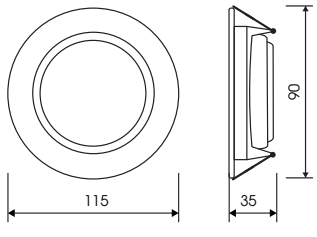

AT06 110/7W

PHÂN BỐ QUANG

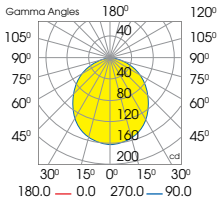

LƯỚI ĐỘ RỌI

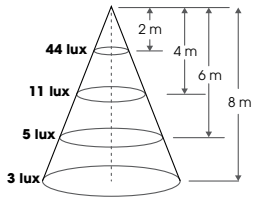

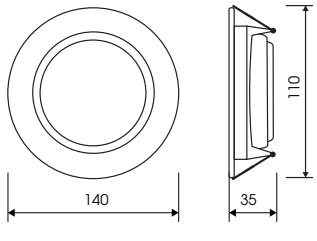

AT06 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

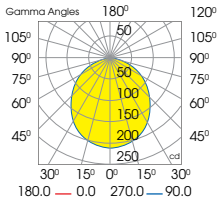

LƯỚI ĐỘ RỌI

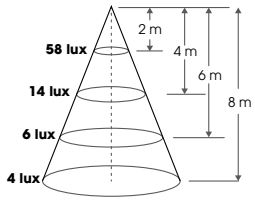

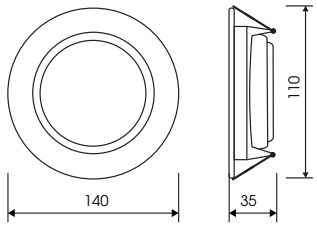

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT06 76/3W	3	150 ÷ 250	50	53/60/60	160/180/180	3000/5000/6500	80	15000	100x37	80
AT06 90/5W	5	150 ÷ 250	50	54/60/60	270/300/300	3000/4000/6500	80	15000	115x35	90
AT06 90/7W	7	150 ÷ 250	50	60/65	410/460	3000/6500	80	15000	115x35	90
AT06 110/7W	7	150 ÷ 250	50	60/65	410/460	3000/6500	80	15000	140x35	110
AT06 110/9W	9	150 ÷ 250	50	60/67	540/600	3000/6500	80	15000	140x35	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT06.V2**

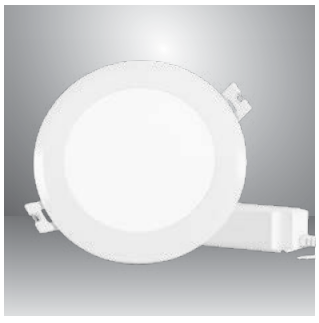

AT06.V2 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

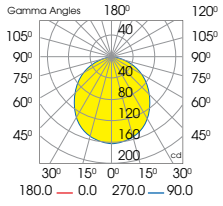

LƯỚI ĐỘ RỌI

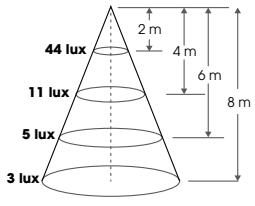

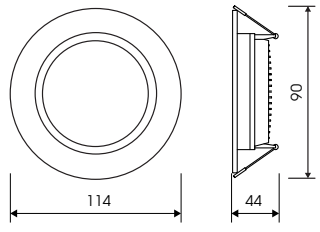

AT06.V2 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

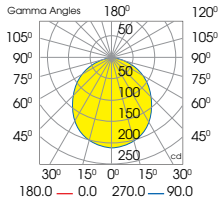

LƯỚI ĐỘ RỌI

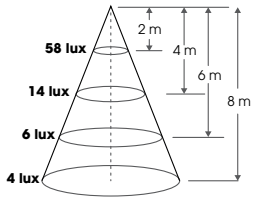

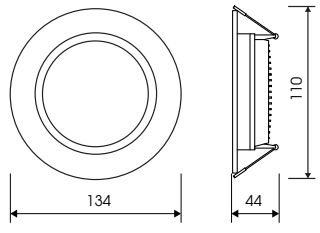

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT06.V2 90/7W	7	150 ÷ 250	0.5	100	700	3000/4000/6500	80	25000	114x44	90
AT06.V2 110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	100	900	3000/4000/6500	80	25000	134x44	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT10**

AT10 90/7W (VIỀN VÀNG/VIỀN BẠC)

PHÂN BỐ QUANG

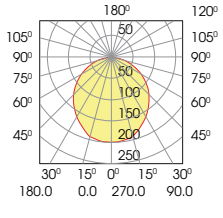

LƯỚI ĐỘ RỌI

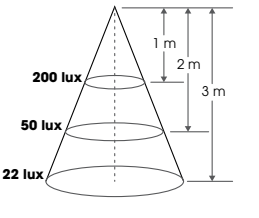

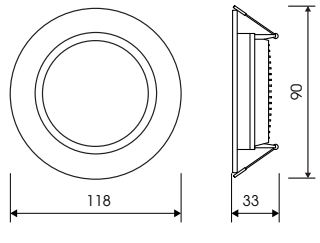

AT10 110/9W (VIỀN VÀNG/VIỀN BẠC)

PHÂN BỐ QUANG

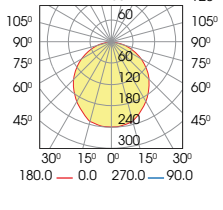

LƯỚI ĐỘ RỌI

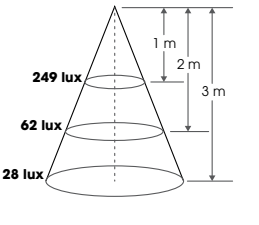

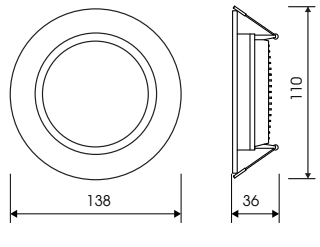

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT10 90/7W (Viền bạc/vàng)	7	150 ÷ 250	0.5	100	700	3000/5000/6500	80	30000	118x33	90
AT10 110/9W (Viền bạc/vàng)	9	150 ÷ 250	0.5	100	900	3000/5000/6500	80	30000	138x36	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT20**

AT11 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

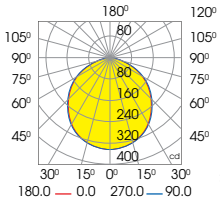

LƯỚI ĐỘ RỌI

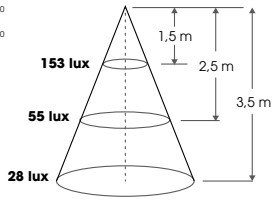

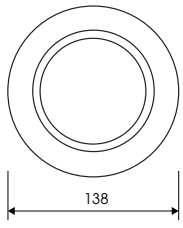

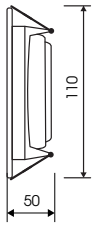

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT11 110/12W	12	150 ÷ 250	0.5	100	1200	3000/6500	80	30000	138x50	110
AT 20 ĐM 90/8W	8	150 ÷ 250	0.5	93-100	740-800	3000/5000/6500	80	25000	103X45	90
AT20 ĐM 90/10W	10	150 ÷ 250	0.5	93-100	930-1000	3000/5000/6500	80	30000	103X45	90
AT20 ĐM 110/10W	10	150 ÷ 250	0.5	93-100	930-1000	3000/5000/6500	80	30000	131X45	110
AT20 ĐM 110/12W	12	150 ÷ 250	0.5	93-100	1115-1200	3000/5000/6500	80	30000	131X45	110
AT20 BLE 110/12W	12	150 ÷ 250	0.5	95	1150	3000/5000/6500	80	30000	123X45	110

LED DOWNLIGHT DIỆT KHUẨN

AT21.UV 90/7W

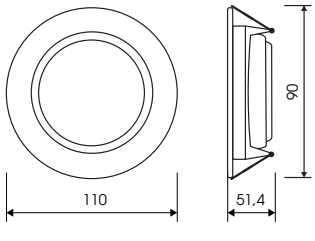

- Tích hợp chip LED UV-C và cảm biến Radar, đèn sáng như đèn thường khi có người và bật chế độ khử khuẩn khi không còn phát hiện chuyển động.
- Góc phát hiện 90°. Diện tích khử trùng 4m²
- 2 chế độ khử trùng: Tự động 30 phút; Chuyên sâu 3 giờ

AT21.UV 135/14W

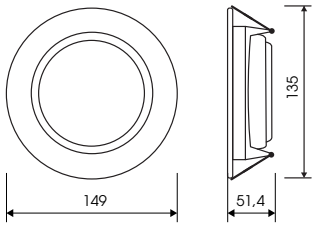

- Tích hợp chip LED UV-C và cảm biến Radar, đèn sáng như đèn thường khi có người và bật chế độ khử khuẩn khi không còn phát hiện chuyển động.
- Góc phát hiện 90°. Diện tích khử trùng 9m2
- 2 chế độ khử trùng: Tự động 20 phút; Chuyên sâu 2 giờ.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT21.UV 90/7W	7	150÷250	0.5	80	560	3000/6500	80	15000	90	110x51.4
AT21.UV 135/14W	14	150÷250	0.5	80	1000	3000/6500	80	35000	135	149x51.4

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT28**

AT28 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

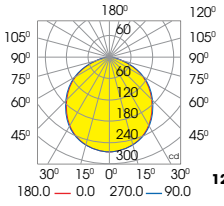

LƯỚI ĐỘ RỌI

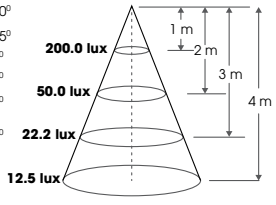

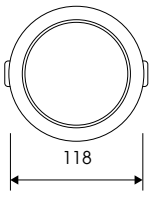

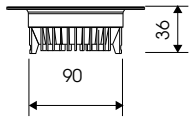

AT28 90/8W

PHÂN BỐ QUANG

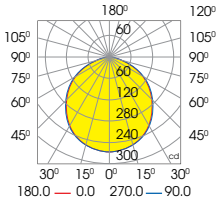

LƯỚI ĐỘ RỌI

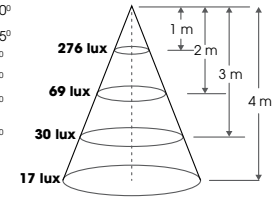

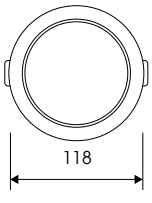

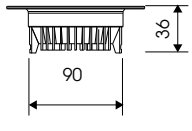

AT28 90/10W

PHÂN BỐ QUANG

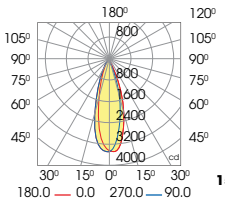

LƯỚI ĐỘ RỌI

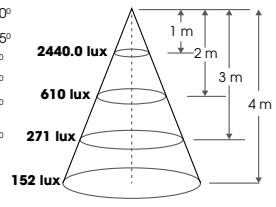

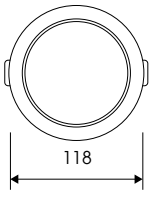

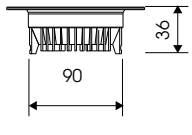

AT28 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

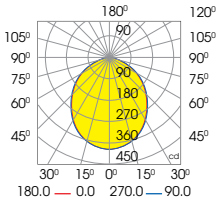

LƯỚI ĐỘ RỌI

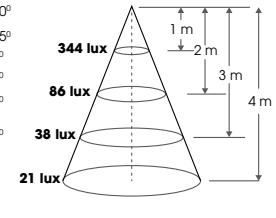

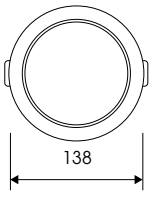

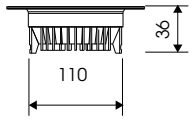

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT28 90/7W	7	220	50	100	700	3000/4000/6500	80	30000	118x36	90
AT28 90/8W	8	220	50	100	800	3000/4000/6500	80	30000	118x36	90
AT28 90/10W	10	220	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	118x36	90
AT28 110/9W	9	220	50	100	900	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110

AT28 110/10W

PHÂN BỐ QUANG

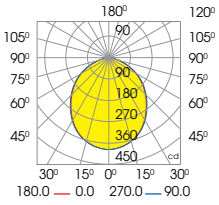

LƯỚI ĐỘ RỌI

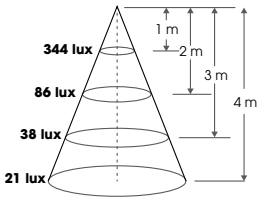

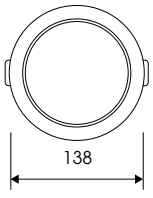

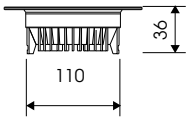

AT28 110/12W

PHÂN BỐ QUANG

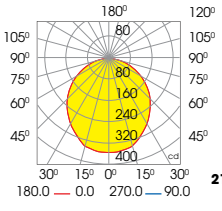

LƯỚI ĐỘ RỌI

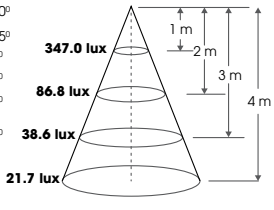

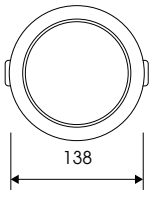

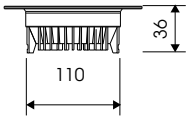

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT28 110/10W	10	220	50	100	1000	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110
AT28 110/12W	12	220	50	100	1200	3000/4000/6500	80	30000	138x36	110

ĐÈN **LED DOWNLIGHT AT30**

AT30 155/20W

PHÂN BỐ QUANG

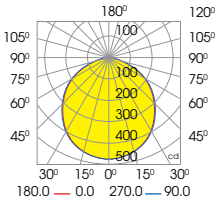

LƯỚI ĐỘ RỌI

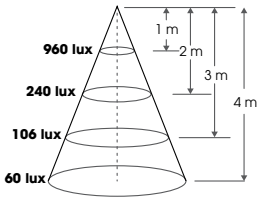

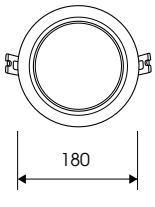

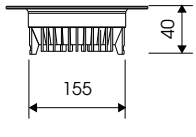

AT30 195/30W

PHÂN BỐ QUANG

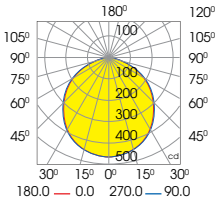

LƯỚI ĐỘ RỌI

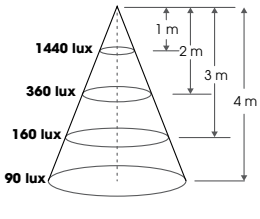

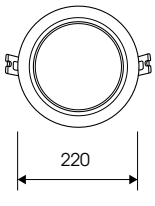

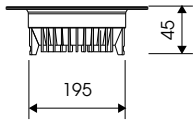

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Tần số	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V	Hz	lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT30 155/20W	20	220	50	105	2100	3000/4000/6500	80	30000	180x40	155
AT30 195/30W	30	220	50	105	3150	3000/4000/6500	80	30000	220x45	195

ĐÈN DOWNLIGHT XOAY GÓC

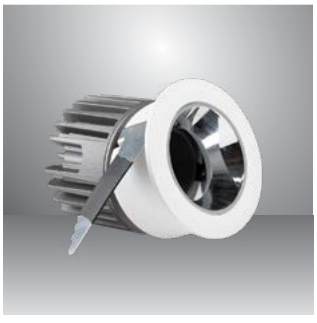

AT22 60/7W

PHÂN BỐ QUANG

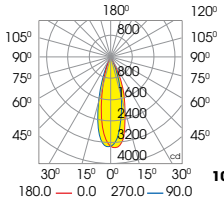

LƯỚI ĐỘ RỌI

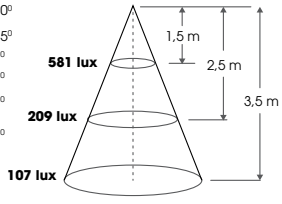

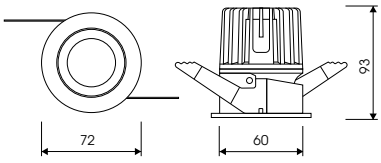

AT22 60/9W

PHÂN BỐ QUANG

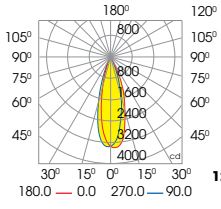

LƯỚI ĐỘ RỌI

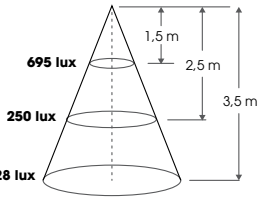

AT22 60/12W

PHÂN BỐ QUANG

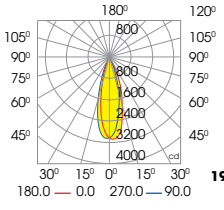

LƯỚI ĐỘ RỌI

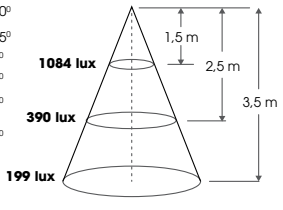

AT39 76/12W 4000K

PHÂN BỐ QUANG

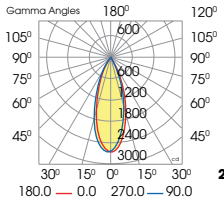

LƯỚI ĐỘ RỌI

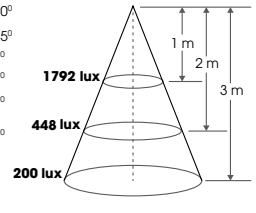

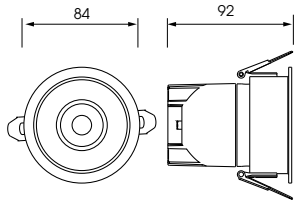

AT40 95/12W 4000K

PHÂN BỐ QUANG

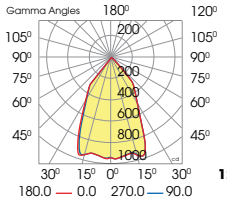

LƯỚI ĐỘ RỌI

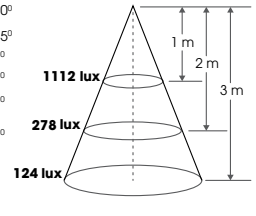

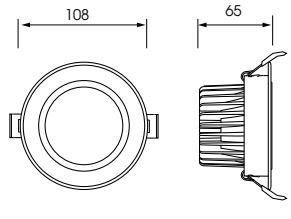

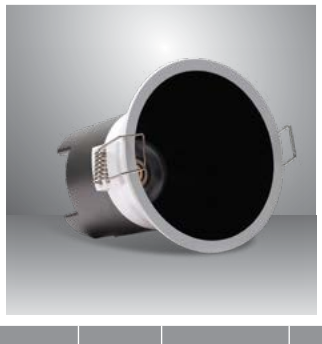

AT41 86/12W 4000K

PHÂN BỐ QUANG

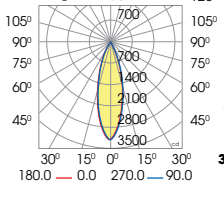

LƯỚI ĐỘ RỌI

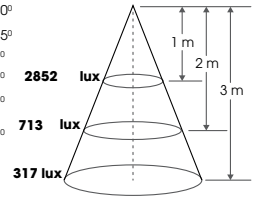

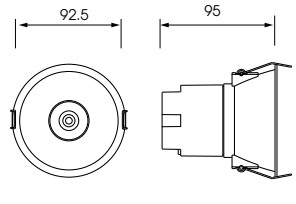

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Xoay góc	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V	lm/W	lm	K	°	°		Giờ	mm	mm
AT22 60/7W	7	150÷250	42/50/50	300/350/350	3000/5000/5000	15	20	80	30000	60	72x93
AT22 60/9W	9	150÷250	55/61/61	500/550/550	3000/5000/5000	15	20	80	30000	60	72x93
AT22 60/12W	12	150÷250	52/58/58	630/700/700	3000/5000/5000	15	20	80	30000	60	72x93
AT39 76/12W	12	150÷250	60	720	3000/4000/6500	24	0÷15	90	30000	76	84x92
AT40 95/12W	12	150÷250	85	1020	3000/4000/6500	50	-20÷20	90	30000	95	108x65
AT41 86/12W	12	150÷250	60	720	3000/4000/6500	24	-	90	30000	86	92x95

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED ỐP TRẦN

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng Chip LED Hàn Quốc đạt độ tin cậy cao
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI> 80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng, ánh sáng trung thực tự nhiên
- Dải điện áp rộng 150 ÷ 250V đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Tương thích điện từ trường không gây ra hiện tượng nhiễu cho sản phẩm điện tử và không bị ảnh hưởng nhiễu của các thiết bị điện tử khác
- Độ kín khít cao, chống côn trùng xâm nhập
- Đa dạng công suất, chủng loại, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN05**

LN05 160/9W

PHÂN BỐ QUANG

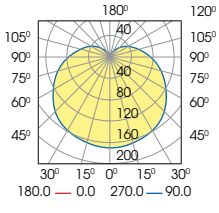

LƯỚI ĐỘ RỌI

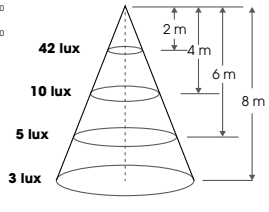

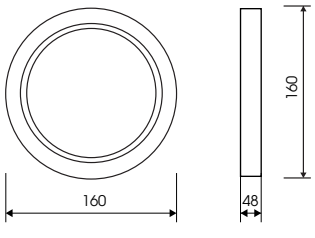

LN05 220/14W

PHÂN BỐ QUANG

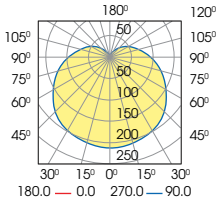

LƯỚI ĐỘ RỌI

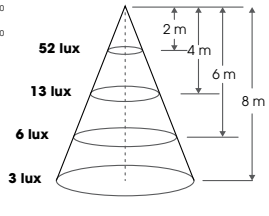

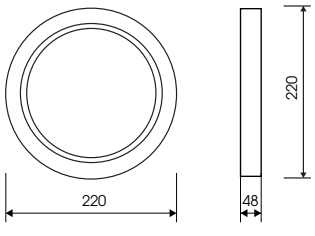

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN05 160/9W	9	170 ÷ 250	0.5	67	600	3000/6500	80	15000	160x160x48
LN05 220/14W	14	170 ÷ 250	0.5	78	1100	3000/6500	80	15000	220x220x48

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN08**

LN08 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG

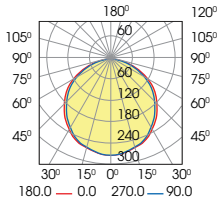

LƯỚI ĐỘ RỌI

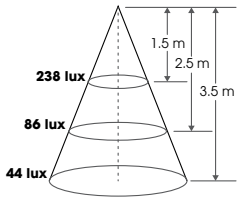

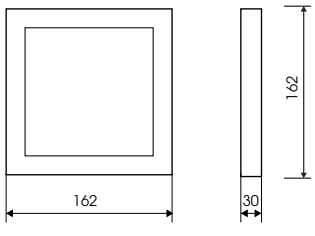

LN08 230x230/18W

PHÂN BỐ QUANG

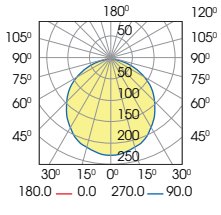

LƯỚI ĐỘ RỌI

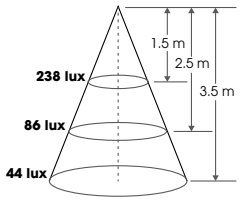

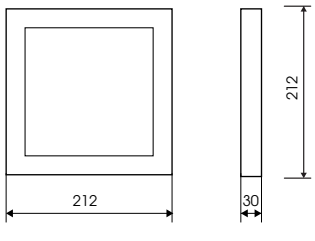

LN08 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG

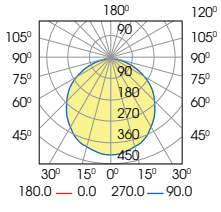

LƯỚI ĐỘ RỌI

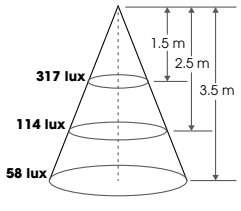

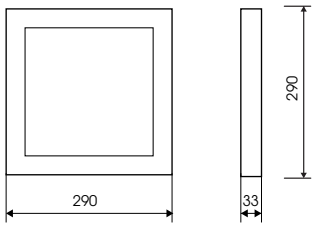

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN08 170x170/12W	12	170 ÷ 250	0.5	65	750	3000/6500	80	20000	162 x 162 x 30
LN08 230x230/18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20000	212 x 212 x 30
LN08 300x300/24W	24	170 ÷ 250	0.5	75	1800	3000/6500	80	20000	290 x 290 x 33

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN08**

LN08 170x170/15W

PHÂN BỐ QUANG

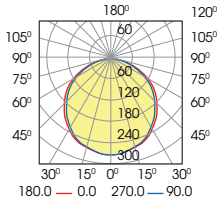

LƯỚI ĐỘ RỌI

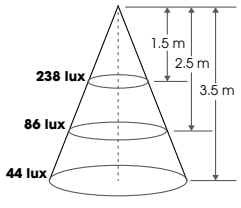

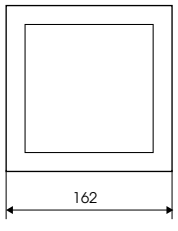

LN08 220x220/22W

PHÂN BỐ QUANG

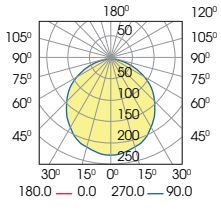

LƯỚI ĐỘ RỌI

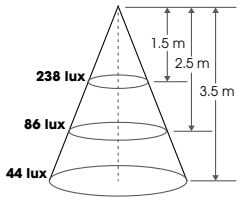

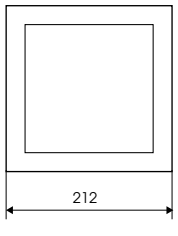

LN08 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG

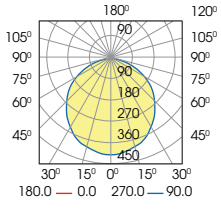

LƯỚI ĐỘ RỌI

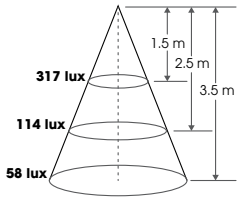

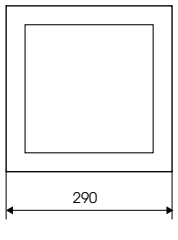

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN08 170x170/15W	15	170 ÷ 250	0.5	65	750	3000/6500	80	20000	162 x 162 x 30
LN08 220x220/22W	22	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20000	212 x 212 x 30
LN08 300x300/30W	30	170 ÷ 250	0.5	75	1800	3000/6500	80	20000	290 x 290 x 33

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN09**

LN09 172/12W

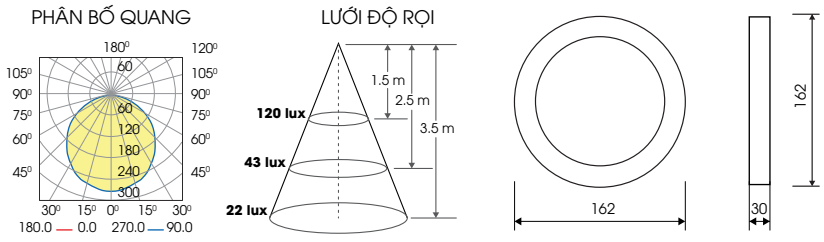

LN09 170/15W

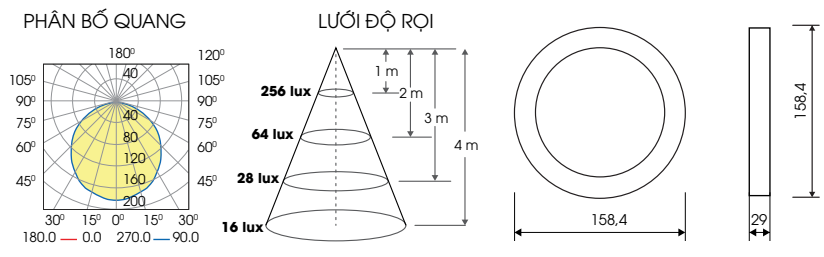

LN09 220/22W

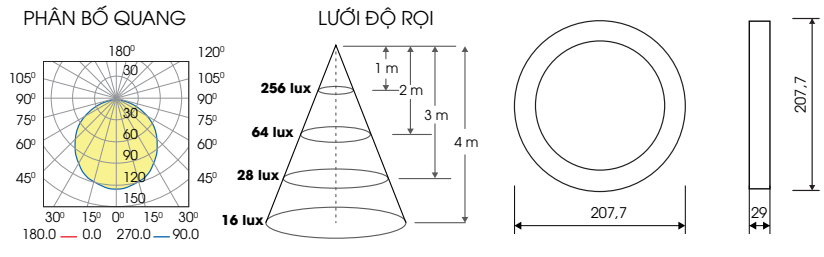

LN09 225/18W

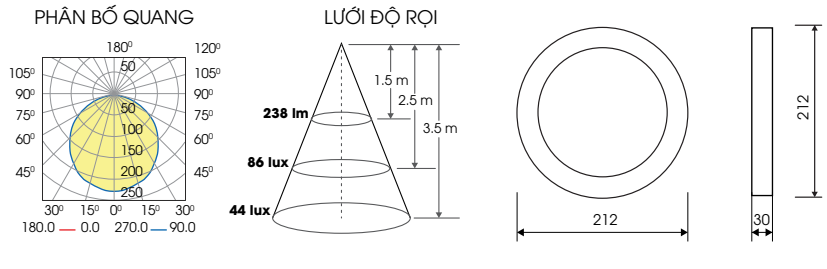

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN09 172/12W	12	170 ÷ 250	0.5	75/83	900/1000	3000/6500	80	20000	162 x162 x 30
LN09 170/15W	15	170 ÷ 250	0.5	85/95/95/95	1275/1425/1425/1425	3000/4000/5000/6500	80	20000	158.4x158.4x29
LN09 220/22W	22	150 ÷ 250	0.5	85/95/95/95	1870/2090/ 2090/ 2090	3000/4000/5000/6500	80	20000	207.7x207.7x29
LN09 225/18W	18	170 ÷ 250	0.5	95	1700	3000/6500	80	20000	212 x 212 x 30

LN09 300/24W

PHÂN BỐ QUANG

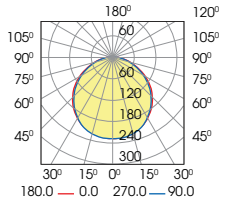

LƯỚI ĐỘ RỌI

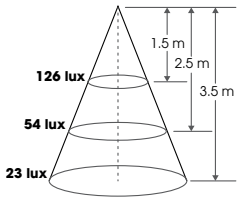

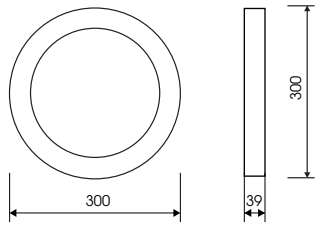

LN09 300/30W

PHÂN BỐ QUANG

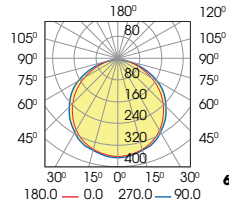

LƯỚI ĐỘ RỌI

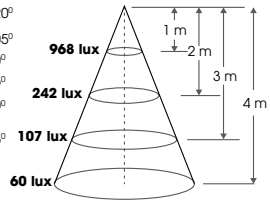

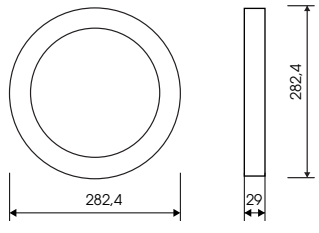

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN09 300/24W	24	170 ÷ 250	0.5	86/95	2070/2300	3000/6500	80	20000	300 x300x39
LN09 300/30W	30	150 ÷ 250	0.5	85/95/95/95	2550/2850/2850/2850	3000/4000/5000/6500	80	20000	282.4x282.4x29

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN10**

LN10 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG

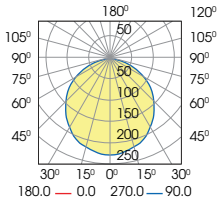

LƯỚI ĐỘ RỌI

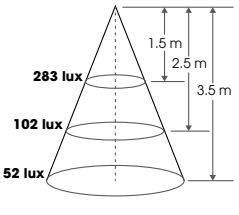

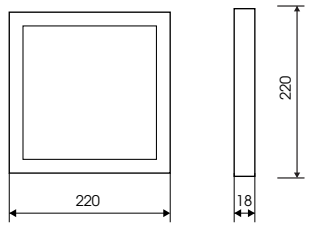

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN11**

LN11 220/18W

PHÂN BỐ QUANG

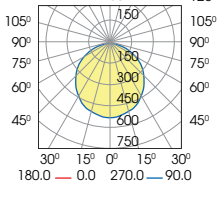

LƯỚI ĐỘ RỌI

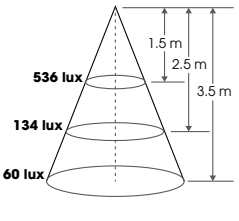

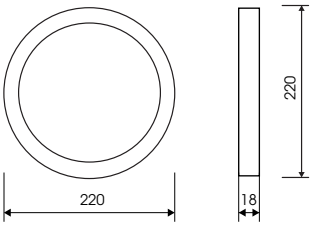

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LN10 220x220/18W	18	150 ÷ 250	0.5	83	1500	3000/6500	80	25000	220x220x18
LN11 220/18W	18	150 ÷ 250	0.5	83	1500	3000/6500	80	25000	220x220x18

ĐÈN **LED ỐP TRẦN ĐẾ NHỰA LN12N**

LN12N 220/18W

PHÂN BỐ QUANG

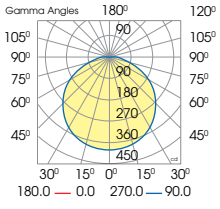

LƯỚI ĐỘ RỌI

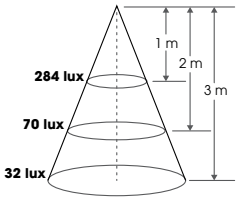

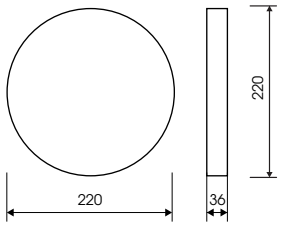

LN12N 220x220/18W

PHÂN BỐ QUANG

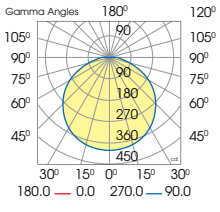

LƯỚI ĐỘ RỌI

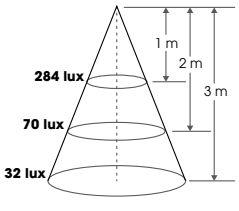

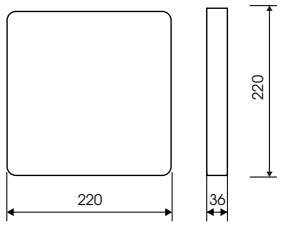

LN12N 170/12W

PHÂN BỐ QUANG

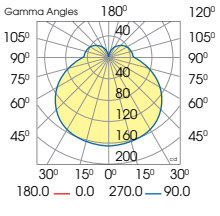

LƯỚI ĐỘ RỌI

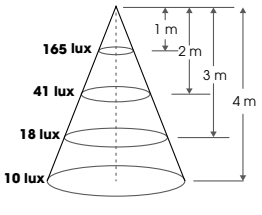

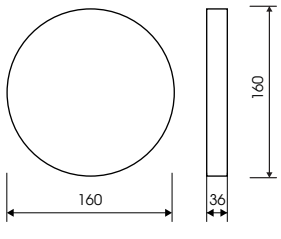

LN12N 170x170/12W

PHÂN BỐ QUANG

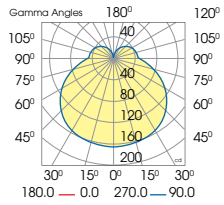

LƯỚI ĐỘ RỌI

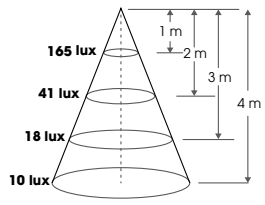

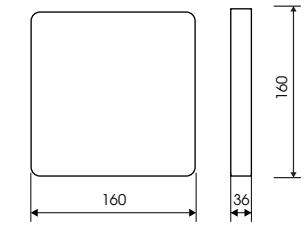

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12N 220/18W	18	170 ÷ 250	0.5	80	1450	3000/6500	80	25000	220 x220x36
LN12N 220x220/18W	18	170 ÷ 250	0.5	70	1100	3000/6500	80	20000	220 x220x36
LN12N 170/12W	12	150 ÷ 250	0.5	75/83	900/1000	3000/6500	80	25000	160x160x36
LN12N 170x170/12W	12	150 ÷ 250	0.5	75/83	900/1000	3000/6500	80	25000	160x160x36

LN12N 300/24W

PHÂN BỐ QUANG

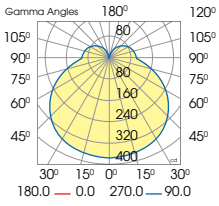

LƯỚI ĐỘ RỌI

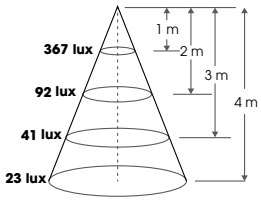

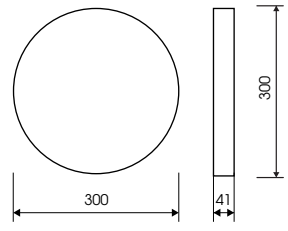

LN12N 300x300/24W

PHÂN BỐ QUANG

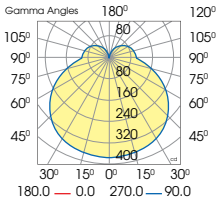

LƯỚI ĐỘ RỌI

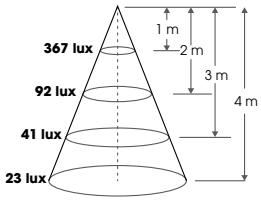

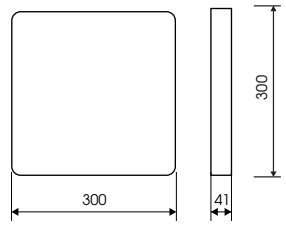

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12N 300/24W	24	150 ÷ 250	0.5	83/75	2000/1800	3000/6500	80	25000	300 x300x41
LN12N 300x300/24W	24	150 ÷ 250	0.5	83/75	1800/2000	3000/6500	80	25000	300 x300x41

ĐÈN **LED ỐP TRẦN ĐẾ NHÔM LN12**

LN12 170x170/15W

PHÂN BỐ QUANG

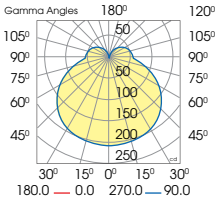

LƯỚI ĐỘ RỌI

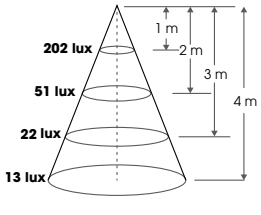

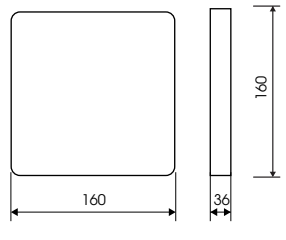

LN12 170/15W

PHÂN BỐ QUANG

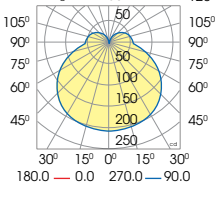

LƯỚI ĐỘ RỌI

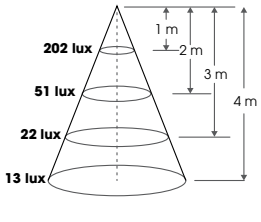

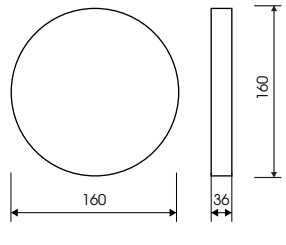

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12 170x170/15W	15	150 ÷ 250	0.5	74/66	990/1100	3000/6500	80	30000	160 x160 x36
LN12 170/15W	15	150 ÷ 250	0.5	74/66	990/1100	3000/6500	80	30000	160 x160 x36

LN12 220x220/22W

PHÂN BỐ QUANG

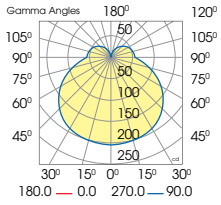

LƯỚI ĐỘ RỌI

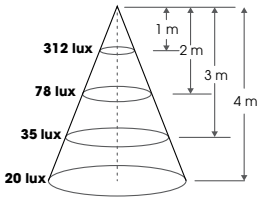

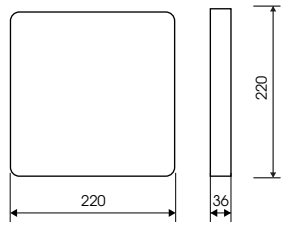

LN12 220/22W

PHÂN BỐ QUANG

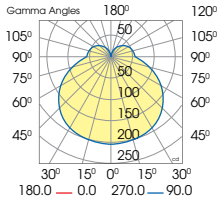

LƯỚI ĐỘ RỌI

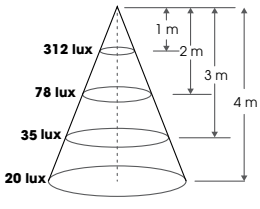

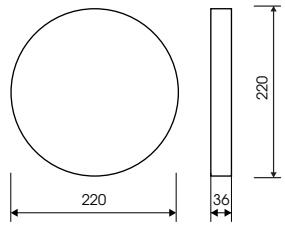

LN12 300/30W

PHÂN BỐ QUANG

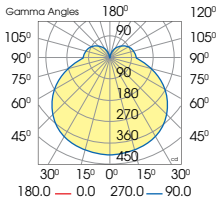

LƯỚI ĐỘ RỌI

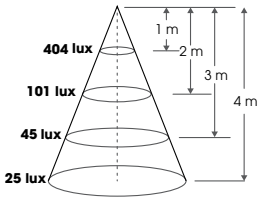

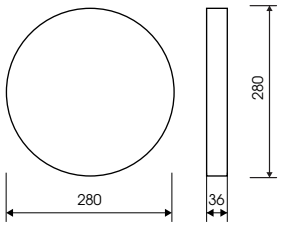

LN12 300x300/30W

PHÂN BỐ QUANG

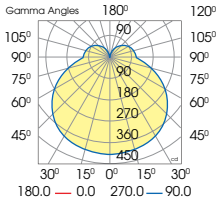

LƯỚI ĐỘ RỌI

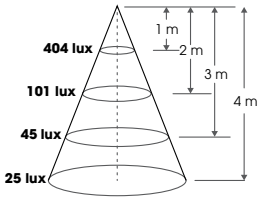

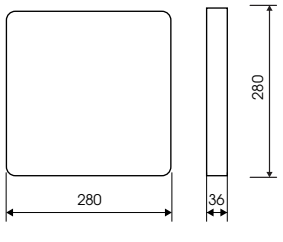

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN12 220x220/22W	22	150 ÷ 250	0.5	78/70	1530/1700	3000/6500	80	30000	220 x220 x 36
LN12 220/22W	22	150 ÷ 250	0.5	78/70	1530/1700	6500K/3000K	80	30000	220 x220 x 36
LN12 170/12W	12	150 ÷ 250	0.5	68-75	810-900	3000/4000/6500	80	25000	160x36
LN12 220/18W	18	150 ÷ 250	0.5	70-77	1260-1400	3000/4000/6500	80	25000	220x36
LN12 300/30W	30	150 ÷ 250	0.5	74/66	2200/1980	6500K/3000K	80	30000	280x280x36
LN12 300x300/30W	30	150 ÷ 250	0.5	74/66	2200/1980	6500K/3000K	80	30000	280x280x36

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN16**

LN16 540x540/40W

PHÂN BỐ QUANG

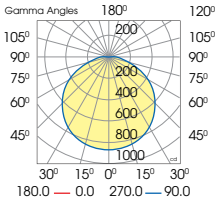

LƯỚI ĐỘ RỌI

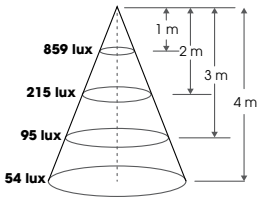

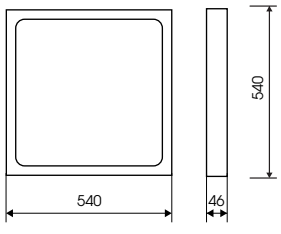

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN16 540x540/40W	40	150 ÷ 250	0.5	81/90	3600/3250	6500K/3000K	80	25000	540 x540x46

ĐÈN **LED ỐP TRẦN LN26**

LN26 250/18W

PHÂN BỐ QUANG

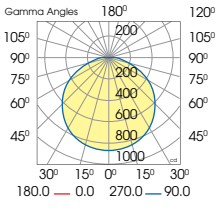

LƯỚI ĐỘ RỌI

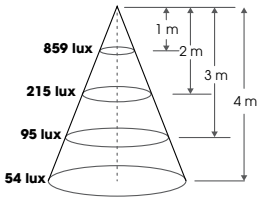

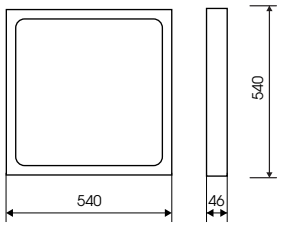

LN26 300/25W

PHÂN BỐ QUANG

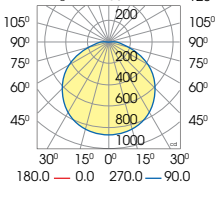

LƯỚI ĐỘ RỌI

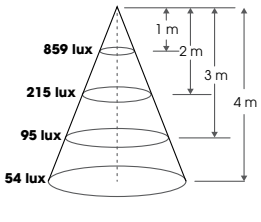

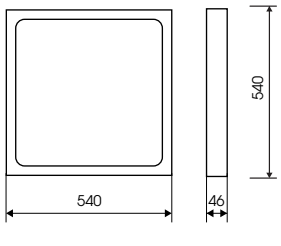

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (LxWxH)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
LN26 250/18W	18	150 ÷ 250	0.5	66/74/74	1190/1330/1330	3000/4000/6500	80	25000	235x51x235
LN26 300/25W	25	150 ÷ 250	0.5	66/74/74	1650/1850/1850	3000/4000/6500	80	25000	297x54x297

ĐÈN **LED PANEL TRÒN PT04**

PT04 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

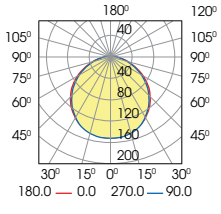

LƯỚI ĐỘ RỌI

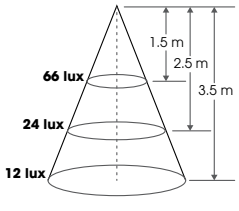

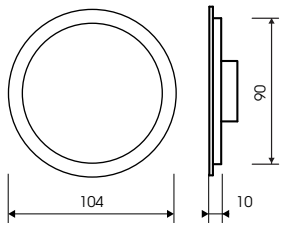

PT04 110/7W

PHÂN BỐ QUANG

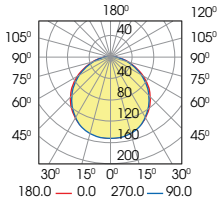

LƯỚI ĐỘ RỌI

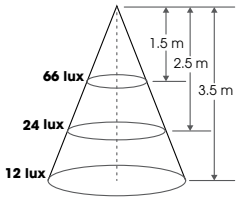

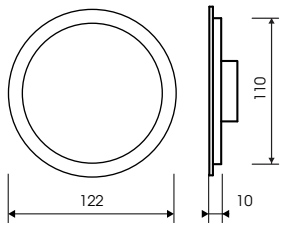

PT04 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

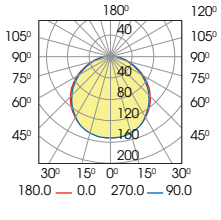

LƯỚI ĐỘ RỌI

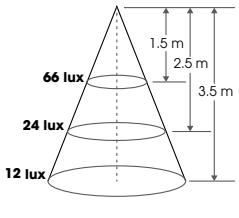

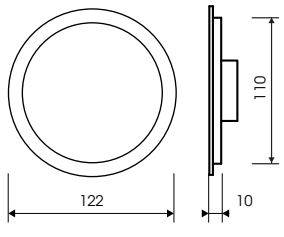

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	
PT04 90/7W	7	150 ÷ 250	0.5	58/65/65	410/460/460	Vàng/trung tính/trắng	80	20000	104x10	90
PT04 110/7W	7	150 ÷ 250	0.5	64/67/67	450/470/470	Vàng/trung tính/trắng	80	20000	122x10	110
PT04 110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	53/59/59	480/530/530	Vàng/trung tính/trắng	80	20000	122x10	110

PT04 135/9W

PHÂN BỐ QUANG

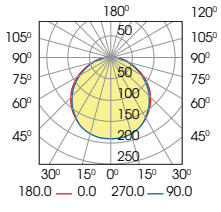

LƯỚI ĐỘ RỌI

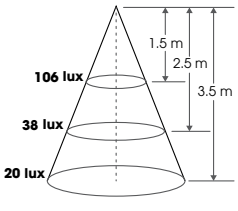

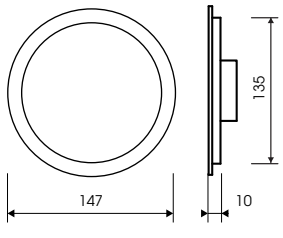

PT04 135/12W

PHÂN BỐ QUANG

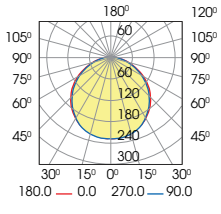

LƯỚI ĐỘ RỌI

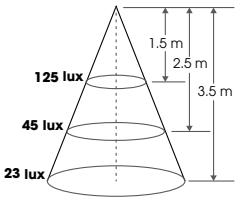

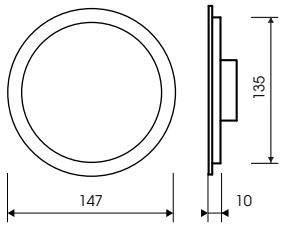

PT03 160/12W

PHÂN BỐ QUANG

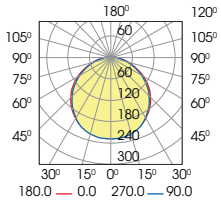

LƯỚI ĐỘ RỌI

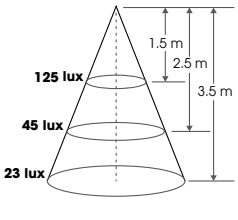

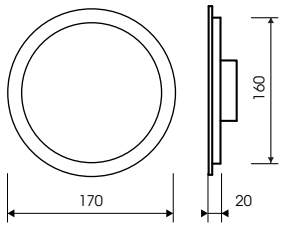

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT04 135/9W	9	150 ÷ 250	0.5	55/62/62	500/555/555	Vàng/trung tính/trắng	80	20000	147x10	135
PT04 135/12W	12	150 ÷ 250	0.5	52/58/58	630/700/700	Vàng/trung tính/trắng	80	20000	147x10	135
PT03 160/12W	12	150 ÷ 250	0.5	63/67	750/800	3000/6500	80	20000	170x20	160

ĐÈN **LED PANEL TRÒN PT04.V2**

PT04.V2 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

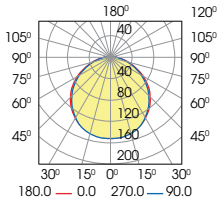

LƯỚI ĐỘ RỌI

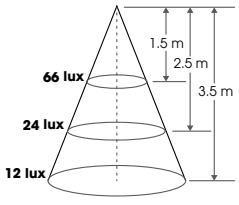

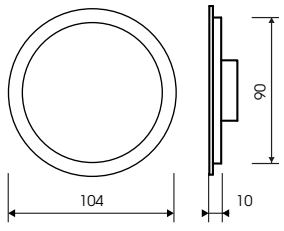

PT04.V2 110/7W

PHÂN BỐ QUANG

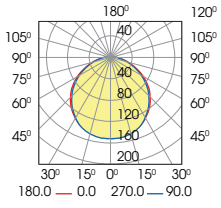

LƯỚI ĐỘ RỌI

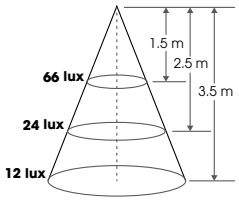

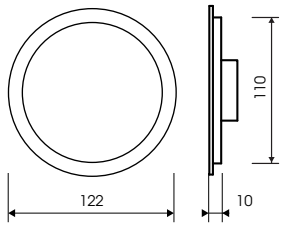

PT04.V2 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

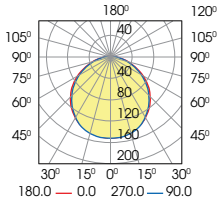

LƯỚI ĐỘ RỌI

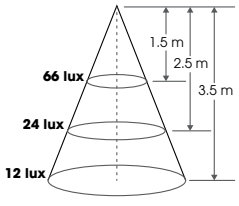

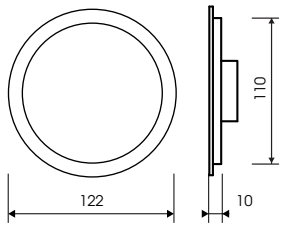

PT04.V2 135/9W

PHÂN BỐ QUANG

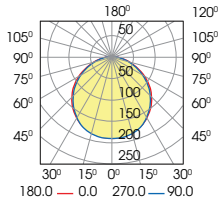

LƯỚI ĐỘ RỌI

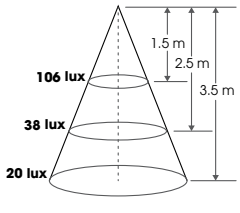

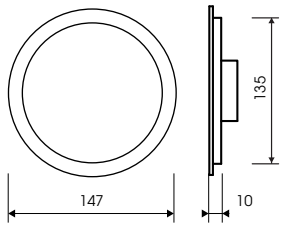

PT04.V2 135/12W

PHÂN BỐ QUANG

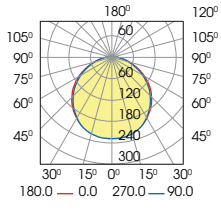

LƯỚI ĐỘ RỌI

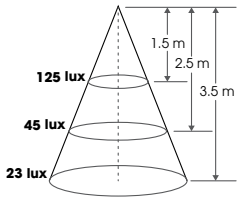

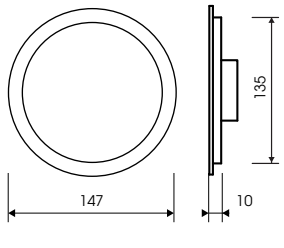

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần (øc)	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT04.V2 90/7W	7	150÷250	0.5	64/71/71	450/500/500	3000/5000/6500	80	25000	90	104x10
PT04.V2 110/7W	7	150÷250	0.5	70/78/78	495/550/550	3000/5000/6500	80	25000	110	122x10
PT04.V2 110/9W	9	150÷250	0.5	70/77/77	630/700/700	3000/5000/6500	80	25000	110	122x10
PT04.V2 135/9W	9	150÷250	0.5	80/88/88	720/800/800	3000/5000/6500	80	25000	135	147x10
PT04.V2 135/12W	12	150÷250	0.5	75/83/83	900/1000/1000	3000/5000/6500	80	25000	135	147x10

ĐÈN **LED PANEL TRÒN PT05**

PT05 90/7W

PHÂN BỐ QUANG

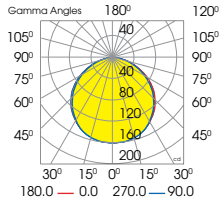

LƯỚI ĐỘ RỌI

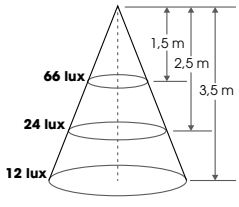

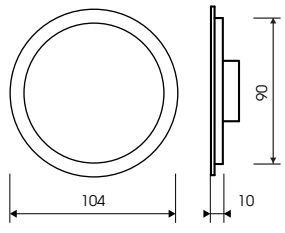

PT05 110/9W

PHÂN BỐ QUANG

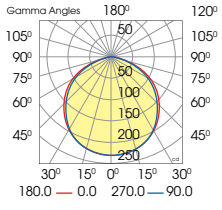

LƯỚI ĐỘ RỌI

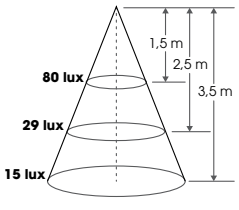

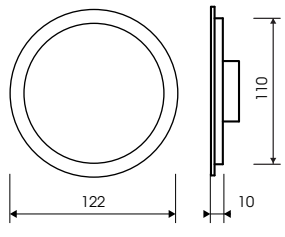

PT05 135/9W

PHÂN BỐ QUANG

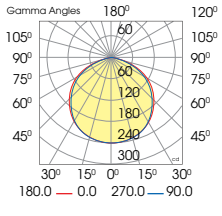

LƯỚI ĐỘ RỌI

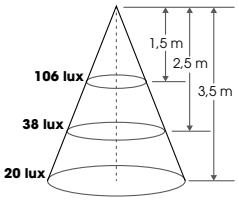

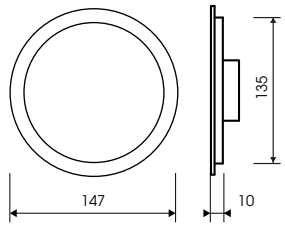

PT05 135/12W

PHÂN BỐ QUANG

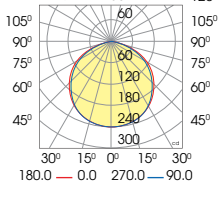

LƯỚI ĐỘ RỌI

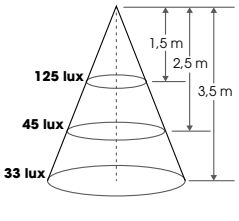

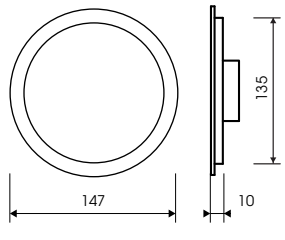

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PT05 90/7W	7	150÷250	0,5	64/71/71	450/500/500	3000/4000/6500	80	25000	90	104x10
PT05 110/9W	9	150÷250	0,5	70/77/77	630/700/700	3000/4000/6500	80	25000	110	122x10
PT05 135/9W	9	150÷250	0,5	80/88/88	720/800/800	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10
PT05 135/12W	12	150÷250	0,5	75/83/83	900/1000/1000	3000/4000/6500	80	25000	135	147x10

ĐÈN **LED PANEL VUÔNG PN04**

PN04 110x110/9W

PHÂN BỐ QUANG

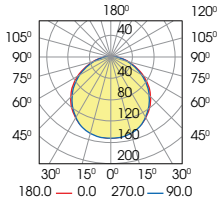

LƯỚI ĐỘ RỌI

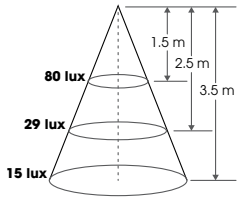

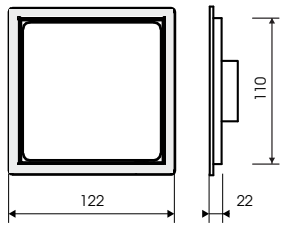

PN04 160x160/12W

PHÂN BỐ QUANG

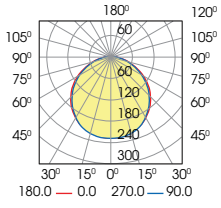

LƯỚI ĐỘ RỌI

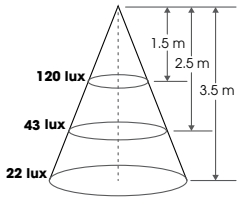

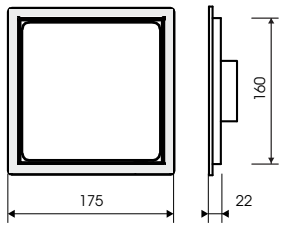

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (WxH)	Đường kính khoét trần (øc)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	mm
PN04 110x110/9W	9	150 ÷ 250	0.5	55/61	495/550	3000/6500	80	20000	122x22	110
PN04 160x160/12W	12	150 ÷ 250	0.5	60/66	720/800	3000/6500	80	20000	175 x22	160

ĐÈN **LED PANEL P05**

P05 600x600/50W.PLUS 6500K (KPK) SS

PHÂN BỐ QUANG

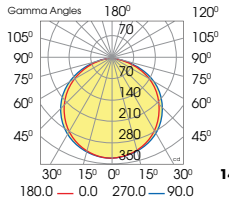

LƯỚI ĐỘ RỌI

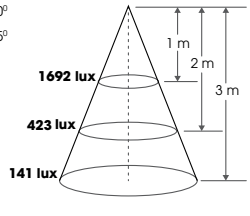

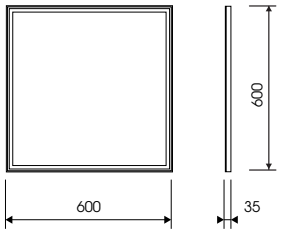

P05 300x1200/50W.PLUS 5700K SS

PHÂN BỐ QUANG

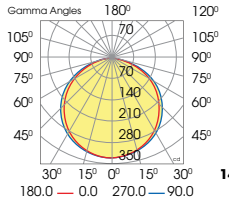

LƯỚI ĐỘ RỌI

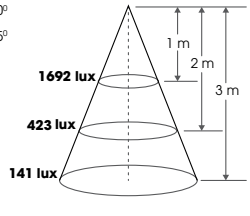

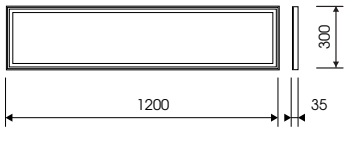

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm	K		Giờ	mm
P05 600x600/50W.PLUS 6500K (KPK) SS	50W	150 ÷ 250	0.5	5250	5000/6500	80	25000	600x600x25
P05 300x1200/50W.PLUS 5700K SS	50W	150 ÷ 250	0.5	5250	5000/6500	80	25000	1200x300x25

ĐÈN **LED PANEL P06**

P06 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG

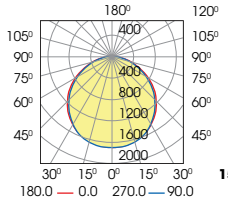

LƯỚI ĐỘ RỌI

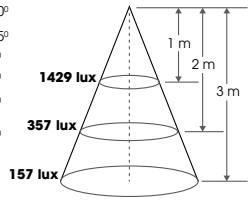

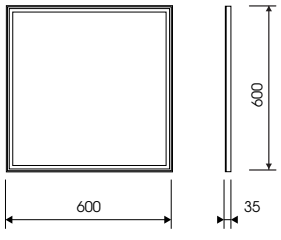

P06 300x1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

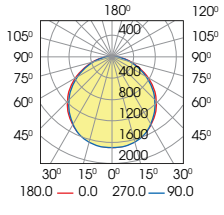

LƯỚI ĐỘ RỌI

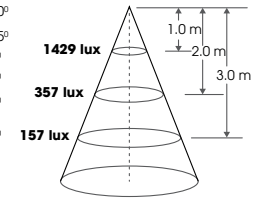

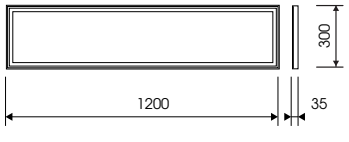

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06 600x600/40W	40W	150 ÷ 250	0.5	90/100	3600/4000	3000/5000/6500	80	25000	600x600x35
P06 300x1200/40W	40W	150 ÷ 250	0.5	90/100	3600/4000	3000/5000/6500	80	25000	1200x300x35
P06 600x600/54W	54	150 ÷ 250	0.5	100	5400	5000/6500	80	25000	600x600x35

P06 320x1280/40W M-bar 5700K TOP

PHÂN BỐ QUANG

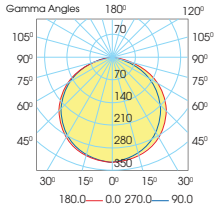

LƯỚI ĐỘ RỌI

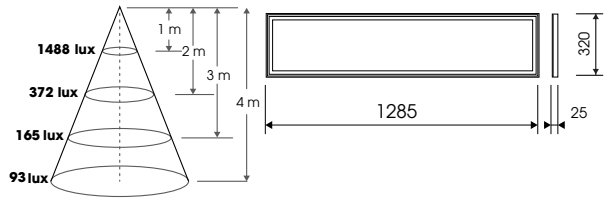

P06 300x1200/40W.2 T-bar 5700K TOP

PHÂN BỐ QUANG

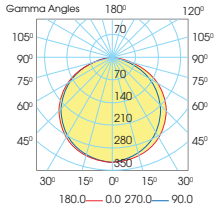

LƯỚI ĐỘ RỌI

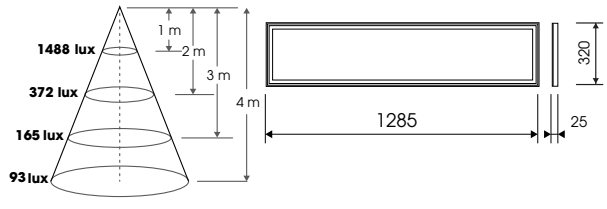

P06 600x600/40W.2 T-bar 5700K TOP

PHÂN BỐ QUANG

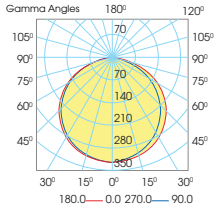

LƯỚI ĐỘ RỌI

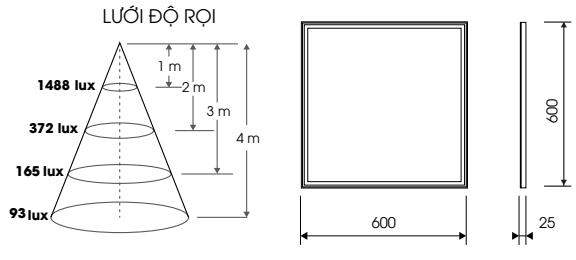

P06 M320x1280/40W.2 Mbar 5700K HB

PHÂN BỐ QUANG

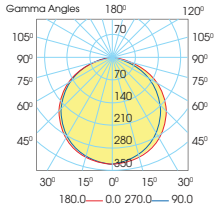

LƯỚI ĐỘ RỌI

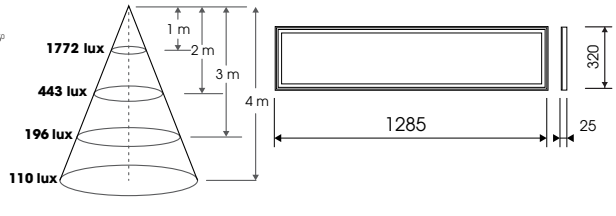

P06 T320x1280/40W.2 Mbar direct 5700K GB

PHÂN BỐ QUANG

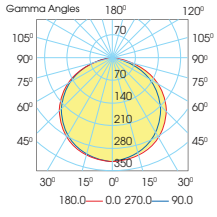

LƯỚI ĐỘ RỌI

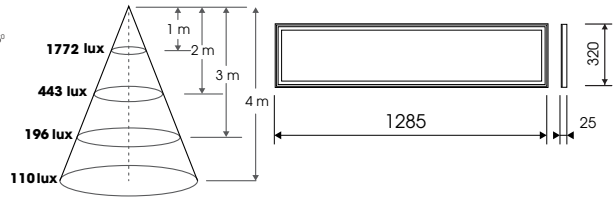

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06 320x1280/40W M-bar 5700K TOP	40	150 ÷ 250	0.5	≥110	4620	5700	≥80	25000	1285x320x25
P06 300x1200/40W.2 T-bar 5700K TOP	40	150 ÷ 250	0.5	≥110	4620	5700	≥80	25000	1280x320x25
P06 600x600/40W.2 T-bar 5700K TOP	40	150 ÷ 250	0.5	≥110	4620	5700	≥80	25000	600x600x25
P06 M320x1280/40W.2	40	150 ÷ 250	0.5	≥110	4620	5700	≥80	25000	1285x320x25
P06 T320x1280/40W.2 Mbar direct 5700K GB	40	150 ÷ 250	0.5	≥110	4620	5700	≥80	25000	1285x320x25

P06 M320x1280/50W.2 Mbar 5700K HB

PHÂN BỐ QUANG

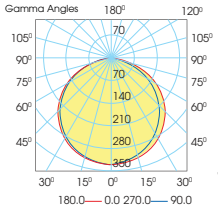

LƯỚI ĐỘ RỌI

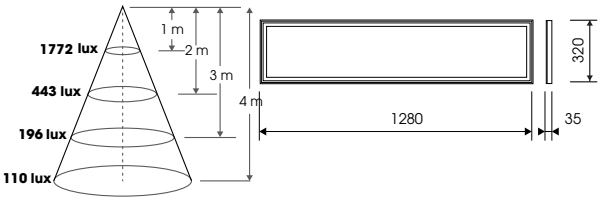

P06 320x1280/50W 6500K (Nổi trần)

PHÂN BỐ QUANG

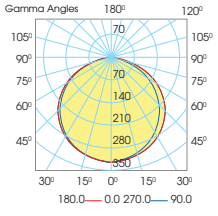

LƯỚI ĐỘ RỌI

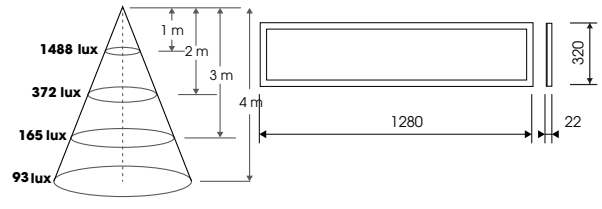

P06 640x640/50W 6500K (Nổi trần)

PHÂN BỐ QUANG

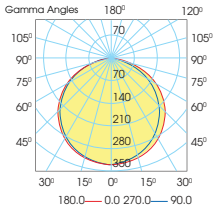

LƯỚI ĐỘ RỌI

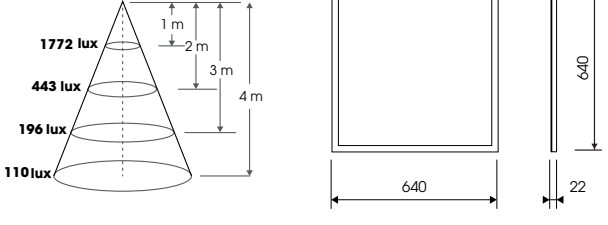

P06 300x1200/50W 6500K

PHÂN BỐ QUANG

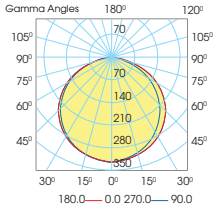

LƯỚI ĐỘ RỌI

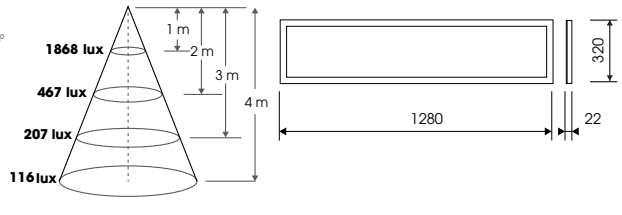

P06 600x600/50W 6500K

PHÂN BỐ QUANG

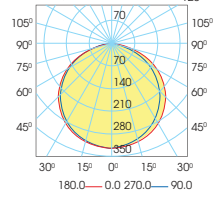

LƯỚI ĐỘ RỌI

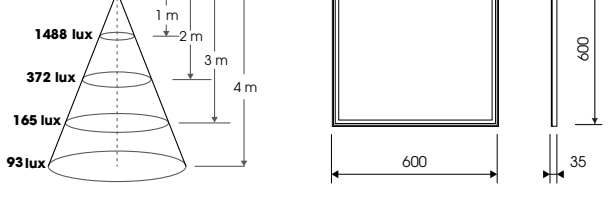

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06 M320x1280/50W.2 Mbar 5700K HB	50	150 ÷ 250	0.9	102/110	5100/5500	3000/4000/6500	80	30000	1280x320x35
P06 320x1280/50W 6500K (Nổi trần)	50	150 ÷ 250	0.9	102/110	5100/5500	3000/4000/6500	80	30000	1280x320x22
P06 640x640/50W 6500K (Nổi trần)	50	150 ÷ 250	0.9	102/110	5100/5500	3000/4000/6500	80	30000	640x640x22
P06 300x1200/50W	50	150 ÷ 250	0.9	110/118	5500/5900	3000/4000/6500	80	30000	1200x300x35
P06 600x600/50W	50	150 ÷ 250	0.9	110/118	5500/5900	3000/4000/6500	80	30000	600x600x35

Đèn LED Panel chống chói P06.UGR19.T 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG

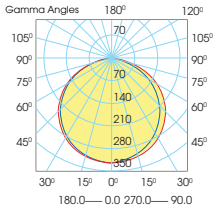

LƯỚI ĐỘ RỌI

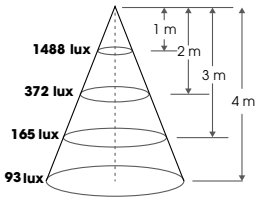

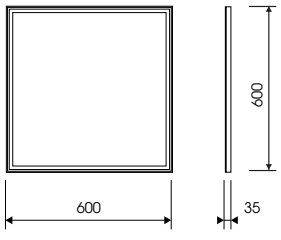

P06 M320x1280/50W.2 Mbar 5700K HB

PHÂN BỐ QUANG

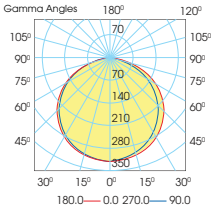

LƯỚI ĐỘ RỌI

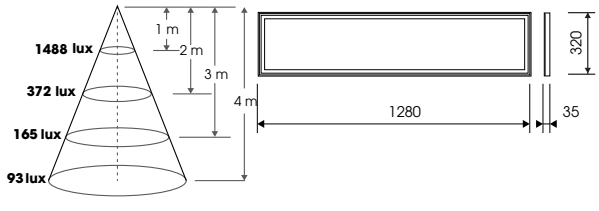

P06 T320x1280/50W.2 Mbar direct 5700K GB

PHÂN BỐ QUANG

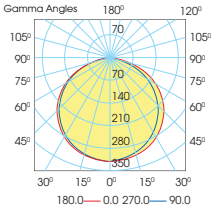

LƯỚI ĐỘ RỌI

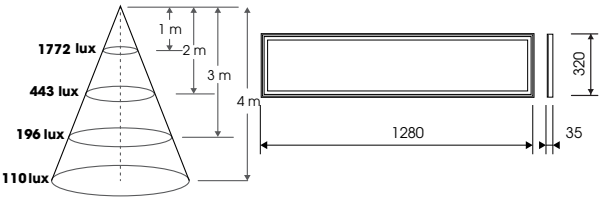

P06 T640X640/50W.2 Mbar direct 5700K GB

PHÂN BỐ QUANG

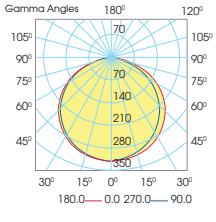

LƯỚI ĐỘ RỌI

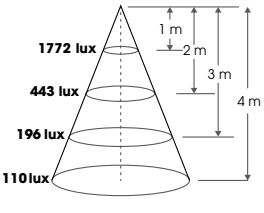

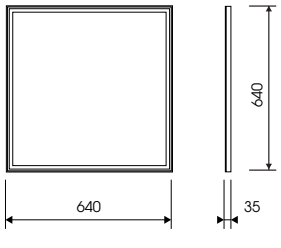

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P06.UGR.T 600x600/50W	50	150 ÷ 250	0.5	100/110	5000/5500/5500	3000/4000/6500	80	30000	600x600x35
P06 M320x1280/50W.2 Mbar 5700K HB	50	150 ÷ 250	0.5	102/110	5100/5500	3000/4000/6500	80	30000	1280x320x35
P06 T320x1280/50W.2 Mbar direct 5700K GB	50	150 ÷ 250	0.5	102/110	5100/5500	3000/4000/6500	80	30000	1280x320x35
P06 T640X640/50W.2 Mbar direct 5700K GB	50	150 ÷ 250	0.5	102/110	5100/5500	3000/4000/6500	80	30000	640x640x35

ĐÈN **LED PANEL CHIẾU CẠNH P07.DA**

P07 300x1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

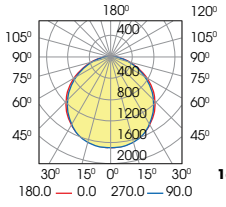

LƯỚI ĐỘ RỌI

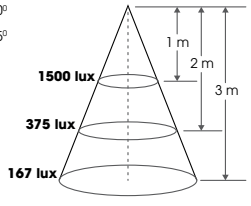

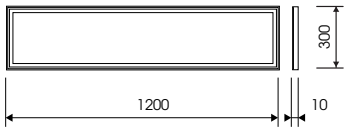

P08 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG

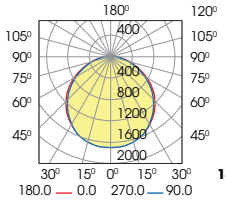

LƯỚI ĐỘ RỌI

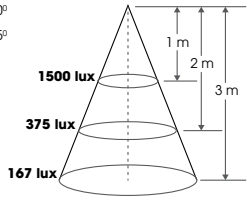

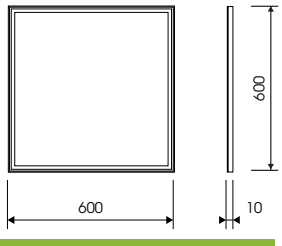

P08 600x1200/80W

PHÂN BỐ QUANG

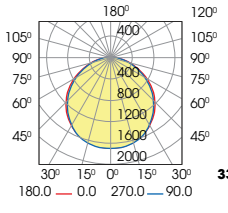

LƯỚI ĐỘ RỌI

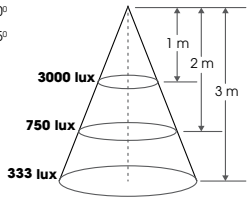

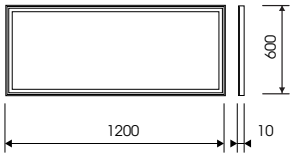

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P07 300x300/12W.DA	12	150÷250	0.45	90	1080	5000/6500	82	30000	300x300x10
P07 300x300/24W.DA	24	150÷250	0.5	71-75	1700-1800	3000/5000/6500	85	30000	300x300x10
P07 300x600/24W.DA	24	150÷250	0.5	95-100	2280-2400	3000/5000/6500	85	30000	600x300x10
P07 300x600/28W.DA	28	150÷250	0.9	82	2800	5000/6500	82	30000	300x600x10
P07 150x1200/28W.DA	28	150 ÷ 250	0.9	80-85	2250-2250	3000/5000/6500	85	30000	150x1200x10
P07 300x1200/26W.DA	26	150 ÷ 250	0.9	105-82	2730-2860	3000/5000/6500	82	50000	300x1200x10
P07 300x1200/26W.DA	35	150 ÷ 250	0.9	100-85	3500-3850	3000/5000/6500	85	30000	1200x300x10
P07 300x1200/35W.DA	45	150÷250	0.9	85-93	4200-4500	3000/5000/6500	85	30000	300x1200x10
P07 300x1200/45W.DA	48	150÷250	0.9	85-92	4400-5000	3000/5000/6500	85	30000	1200x300x10
P07 300x1200/48W.DA	50	150÷250	0.9	85-95	4750-5000	3000/5000/6500	85	30000	300x1200x10
P07 600x600/26W.DA	26	150÷250	0.9	82-418	2730-2860	3000/5000/6500	82	50000	600x600x10
P07 600x600/35W.DA	35	150 ÷ 250	0.9	85-100	3500-3850	3000/5000/6500	85	30000	600x600x10
P07 600x600/36W.DA	36	150 ÷ 250	0.9	100-107	3600-3850	3000/5000/6500	85	30000	600x600x10
P07 600x600/40W.DA	40	150 ÷ 250	0.9	95-100	3800-4000	3000/5000/6500	85	30000	600x600x10
P07 600x600/45W.DA	45	150÷250	0.9	105-110	4725-4950	3000/5000/6500	85	30000	600x600x10
P07 600x600/48W.DA	48	150÷250	0.9	92-104	4400-5000	3000/5000/6500	85	30000	600x600x10
P07 600x600/50W.DA	50	150÷250	0.9	100	5000	5000/6500	85	30000	600x600x10
P07 600x1200/75W.DA	75	150÷250	0.9	100-110	7500-8250	3000/5000/6500	85	30000	1200x600x10
P07 300x1600/48W.DA	48	150÷250	0.9	104	5000	5000/6500	82	30000	300x1600x10
P07 300x2400/48.DA	48	150÷250	0.9	95-100	4560-4800	3000/5000/6500	85	30000	300x2400x10
P07 600x1200/48W.DA	48	150÷250	0.9	100-105	4800-5040	3000/5000/6500	85	30000	600x1200x10
P07 600x1200/80W.DA	80	150÷250	0.9	100-105	8000-8400	3000/5000/6500	85	30000	600x1200x10

P07 600x600/35W.PLUS 6500K (KPK) SS

PHÂN BỐ QUANG

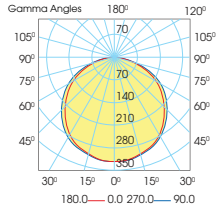

LƯỚI ĐỘ RỌI

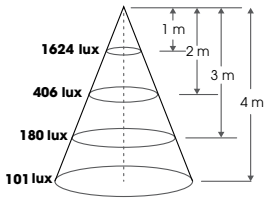

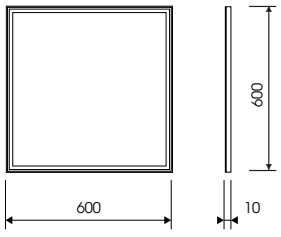

P07 600x600/48W.PLUS 6500K (KPK) SS

PHÂN BỐ QUANG

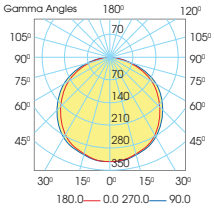

LƯỚI ĐỘ RỌI

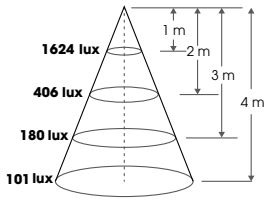

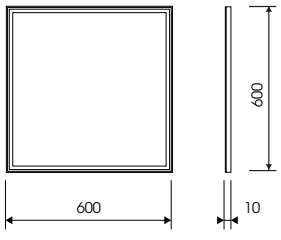

P07 300x1200/48W.PLUS 6500K (KPK) SS

PHÂN BỐ QUANG

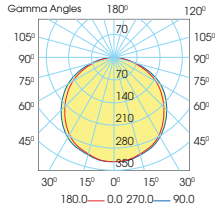

LƯỚI ĐỘ RỌI

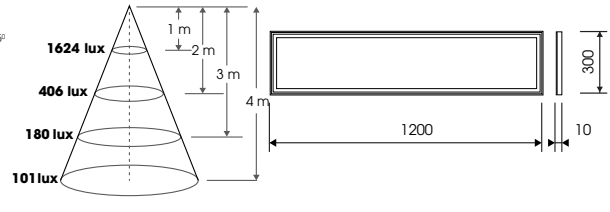

P07 300x1200/50W.PLUS 6500K (KPK) SS

PHÂN BỐ QUANG

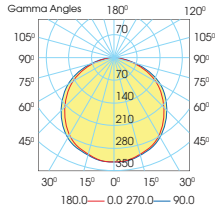

LƯỚI ĐỘ RỌI

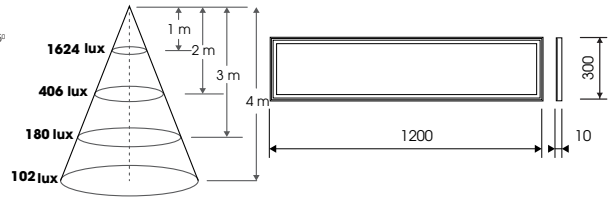

P07 600x600/50W.PLUS (KPK)

PHÂN BỐ QUANG

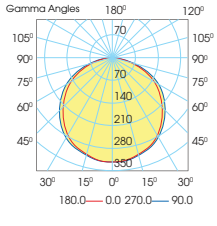

LƯỚI ĐỘ RỌI

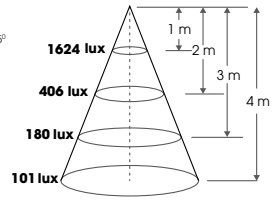

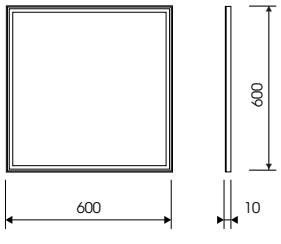

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxH)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P07 600x600/35W.PLUS 6500K (KPK) SS	35	150 ÷ 250	0.5	100/105/105	4800/5040/5040	3000/4000/6500	80	30000	600x600x10
P07 600x600/48W.PLUS 6500K (KPK) SS	48	150 ÷ 250	0.5	100/105/105	4800/5040/5040	3000/4000/6500	80	30000	600x600x10
P07 300x1200/50W.PLUS 6500K (KPK) SS	50	150 ÷ 250	0.5	100/105/105	4800/5040/5040	3000/4000/6500	80	30000	1200x300x10
P07 300x1200/50W.PLUS 6500K (KPK) SS	50	150 ÷ 250	0.5	100/105/105	4800/5040/5040	3000/4000/6500	80	30000	1200x300x10
P07 600x600/50W.PLUS 4000K (KPK)	50	150 ÷ 250	0.5	100/105/105	4800/5040/5040	3000/4000/6500	80	30000	600x600x10

ĐÈN **LED PANEL CHIẾU CẠNH P08**

P08 300x1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

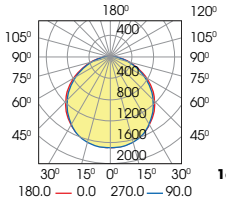

LƯỚI ĐỘ RỌI

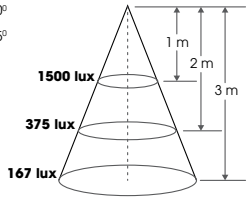

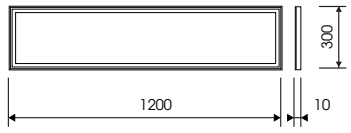

P08 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG

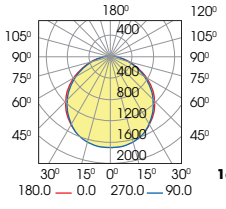

LƯỚI ĐỘ RỌI

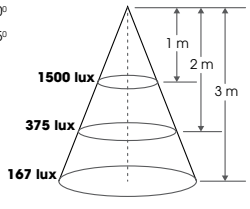

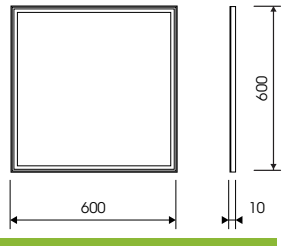

P08 600x600/50W

PHÂN BỐ QUANG

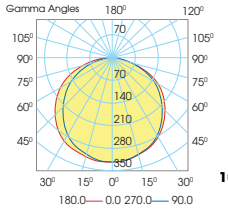

LƯỚI ĐỘ RỌI

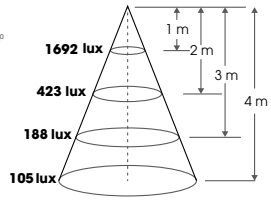

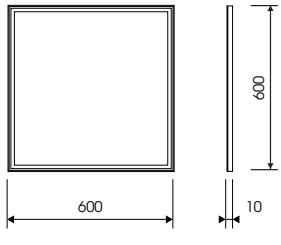

P08 600x600/54W

PHÂN BỐ QUANG

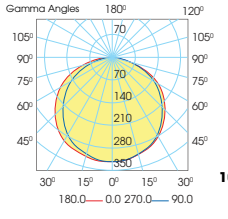

LƯỚI ĐỘ RỌI

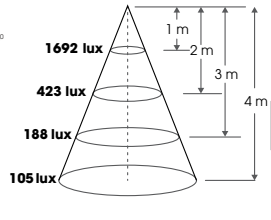

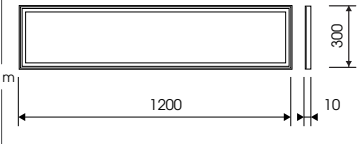

P08 600x1200/80W

PHÂN BỐ QUANG

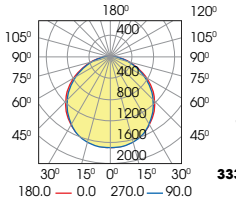

LƯỚI ĐỘ RỌI

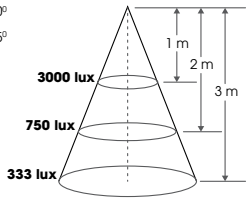

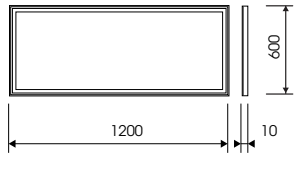

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
P08 300x1200/40W	40	150 ÷ 250	0.9	95/100	4000/4200	3000/5000/6500	80	25000	1200x300x10
P08 600x600/40W	40	150 ÷ 250	0.9	100/105	4000/4200	3000/5000/6500	80	25000	600x600x10
P08 600x600/50W	50	150 ÷ 250	0.9	100/105	5000/5250/5250	3000/4000/6500	80	25000	600x600x10
P08 600x600/54W	54	150 ÷ 250	0.9	100/105	5000/5250/5250	3000/4000/6500	80	25000	600x600x10
P08 600x1200/80W	80	150 ÷ 250	0.9	100/105	8000/8400	3000/5000/6500	80	25000	1200x600x10

ĐÈN **LED PANEL TRANG TRÍ P04**

P04 TTR01 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG

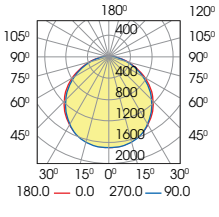

LƯỚI ĐỘ RỌI

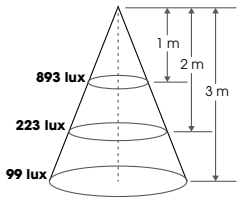

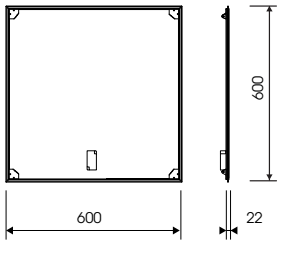

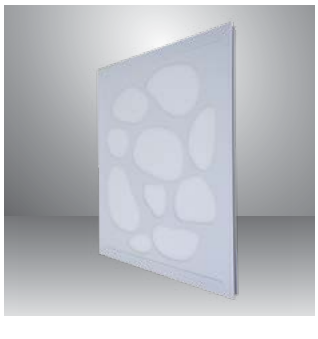

P04 TTR03 600x600/40W

PHÂN BỐ QUANG

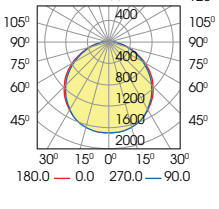

LƯỚI ĐỘ RỌI

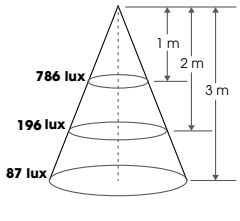

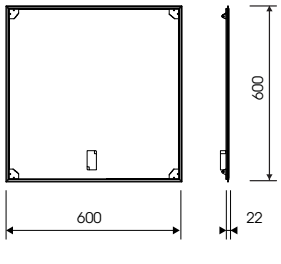

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Dòng điện Max
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm	(A)
P04 TTR01 600x600/40W	40	150 ÷ 250	0.9	50	2000	3000/6500	80	25000	600x600x22	0.17
P04 TTR03 600x600/40W	40	150 ÷ 250	0.9	55	2200	3000/6500	80	25000	600x600x22	0.17

* Hoa văn trang trí có thể sản xuất theo yêu cầu của khách hàng

GIÁ TREO ĐÈN LED PANEL

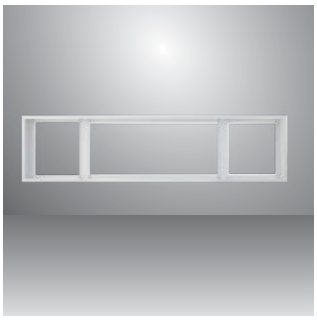

GTP 300x1200

Kích thước:	(300x1200x10) mm

GTP 600x600

Kích thước:	(600x600x10) mm

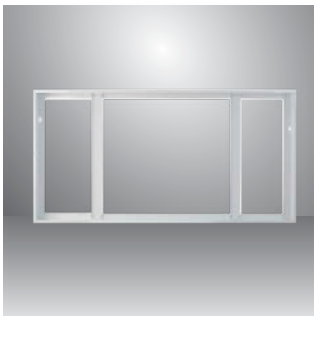

GTP 600x1200

Kích thước:	(600x1200x10) mm

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED DÂY

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Cấu tạo vỏ nhựa PVC có độ bền cao, dễ dàng uốn cong và khả năng chống nước tốt (IP65)

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng trong nhà: trang trí hắt trần thạch cao, hắt tường, tạo điểm nhấn cho phòng khách, phòng ngủ; chiếu sáng bổ sung cho kệ, tủ bếp,…
- Chiếu sáng ngoài trời: sân vườn, cây cối, tòa nhà,…

ĐÈN LED DÂY **CHIẾU SÁNG**

LD01 1000/7W

Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	14x8
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD01 1000/9W

Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	700
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	18x9
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD01 ĐM 1000/9W

Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	600
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 4000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	18x10
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD02 1000/7W

Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	11x5
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD02 1000/9W

Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	700
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	11x5
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

ĐÈN LED DÂY **CHIẾU SÁNG**

LD03 1000/7W

Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD03 1000/9W

Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	700
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	18x9
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

LD03 ĐM 1000/9W

Công suất (W):	9
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Quang thông (lm):	600
Nhiệt độ màu (K):	3000 / 4000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	18x9
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	50 -100

ĐÈN LED DÂY **TRANG TRÍ**

LD01.B 1000/7W

Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Màu ánh sáng:	Blue
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

LD01.R 1000/7W

Công suất (W):	7
Dải điện áp hoạt động (V):	150 ÷ 250
Màu ánh sáng:	Red
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	13x7
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

LD01 1000/12W (12VDC)

Công suất (W):	12
Điện áp hoạt động (VDC):	12
Quang thông (lm):	1300
Nhiệt độ màu:	3000 / 6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Chiều dài nhỏ nhất có thể cắt (m):	0.025
Cấp bảo vệ:	IP65
Cuộn (m):	100

BỘ PHỤ KIỆN **LED DÂY**

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/7W

Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 1000/9W

Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

Bộ phụ kiện nối dài Đèn LED dây LD01 ĐM 1000/9W

Cấp bảo vệ:	IP65
Số lượng/ thùng (cái):	50

BỘ DRIVER **LED DÂY**

DR-LD01 1000/7W

Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150 ÷ 250
Điện áp ra (VDC):	150 ÷ 250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 1000/9W

Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150 ÷ 250
Điện áp ra (VDC):	150 ÷ 250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65

DR-LD01 ĐM 1000/9W

Công suất Max (W):	500
Điện áp vào (VAC):	150 ÷ 250
Điện áp ra (VDC):	150 ÷ 250
Nhiệt độ làm việc (°C):	-10 ÷ 40
Cấp bảo vệ:	IP65
Lưu ý:	1 Bộ Driver chỉ sử dụng cho tối đa 25m

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED GẮN TƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Kiểu dáng thiết kế độc đáo, hiện đại, tạo điểm nhấn cho không gian ngôi nhà
- Phân bố ánh sáng bán trực tiếp: phù hợp chiếu sáng nội thất
- Chỉ số hoàn màu cao (Ra=80) mang đến ánh sáng trung thực, sắc nét
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 50-80% điện năng thay thế bộ đèn gắn tường sử dụng bóng sợi đốt, halogen, compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15.000÷30.000 giờ (L_{70}), cao gấp 3 lần đèn sợi đốt; 3÷6 lần bộ đèn bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng tạo điểm nhấn cho các không gian phòng khách, phòng ngủ, hành lang, cầu thang, văn phòng,….

ĐÈN **LED GẮN TƯỜNG**

GT05 T/2,5W

Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Nhiệt độ màu (K):	3000
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (RxC) (mm):	213x93x128

GT06 CD/2,5W

Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Nhiệt độ màu (K):	3000
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	265x95x115

GT08/2,5W

Công suất (W):	2,5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Nhiệt độ màu (K):	2700
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	135x95x183

GT07/5W

Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Quang thông (lm):	300
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (DxRxC) (mm):	307x108x100

GT08/5W

Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Quang thông (lm):	250
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (DxRxC) (mm):	187x143x100

GT12/5W

Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Quang thông (lm):	350
Nhiệt độ màu (K):	3000
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	15000
Kích thước (DxRxC) (mm):	217x177x112

GT18.3M 6W

Công suất (W):	6
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	400/440/440
Hiệu suất sáng (lm/W):	66/73/73
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30000
Kích thước (DxRxC) (mm):	168x42x80

GT18.4M 8W

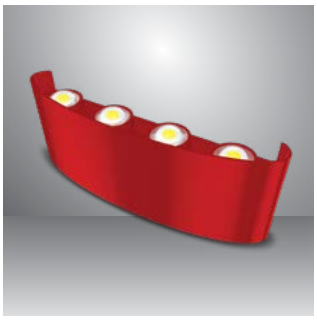

Công suất (W):	8
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	520/580/580
Hiệu suất sáng (lm/W):	65/73/73
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30000
Kích thước (DxRxC) (mm):	220x44x80

GT19 5W

Công suất (W):	5
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hệ số công suất:	0,5
Quang thông (lm):	400/450/450
Hiệu suất sáng (lm/W):	80/90/90
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	30000
Kích thước (DxRxC) (mm):	123x102x98

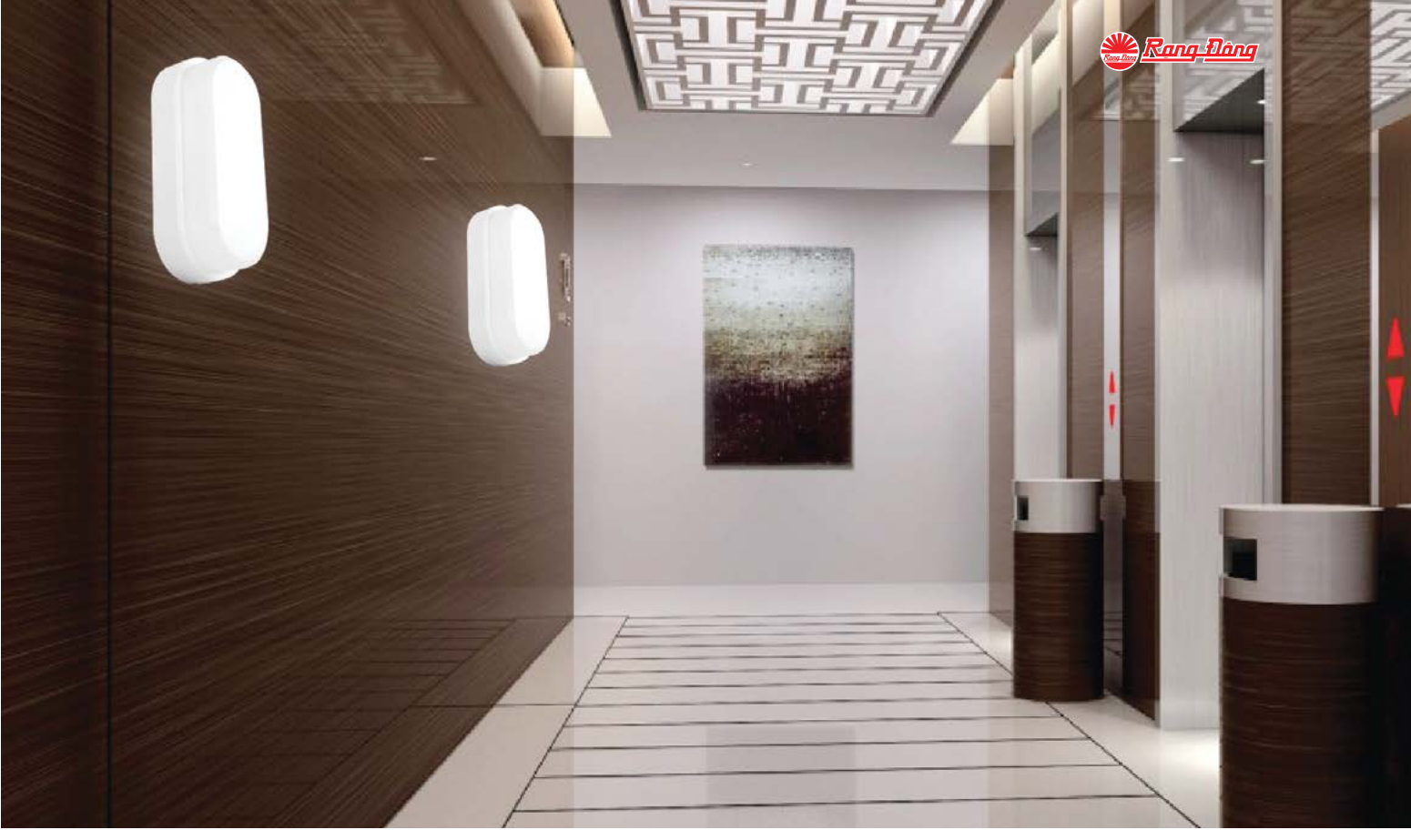

ĐÈN **LED ỐP TƯỜNG**

LN12 70x160/5W

Công suất (W):	5
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Hiệu suất sáng (lm/W)	90/100/100
Quang thông (lm):	450/500/500
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	160x70
Cấp bảo vệ:	IP54

LN12 90x195/10W

Công suất (W):	10
Điện áp danh định (V/Hz):	220/50
Hiệu suất sáng (lm/W)	90/100/100
Quang thông (lm):	900/1000/1000
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	25000
Kích thước (RxC) (mm):	195x90
Cấp bảo vệ:	IP54

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED ÂM TRẦN M15

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Mặt tán xạ mica: hệ số truyền sáng cao, tạo phân bố ánh sáng đều trên bề mặt, giảm độ chói, góc mở rộng.
- Tối ưu mặt thiết kế chiếu sáng: đáp ứng tiêu chí chiếu sáng công trình xanh.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC60598-1.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 60% điện năng thay thế bộ máng đèn bóng huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử.
- Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 25 000 giờ (L70), cao gấp 2-3 lần bộ máng đèn bóng huỳnh quang T8, T10 ballast sắt từ, điện tử, không hạn chế số lần tắt bật

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng văn phòng: phòng làm việc, phòng họp, hội trường,…
- Chiếu sáng bệnh viện: phòng khám, phòng chờ,…
- Chiếu sáng trường học: lớp học, thư viện, phòng giáo viên,…

BỘ ĐÈN **LED M15 VUÔNG**

M15 600x600/36W

PHÂN BỐ QUANG

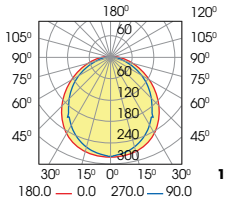

LƯỚI ĐỘ RỌI

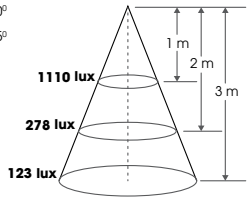

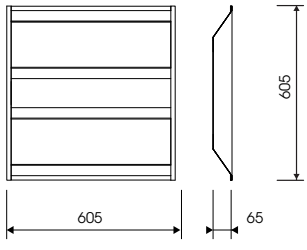

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Dòng điện Max
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	A
M15 600x600/36W	36	150÷250	0.9	82/86/86	2950/3100/3100	3000/5000/6500	80	25000	605x605x65	0.28

BỘ ĐÈN **LED M15 DÀI**

M15 300x1200/36W

PHÂN BỐ QUANG

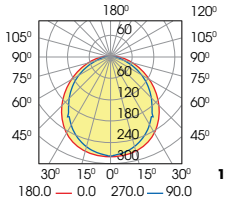

LƯỚI ĐỘ RỌI

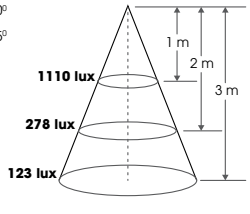

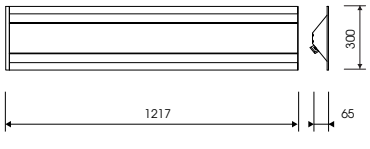

M15 600x1200/72W

PHÂN BỐ QUANG

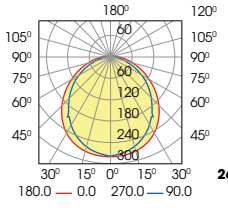

LƯỚI ĐỘ RỌI

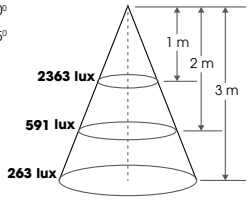

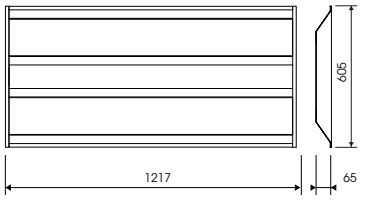

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)	Dòng điện Max
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm	A
M15 300x1200/36W	36	150÷250	0.9	82/86/86	2950/3100/3100	3000/5000/6500	80	25000	1217x300x65	0.28
M15 600x1200/72W	72	150÷250	0.9	82/86/86	5900 /6200/6200	3000/5000/6500	80	25000	1217x605x65	0.56

NHÓM SẢN PHẨM
BỘ ĐÈN LED

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Phân bố quang đồng đều, hạn chế chói lóa, góc mở rộng, tạo cảm giác thân thiện và thoải mái cho người dùng
- Thiết kế kiểu dáng sang trọng, ấn tượng, khác biệt phù hợp lắp đặt nhiều không gian
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker free): không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5).
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷40°C: phù hợp điều kiện nhiệt thời tiết đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng:TCVN 7722-1/IEC60598-1.

BỘ ĐÈN **LED M26**

M26 300/9W

PHÂN BỐ QUANG

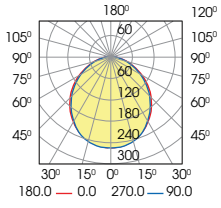

LƯỚI ĐỘ RỌI

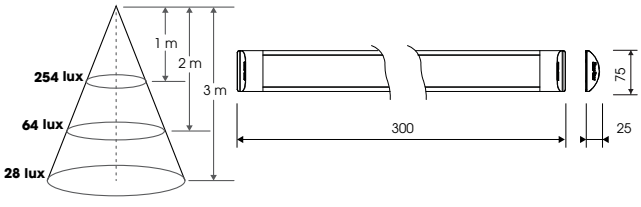

M26 600/20W

PHÂN BỐ QUANG

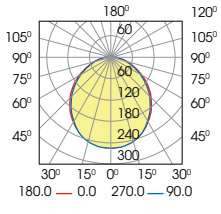

LƯỚI ĐỘ RỌI

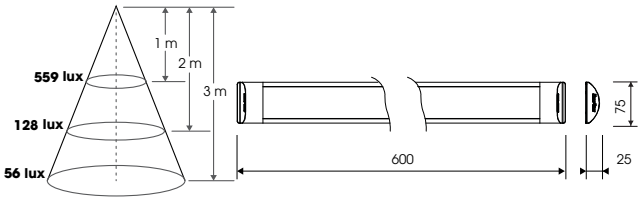

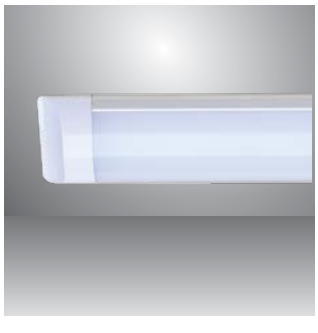

M26 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

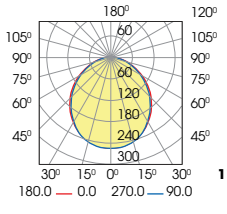

LƯỚI ĐỘ RỌI

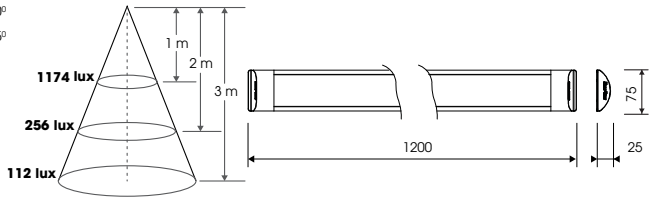

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M26 300/9W	9	150÷250	0.5	77/83/83	700/750/750	3000/4000/6500	80	25000	300x75x25
M26 600/20W	20	150÷250	0.5	90/100/100	1800/2000/2000	3000/4000/6500	80	25000	600x75x25
M26 1200/40W	40	150÷250	0.5	100/110/110	3600/4000/4000	4000/4400/4400	80	30000	1200x75x25

BỘ ĐÈN **LED M36**

M36 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

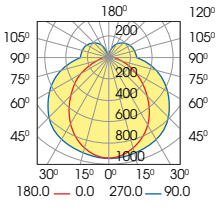

LƯỚI ĐỘ RỌI

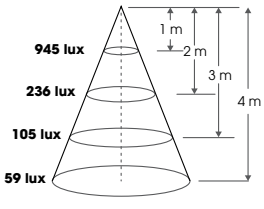

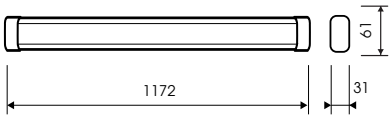

M36 600/20W

PHÂN BỐ QUANG

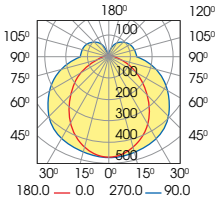

LƯỚI ĐỘ RỌI

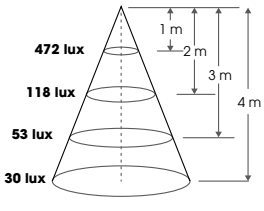

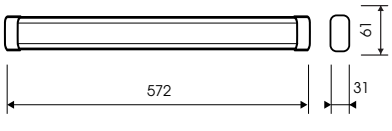

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M36 1200/40W	40	150÷250	0.5	100/110	4000/4400	3000/4000/6500	80	30000	1172x61x31
M36 600/20W	20	150÷250	0.5	100/110	2000/2200	3000/4000/6500	80	30000	572x61x31

BỘ XOAY GÓC
ĐÈN **LED M36**

Phù hợp lắp bộ đèn:	M36
Khả năng chịu tải tối đa (kg):	01
Số lượng đèn (bộ gá):	01

BỘ GÁ TREO ĐA NĂNG
ĐÈN **LED M36**

Phù hợp lắp bộ đèn:	M16-M26-M36
Số lượng đèn/01 (bộ gá):	01/02/03
Kích thước (mm):	200x50x30

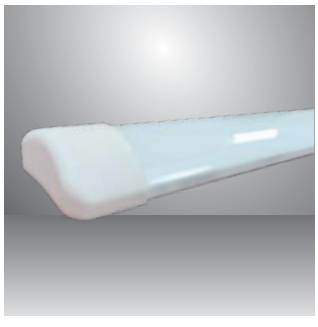

M56 600/20W

PHÂN BỐ QUANG

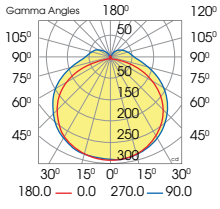

LƯỚI ĐỘ RỌI

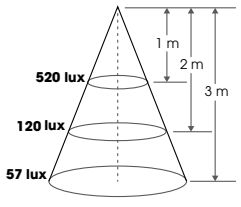

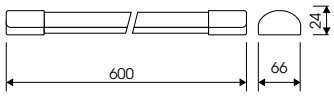

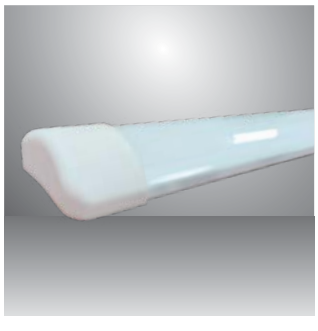

M56 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

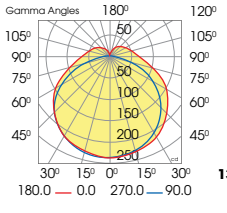

LƯỚI ĐỘ RỌI

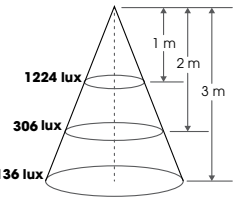

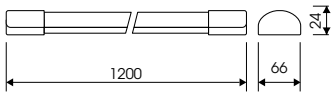

M66 1200/60W

PHÂN BỐ QUANG

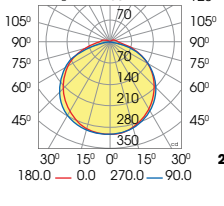

LƯỚI ĐỘ RỌI

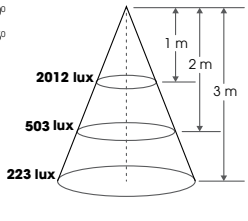

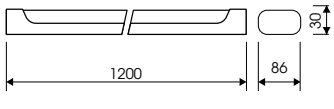

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
M56 600/20W	20	150÷250	0.5	100/110/110	2000/2200/2200	3000/4000/6500	80	30000	600x66x24
M56 1200/40W	40	150÷250	0.5	100/110/110	4000/4400/4400	3000/4000/6500	80	30000	1200x66x24
M66 1200/60W	60	150÷250	0.5	100/110/110	6000/6600/6600	3000/4000/6500	80	30000	1200x86x30

BỘ ĐÈN **LED BÁN NGUYỆT**

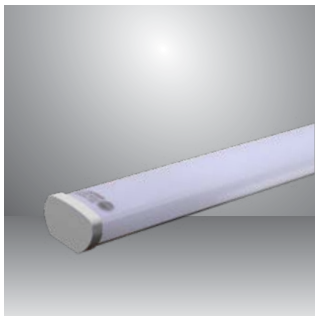

M46 600/25W

PHÂN BỐ QUANG

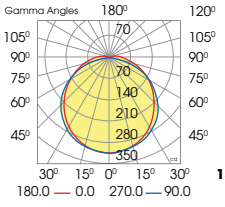

LƯỚI ĐỘ RỌI

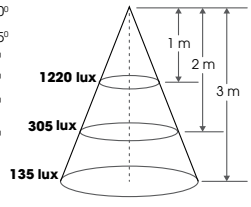

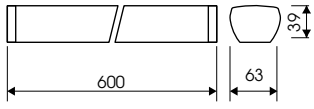

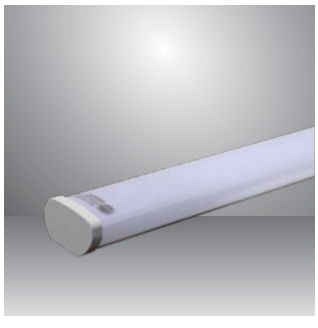

M46 1200/50W

PHÂN BỐ QUANG

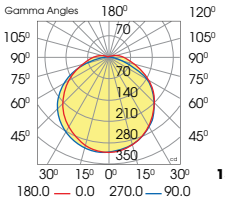

LƯỚI ĐỘ RỌI

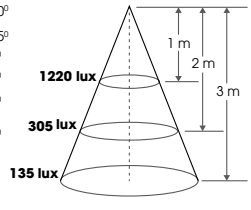

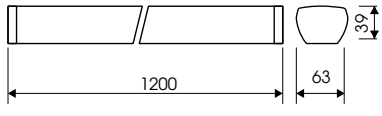

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (øxL)
	W	V		lm/W	lm	K		giờ	mm
M46 600/25W	25	170÷250	0.5	110	2750	3000/4000/6500	80	25000	600x63x39
M46 1200/50W	50	170÷250	0.5	110	5500	3000/4000/6500	80	25000	1200x63x39

BỘ ĐÈN **LED CHỐNG NỔ**

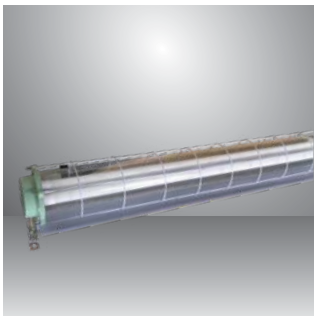

CN01 1200/40W.DA

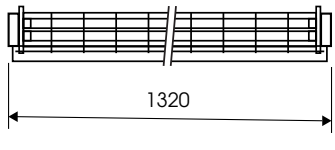

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông nguồn sáng	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (L)
	W	V		lm	K		giờ	mm
CN01 1200/40W.DA	40	170÷250	0.5	4800/5200	3000/6500	80	20000	1320

BỘ ĐÈN **LED TUBE CHỐNG ẨM**

T8 CA01 20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

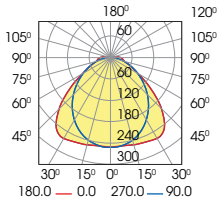

LƯỚI ĐỘ RỌI

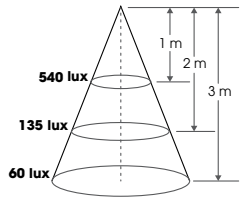

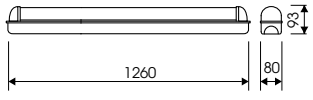

T8 CA01 20Wx2

PHÂN BỐ QUANG

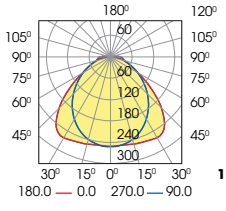

LƯỚI ĐỘ RỌI

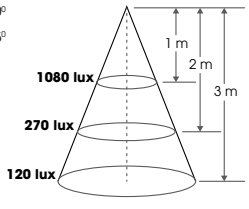

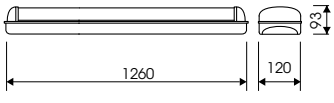

T8 TT01 CA01 20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

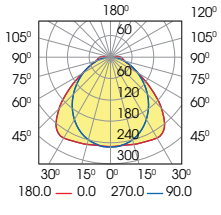

LƯỚI ĐỘ RỌI

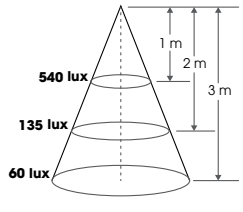

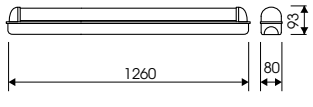

T8 TT01 CA01 20Wx2

PHÂN BỐ QUANG

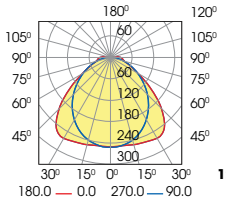

LƯỚI ĐỘ RỌI

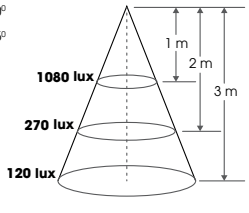

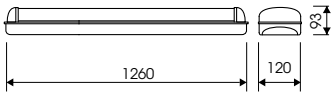

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K			Giờ	mm
T8 CA01 20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	90	1850	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	25000, (L_{70}/F_{50})	1260x80x93
T8 CA01 20Wx2	40	150 ÷ 250	0.5	94	3400	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	25000, (L_{70}/F_{50})	1260x120x93
T8 TT01 CA01 20Wx1	20	150 ÷ 250	0.5	85	1700	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	30000, (L_{70}/F_{50})	1260x80x93
T8 TT01 CA01 20Wx2	40	150 ÷ 250	0.5	94	3400	3000/4000/5000/6500K	82	IP65	30000, (L_{70}/F_{50})	1260x120x93

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED M18 & M38

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Chất lượng ánh sáng cao (Ra=80) tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng
- Góc chiếu sáng rộng 105 độ, ánh sáng tập trung tại vị trí làm việc, chiếu sáng định hướng, giúp tăng hiệu quả công việc
- Kết cấu đơn giản, có lẫy sập, khe luồn dây, giảm chi phí và thời gian lắp đặt so với bộ đèn Tube LED đôi hay bộ đèn huỳnh quang T8.

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng xưởng sản xuất, văn phòng công sở, hầm để xe của toàn nhà, trường học, bệnh viện,…

BỘ ĐÈN **LED M18**

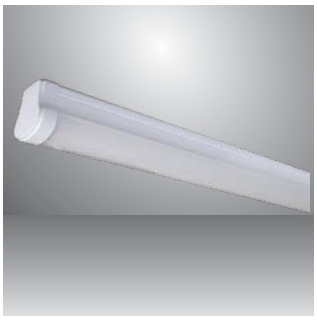

M18 600/18W

PHÂN BỐ QUANG

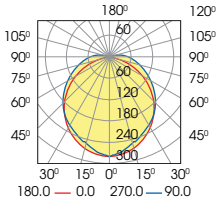

LƯỚI ĐỘ RỌI

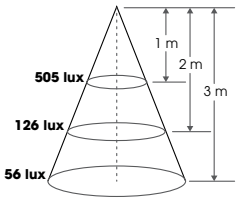

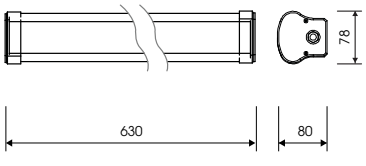

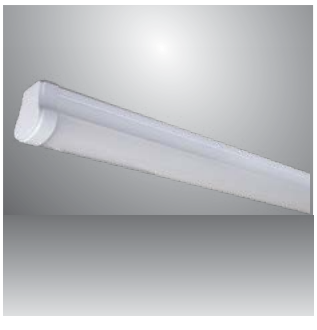

M18 1200/36W

PHÂN BỐ QUANG

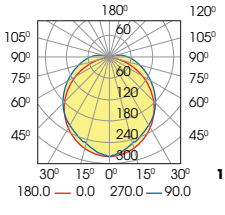

LƯỚI ĐỘ RỌI

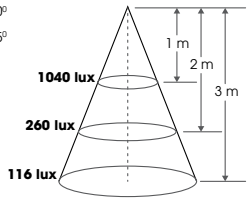

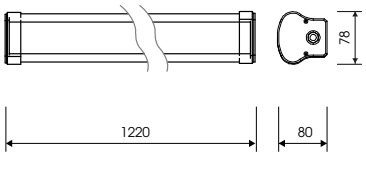

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ		mm
M18 600/18W	18	150÷250	0.5	88/94/94	1600/1700/1700	3000/5000/6500	80	20000	IP65	630x80x78
M18 1200/36W	36	150÷250	0.5	88	3200	3000/5000/6500	80	20000	IP65	1220x80x78

BỘ ĐÈN **LED M38**

M38 1200/40W

PHÂN BỐ QUANG

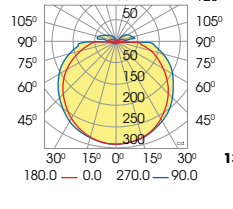

LƯỚI ĐỘ RỌI

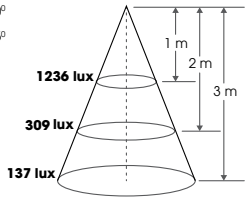

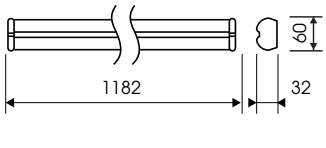

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
M38 1200/40W	40	150÷250	0.5	117/130	4680/5200	3000/4000/6500	80	25000	1182x60x32

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED LINEAR

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Hàn Quốc hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao
- Chỉ số hoàn màu cao (Ra=80) mang đến ánh sáng trung thực, sắc nét
- Thiết kế linh hoạt theo yêu cầu, đa dạng cách lắp đặt (âm trần, thả trần, nổi trần)
- Cấu tạo đơn giản, dễ dàng lắp đặt.

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng nhà ở: phòng khách, phòng ngủ,….
- Chiếu sáng văn phòng công sở
- Chiếu sáng trung tâm thương mại

BỘ ĐÈN **LED LINEAR**

LR01 1000/20W

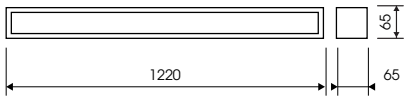

* Sản phẩm lắp âm trần.
* Sản phẩm đặt hàng theo yêu cầu của khách hàng.
* Chiều dài cắt là bội số của 100 mm. và kích thước cắt tối thiểu là 100 mm.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	V		lm	K		Giờ	mm
LR01 1000/20W	20	150÷250	0.5	1300	3000/6500	80	25000	65x32

BỘ DRIVER **LED LINEAR**

DR-LR01 50W (24VDC)

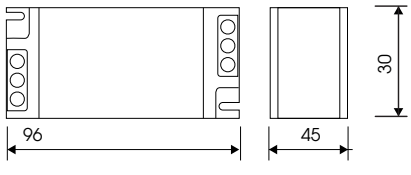

Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Hệ số công suất	Dòng điện đầu vào Max	Dòng điện đầu ra Max	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)
	W	VDC	A		A	A	Giờ	mm
DR-LR01 50W (24VDC)	50	150÷250	50/60	0,5	0.6	1.85	30000	(96x45x30)±5

BỘ PHỤ KIỆN **LED LINEAR**

PK T-LR01 300x100/8W

PK L-LR01 220x220/8W

PK V-LR01 210x210/8W

Model	Công suất	Điện áp vào	Dòng điện tiêu thụ	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (RxC)	Chiều rộng khoét trần
	W	VDC	A	lm	K		Giờ	mm	mm
PK T-LR01 300x100/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2
PK L-LR01 220x220/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2
PK V-LR01 210x210/8W	8	23÷25	0.35	520	3000/4000/6500	80	25000	64x32	56±2

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED HIGHBAY

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Samsung hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷250) V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Thân đèn bằng hợp kim nhôm được anot hóa: hệ số dẫn nhiệt cao, tăng tính thẩm mỹ .
- Chao đèn làm bằng nhôm đúc, bề mặt chao được tráng bạc: vành khung có tính chịu nhiệt cao, tán xạ nhiệt tốt.
- Hệ số công suất cao ≥ 0.9: giúp nhà máy không phải mua công suất phản kháng.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra ≥70): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008).
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/CISPR15:2009)

ĐÈN **LED HIGHBAY**

HB02 350/50W

PHÂN BỐ QUANG

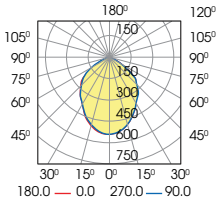

LƯỚI ĐỘ RỌI

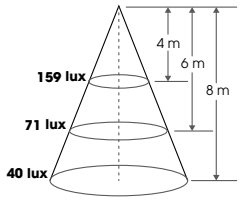

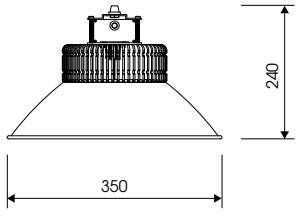

HB02 350/70W

PHÂN BỐ QUANG

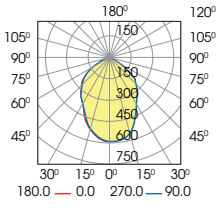

LƯỚI ĐỘ RỌI

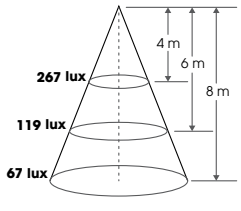

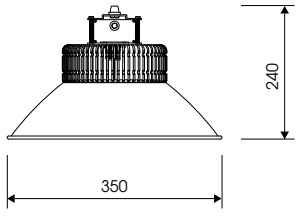

HB02 430/100W

PHÂN BỐ QUANG

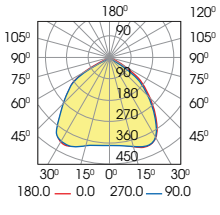

LƯỚI ĐỘ RỌI

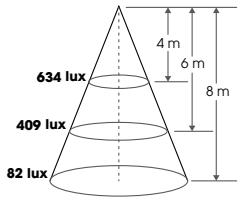

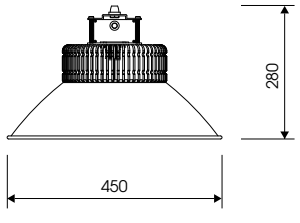

HB02 430/120W

PHÂN BỐ QUANG

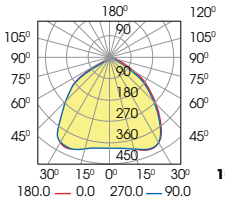

LƯỚI ĐỘ RỌI

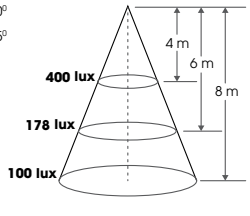

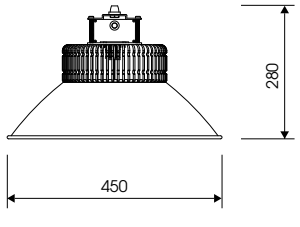

HB02 430/150W

PHÂN BỐ QUANG

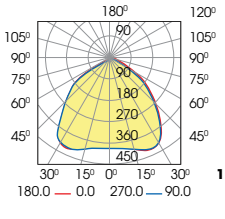

LƯỚI ĐỘ RỌI

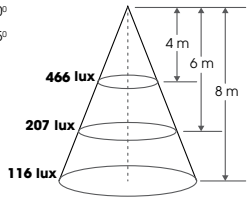

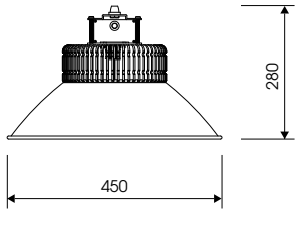

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB02 350/50W	50	150÷250	0.5	100/100/95	5000/5000/4750	6500/4000/3000	80	25000 (L_{70}/F_{50})	350x240
HB02 350/70W	70	150÷250	0.9	95/95/90	6650/6650/6300	6500/4000/3000	80	25000 (L_{70}/F_{50})	350x240
HB02 430/100W	100	150÷250	0.9	100/100/95	10000/10000/9500	6500/4000/3000	80	25000 (L_{70}/F_{50})	450x280
HB02 430/120W	120	150÷250	0.9	106/106/105	16000/16000/15000	6500/4000/3000	80	25000 (L_{70}/F_{50})	450x280
HB02 430/150W	150	150÷250	0.9	106/106/105	16000/16000/15000	6500/4000/3000	80	25000 (L_{70}/F_{50})	450x280

ĐÈN **LED HIGHBAY**

HB02 500/200W

PHÂN BỐ QUANG

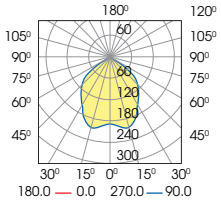

LƯỚI ĐỘ RỌI

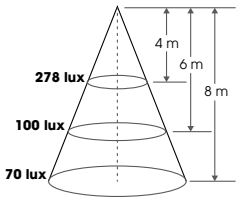

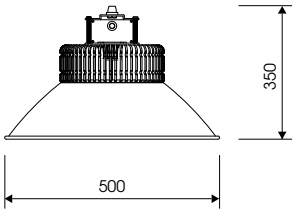

HB04 300/100W

PHÂN BỐ QUANG

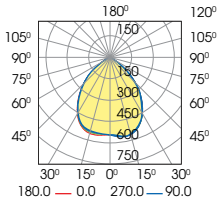

LƯỚI ĐỘ RỌI

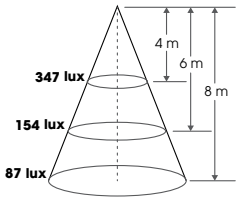

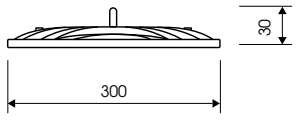

HB04 360/120W

PHÂN BỐ QUANG

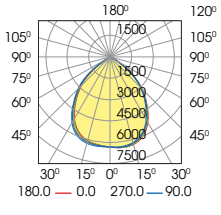

LƯỚI ĐỘ RỌI

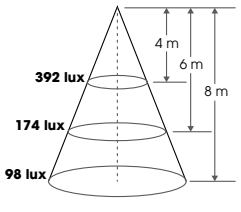

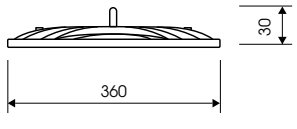

HB04 360/150W

PHÂN BỐ QUANG

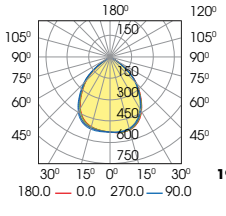

LƯỚI ĐỘ RỌI

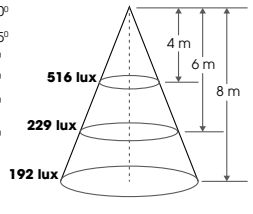

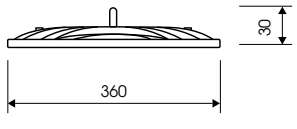

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB02 500/200W	200	150÷250	0.9	105/105/95	21000/21000/19000	6500/4000/3000	80	25000 (L_{70}/F_{50})	490x350
HB04 300/100W	100	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	9500/10000/10000	3000/4000/6500	≥80	25000 (L_{70}/F_{50})	300x30
HB04 360/120W	120	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	11400/12000/12000	3000/4000/6500	≥80	25000 (L_{70}/F_{50})	360x30
HB04 360/150W	150	170÷250	≥ 0.6	95/100/100	14250/15000/15000	3000/4000/6500	≥80	25000 (L_{70}/F_{50})	360x30

ĐÈN **LED HIGHBAY UFO**

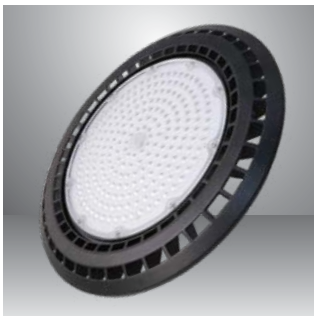

HB03 290/100W

PHÂN BỐ QUANG

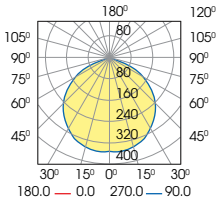

LƯỚI ĐỘ RỌI

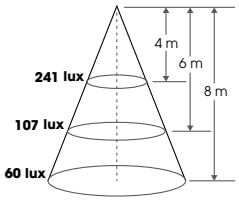

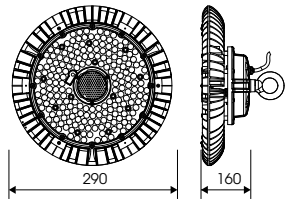

HB03 350/120W

PHÂN BỐ QUANG

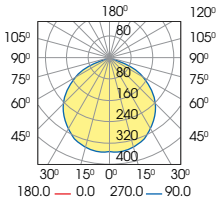

LƯỚI ĐỘ RỌI

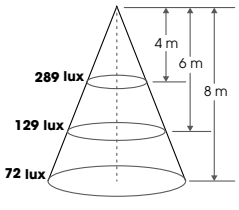

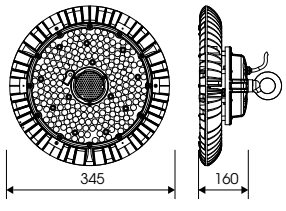

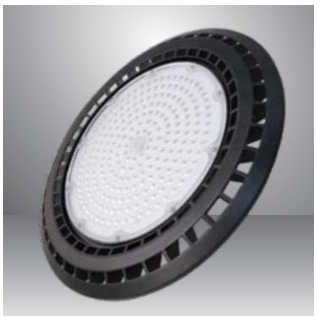

HB03 350/150W

PHÂN BỐ QUANG

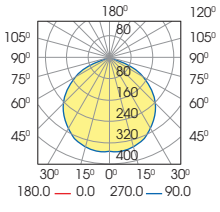

LƯỚI ĐỘ RỌI

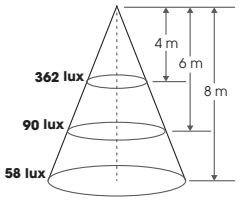

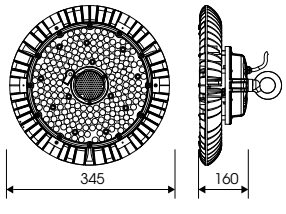

HB03 390/200W

PHÂN BỐ QUANG

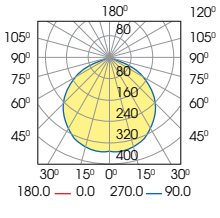

LƯỚI ĐỘ RỌI

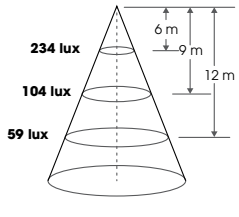

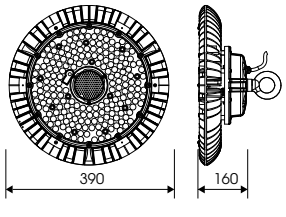

HB03 390/250W

PHÂN BỐ QUANG

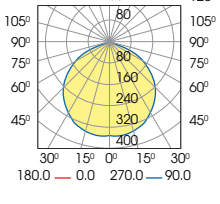

LƯỚI ĐỘ RỌI

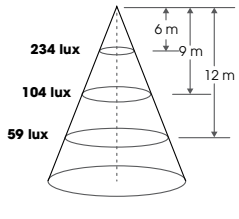

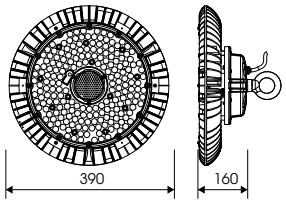

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
HB03 290/100W	100	150÷250	0.9	120/130/130	12000/13000/13000	3000/4000/6500	80	30000	290x160
HB03 350/120W	120	150÷250	0.9	120/130/130	14400/15600/15600	3000/4000/6500	80	30000	345x160
HB03 350/150W	150	150÷250	0.9	120/130/130	18000/19500/19500	3000/4000/6500	80	30000	345x160
HB03 390/200W	200	150÷250	0.9	120/130/130	24000/26000/26000	3000/4000/6500	80	30000	390x160
HB03 390/250W	250	150÷250	0.95	120/130/130/130	30000/32500/32500/32500	3000/4000/5000/6500	80	30.000	395x160

ĐÈN **LED LOW BAY**

LB01 10W

PHÂN BỐ QUANG

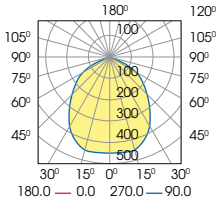

LƯỚI ĐỘ RỌI

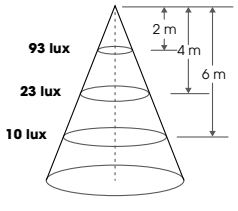

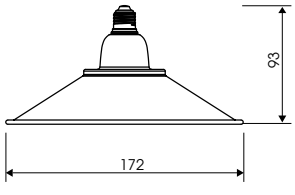

LB01 20W

PHÂN BỐ QUANG

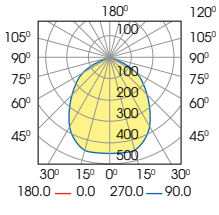

LƯỚI ĐỘ RỌI

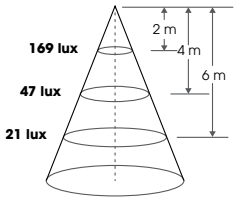

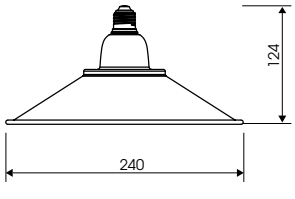

LB01 30W

PHÂN BỐ QUANG

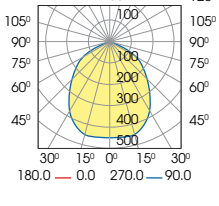

LƯỚI ĐỘ RỌI

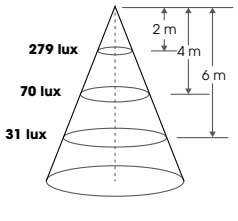

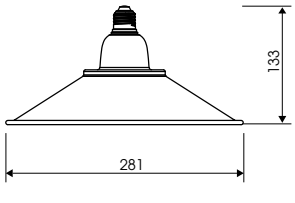

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
LB01 10W	10	150÷250	0.5	83	830	3000/5000/6500	80	15000	172x93
LB01 20W	20	150÷250	0.5	85	1700	3000/5000/6500	80	15000	240x124
LB01 30W	30	150÷250	0.5	83	2500	3000/5000/6500	80	15000	281x133

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED CHIẾU PHA

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng (150÷250)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Kính làm bằng thủy tinh: Có khả năng chịu lực và nhiệt độ cao.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại.
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Khả năng chịu xung sét lên tới 10kV: bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác. (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng-10°C÷45°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại,không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP66, IK08: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng.
- Tiêu chuẩn chung áp dụng: TCVN 7722-1/IEC60598-1.

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 08**

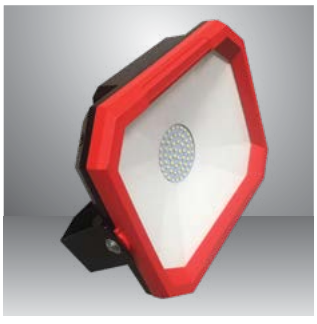

CP08 50W

PHÂN BỐ QUANG

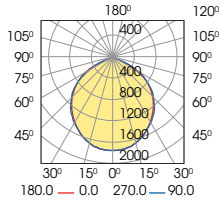

LƯỚI ĐỘ RỌI

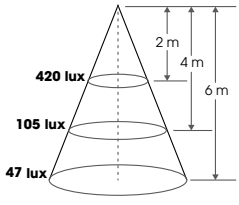

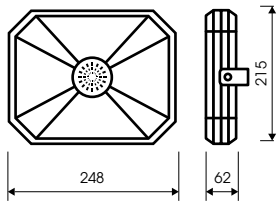

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP08 50W	50	150÷250	0.5	100/110/110	5000/5500/5500	3000/5000/6500	2	80	25000	IP65	248x215x62

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 06**

CP06 10W

PHÂN BỐ QUANG

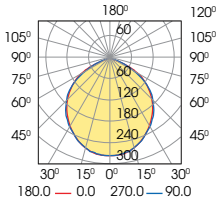

LƯỚI ĐỘ RỌI

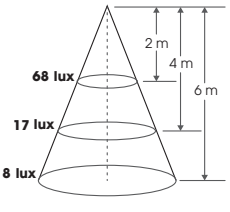

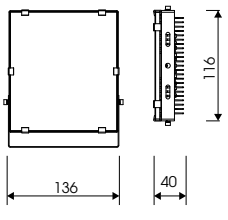

CP06 20W

PHÂN BỐ QUANG

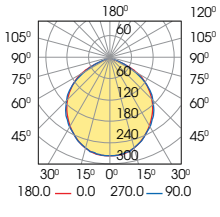

LƯỚI ĐỘ RỌI

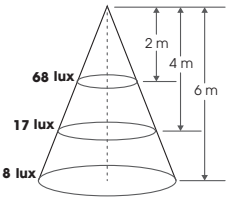

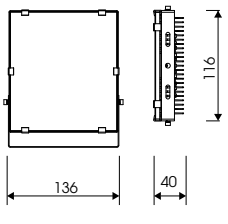

CP06 30W

PHÂN BỐ QUANG

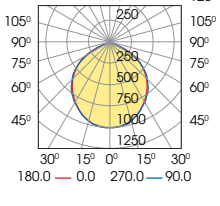

LƯỚI ĐỘ RỌI

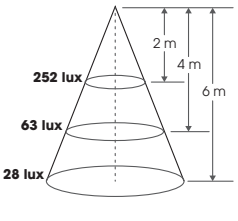

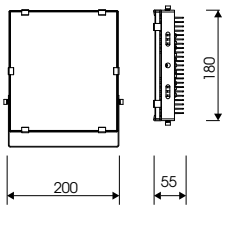

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP06 10W	10	150÷250	0.5	76-85	760-850	3000/4000/6500	1	80	20000	IP66	136x116x40
CP06 20W	20	150÷250	0.5	70-78	1400-1550	3000/4000/6500	1	80	20000	IP66	136x116x40
CP06 30W	30	150÷250	0.5	77	2300	3000/4000/6500	1	80	50000	IP66	200x180x55

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 06**

CP06 50W

PHÂN BỐ QUANG

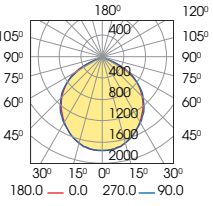

LƯỚI ĐỘ RỌI

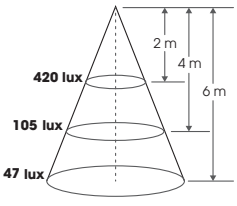

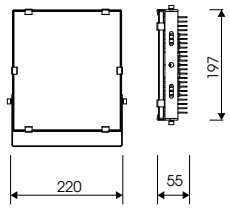

CP06 70W

PHÂN BỐ QUANG

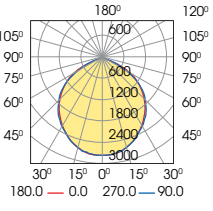

LƯỚI ĐỘ RỌI

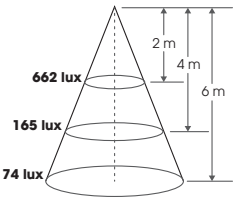

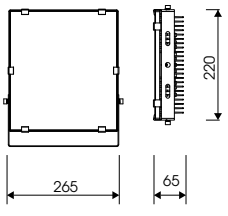

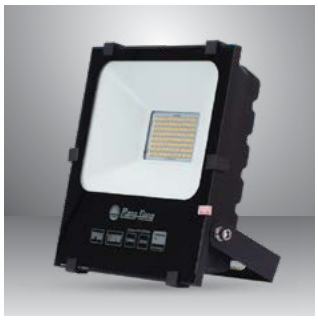

CP06 100W

PHÂN BỐ QUANG

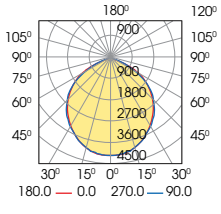

LƯỚI ĐỘ RỌI

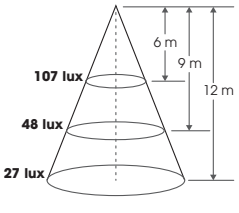

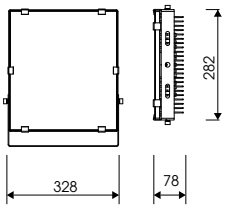

CP06 150 W

PHÂN BỐ QUANG

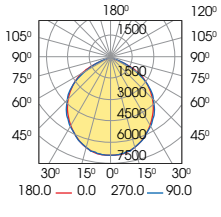

LƯỚI ĐỘ RỌI

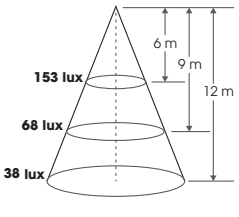

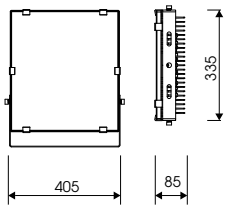

CP06 200W

PHÂN BỐ QUANG

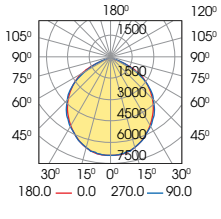

LƯỚI ĐỘ RỌI

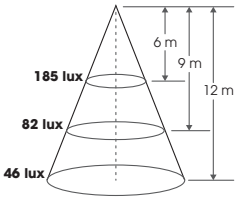

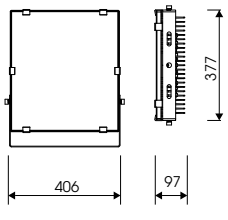

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP06 50W	50	150÷250	0.5	83	4150	3000/4000/6500	1	80	20000	IP66	220x197x55
CP06 70W	70	150÷250	0.9	90	6300	3000/5000/6500	6	80	20000	IP66	265x220x65
CP06 100W	100	150÷250	0.9	95	9500	3000/5000/6500	6	80	20000	IP66	328x282x78
CP06 150W	150	150÷250	0.9	90	13500	3000/5000/6500	6	80	20000	IP66	405x335x85
CP06 200W	200	150÷250	0.9	100	20000	3000/5000/6500	6	80	20000	IP66	406x377x97

ĐÈN **LED CHIẾU PHA 07**

CP07 100W

PHÂN BỐ QUANG

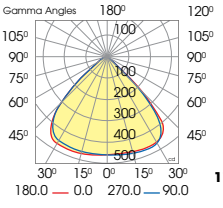

LƯỚI ĐỘ RỌI

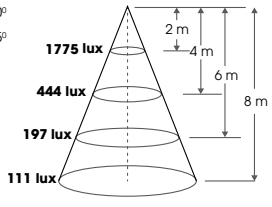

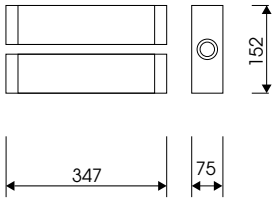

CP07 150W

PHÂN BỐ QUANG

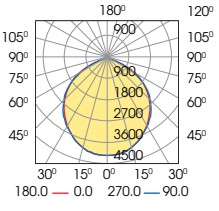

LƯỚI ĐỘ RỌI

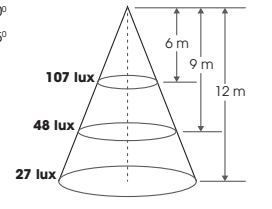

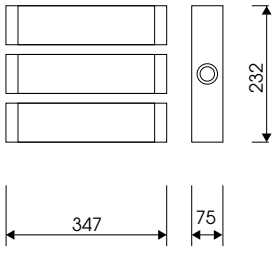

CP07 200W

PHÂN BỐ QUANG

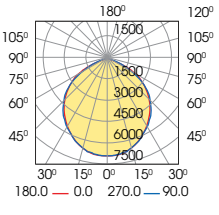

LƯỚI ĐỘ RỌI

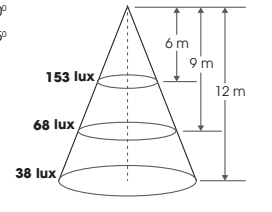

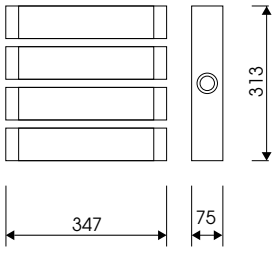

CP07 250W

PHÂN BỐ QUANG

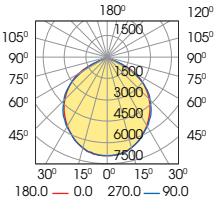

LƯỚI ĐỘ RỌI

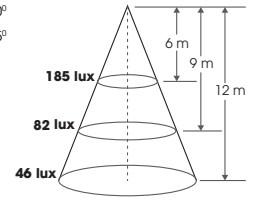

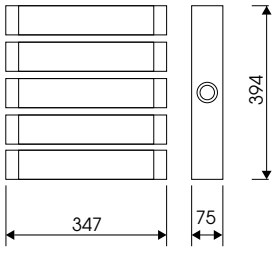

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm
CP07 100W	100	100÷277	0,95	135	13 500	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x152x75
CP07 150W	150	100÷277	0,95	135	20 250	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x232x75
CP07 200W	200	100÷277	0,95	135	27 000	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x313x75
CP07 250W	250	100÷277	0,95	135	33 750	4000/5000	0.6	≥70	50000	IP66/IK08	347x394x75
CP09 350W	350	100÷277	0.95	150	525000	3000/4000/5000/65000	-	70	50000	IP65/IK08	380x220x50

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED TRACKLIGHT

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED chất lượng cao, độ tin cậy, tuổi thọ cao giúp tần suất và chi phí thay thế, bảo dưỡng
- Thân đèn làm bằng nhôm đúc, chống ăn mòn, chống oxy hóa
- Sử dụng thấu kính quang học để tạo hiệu quả cao nhất trong chiếu sáng
- Dễ dàng thay đổi góc chiếu sáng, góc mở đèn 24 độ, phù hợp không gian chiếu sáng Indoor trang trí tạo điểm nhấn
- Kết cấu linh hoạt, phù hợp chiếu sáng điểm
- Ít phát nhiệt, không làm nóng bề mặt đèn và môi trường xung quanh
- Chất lượng ánh sáng trung thực, tự nhiên, chỉ số hoàn màu (Ra ≥80). (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng điểm, rọi trong các cửa hàng thời trang, siêu thị, trung tâm thương mại, phòng triển lãm, bảo tàng,…

ĐÈN **LED TRACKLIGHT 04**

TRL04 20W

PHÂN BỐ QUANG

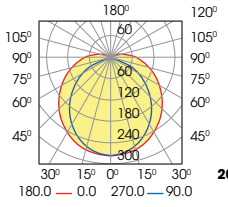

LƯỚI ĐỘ RỌI

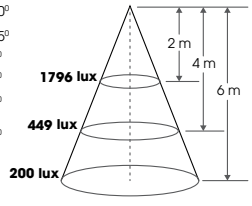

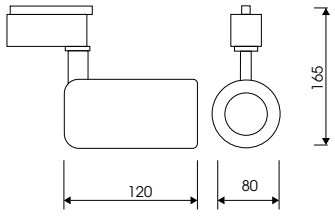

TRL04 25W

PHÂN BỐ QUANG

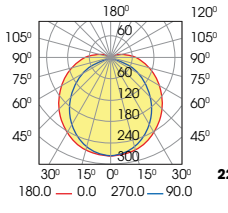

LƯỚI ĐỘ RỌI

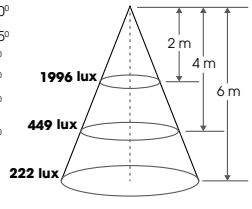

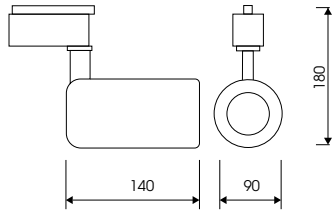

ĐÈN **LED TRACKLIGHT 06**

TRL06 20W

PHÂN BỐ QUANG

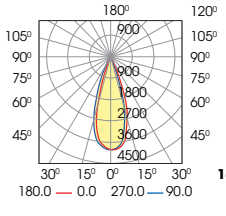

LƯỚI ĐỘ RỌI

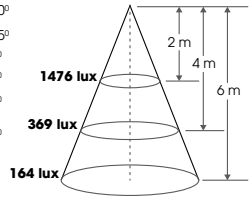

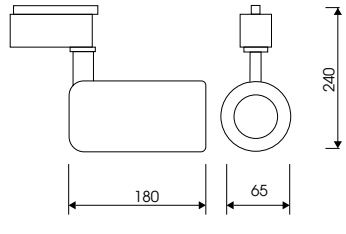

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	độ		Giờ	mm
TRL04 20W	20	150÷250	0.5	81/90/90	1620/1800/1800	3000/4000/5000	24	90	25000	80x120x165
TRL04 25W	25	150÷250	0.5	80/88/88	1980/2200/2200	3000/4000/5000	24	90	25000	90x140x180
TRL06 20W	20	150÷250	0.5	68/75/75/75	1350/1500/1500/1500	3000/4000/5000/6500	15÷36	80	25000	65x180x240

ĐÈN **LED TRACKLIGHT 05**

TRL05 10W

PHÂN BỐ QUANG

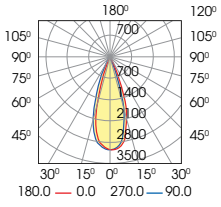

LƯỚI ĐỘ RỌI

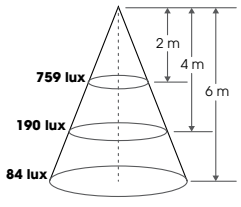

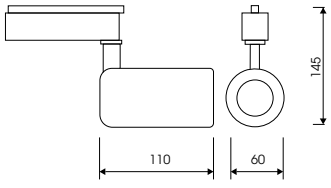

TRL05 15W

PHÂN BỐ QUANG

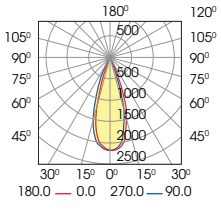

LƯỚI ĐỘ RỌI

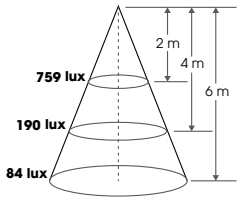

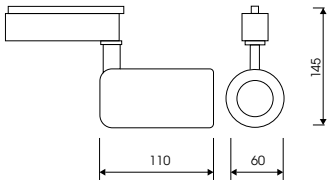

TRL05 20W

PHÂN BỐ QUANG

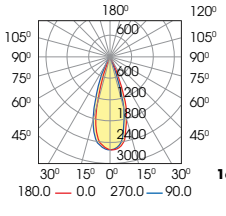

LƯỚI ĐỘ RỌI

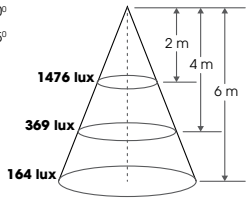

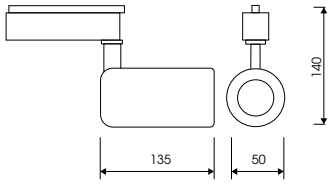

TRL05 30W

PHÂN BỐ QUANG

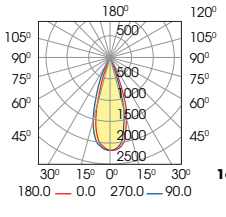

LƯỚI ĐỘ RỌI

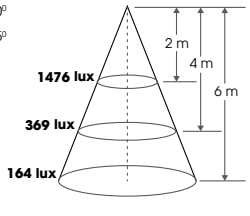

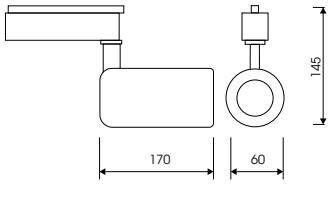

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chiếu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (ØxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	độ		Giờ	mm
TRL05 10W	10	150÷250	0.5	81/90/90/90	810/900/900/900/900	3000/4000/5000/6500	24	80	25000	60x110x145
TRL05 15W	15	150÷250	0.5	100/110/110/110	1500/1650/1650/1650	3000/4000/5000/6500	24	80	25000	60x110x145
TRL05 20W	20	150÷250	0.5	83/90/90/90	1660/1800/1800/1800	3000/4000/5000/6500	24	80	25000	50x135x140
TRL05 30W	30	150÷250	0.5	81/90/90/90	2430/2700/2700/2700	3000/4000/5000/6500	24	90	25000	60x170x145

PHỤ KIỆN ĐÈN TRACKLIGHT

RAY TRL01/1000 (1M)

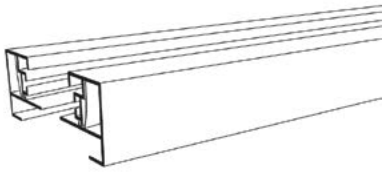

RAY TRL01/NCT

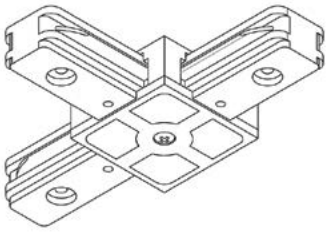

RAY TRL01/NG

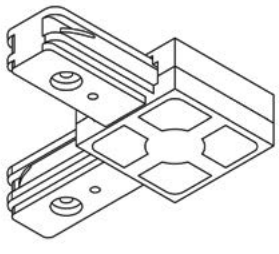

RAY TRL01/NC+

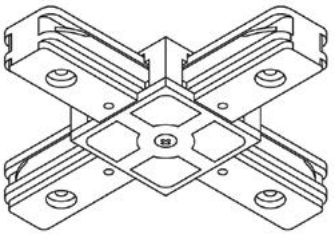

RAY TRL01/NT

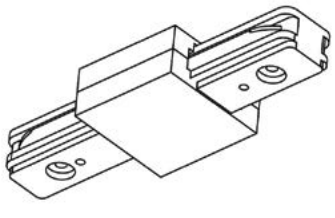

Model	Dòng điện max	Công suất max	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Điện trở cách điện	Kích thước
	A	W	V/Hz	V	MΩ	mm
Ray TRL01/1000 (1m)	16	4000	220/50	150 ÷ 250	5	1000x35x20
RAY TRL01/NG	16	4000	220/50	150 ÷ 250	5	68x68x16
RAY TRL01/NT	16	4000	220/50	150 ÷ 250	5	95x35x16
RAY TRL01/NCT	16	4000	220/50	150 ÷ 250	5	102x70x16
RAY TRL01/NC+	16	4000	220/50	150 ÷ 250	5	102x102x16

NHÓM SẢN PHẨM ĐÈN LED

CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED chất lượng cao, hiệu suất sáng cao, tuổi thọ cao.
- Dải điện áp rộng (150÷270)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu: vỏ đèn bằng nhôm đúc, sơn phủ chống tác động của môi trường với hệ số dẫn nhiệt cao.
- Khả năng bật sáng tức thì: khả năng khởi động nhanh, không cần chờ thời gian khởi động lại
- Khả năng lập trình Dimming 3-5 cấp công suất
- Khả năng chịu xung sét ≥10Kv: bảo vệ đèn khỏi các loại xung sét, nâng cao tuổi thọ đèn (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5/IEC6100-4-5)
- Nhiệt độ làm việc rộng -10°C÷45°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.
- Cấp bảo vệ IP66/IK08, IP65/IK09: đảm bảo sử dụng ngoài trời, hạn chế hư hỏng
- Tiêu chuẩn chung áp dụng:TCVN 7722-1/IEC60598-1.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 55% điện năng thay thế bộ đèn chiếu sáng đường Metal Halide, Cao áp Natri. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 30 000 giờ - 50 000 giờ, cao gấp 5 lần bóng Metal Halide, gấp 2-3 lần đèn cao áp Natri, không hạn chế số lần bật tắt.

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng đường phố chính, đường khu đô thị, đường gom, khu công nghiệp

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02**

CSD02 30W

PHÂN BỐ QUANG

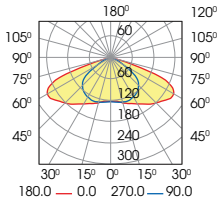

LƯỚI ĐỘ RỌI

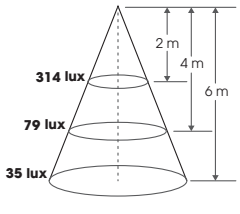

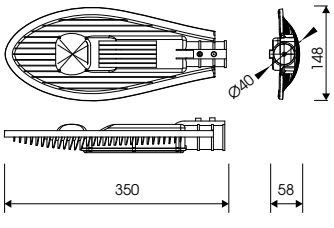

CSD02 40W

PHÂN BỐ QUANG

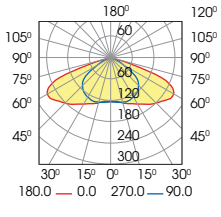

LƯỚI ĐỘ RỌI

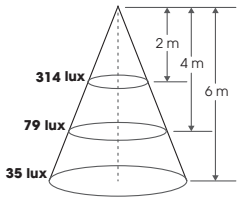

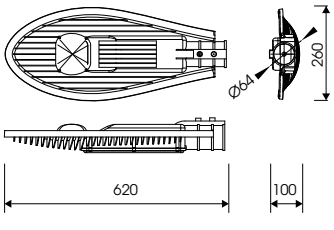

CSD02 60W

PHÂN BỐ QUANG

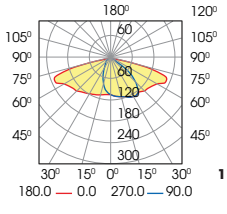

LƯỚI ĐỘ RỌI

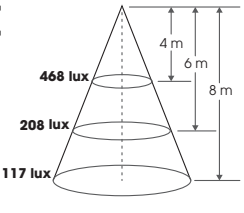

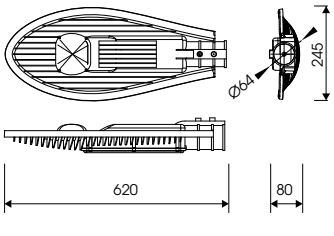

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 30W	30	150÷270	0.5	110	3300	5000/6500	10	≥70	30000	IP66,IK08	Ø40	350x148x58
CSD02 40W	40	100÷277	0.95	106	3950	5000/6500	10	80	30000	IP66,IK08	Ø64	620x260x100
CSD02 60W	60	150÷270	0.95	125	7500	4000/5000/6500	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	620x245x80

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02**

CSD02 70W

PHÂN BỐ QUANG

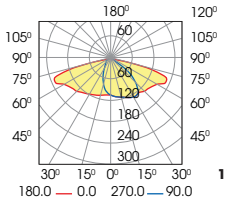

LƯỚI ĐỘ RỌI

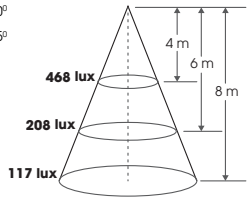

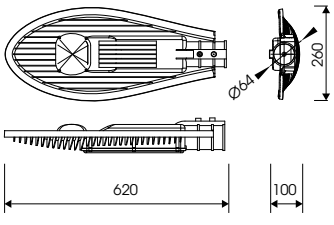

CSD02 100W

PHÂN BỐ QUANG

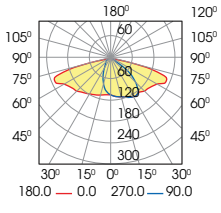

LƯỚI ĐỘ RỌI

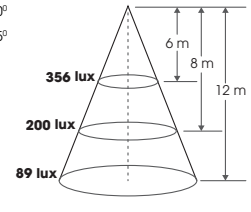

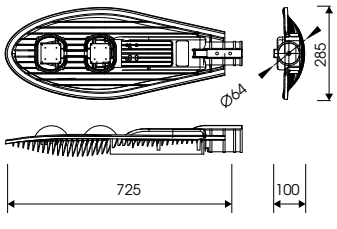

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm / W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 70W	70	100÷277	0.95	105	7350	5000 / 6500	10	≥70	40000	IP66,IK08	Ø64	620x260x100
CSD02 100W	100	150÷270	0.95	125	12500	4000	10	≥70	40000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 02**

CSD02 120W

PHÂN BỐ QUANG

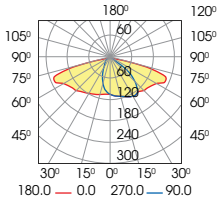

LƯỚI ĐỘ RỌI

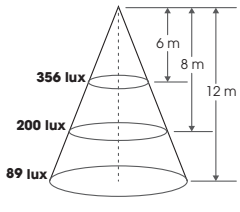

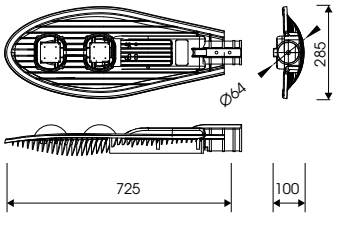

CSD02 150W

PHÂN BỐ QUANG

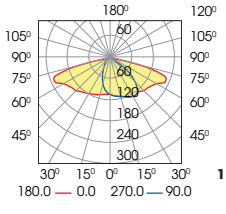

LƯỚI ĐỘ RỌI

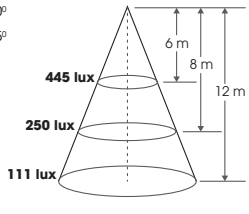

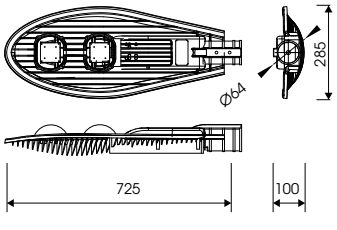

CSD02 200W

PHÂN BỐ QUANG

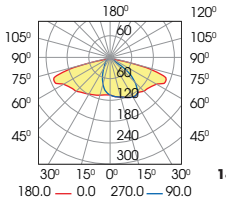

LƯỚI ĐỘ RỌI

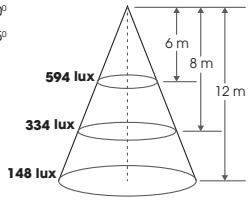

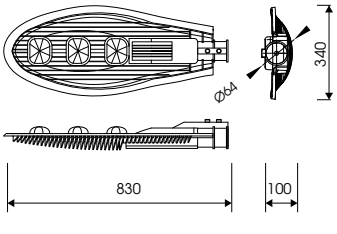

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD02 120W	120	100÷277	0.95	135	16200	5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100
CSD02 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	725x285x100
CSD02 200W	200	100÷277	0.95	130	26000	5000	10	80	50000	IP66,IK08	Ø64	830x340x100
CSD02 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	5000/6500	06	80	50000	IP66,IK08	Ø64	725x280x100

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 03**

CSD03 30W

PHÂN BỐ QUANG

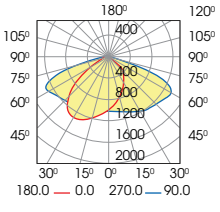

LƯỚI ĐỘ RỌI

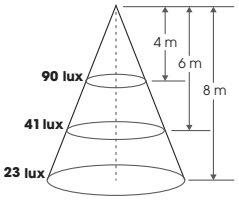

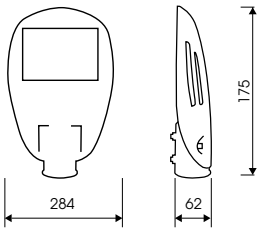

CSD03 60W

PHÂN BỐ QUANG

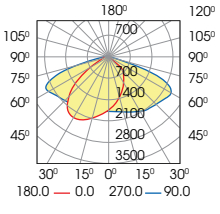

LƯỚI ĐỘ RỌI

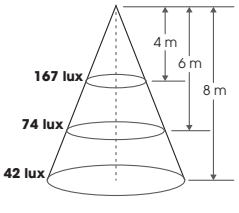

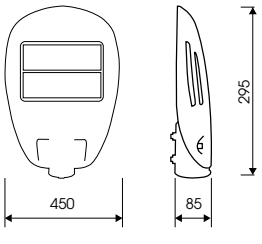

CSD03 70W

PHÂN BỐ QUANG

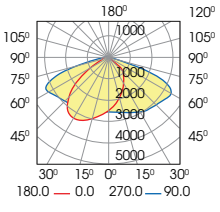

LƯỚI ĐỘ RỌI

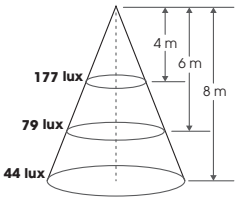

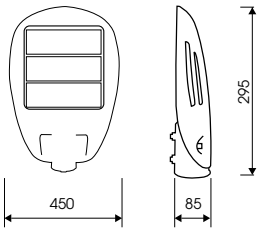

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD03 30W	30	100÷277	0.9	120	3600	5000	10	≥70	35000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	284x175x62
CSD03 60W	60	100÷277	0.9	120	7200	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 70W	70	100÷277	0.9	130	9100	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 03**

CSD03 80W

PHÂN BỐ QUANG

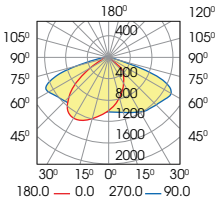

LƯỚI ĐỘ RỌI

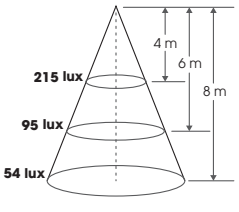

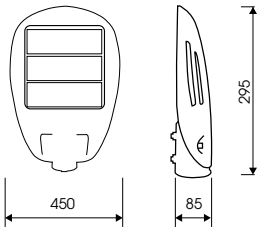

CSD03 90W

PHÂN BỐ QUANG

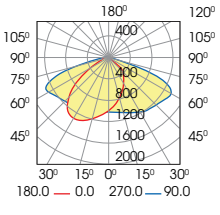

LƯỚI ĐỘ RỌI

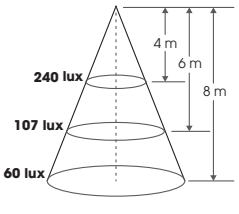

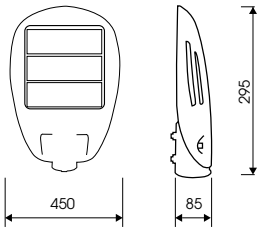

CSD03 100W

PHÂN BỐ QUANG

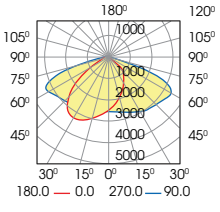

LƯỚI ĐỘ RỌI

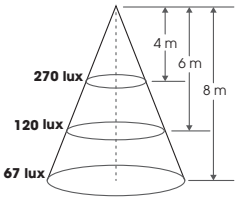

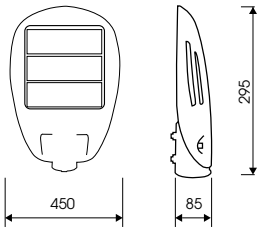

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD03 80W	80	100÷277	0.9	125	10000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 90W	90	100÷277	0.9	120	10800	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85
CSD03 100W	100	90÷305	0.9	120	12000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø(42÷48)	450x295x85

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 04**

CSD04 80W

PHÂN BỐ QUANG

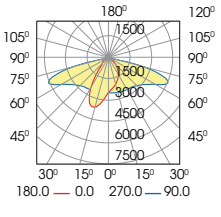

LƯỚI ĐỘ RỌI

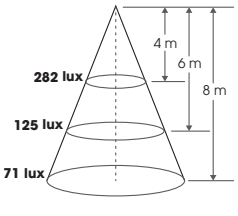

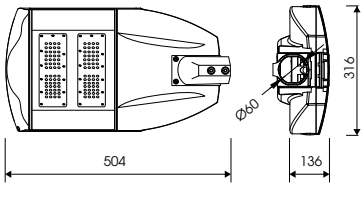

CSD04 100W

PHÂN BỐ QUANG

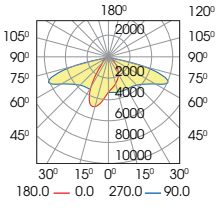

LƯỚI ĐỘ RỌI

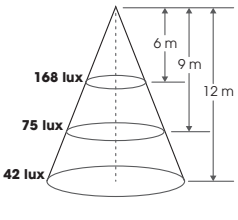

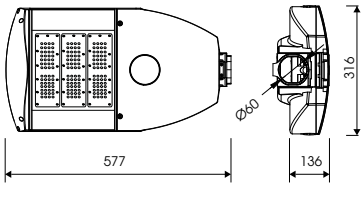

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD04 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	504x316x136
CSD04 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	555x316x136
CSD04 110W	110	100÷277	0.95	130	14300	3000/4000	10	70	50000	IP66,IK10	Ø60	577x316x136

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 04**

CSD04 120W

PHÂN BỐ QUANG

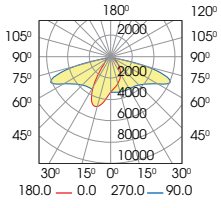

LƯỚI ĐỘ RỌI

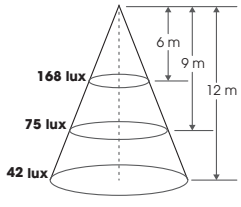

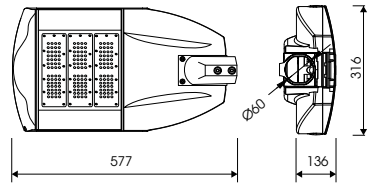

CSD04 150W

PHÂN BỐ QUANG

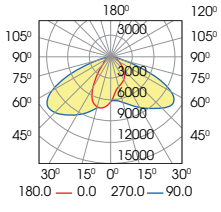

LƯỚI ĐỘ RỌI

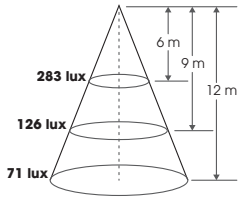

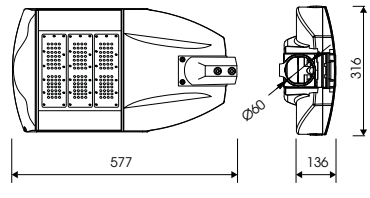

CSD04 180W

PHÂN BỐ QUANG

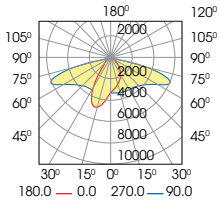

LƯỚI ĐỘ RỌI

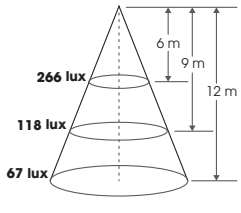

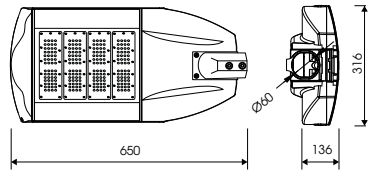

CSD04 200W

PHÂN BỐ QUANG

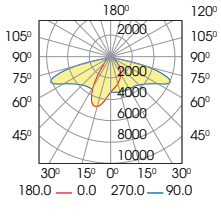

LƯỚI ĐỘ RỌI

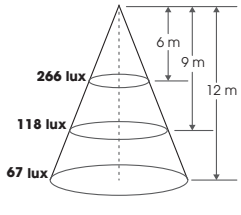

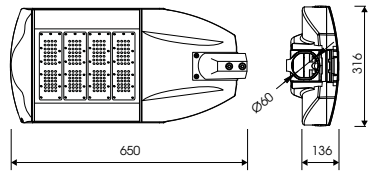

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD04 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	577x316x136
CSD04 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	577x316x136
CSD04 180W	180	100÷277	0.95	125	22500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	650x316x136
CSD04 200W	200	100÷277	0,95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK10	Ø60	650x316x136

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 05**

CSD05 30W

PHÂN BỐ QUANG

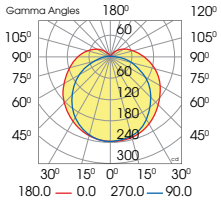

LƯỚI ĐỘ RỌI

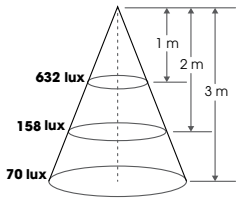

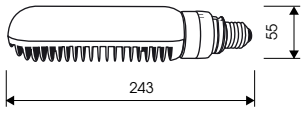

CSD05 100W

PHÂN BỐ QUANG

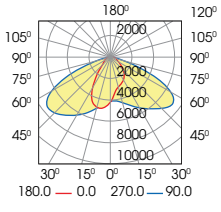

LƯỚI ĐỘ RỌI

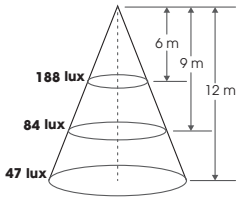

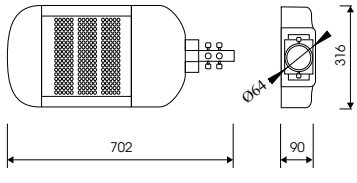

CSD05 120W

PHÂN BỐ QUANG

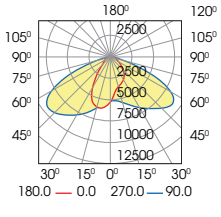

LƯỚI ĐỘ RỌI

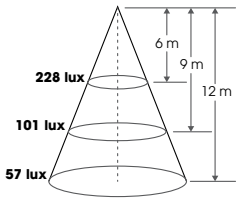

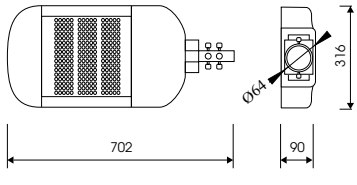

CSD05 150W

PHÂN BỐ QUANG

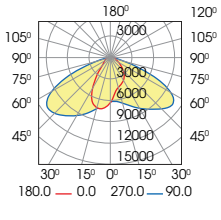

LƯỚI ĐỘ RỌI

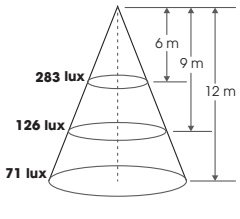

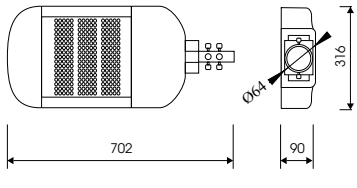

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD05 30W	30	150÷250	0.5	100	3000	5000	-	83	20000	IP40	-	55x243
CSD05 100W	100	100÷277	0.95	150	15000	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90
CSD05 120W	120	100÷277	0.95	145	17400	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90
CSD05 150W	150	100÷277	0.95	135	20250	4000/5000	>10	70	50000	IP66,IK08	Ø64	702x316x90

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 06**

CSD06 80W

PHÂN BỐ QUANG

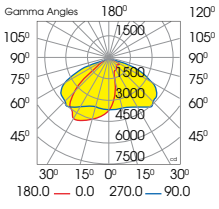

LƯỚI ĐỘ RỌI

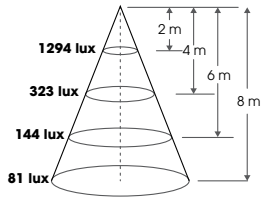

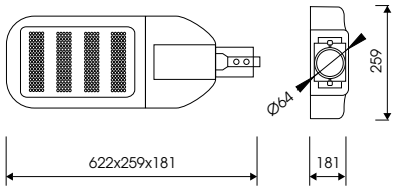

CSD06 100W

PHÂN BỐ QUANG

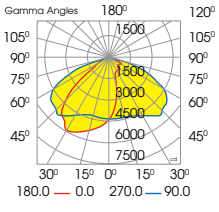

LƯỚI ĐỘ RỌI

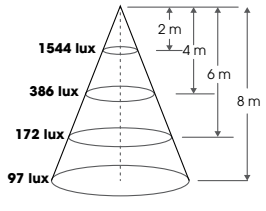

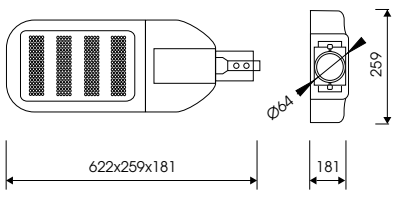

CSD06 120W

PHÂN BỐ QUANG

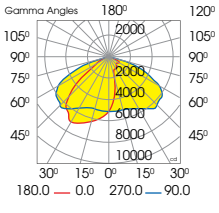

LƯỚI ĐỘ RỌI

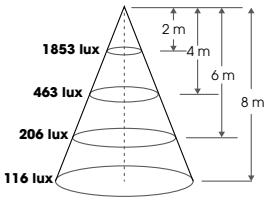

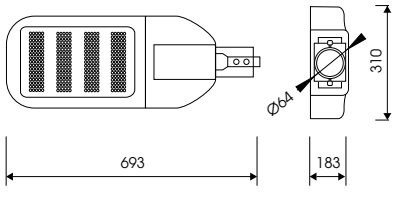

CSD06 150W

PHÂN BỐ QUANG

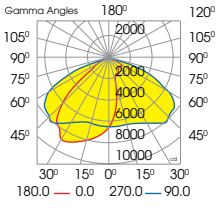

LƯỚI ĐỘ RỌI

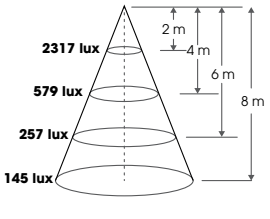

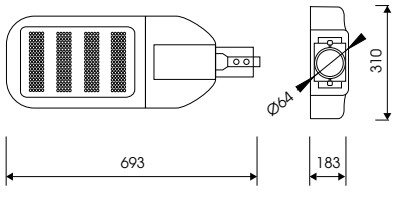

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		Giờ		mm	mm
CSD06 80W	80	100÷277	0.95	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	622x259x181
CSD06 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	622x259x181
CSD06 120W	120	100÷277	0.95	130	15600	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	693x310x183
CSD06 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	693x310x183
CSD06 100W.EV	100	100÷277	0.9	95-95	9500-9500	3000/4000/5000/65000	10	80	20000	IP66,IK08	Ø64	328x282x78

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 08**

CDC08 80W

PHÂN BỐ QUANG

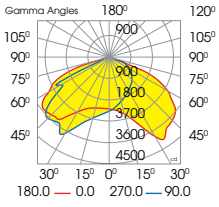

LƯỚI ĐỘ RỌI

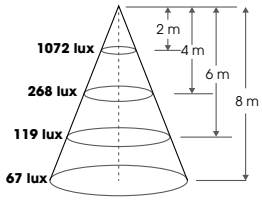

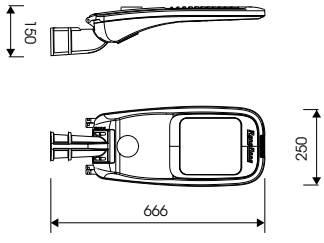

DC08 100W

PHÂN BỐ QUANG

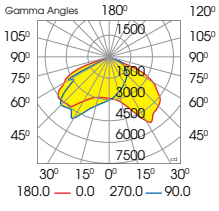

LƯỚI ĐỘ RỌI

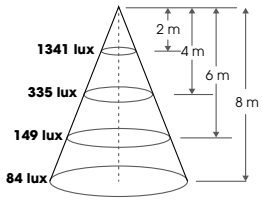

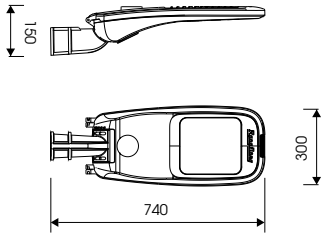

DC08 120W

PHÂN BỐ QUANG

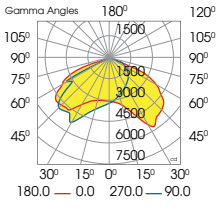

LƯỚI ĐỘ RỌI

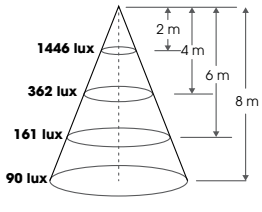

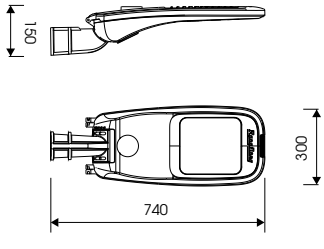

DC08 150W

PHÂN BỐ QUANG

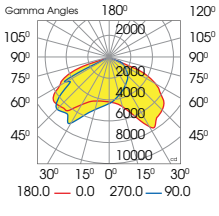

LƯỚI ĐỘ RỌI

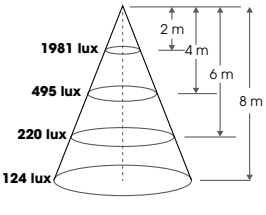

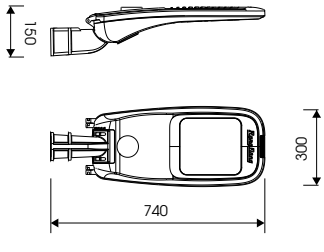

DC08 200W

PHÂN BỐ QUANG

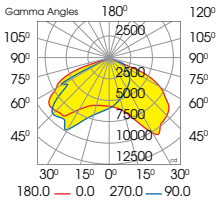

LƯỚI ĐỘ RỌI

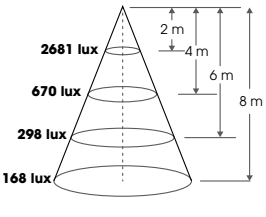

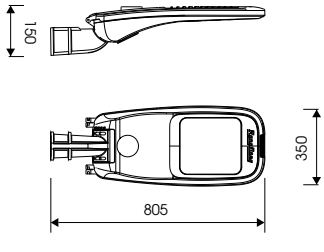

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ (giờ)	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	kV		giờ		mm	
CSD08 80W	80	100÷277	0.9	130	10400	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	666x250x150
CSD08 100W	100	100÷277	0.95	130	13000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 120W	120	100÷277	0.95	130	14040	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 150W	150	100÷277	0.95	130	19500	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	740x300x150
CSD08 200W	200	100÷277	0.95	130	26000	4000/5000	10	≥70	50000	IP66,IK08	Ø64	805x350x150

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG 09**

CDC09 30W

PHÂN BỐ QUANG

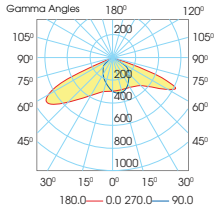

LƯỚI ĐỘ RỌI

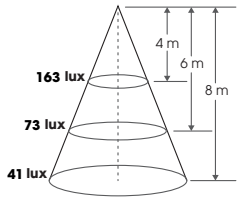

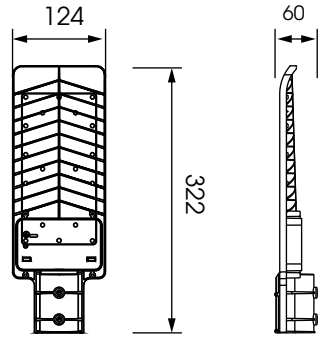

CDC09 50W

PHÂN BỐ QUANG

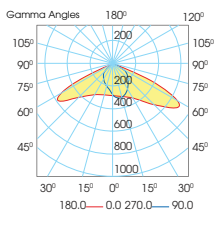

LƯỚI ĐỘ RỌI

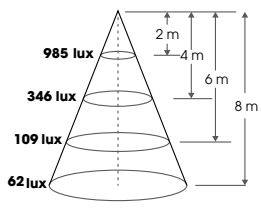

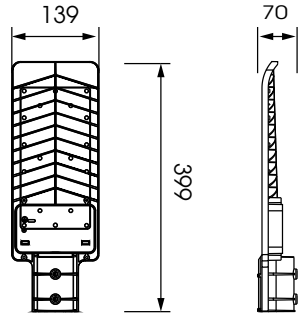

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Khả năng chịu xung sét	Tuổi thọ (giờ)	Cấp bảo vệ	Đường kính lỗ cột đèn	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm / W	lm	K	kV	giờ		mm	
CSD09 30W	30	150÷270	0.9	125	3750	4000 / 5000	6	50000	IP66,IK08	60	322x124x60
CSD09 30W. PLUS	30	150÷270	0.9	125	3750	4000 / 5000	6	50000	IP66,IK08	60	322x124x60
CSD09 50W	50	150÷270	0.9		6500	4000 / 5000	10	50000	IP66,IK08	60	399x139x70
CSD09 50W. PLUS	50	150÷270	0.9		6500	4000 / 5000	10	50000	IP66,IK08	60	399x139x70

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED GƯƠNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn sáng LED hiệu suất 150 lm/W: chất lượng cao, hiệu suất cao, tuổi thọ cao
- Dải điện áp rộng (150÷250)V: đáp ứng dải điện áp lưới tại Việt Nam.
- Kết cấu tháo lắp đơn giản, tiện lợi
- Thiết kế hiện đại, sang trọng phù hợp chiếu sáng chung, chiếu sáng trang trí
- Hệ số trả màu cao (Ra = 80): cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114: 2008).
- Nhiệt độ làm việc rộng (-10÷40)°C: phù hợp điều kiện thời tiết nhiệt đới gió mùa.
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm đến 50-80% điện năng thay thế bộ đèn gương sử dụng bóng sợi đốt, halogen, compact. Giảm chi phí hóa đơn tiền điện
- Tuổi thọ cao 15.000÷20.000 giờ (L_{70}), cao gấp 15÷20 lần đèn sợi đốt; 3÷5 lần bộ đèn bóng compact; không hạn chế số lần tắt bật.

ỨNG DỤNG

- Chiếu sáng nhà ở (nhà tắm, bàn trang điểm,...); khách sạn,...

ĐÈN **LED GƯƠNG**

G02 6W

Công suất (W):	6
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hiệu suất sáng (lm/W):	65
Quang thông (lm):	390
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	575x35x71
Góc chùm tia (°):	155 x 110

G02 8W

Công suất (W):	8
Dải điện áp hoạt động (V):	170÷250
Hiệu suất sáng (lm/W):	95
Quang thông (lm):	260
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	615x60x100

G03 6W

Công suất (W):	6
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Hiệu suất sáng (lm/W):	59/65/65
Quang thông (lm):	351/390/390
Nhiệt độ màu (K):	3000/4000/6500
Chỉ số hoàn màu:	80
Tuổi thọ (giờ):	20000
Kích thước (RxC) (mm):	194x49x78
Góc chùm tia (°):	155 x 110

ĐÈN PIN **ĐỘI ĐẦU**

PDD01 1W

Công suất (W):	1
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

PDD02 3W

Công suất (W):	3
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

PDD03 5W

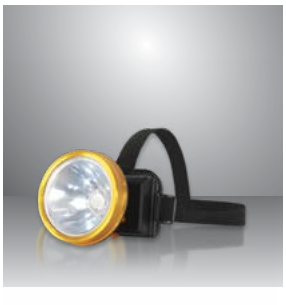

Công suất (W):	5
Điện áp đầu vào nguồn sạc (V/Hz):	220/50
Điện áp đầu ra nguồn sạc (V/mA):	4.2/500
Pin (mA.h Li-ion):	2000
Điều chỉnh chế độ sáng:	2
Nhiệt độ màu (K):	Trắng/Vàng

ĐÈN **BẮT MUỖI**

DBM01 5W

Công suất (W):	5
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Bước sóng LED UV (nm):	365
Kích thước (DxRxC) (mm)	200x238

Ổ CẮM **KÉO DÀI TÍCH HỢP USB**

OC02.USB 3C/3M/10A

Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC02.USB 3C/5M/10A

Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

Ổ CẮM **KÉO DÀI**

OC02 4C/3M/10A

Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	3
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

OC02 4C/5M/10A

Công suất (W):	2500
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dải nhiệt độ hoạt động (°C):	-10÷45
Chiều dài dây (m):	5
Kích thước (DxRxC) (mm)	270x60x35
Dòng điện Max (A):	10

RD-S02.E03/10A-3M

Công suất tối đa (W):	2200
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dây nguồn (mm2):	2x0.75
Chiều dài dây nguồn (mm):	3000
Số vị trí cắm:	3
Màu sắc vỏ	Trắng Xanh
Kích thước (DxRxC) (mm)	196x55x36
Dòng điện Max (A):	10
Cấp bảo vệ	IP20

RD-S02.E03/10A-5M

Công suất tối đa (W):	2200
Dải điện áp hoạt động (V):	150÷250
Dây nguồn (mm2):	2x0.75
Chiều dài dây nguồn (mm):	5000
Số vị trí cắm:	3
Màu sắc vỏ	Trắng Xanh
Kích thước (DxRxC) (mm)	196x55x36
Dòng điện Max (A):	10
Cấp bảo vệ	IP20

CÔNG TẮC **CẢM ỨNG**

RD-CT.01

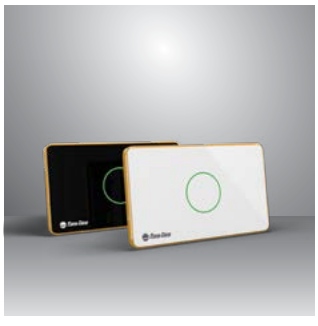

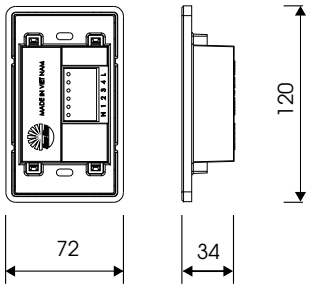

RD-CT.04

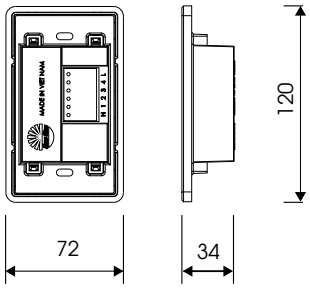

RD-CT.01.NL

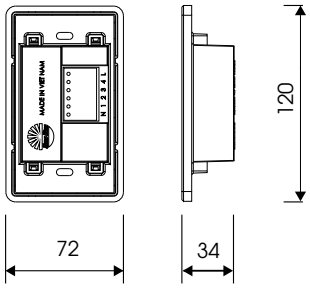

Model	Công suất	Điện áp	Dải điện áp hoạt động	Nhiệt độ làm việc	Số lần tắt bật	Cấp bảo vệ	Kích thước
	W	V	V	°C	lần		mm
RD-CT.01	300	220/50-60Hz	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34
RD-CT.04	300/nút	220/50-60Hz	150÷250	-10÷40	100.000	IP44	120x72x34
RD-CT.01.NL	2500	220/50-60Hz	150÷250	-10÷40	100000	IP44	120x72x34

ĐÈN LED CHUYÊN DỤNG CHIẾU SÁNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Có phổ ánh sáng chuyên dụng kích thích điều khiển ra hoa cây hoa cúc, thanh long, cho chất lượng cây ra hoa tốt, đồng đều, giá trị kinh tế cao
- Kết cấu đèn kín khít, chống nước, phù hợp điều kiện sử dụng ngoài trời
- Tiết kiệm điện năng, tuổi thọ đèn cao, hiệu suất cao, thân thiện với môi trường, an toàn cho người sử dụng.

Chiếu sáng cây thanh long

Chiếu sáng cây hoa cúc tại Đà Lạt

BÓNG ĐÈN **LED BULB CHUYÊN DỤNG CHO HOA CÚC**

LED HC A60/6W WR

Tiết kiệm 70% điện năng so với bóng đèn Compact 20W 2700K.

Phổ ánh sáng phù hợp điều khiển ra hoa cây hoa cúc thương phẩm và nhân giống.

Chất lượng cây hoa tốt, đồng đều, giá trị kinh tế cao.

Đèn LED sử dụng Cover trong cho độ rọi hiệu dụng tăng 25% và công suất chuyển đổi Phytochrome tăng 17% so với đèn LED thông thường.

LED HC A60/9W 3000K

Tiết kiệm 50% điện năng so với bóng đèn Compact 20W 2700K.

Cường độ ánh sáng tăng trên 15%.

Phổ ánh sáng phù hợp điều khiển ra hoa cây hoa cúc thương phẩm và nhân giống.

Chất lượng cây hoa tốt, đồng đều, giá trị kinh tế cao.

Đèn LED sử dụng Cover trong cho độ rọi hiệu dụng tăng 25% và công suất chuyển đổi Phytochrome tăng 14% so với đèn LED thông thường.

TR60.HC/9W

Ứng dụng công nghệ đèn LED, hiệu suất cao, tiết kiệm điện, tuổi thọ dài.

Có phổ ánh sáng chuyên dụng, điều khiển ra hoa cây hoa Cúc.

Phân bố quang phù hợp với điều kiện chiếu sáng cho hoa Cúc miền Bắc.

Tiết kiệm đến 55% điện năng so với đèn Compact 20W

Tuổi thọ 15 000 giờ, cao gấp 3 lần so với bóng Compact.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Thông lượng phô-tông	Màu ánh sáng	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V	(µmol/s)	lm		Giờ	mm
LED HC A60/6W WR	6	150 ÷ 250	6.5	Vàng	IP 54	15000	60x110
LED HC A60/9W 3000K	9	150 ÷ 250	12	Vàng	IP 54	15000	65x123
TR60.HC/9W	9	150 ÷ 250	11	Vàng	IP65	15000	60x114

BÓNG ĐÈN **LED BULB CHUYÊN DỤNG CHO THANH LONG**

LED.TL-T60 WRF/9W

Tiết kiệm 50% điện năng so với bóng đèn Compact 20W 2700K và 60% điên năng so với đèn Sợi đốt IL - 60W.

Phổ ánh sáng chuyên dụng, có khả năng kích thích ra hoa cây thanh long cao (20 ÷ 25)% so với bóng Compact thông thường.

Kết cấu kín, chống nước, chống ẩm khi lắp môi trường ngoài trời.

LED.TL-T60 XW IP65

Có phổ ánh sáng chuyên dụng cho khả năng kích thích ra hoa cây Thanh Long.

Tiết kiệm điện 12 lần so với đèn dây tóc và 4 lần so với đèn HQ Compact.

Sản phẩm được cấp sở hữu trí tuệ bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và đăng ký giải pháp hữu ích.

Sản phẩm được công nhận Quyền tác giả bởi Cục bản quyền tác giả.

Tuổi thọ cao gấp 20 lần đèn dây tóc, gấp 4 lần đèn Compact.

Tuổi thọ cao gấp 3 lần đèn HQ Compact, gấp 15 lần đèn sợi đốt.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Thông lượng phô-tông	Màu ánh sáng	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V	(µmol/s)			Giờ	mm
LED.TL-T60 WRF/9W	9	150 ÷ 250	12	Vàng	IP 65	15000	60x114
LED.TL-T60 XW IP65	5	150 ÷ 250	8,2	Tím	IP 65	20000	60x106

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Phổ ánh sáng Full Spectrum phù hợp với nhiều loại cá và thủy sinh.
- Tăng màu cho cá Koi, cá Rồng, giúp 2 loài cá này giữ được màu sắc đẹp.
- Giúp cây thủy sinh quang hợp tốt, lên màu căng hơn, khỏe hơn.
- Đèn có khả năng chống các giọt bắn, hoạt động trong môi trường có độ ẩm cao.

BỘ ĐÈN **LED THỦY SINH ĐỔI MÀU**

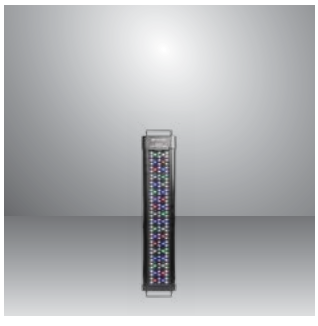

BỘ ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU 24W

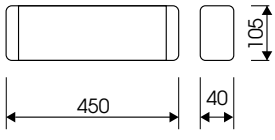

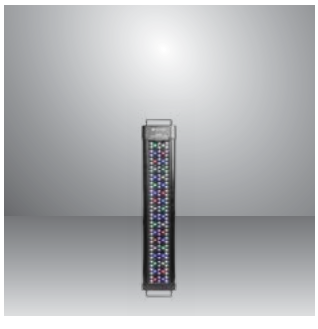

BỘ ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU 32W

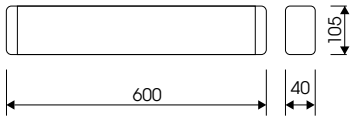

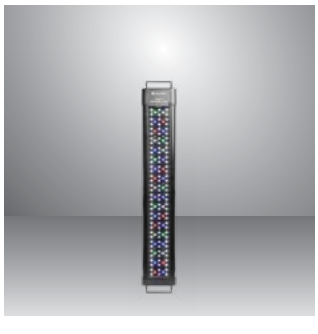

BỘ ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU 48W

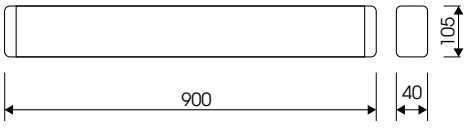

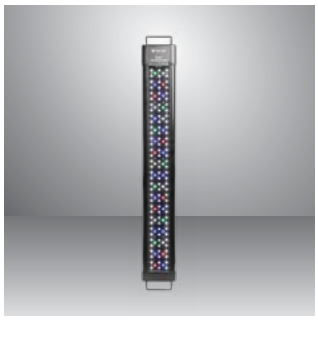

BỘ ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU 60W

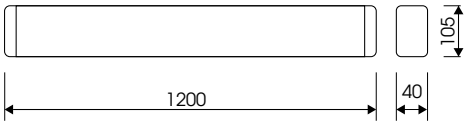

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Dimming (cấp)	Quang thông	Phổ ánh sáng	Chế độ ánh sáng	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V			(lm)	lm		Giờ	mm
TS01.RGB 450/24W	24	100 ÷ 240	0.5	10	1200	Full Spectrum	2 (Day light và Moon Light)	20000	450x105x40
TS01.RGB 600/32W	32	100 ÷ 240	0.5	10	1700	Full Spectrum	2 (Day light và Moon Light)	20000	600x105x40
TS01.RGB 900/48W	48	100 ÷ 240	0.5	10	2300	Full Spectrum	2 (Day light và Moon Light)	20000	900x105x40
TS01.RGB 1200/60W	60	100 ÷ 240	0.5	10	3100	Full Spectrum	2 (Day light và Moon Light)	20000	1200x105x40

BỘ ĐÈN **LED THỦY SINH ĐỔI MÀU**

BỘ ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU 6W IP68

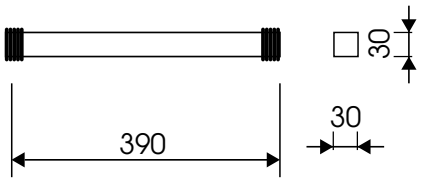

BỘ ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU 9W IP68

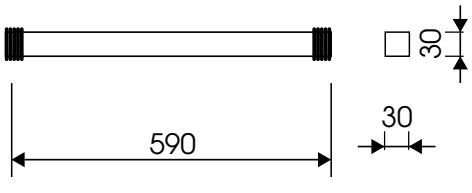

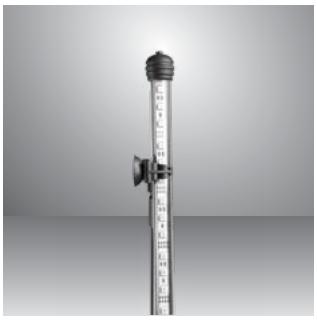

BỘ ĐÈN LED THỦY SINH ĐỔI MÀU 11W

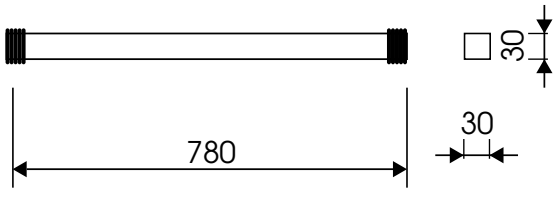

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Dimming/ Đổi màu	Quang thông	Cấp bảo vệ	Tính năng	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V			(lm)			Giờ	mm
TS02.RGB 390/6W IP68	6	100 ÷ 240	0.5	Remote/ Line Control	160	IP68	17 chế độ màu, 4 chế độ trình diễn ánh sáng	20000	390x30x30
TS02.RGB 590/9W IP68	9	100 ÷ 240	0.5	Remote/ Line Control	250	IP68	17 chế độ màu, 4 chế độ trình diễn ánh sáng	20000	590x30x30
TS02.RGB 780/11W	11	100 ÷ 240	0.5	Remote/ Line Control	350	IP68	17 chế độ màu, 4 chế độ trình diễn ánh sáng	20000	780x30x30

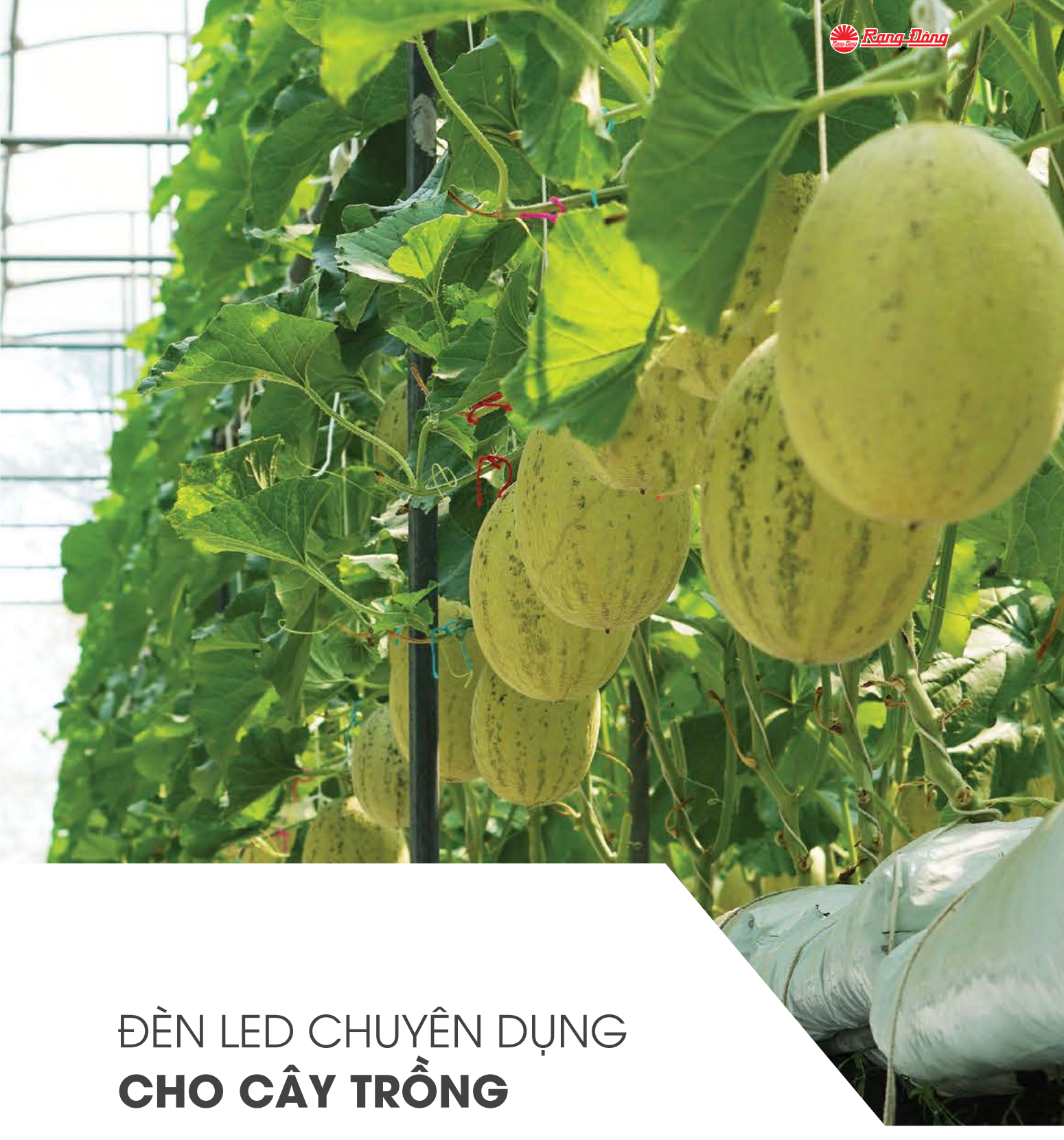

ĐÈN LED CHUYÊN DỤNG **CHO CÂY TRỒNG**

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Tiết kiệm 40% điện năng có với đèn huỳnh quang T10.
- Phổ ánh sáng phù hợp cho trồng rau ăn lá - nuôi tảo - cây xanh.
- Ứng dụng công nghệ LED chuyên dụng, hiệu suất cao, tiết kiệm điện, tuổi thọ dài.
- Đèn có cấp bảo vệ IP65, hoạt động tốt trong môi trường có độ ẩm cao.

ĐÈN LED **CHUYÊN DỤNG CHO CÂY TRỒNG**

Đèn LED chuyên dụng cây trồng 30W B/R (IP65)

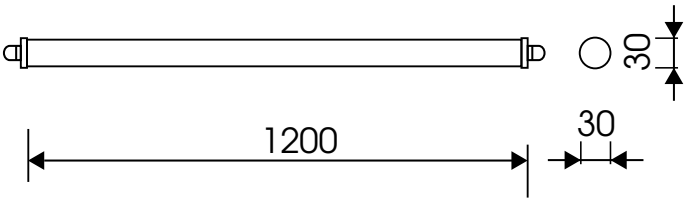

Đèn LED chuyên dụng cây trồng 30W WBU (IP65)

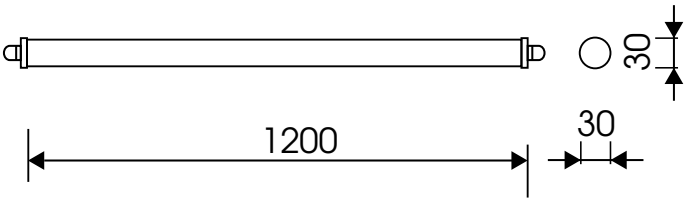

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Thông lượng phô - tông	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ	Kích thước (øxC)
	W	V				Giờ	mm
T8 LT 1200/30W B/R (IP65)	30	170 ÷ 250	0.5	36	IP65	30000	1200x30x30
T8 LT 1200/30W WBU (IP65)	30	170 ÷ 250	0.5	36	IP65	30000	1200x30x30
TRR01 1200/25W 30B/70R	25	170 ÷ 250	0.5	-	IP42	25000	-
UFO330 150W WB	150	170 ÷ 250	0.9	-	IP65	25000	-
UFO330 150W WBU	150	170 ÷ 250	0.9	-	IP65	25000	-

ĐÈN LED CHUYÊN DỤNG NUÔI CẤY MÔ

ĐÈN LED CHUYÊN DỤNG NUÔI CẤY MÔ

Phổ ánh sáng phù hợp cho nuôi cấy mô - trồng rau - đông trùng hạ thảo.

Tiết kiệm 60% điện năng so với đèn huỳnh quang T10.

Ứng dụng công nghệ LED chuyên dụng, hiệu suất cao, tiết kiệm điện, tuổi thọ dài.

Đèn có cấp bảo vệ IP65, hoạt động tốt trong môi trường có độ ẩm cao.

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Cấp bảo vệ	Tuổi thọ
	W	V			Giờ
T5 LT 1200/16W 6500 IP65	16	170 ÷ 250	0.5	IP65	30000
NCM02 1200/10W	10	170 ÷ 250	0.5	IP42	25000
NCM02 1200/16W	16	170 ÷ 250	0.5	IP42	25000
NMC02.DIM 1200/16W	16	170 ÷ 250	0.5	IP42	25000
NCM 1200/25W WBU	25	170 ÷ 250	0.5	IP54	25000

NHÓM SẢN PHẨM
ĐÈN LED NGƯ NGHIỆP

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED Samsung chuyên dụng hiệu suất cao
- Thiết kế quang học chuyên dụng cho đèn đánh bắt thủy sản
- Phát ít nhiệt, an toàn khi vận hành, không tia cực tím ngăn ngừa tổn thương da và mắt
- Phổ ánh sáng chuyên dụng nâng cao năng suất đánh bắt
- Không gây nhiễu cho các thiết bị hàng hải trên tàu, có khả năng chịu tác động cơ học tốt
- Khả năng chịu rung lắc, chống nước và chống ăn mòn trong môi trường biển (IP66)
- Không chứa thủy ngân và hóa chất độc hại, không phát ra tia tử ngoại: bảo vệ môi trường và an toàn cho người sử dụng.

BÓNG ĐÈN **LED BULB CHUYÊN DỤNG CHO TÀU CÁ**

TR100.TC/30W

PHÂN BỐ QUANG

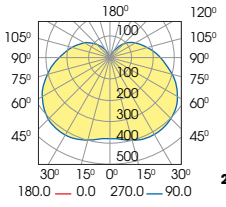

LƯỚI ĐỘ RỌI

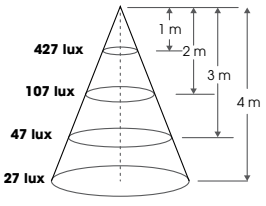

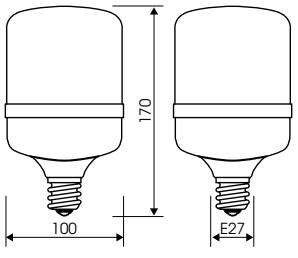

TR120.TC/40W

PHÂN BỐ QUANG

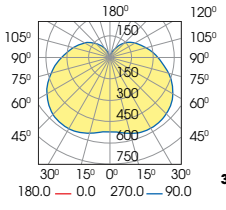

LƯỚI ĐỘ RỌI

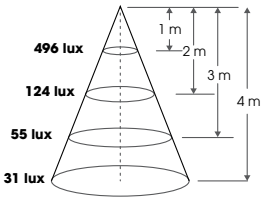

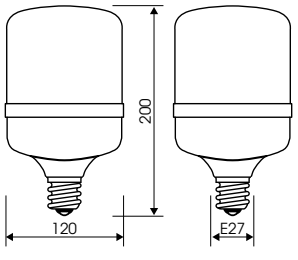

TR100N1.DC/30W E27 (12VDC)

PHÂN BỐ QUANG

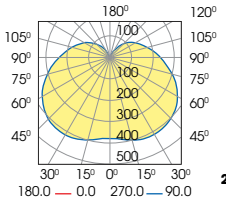

LƯỚI ĐỘ RỌI

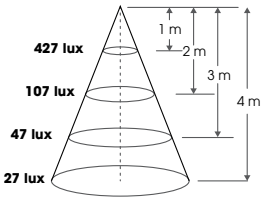

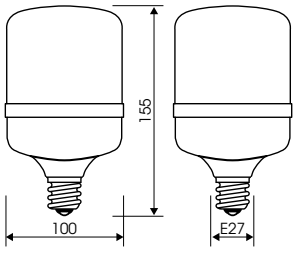

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (ØxC)
	W	V/Vdc		lm	K	°		Giờ		mm
TR100.TC/30W	30	200÷250	>0.9	1800	6500	180	80	15000	IP65	100x170
TR120.TC/40W	40	200÷250	>0.9	2700	6500	180	80	15000	IP65	120x200
TR100N1.DC/30W E27 (12VDC)	30	11÷28	-	2100	6500	-	>80	15.000	-	100 x 155

ĐÈN **THẢ CHÌM**

TC01/200W

PHÂN BỐ QUANG

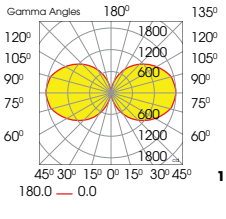

LƯỚI ĐỘ RỌI

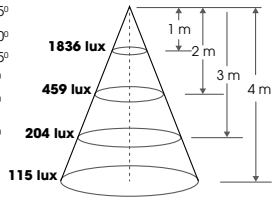

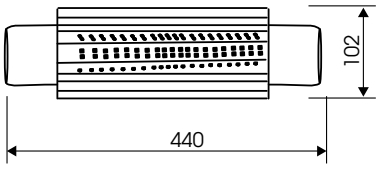

TC01/600W

PHÂN BỐ QUANG

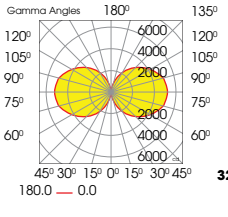

LƯỚI ĐỘ RỌI

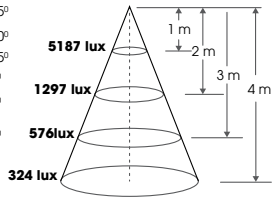

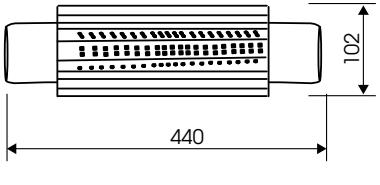

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (ØxD)
	W	V		lm/W	lm	K	°		Giờ		mm
TC01/200W	200	100÷277	0.95	85	17000	4000/Green	360	75	20000	IP68	102x440
TC01/600W	600	100÷277	0.95	80	48000	4000/Green	360	80	30000	IP68	102x440

ĐÈN **LED ĐÁNH CÁ**

DC04 200W

PHÂN BỐ QUANG

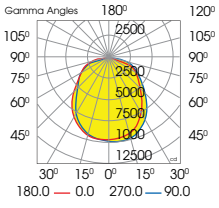

LƯỚI ĐỘ RỌI

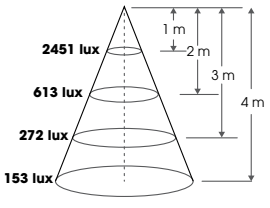

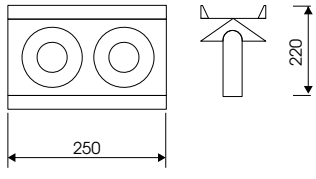

DC04 300W

PHÂN BỐ QUANG

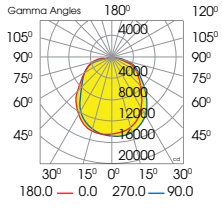

LƯỚI ĐỘ RỌI

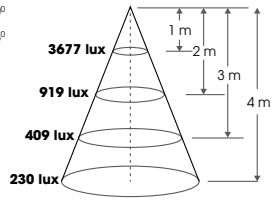

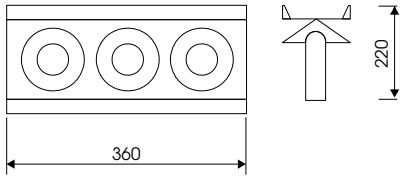

DC04 400W

PHÂN BỐ QUANG

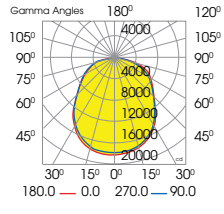

LƯỚI ĐỘ RỌI

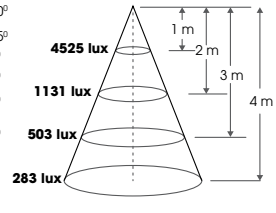

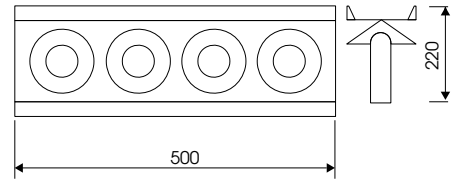

DCPX 04/300W

PHÂN BỐ QUANG

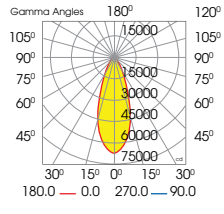

LƯỚI ĐỘ RỌI

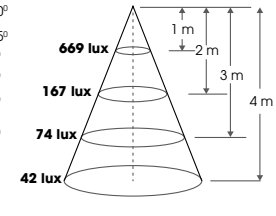

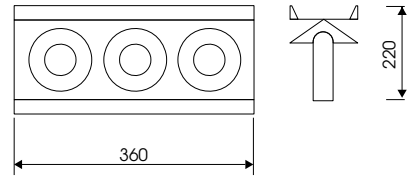

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxR)
	W	V		lm/W	lm	K	°		Giờ		mm
DC04 200W	200	100÷277	0.95	130	26000	3000/4000/5000	90	>70	30000	IP66	250x220
DC04 300W	300	100÷277	0.95	130	39000	3000/4000/5000	90	>70	30000	IP66	360x220
DC04 400W	400	100÷277	0.95	120	48000	3000/4000/5000	90	>70	30000	IP66	500x220
DCPX 04/300W	300	100÷277	0.95	120	36000	3000/4000/5000	35	80	20000	IP66	360x220

ĐÈN **LED ĐÁNH CÁ**

DC05 400W

PHÂN BỐ QUANG

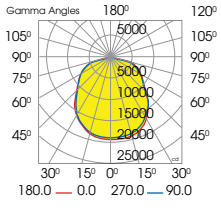

LƯỚI ĐỘ RỌI

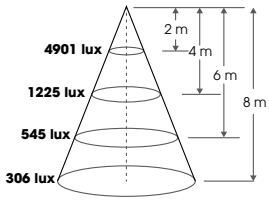

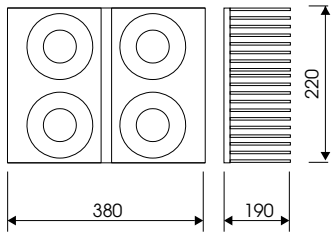

DC05 500W

PHÂN BỐ QUANG

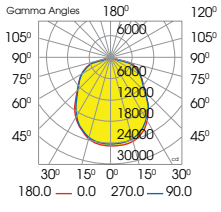

LƯỚI ĐỘ RỌI

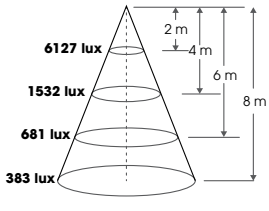

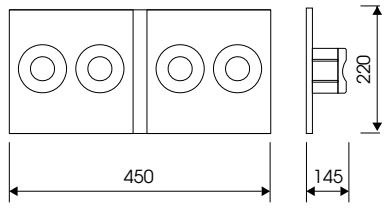

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	°		Giờ		mm
DC05 400W	400	100÷277	0.95	130	52000	3000/4000/5000	90	>70	30000	IP66	380x220x190
DC05 500W	500	100÷277	0.95	130	62000/65000	3000/4000/5000	90	>70	30000	IP66	450x220x145

ĐÈN **LED CHIẾU BÈ**

B04/150W

PHÂN BỐ QUANG

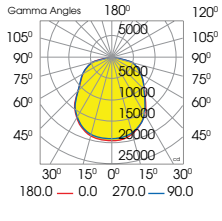

LƯỚI ĐỘ RỌI

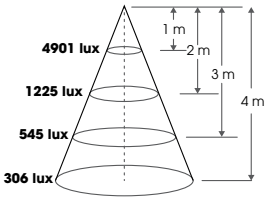

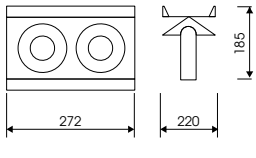

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	VDC		lm/W	lm	K	°		Giờ		mm
B04/150W	150	10÷29	1	120	18000	3000/4000/5000	90	≥75	20000	IP66	272x220x185

ĐÈN **LED CÂU MỰC**

CM01/30W

PHÂN BỐ QUANG

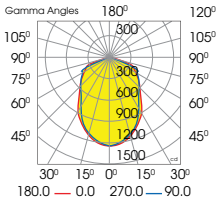

LƯỚI ĐỘ RỌI

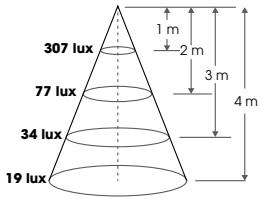

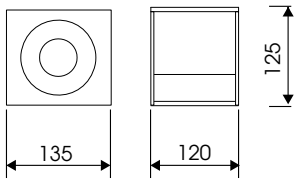

CM01/50W

PHÂN BỐ QUANG

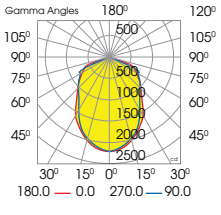

LƯỚI ĐỘ RỌI

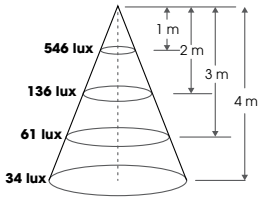

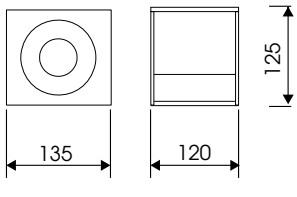

CM01/100W

PHÂN BỐ QUANG

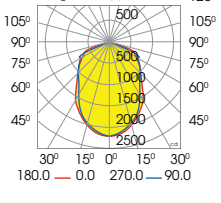

LƯỚI ĐỘ RỌI

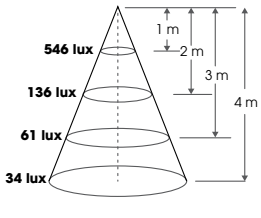

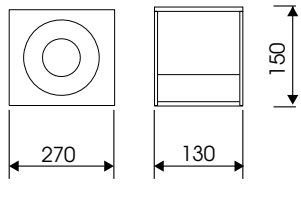

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	VDC		lm/W	lm	K	°		Giờ		mm
CM01/30W	30	10÷15	-	90	2700	Green/4000/5000	110	75	20000	IP66	135x120x125
CM01/50W	50	10÷15	-	100	5000	Green/4000/5000/6500	90	75	20000	IP66	135x120x125
CM01/100W	100	10÷15	1	110	11000	4000/5000	90	80	20000	IP66	270x130x150

ĐÈN **LED CHIẾU BOONG**

CB02/50W

PHÂN BỐ QUANG

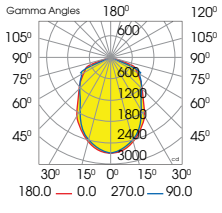

LƯỚI ĐỘ RỌI

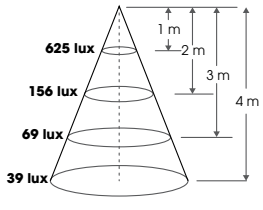

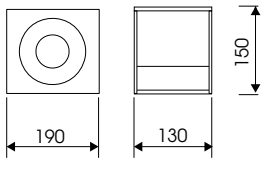

CB02/100W

PHÂN BỐ QUANG

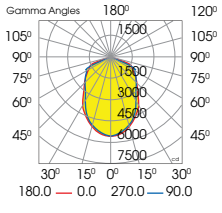

LƯỚI ĐỘ RỌI

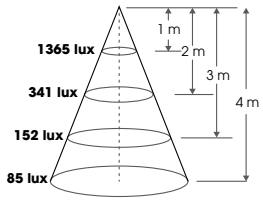

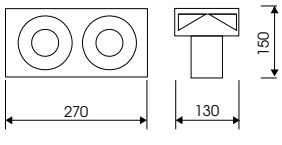

CB02/150W

PHÂN BỐ QUANG

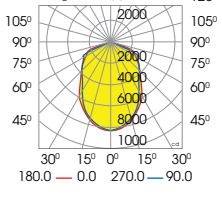

LƯỚI ĐỘ RỌI

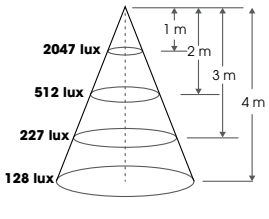

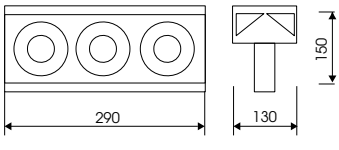

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Góc chùm tia	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Cấp bảo vệ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K	°		Giờ		mm
CB02/50W	50	150÷250	0.9	110	5500	5000	90	80	20000	IP66	190x130x150
CB02/100W	100	150÷250	0.9	120	12000	5000	90	80	30000	IP66	270x130x150
CB02/150W	150	150÷250	0.9	120	18000	5000	90	80	30000	IP66	290x130x150

NHÓM SẢN PHẨM

ĐÈN LED CHIẾU SÁNG HỌC ĐƯỜNG

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Nguồn LED hiệu suất cao, chất lượng cao, tuổi thọ cao.
- Hệ số trả màu cao (Ra ≥80): Cho ánh sáng trung thực tự nhiên (Đáp ứng tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Khả năng chống hiệu ứng nhấp nháy ánh sáng (Flicker Free): Không gây mỏi mắt, mang lại cảm giác dễ chịu, bảo vệ đôi mắt.
- Khả năng tương thích điện từ (EMC): Giúp đèn LED hoạt động bình thường trong môi trường điện từ và không gây nhiễu đến hệ thống thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7186:2010/ CISPR 15:2009)
- Khả năng chịu xung đột biến điện áp cao: Bảo vệ đèn khỏi tác động của các xung điện áp cao gây ra bởi các thiết bị khác (Đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 8241-4-5:2009/ IEC6100-4-5:2005)

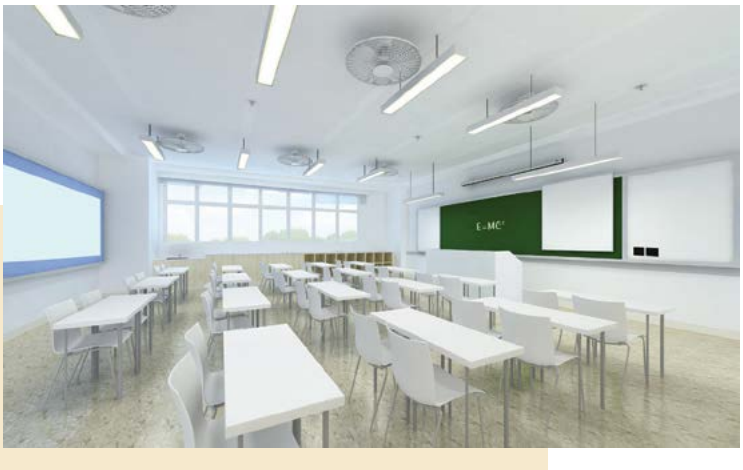

BỘ ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG LỚP HỌC**

T8 TT01 CSLH /20Wx2

PHÂN BỐ QUANG

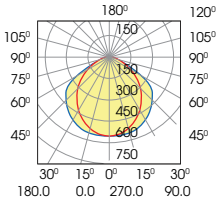

LƯỚI ĐỘ RỌI

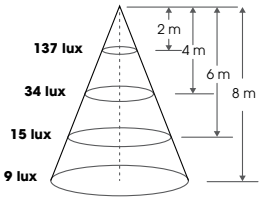

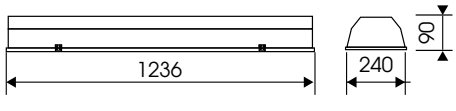

T8 CSLH/20Wx2

PHÂN BỐ QUANG

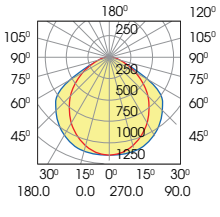

LƯỚI ĐỘ RỌI

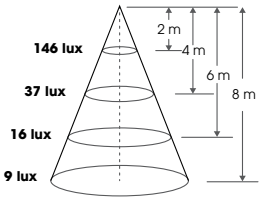

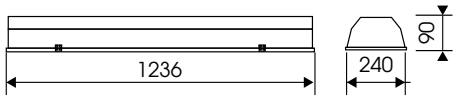

T8 TT01 CSLH/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

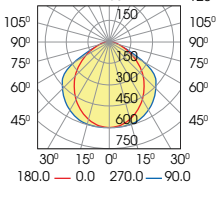

LƯỚI ĐỘ RỌI

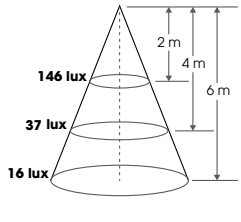

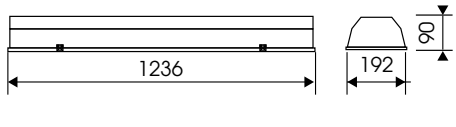

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 TT01 CSLH /20Wx2	20x2	170÷250	0.5	80	3200	3000/4000/5000/6500	82	20000	1236x240x90
T8 CSLH/20Wx2	20x2	150÷250	0.5	73	2000	3000/4000/5000/6500	82	30000	1236x240x90
T8 TT01 CSLH/20Wx1	20	170÷250	0.5	100	2000	3000/4000/5000/6500	82	30000	1236x192x90

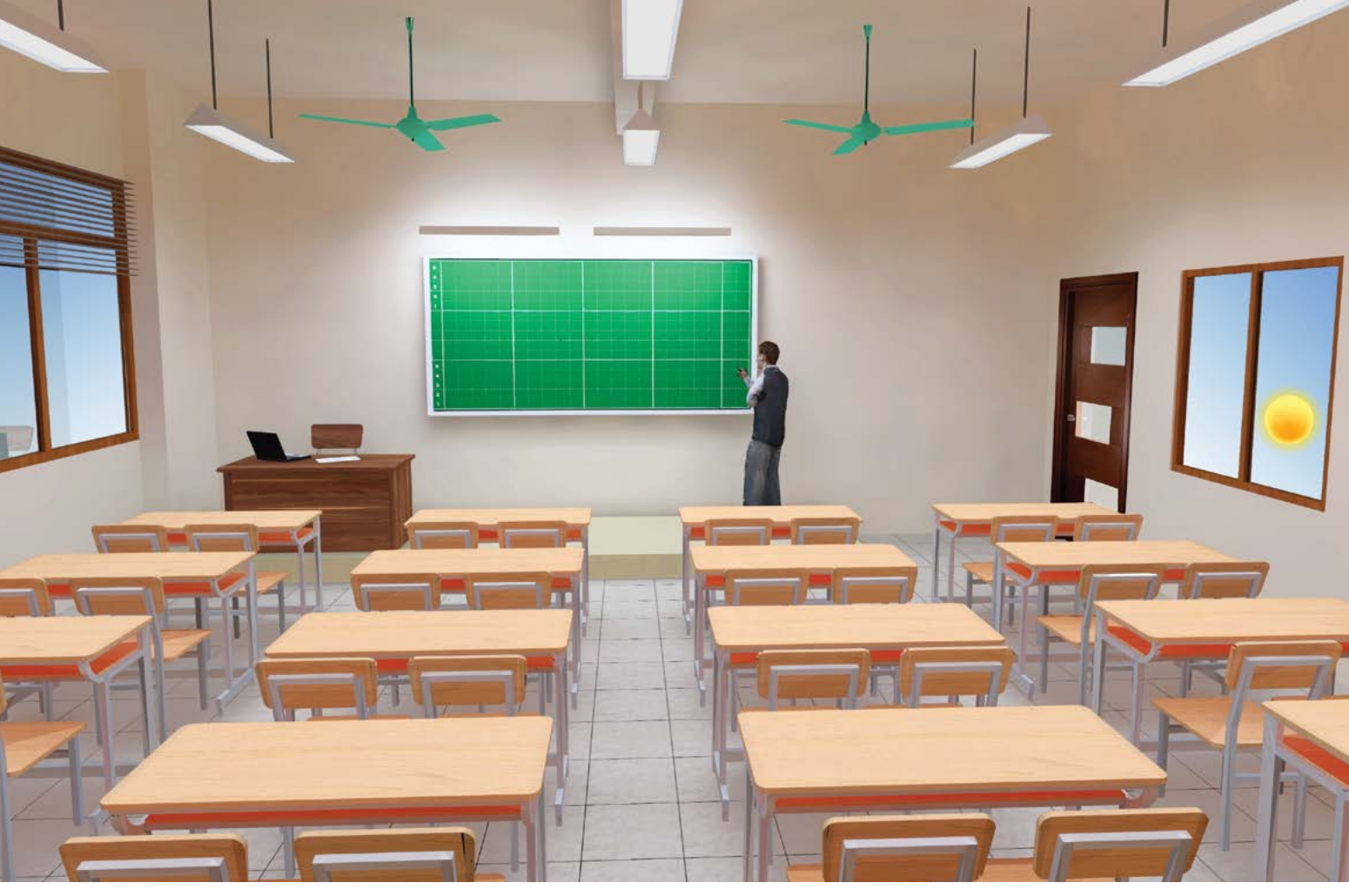

BỘ ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG BẢNG**

T8 TT01 CSBA/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

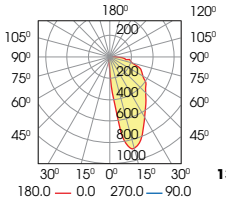

LƯỚI ĐỘ RỌI

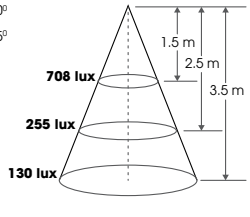

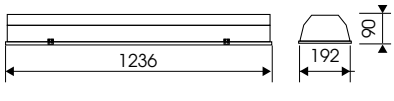

T8 CSBA/20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

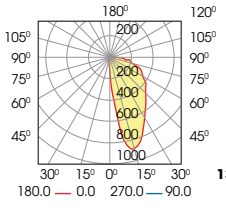

LƯỚI ĐỘ RỌI

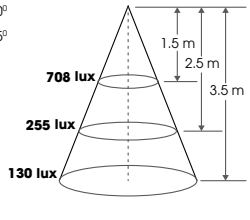

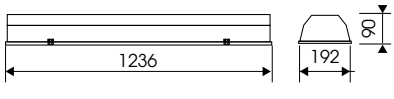

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
T8 TT01 CSBA/20Wx1	20	170÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	20000	1236x192x90
T8 CSBA/20Wx1	20	150÷250	0.5	80	1600	3000/4000/5000/6500	82	30000	1236x192x90

BỘ ĐÈN **LED TUBE HỌC ĐƯỜNG**

CSLH 20Wx1

PHÂN BỐ QUANG

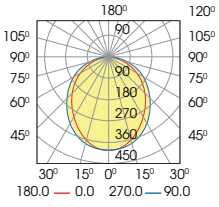

LƯỚI ĐỘ RỌI

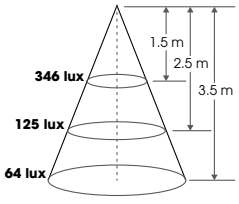

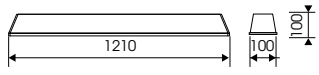

CSBA 1200/18W

PHÂN BỐ QUANG

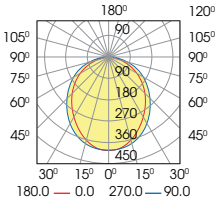

LƯỚI ĐỘ RỌI

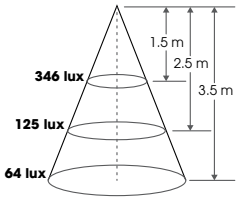

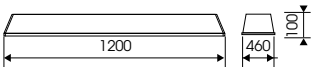

CSLH 1200/36W

PHÂN BỐ QUANG

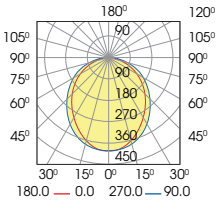

LƯỚI ĐỘ RỌI

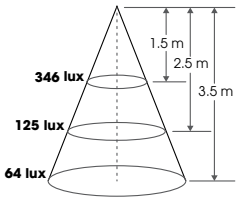

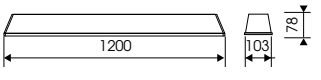

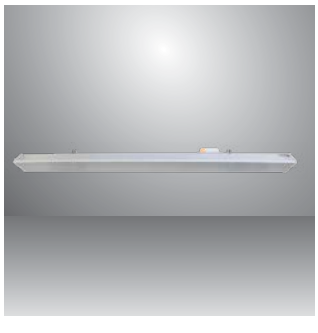

CSLH.LS 1200/36W

PHÂN BỐ QUANG

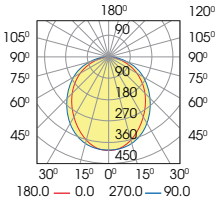

LƯỚI ĐỘ RỌI

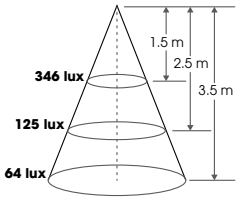

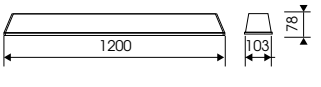

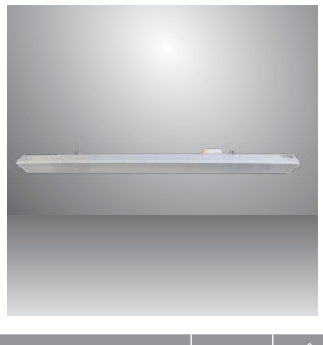

CSLH.LS 1200/36W.HCL

PHÂN BỐ QUANG

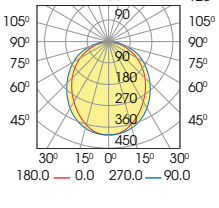

LƯỚI ĐỘ RỌI

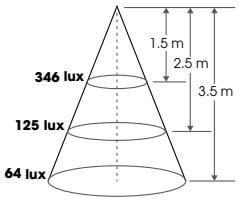

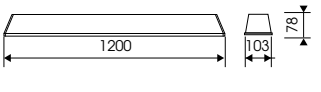

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Kích thước (DxRxC)
	W	V		lm/W	lm	K		Giờ	mm
CSLH 20Wx1	20	150÷250	0.9	100	2000	5000/6500	80	30000	1210x100x100
CSBA 1200/18W	18	170÷250	0.9	94	1700	5000/6500	80	30000	1200x460x100
CSLH 1200/36W	36	170÷250	0.9	105	3780	5000/6500	85	30000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W	36	170÷250	0.9	105	3780	-	85	30000	1200x103x78
CSLH.LS 1200/36W.HCL	36	170÷250	0.9	105	3780	-	85	30000	1200x103x78

Chiếu sáng danh lam thắng cảnh

Chiếu sáng biển quảng cáo

Chiếu sáng công viên

NHÓM SẢN PHẨM

ĐÈN LED NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Sử dụng chip LED SMD/LED hiệu suất cao, tuổi thọ cao 50000 giờ, giảm chi phí thay thế và bảo trì
- Sử dụng Pin lưu điện công nghệ Lithium LiFePO4 an toàn độ tin cậy cao, tuổi thọ dài và tấm Pin năng lượng mặt trời hiệu suất cao, cho phép thu năng lượng trong điều kiện ánh sáng yếu, kích thước nhỏ gọn, dễ lắp đặt, thi công
- Điều khiển tắt bật đèn theo cảm biến ánh sáng môi trường hoặc bằng Remote.
- Đèn hoạt động độc lập, không phụ thuộc đường dây điện nên dễ dàng lắp đặt ở những điểm đường xa, đèo dốc, hải đảo,... những nơi khó kéo điện lưới hoặc điện lưới không ổn định
- Không cần thi công lắp đặt dây điện giúp bảo tồn cảnh quan; an toàn, không bị điện giật
- Bảo vệ môi trường khi sử dụng năng lượng tái tạo, làm giảm khí thải và ô nhiễm không khí,...
- Thích nghi với điều kiện môi trường với chỉ số bảo vệ IP65, IK08 chống sự xâm nhập của nước và bụi hay thời tiết nắng mưa thất thường.

HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Tiết kiệm điện năng, giảm chi phí vận hành và không mất chi phí tiền điện.

ỨNG DỤNG

- Đèn đường chiếu sáng cho các tuyến đường đô thị, đường giao thông chính, đường cao tốc, đường chính huyện, đường liên tỉnh, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng, khu vực thiếu hoặc không có điện lưới,..
- Đèn chiếu pha chiếu sáng công viên, quảng trường, sân vườn, địa điểm công cộng, biển quảng cáo,...

ĐÈN **LED CHIẾU PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CP01SL/70W

Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	3000
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	321x286x66
Cấp bảo vệ:	IP65,IK08
Dimming bằng remote(%):	50/100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/50
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 70W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

CP01SL/90W

Công suất (W):	90
Quang thông (lm):	4600
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	321x286x66
Cấp bảo vệ:	IP65,IK08
Dimming bằng remote(%):	50/100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/65
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 95W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN **LED CHIẾU PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CP02.SL.RF 30W

Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	1200
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	30000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	180x158x52
Cấp bảo vệ:	IP65
Dimming bằng remote(%):	50/100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/15
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20

CP02.SL.RF 50W

Công suất (W):	50
Quang thông (lm):	1500
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	30000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	222x171x52
Cấp bảo vệ:	IP65
Dimming bằng remote(%):	50/100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN **LED CHIẾU PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CP01.SL.RF 50W

Công suất (W):	50
Quang thông (lm):	1700
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	245x210x85
Cấp bảo vệ:	IP65,IK08
Dimming bằng remote(%):	50/100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/25
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

PHỤ KIỆN ĐÈN PHA NLMT

Dây nối dài tấm Solar DN 2mx0.75 CP NLMT 50W

Độ dài (m)	2
Tiết diện dây (mm)	2x0.75

PHỤ KIỆN ĐÈN PHA NLMT

Dây nối dài tấm Solar DN 3mx0.75 CP NLMT 50W

Độ dài (m)	3
Tiết diện dây (mm)	2x0.75

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CSD01.SL.RF 25W

Công suất (W):	25
Quang thông (lm):	2100
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	30000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	500x205x80
Cấp bảo vệ:	IP66,IK08
Chế độ sáng (cấp)	5
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/20
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 25W
Điện áp (V):	6
Tuổi thọ (năm):	>20

CSD01SL/30W

Công suất (W):	30
Quang thông (lm):	3200
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	650x206x73
Cấp bảo vệ:	IP66,IK08
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/50
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 65W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CSD01SL/50W

Công suất (W):	50
Quang thông (lm):	4600
Nhiệt độ màu (K):	3000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	650x206x73
Cấp bảo vệ:	IP66,IK08
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm):	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	3.2/65
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 95W
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

CSD02SL/70W

Công suất (W):	70
Quang thông (lm):	8000
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	755x280x100
Cấp bảo vệ:	IP66,IK08
Dimming bằng remote(%):	50/100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/42
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 100W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

ĐÈN **LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

CSD02SL/100W

Công suất (W):	100
Quang thông (lm):	10500
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	650x206x73
Cấp bảo vệ:	IP66,IK08
Dimming bằng remote(%):	50/100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 130W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

CSD02SL/120W

Công suất (W):	120
Quang thông (lm):	12000
Nhiệt độ màu (K):	5000/6500
Chỉ số hoàn màu:	>70
Tuổi thọ (giờ):	50000
Thời gian chiếu sáng (giờ)	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	755x280x100
Cấp bảo vệ:	IP66,IK08
Dimming bằng remote(%):	50/100
Tính năng:	Cảm biến ánh sáng/ Remote
Kích thước lỗ lắp cần đèn (mm)	60

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/Dung lượng (Ah):	12.8/54
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Mono-crystalline 170W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

BỘ LƯU ĐIỆN **NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI**

LD01.SL/5W

Công suất (W):	5
Quang thông (lm):	250
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ):	>16
Kích thước (DxRxC) (mm):	160x106x175

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	3.2/ 13
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline
Điện áp (V):	5
Tuổi thọ (năm):	>20

LD01.SL/160Wh

Công suất (W):	160
Quang thông (lm):	350
Nhiệt độ màu (K):	6500
Thời gian chiếu sáng (giờ):	12
Kích thước (DxRxC) (mm):	195x102x200

PIN LƯU ĐIỆN

Công nghệ:	Lithium LiFePO4
Điện áp (V)/ Dung lượng (Ah):	12.8/ 12
Tuổi thọ (năm):	>10

TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

Công nghệ:	Poly-crystalline 18V/ 20W
Điện áp (V):	18
Tuổi thọ (năm):	>20

NHÓM SẢN PHẨM

ĐÈN BÀN LED BẢO VỆ THỊ LỰC

Chiếu sáng bàn học cho học sinh

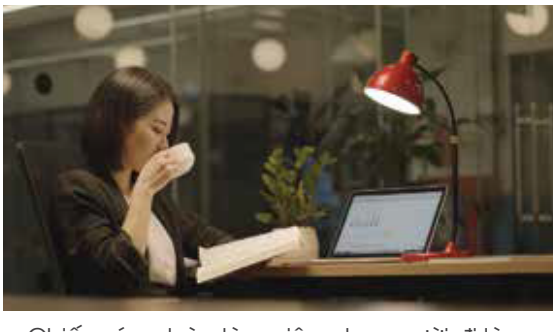

Chiếu sáng bàn làm việc cho người đi làm

Chiếu sáng cho sinh viên

Sản phẩm quà tặng

ƯU ĐIỂM NỔI TRỘI

- Ánh sáng không nhấp nháy, tập trung chiếu xuống bàn làm việc, không chiếu trực tiếp vào mắt người tạo cảm giác tiện nghi và thoải mái
- Tuổi thọ cao 15000 giờ - 30000 giờ, độ tin cậy cao, không hạn chế số lần bật tắt.
- Chất lượng ánh sáng cao (CRI ≥ 80), ánh sáng trung thực tự nhiên tăng khả năng nhận diện màu sắc của vật được chiếu sáng (Đáp ứng Tiêu chuẩn chiếu sáng Việt Nam TCVN 7114:2008)
- Độ rọi trung bình trên bàn học ≥ 500 lux, đảm bảo ánh sáng trên bàn học, bảo vệ thị lực
- Thiết kế sang trọng, màu sắc trang nhã, lịch sự
- Kết cấu linh hoạt, dễ điều chỉnh góc chiếu sáng
- Tích hợp cảm ứng điều chỉnh màu sắc & cường độ ánh sáng theo mục đích sử dụng
- Giảm áp lực phân biệt màu sắc lên mắt. Giảm mệt mỏi căng thẳng khi học nhiều.

ỨNG DỤNG

- Đèn bàn bảo vệ thị lực cho học sinh, sinh viên, người đi làm,…
- Sản phẩm quà tặng ý nghĩa

ĐÈN BÀN LED CẢM ỨNG **BẢO VỆ THỊ LỰC**

RD-RL-20V2 6W

RD-RL-21 6W

RD-RL-22 6W

RD-RL-31 5W

RD-RL-36 6W

RD-RL-38.PLUS 6W

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-20V2 6W	6	150 ÷ 250	-	700	3000 ÷ 6500	80	25000
RD-RL-21 6W	6	170 ÷ 240	-	700	Trắng - Trắng ấm - Vàng	80	25000
RD-RL-22 6W	6	170 ÷ 240	-	700	Trắng - Trắng ấm - Vàng	80	25000
RD-RL-31 5W	5	150 ÷ 250	0.042	500	3000 ÷ 6500	80	15000
RD-RL-36 6W	6	150 ÷ 250	0.08	700	3000 ÷ 6500	80	25000
RD-RL-38.PLUS 6W	6	150 ÷ 250	-	700	2400 ÷ 6000	97	25000

RD-RL-39 7W

RD-RL-41 6W

RD-RL-45 6W

RD-RL-46 6W

RD-RL-60 8W

RD-RL-68 12W

Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-39 7W	Đèn học:7 Đèn ngủ:3	150÷250	0.1	700	Đèn học:2700÷6500 Đèn ngủ: 2700	80	30000
RD-RL-41 6W	6	150÷250	0.08	> 700	3000÷6500	80	25000
RD-RL-45 6W	6	150÷250	0.08	700	3000÷6500	80	25000
RD-RL-46 6W	6	150÷250	0.08	700	3000÷6500	80	25000
RD-RL-60 8W	8	150÷250	0.1	700	3000÷6500	97	25000
RD-RL-68.WF 12W	12	150÷250	0.15	480	2700÷6500	97	25000

ĐÈN BÀN LED **BẢO VỆ THỊ LỰC**

RD-RL-01.V2 5W

RD-RL-16 5W

RD-RL-19 5W

RD-RL-24.V2 5W

RD-RL-25 5W

RD-RL-26 5W

Model	Công suất	Điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-01.V2 5W	5	150÷250	0.07	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-16 5W	5	220	0.05	650	3000/6500	80	15000
RD-RL-19 5W	5	220	0.05	600	3000/6500	80	15000
RD-RL-24.V2 5W	5	220	0.075	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-25 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-26 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20000

ĐÈN BÀN LED **BẢO VỆ THỊ LỰC**

RD-RL-27.V2 5W

RD-RL-32 5W

RD-RL-33 5W

RD-RL-38 6W

RD-RL-40 8W (OC-OB)

RD-RL-40 8W (OC-USB)

Model	Công suất	Điện áp hoạt động	Dòng điện Max	Độ rọi	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ
	W	V	A	Lux	K		Giờ
RD-RL-27.V2 5W	5	220	0.075	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-32 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-33 5W	5	220	0.043	700	3000/6500	80	20000
RD-RL-38 6W	6	220	0.08	500	4000/6500	97	15000
RD-RL-40 8W (OC-OB)	8	220	0.1	900	3000/4000/6500	80	20000
RD-RL-40 8W (OC-USB)	8	220	0.1	900	3000/4000/6500	80	20000

CHỨNG CHỈ VÀ CHỨNG NHẬN

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng của

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Địa điểm áp dụng:
1. Trụ sở chính - Cơ sở sản xuất 1: Số 87-89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
2. Cơ sở sản xuất 2: Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 9001:2015/ ISO 9001:2015

Phạm vi được chứng nhận: Thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm chiếu sáng LED, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điều khiển, thiết bị chiếu sáng thu phát vô tuyến điện và phích nước.

Số Giấy chứng nhận: HT 263/7.20.19

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 28/05/2020 đến ngày 11/07/2021

Ngày chứng nhận lần đầu: 08/12/2001

Ths. Trần Văn Vinh — TS. Phạm Hồng — Ths. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TCVN ISO9001:2015/ISO 9001:2015

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường của

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Địa chỉ: Số 87-89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 14001:2015 / ISO 14001:2015

Phạm vi được chứng nhận: Sản xuất sản phẩm nguồn sáng (LED, CFL, FL) và thiết bị chiếu sáng

Số Giấy chứng nhận: MT 249/2.19.34

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 21/06/2019 đến ngày 20/06/2022

Ths. Trần Văn Vinh — TS. Phạm Hồng — Ths. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
TCVN ISO 14001:2015/ISO 14001:2015

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Năng lượng của

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Trụ sở chính: Số 87- 89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
Cơ sở sản xuất 1: Số 87- 89 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam
Cơ sở sản xuất 2: Khu công nghiệp Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO 50001:2011

Phạm vi được chứng nhận: Sản xuất sản phẩm bóng đèn LED và Thiết bị chiếu sáng LED, bóng đèn CFL, FL và Phích nước;
Ranh giới: Trụ sở chính, Cơ sở sản xuất 1 và Cơ sở sản xuất 2

Số Giấy chứng nhận: NL 020.18.19

Hiệu lực Giấy chứng nhận: từ ngày 04/04/2018 đến ngày 03/04/2021

Ngày chứng nhận lần đầu: 04/04/2018

Ths. Trần Văn Vinh — TS. Phạm Hồng — Ths. Phạm Lê Cường

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam.

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ NĂNG LƯỢNG
ISO 50001:2011

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
BUREAU OF ACCREDITATION (BoA)

Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CHIẾU SÁNG
CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Laboratory:
LIGHTING RESEARCH AND DEVELOPMENT CENTER
RANG DONG LIGHT SOURCE AND VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY
Địa điểm PTN/ Lab location:
87-89 phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của
has been assessed and found to conform with the requirements of
ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực công nhận
Field of Accreditation
ĐIỆN – ĐIỆN TỬ
Electrical - electronic
Mã số
Accreditation No
VILAS 126

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)
VŨ XUÂN THUỶ

Ngày/ Date of Issue: 08/06/2020 (Annex of decision: 513.2020/QĐ-VPCNCL date 08/06/2020)
Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 05/01/2022
Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 07/11/2003

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
VILAS 126

ISO 9001:2015 — ISO 50001:2011 — ISO 14001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG

Trụ sở chính:
Địa chỉ: 87-89 Phố Hạ Đình, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
ĐT: 024 3 8584310/3 8584165
Fax: 024 3 8585038
www.rangdong.com.vn

Cơ sở 2:
KCN Quế Võ, Bắc Ninh
ĐT: 0222 3 617398
Fax: 0222 3 617397

Hotline
19002098

MADE IN VIETNAM